

"ELECTRIC... STACCATO BURSTS
FILLED WITH OF HUMOR AND
TRAGEDY."
—JOJO PICCOLI

THE FAULT IN OUR STARS

JOHN GREEN

NEW
YORK
TIMES
BEST
SELLING
LOOKING
AUTHOR OF FOR ALASKA

Lỗi lầm ở những vì sao

The fault in our stars

John Green

Table of Contents

[1]

[CHƯƠNG MỘT](#)

[CHƯƠNG HAI](#)

[CHƯƠNG BA](#)

[CHƯƠNG BỐN](#)

[CHƯƠNG NĂM](#)

[CHƯƠNG SÁU](#)

[CHƯƠNG BẢY](#)

[CHƯƠNG TÁM](#)

[CHƯƠNG CHÍN](#)

[CHƯƠNG MƯỜI](#)

[CHƯƠNG MƯỜI MỘT](#)

[CHƯƠNG MƯỜI HAI](#)

[CHƯƠNG MƯỜI BA](#)

[CHƯƠNG MƯỜI BỐN](#)

[CHƯƠNG MƯỜI LĂM](#)

[CHƯƠNG MƯỜI SÁU](#)

[CHƯƠNG MƯỜI BẢY](#)

[CHƯƠNG MƯỜI TÁM](#)

[CHƯƠNG MƯỜI CHÍN](#)

[CHƯƠNG HAI MƯỜI](#)

[CHƯƠNG HAI MƯỜI MỐT](#)

[CHƯƠNG HAI MƯỜI HAI](#)

[CHƯƠNG HAI MƯỜI BA](#)

[CHƯƠNG HAI MƯỜI TƯ](#)

[CHƯƠNG HAI MƯỜI LĂM](#)

[\[2\]](#)

[\[3\]](#)

[\[4\]](#)

[\[5\]](#)

[\[6\]](#)

[\[7\]](#)

[\[8\]](#)

[\[9\]](#)

[\[10\]](#)

[\[11\]](#)

[\[12\]](#)

[\[13\]](#)

[\[14\]](#)

[\[15\]](#)

[\[16\]](#)

[\[17\]](#)

[\[18\]](#)

[\[19\]](#)

[\[20\]](#)

[\[21\]](#)

[\[22\]](#)

[\[23\]](#)

[\[24\]](#)

[\[25\]](#)

DUTTON BOOKS

A MEMBER OF PENGUIN GROUP (USA) INC.

Published by the Penguin Group | Penguin Group (USA) Inc., 375 Hudson Street, New York, New York 10014, U.S.A. | Penguin Group (Canada), 90 Eglinton Avenue East, Suite 700, Toronto, Ontario M4P 2Y3, Canada (a division of Pearson Penguin Canada Inc.) | Penguin Books Ltd, 80 Strand, London WC2R 0RL, England | Penguin Ireland, 25 St Stephen's Green, Dublin 2, Ireland (a division of Penguin Books Ltd) | Penguin Group (Australia), 250 Camberwell Road, Camberwell, Victoria 3124, Australia (a division of Pearson Australia Group Pty Ltd) | Penguin Books India Pvt Ltd, 11 Community Centre, Panchsheel Park, New Delhi - 110 017, India | Penguin Group (NZ), 67 Apollo Drive, Rosedale, Auckland 0632, New Zealand (a division of Pearson New Zealand Ltd) | Penguin Books (South Africa) (Pty) Ltd, 24 Sturdee Avenue, Rosebank, Johannesburg 2196, South Africa | Penguin Books Ltd, Registered Offices: 80 Strand, London WC2R 0RL, England

This book is a work of fiction. Names, characters, places, and incidents are either the product of the author's imagination or are used fictitiously, and any resemblance to actual persons, living or dead, business establishments, events, or locales is entirely coincidental.

Copyright © 2012 by John Green

All rights reserved. No part of this book may be reproduced, scanned, or distributed in any printed or electronic form without permission. Please do not participate in or encourage piracy of copyrighted materials in violation of the author's rights.

Purchase only authorized editions. Published simultaneously in Canada.

The publisher does not have any control over and does not assume any responsibility for author or third-party websites or their content.

CIP Data is available.

Published in the United States by Dutton Books, a member of Penguin Group (USA) Inc. 345 Hudson Street, New York, New York 10014

www.penguin.com/teen

Designed by Irene Vandervoort

ISBN 978-1-101-56918-4

DÀNH TẶNG ESTHER EARL

A handwritten signature in black ink, featuring a large, stylized capital letter 'P' followed by a horizontal line extending to the right.

Lúc thủy triều dâng, chú Tulip Hà Lan quay mặt về phía đại dương: “Kết hợp cũng đây hàn gấn cũng đây hủy hoại cũng đây che đậy cũng đây bộc lộ cũng đây. Nhìn nó mà xem, dâng lên rồi rút xuống, cuốn theo tất cả.”

“Cái gì vậy chú?” tôi hỏi.

“Nước,” chú Hà Lan nói. “À, và cả thời gian.”

— PETER VAN HOUTEN, *Nỗi đau tột cùng*.

THE FAULT IN OUR STARS

Copyright © 2012 by John Green

All rights reserved

LỖI LẦM Ở NHỮNG VÌ SAO

Dịch từ nguyên bản tiếng Anh *The Fault in Our Stars* của John Green,

Dutton Books 2012.

Bản dịch tiếng Việt © Nguyễn Huy Hoàng, 2014.

GHI CHÚ CỦA TÁC GIẢ

Đây khó được coi là lời ghi chú của tác giả hơn là lời nhắc lại dòng chữ nhỏ được in cách đây một vài trang trước^[1]: Cuốn sách này là sản phẩm hư cấu. Tôi tưởng tượng ra nó.

Các cuốn tiểu thuyết cũng như độc giả của chúng đều không hưởng lợi ích gì từ việc cố gắng phỏng đoán liệu có bất kỳ sự kiện thực tế nào ẩn sau một câu chuyện hay không. Những nỗ lực như vậy sẽ tấn công chính cái ý nghĩa mà những câu chuyện tưởng tượng có thể đem lại, vốn đã thành một giả định ăn sâu vào máu của giống loài chúng ta.

Tôi trân trọng sự hợp tác của bạn trong vấn đề này.



PHOTO BY TON KOENE, 2009

JOHN GREEN is an award-winning, #1 bestselling author of *Looking for Alaska*, *An Abundance of Katherines*, *Paper Towns*, *Will Grayson*, *Will Grayson*

(with David Levithan), and *The Fault in Our Stars*. His many accolades include the Printz Medal, a Printz Honor, and the Edgar Award. He has twice been a finalist for the *LA Times* Book Prize. With his brother, Hank, John is one half of the Vlogbrothers (youtube.com/vlogbrothers), one of the most popular online video projects in the world. You can join the millions who follow John on Twitter (@[realjohnngreen](https://twitter.com/realjohnngreen)) and tumblr (fishingboatproceeds.tumblr.com) or visit him online at johnngreenbooks.com.

John lives with his wife and son in Indianapolis, Indiana.

Mục lục

CHƯƠNG MỘT

CHƯƠNG HAI

CHƯƠNG BA

CHƯƠNG BỐN

CHƯƠNG NĂM

CHƯƠNG SÁU

CHƯƠNG BẢY

CHƯƠNG TÁM

CHƯƠNG CHÍN

CHƯƠNG MƯỜI

CHƯƠNG MƯỜI MỘT

CHƯƠNG MƯỜI HAI

CHƯƠNG MƯỜI BA

CHƯƠNG MƯỜI BỐN

CHƯƠNG MƯỜI LĂM

CHƯƠNG MƯỜI SÁU

CHƯƠNG MƯỜI BẢY

CHƯƠNG MƯỜI TÁM

CHƯƠNG MƯỜI CHÍN

CHƯƠNG HAI MƯỜI

CHƯƠNG HAI MƯỜI MỐT

CHƯƠNG HAI MƯỜI HAI

CHƯƠNG HAI MƯỜI BA

CHƯƠNG HAI MƯỜI TƯ

CHƯƠNG HAI MƯƠI LĂM

CHƯƠNG MỘT

Cuối mùa đông năm tôi mười bảy, mẹ quả quyết rằng tôi bị trầm cảm, có lẽ vì tôi hiếm khi rời khỏi nhà, suốt ngày bẹp dí trên giường, nhai đi nhai lại một quyển sách, ăn uống thất thường, và dành một đồng thời gian thừa thãi của mình nghĩ về cái chết.

Bất cứ khi nào bạn đọc một cuốn sổ hay một trang web hay bất cứ cái gì đi nữa về ung thư, người ta luôn liệt kê trầm cảm như một trong những ảnh hưởng phụ của căn bệnh này. Nhưng thực tế, trầm cảm không phải là ảnh hưởng phụ của ung thư. Trầm cảm là ảnh hưởng phụ của việc đang chết. (Ung thư cũng là ảnh hưởng phụ của việc đang chết. Hầu hết mọi thứ đều vậy, thật đấy.) Nhưng mẹ tin rằng tôi cần được điều trị nên bà đưa tôi đến gặp Bác sĩ Jim, người cũng đồng ý là tôi quả thực đang lặn ngụp trong một bể trầm cảm làm tê liệt mọi thứ, do đó liệu trình chữa bệnh của tôi cần được điều chỉnh và tôi cũng nên đến tham gia một Nhóm Tương Trợ hàng tuần.

Nhóm Tương Trợ này bao gồm một dàn diễn viên liên tục xoay vòng đóng các nhân vật trong đủ các trạng thái ốm yếu u buồn khác nhau. Tại sao dàn diễn viên lại xoay vòng? Một ảnh hưởng phụ của việc đang chết đấy thôi.

Nhóm Tương Trợ, tất nhiên, chán vô cùng. Chúng tôi gặp nhau mỗi thứ Tư hàng tuần dưới tầng hầm của một nhà thờ Tân giáo được xây bằng đá có hình cây thập tự. Cả nhóm ngồi lại thành một vòng tròn ở giữa cây thập tự, nơi hai chiếc giá từng giao nhau, nơi trái tim của Chúa Giê-su hẳn đã từng ở đó.

Tôi nhận thấy điều này bởi anh Patrick, Trưởng Nhóm Tương Trợ và là người duy nhất trên mười tám trong phòng, cứ lải nhải mãi về trái tim của Chúa Giê-su mỗi buổi họp chết dẫm, về tất cả những chuyện như làm thế nào mà chúng tôi, những bệnh nhân ung thư trẻ tuổi sống sót, lại đang ngồi ngay giữa trái tim thiêng liêng của Ngài và gì gì nữa ấy.

Và đây là những gì đã diễn ra nơi trái tim của Chúa: khoảng sáu hay bảy

hay cả chục đũa chĩa chỗ chúng tôi bước/lấn đến, lướt mắt qua đồng lựa chọn nghèo nàn giữa bánh quy và nước chanh, ngồi xuống chỗ Vòng tròn Niềm tin, và nghe anh Patrick kể lại câu chuyện lần thứ một ngàn về cuộc đời buồn tẻ khốn khổ của mình – rằng anh có khối ung thư trong hai hòn bi và mọi người cứ đinh ninh rằng anh sẽ chết nhưng rồi anh vẫn sống và giờ ở đây, một người lớn hoàn toàn trưởng thành giữa tầng hầm của một nhà thờ trong thành phố xinh đẹp thứ 137 của Mỹ, đã ly dị, nghiện điện tử, chẳng bạn bè, duy trì cuộc sống sơ sài của mình bằng việc khai thác cái quá khứ với căn bệnh ung thư thần thánh, tìm cách dần học lên thạc sĩ, vốn chẳng ích mấy cho sự nghiệp tương lai, chờ đợi, như tất cả chúng tôi, đợi thanh gươm Damocles mang đến sự giải thoát mà anh đã vượt khỏi từ rất nhiều năm trước khi căn bệnh ung thư tước đi cả hai hòn bi của anh nhưng để lại thứ mà chỉ tâm hồn nhân ái nhất mới gọi là mạng sống.

VÀ BIẾT ĐÂU CÁC BẠN CŨNG SẼ MAY MẮN NHƯ THẾ!

Sau đó chúng tôi tự giới thiệu về bản thân: Tên. Tuổi. Chẩn đoán của bác sĩ. Hôm nay thế nào. Tớ là Hazel, tôi sẽ nói thế khi đến phiên mình. Mười sáu tuổi. Mới đầu là ung thư tuyến giáp rồi đâu ngờ đã có cả một ổ di căn định cư lâu lắm rồi trong phổi. Và tớ khỏe re.

Mỗi khi chúng tôi kết thúc vòng tròn của mình anh Patrick lại hỏi xem có ai còn muốn chia sẻ gì thêm không. Rồi sau đó vòng tròn tương trợ bắt đầu: mọi người nói về nào thì cố gắng nào thì tranh đấu nào thì chiến thắng nào thì khối u teo lại nào thì sao chụp. Để công bằng, anh Patrick cũng cho phép chúng tôi nói về cái chết. Nhưng hầu hết chúng tôi sẽ không sớm ra đi. Hầu hết sẽ sống đến khi trưởng thành, như anh Patrick vậy.

(Nghĩa là sẽ có khá nhiều cuộc đua tranh trong nhóm, khi mà mọi người đều không chỉ muốn đánh bại ung thư mà còn muốn hạ luôn cả những người khác. Kiểu như, tôi nhận ra chuyện này thật chẳng hợp tình hợp lý, nhưng khi họ nói bạn có hai mươi phần trăm cơ hội để sống thêm năm năm nữa, bạn nhăm tính và nhận ra nó bằng với một phần năm...rồi bạn nhìn quanh và nghĩ, như bất cứ một người khỏe mạnh nào: mình sẽ sống lâu hơn ít nhất bốn đũa trong đám này.)

Điểm duy nhất gỡ gạc lại cho Nhóm Tương Trợ là một cậu tên Isaac, mặt

dài, gầy nhom với mái tóc thẳng vàng hoe che khuất một bên mắt.

Và đôi mắt của cậu ấy chính là vấn đề. Cậu ấy một căn bệnh ung thư mắt tuyệt đỉnh hiếm gặp. Một bên mắt đã bị lấy đi khi cậu ấy còn là một đứa trẻ, và giờ cậu ấy đeo một cặp kính dày khiến cho đôi mắt (cả thật lẫn giả) đều trông siêu to, giống như nguyên cả cái đầu ấy chỉ có con mắt giả này và con mắt thật này nhìn chăm chăm vào bạn. Từ những gì tôi thu nhặt được vào những lần hiếm hoi Isaac chia sẻ cùng nhóm, một lần bệnh tái phát đã đặt con mắt còn lại của cậu ấy trong tình trạng ngàn cân treo sợi tóc.

Isaac và tôi gần như chỉ trao đổi với nhau qua những tiếng thở dài. Mỗi lần có ai đó thảo luận về vụ ăn kiêng chống ung thư hay hít bột vảy cá mập hay gì đó, cậu ấy chỉ liếc đầu lại phía tôi và thở dài thật khế. Tôi cũng khế lắc đầu và thở dài đáp lại.

Tóm lại là Nhóm Tương Trợ rất chán, và sau vài tuần tôi cảm thấy càng miễn cưỡng hơn về tất cả những chuyện này. Thật ra, vào đúng ngày thứ Tư hôm tôi làm quen với Augustus Waters, tôi đã đấu tranh kịch liệt đòi ra khỏi Nhóm Tương Trợ trong khi ngồi trên ghế sofa với mẹ xem chặng ba của cuộc tranh tài dài những mười hai tiếng của chương trình *America's Next Top Model* mùa trước, mà thú thật tôi đã xem rồi, nhưng kệ.

Tôi: “Con từ chối tham gia Nhóm Tương Trợ.”

Mẹ: “Một triệu chứng của trầm cảm là không thích tham gia vào các hoạt động đấy.”

Tôi: “Mẹ làm ơn cứ để con xem *America's Next Top Model*. Đấy cũng là hoạt động.”

Mẹ: “Xem TV là hoạt động thụ động.”

Tôi: “Ugh, mẹ, làm ơn đi mà.”

Mẹ: “Hazel, con đã lớn rồi nhé. Có phải trẻ con nữa đâu. Con cần phải kết bạn, ra khỏi nhà, sống cuộc sống của con nữa chứ.”

Tôi: “Nếu mẹ muốn con thành người lớn thì đừng đưa con đến Nhóm Tương Trợ ấy nữa. Mua một cái ID[2] giả và để con đến mấy câu lạc bộ, uống vodka và hút cỏ.”

Mẹ: “Mới tập tành thì không *hút* nổi đâu.”

Tôi: “Thấy chưa, đây là những thứ con sẽ biết nếu mẹ mua cho con một cái ID giả.”

Mẹ: “Con vẫn phải đến Nhóm Tương Trợ.”

Tôi: “UGGGGGGGGGGGGGGGG.”

Mẹ: “Hazel, con xứng đáng được hưởng cuộc sống này.”

Câu này làm tôi im bật, dù tôi chẳng hiểu việc tham gia Nhóm Tương Trợ thì liên quan gì đến khái niệm *cuộc sống*. Thành ra tôi vẫn đồng ý đi – sau khi thỏa thuận đòi quyền ghi lại 1,5 tập *ANTM* mà tôi sẽ bỏ lỡ.

Tôi đến Nhóm Tương Trợ cũng cùng lý do với cái lần tôi để mặc mấy chị y tá học đâu có mười tám tháng là tốt nghiệp đầu độc mình với đủ các loại hóa chất có tên rất kỳ cục: Tôi muốn bố mẹ vui lòng. Chỉ có một thứ trên đời này nhức nhối hơn việc chết vì bệnh ung thư năm mươi sáu tuổi, và đó là việc có một đứa con chết vì bệnh ung thư.

Mẹ rẽ vào con đường vòng phía sau nhà thờ lúc 4:56. Tôi vờ vịt nghịch cái bình oxy để giết thời gian.

“Con có muốn mẹ mang vào trong giúp con không?”

“Không, con mang được mà,” tôi đáp. Cái bình hình trụ tròn màu lục này chỉ nặng có vài pound[3], tôi còn có một giá bằng thép để đẩy nó tung tầy quanh mình nữa. Nó cung cấp cho tôi hai lít ôxy mỗi phút qua một ống dẫn khí trong suốt bị tách làm hai ngay dưới cổ, vòng qua hai vành tai rồi chập lại ngay dưới mũi. Thứ kỳ cục này thật ra là cần thiết bởi phổi tôi chán đến nỗi chẳng còn là phổi nữa.

“Mẹ yêu con,” bà nói khi tôi bước xuống xe.

“Con cũng yêu Mẹ. Đón con lúc sáu giờ nhé.”

“Nhớ kết bạn!” bà nói với theo qua khung cửa xe đã hạ xuống trong lúc tôi quay đi.

Tôi không muốn đi thang máy vì đó là một kiểu hoạt động như đã đến Những Ngày Cuối của Nhóm Tương Trợ, thế nên tôi leo lên cầu thang bộ. Tôi nhón lấy một chiếc bánh quy và rót ít nước chanh vào một chiếc cốc Dixie[4] rồi quay ra.

Một anh chàng đang nhìn tôi chăm chăm.

Tôi khá chắc tôi chưa từng gặp cậu ấy trước đây. Chân tay dài lỏng không, cậu ấy khiến chiếc ghế nhựa dành cho học sinh tiểu học đã nhỏ trông còn nhỏ hơn. Tóc màu gỗ gụ, thẳng và ngắn. Cậu ấy trạc tuổi tôi, cũng có thể lớn hơn một tuổi, ngồi tì sát hông vào cạnh ghế, điệu bộ quá ư tù túng, một tay đút hờ trong túi quần jean sẫm màu.

Tôi quay mặt đi, đột nhiên ý thức rõ vô số những thiếu sót của mình. Tôi mặc một chiếc quần jean cũ, ngày xưa còn bó sát người nhưng giờ vải đã bị xố ra ở một số chỗ kỳ quặc, một chiếc áo thun màu vàng quảng cáo cho một ban nhạc mà giờ tôi không còn hâm mộ. Cả tóc nữa: tôi để tóc kiểu con trai[5], và thậm chí chẳng buồn, ừm, chải chúng. Đâu chỉ thế, má tôi phính ra một cách kỳ cục như sóc chuột, một ảnh hưởng phụ của quá trình trị liệu. Tôi

nhìn như một người bình thường cân đối với một cái đầu tròn như quả bóng. Đây là còn chưa kể đến tình trạng hai mu bàn chân sưng húp. Tuy thế – tôi liếc lại nhìn, đôi mắt cậu ấy vẫn dán chặt vào tôi.

Tôi chợt hiểu vì sao người ta gọi đó là là *giao tiếp* qua ánh mắt.

Tôi bước vào trong vòng tròn và ngồi xuống cạnh Isaac, cách anh chàng kia hai ghế. Tôi liếc qua lần nữa. Cậu ấy vẫn đang nhìn tôi.

Xem nào, để tôi thú thực: Cậu ta rất đẹp trai. Nếu một anh chàng nhạt nhẽo cứ chăm chăm nhìn bạn, trường hợp tốt nhất, ngượng nghịu, xấu nhất, một kiểu tra tấn. Nhưng một anh chàng đẹp trai...sao nhỉ.

Tôi rút điện thoại ra và bấm để xem giờ: 4:59. Vòng tròn dần được lấp đầy bởi những bạn mới mười-hai-đến-mười-tám kém may mắn, rồi Patrick bắt đầu với lời nguyện an tĩnh^[6]: *Đức Chúa, xin hãy ban cho con lòng thanh thản để chấp nhận những điều không thể thay đổi, lòng can đảm để đối thay những gì con có thể, và sự khôn ngoan để nhận ra điều khác biệt.* Cậu ấy vẫn đang nhìn tôi. Tôi thấy hơi bối rối.

Cuối cùng, tôi quyết định rằng chiến lược đúng đắn nhất là hãy nhìn lại. Bọn con trai không thể cứ độc quyền giữ cái việc Nhìn Chòng Chọc mãi được. Thế rồi tôi quay sang nhìn cậu ta trong khi anh Patrick lại huyền thuyên lần thứ một ngàn về chuyện bị mất hai hòn bi v.v, cuộc thi xem ai chớp mắt trước bắt đầu. Một lúc sau cậu ta mỉm cười, cuối cùng đôi mắt xanh biếc ấy cũng chịu nhìn qua chỗ khác. Khi cậu ấy quay lại nhìn tôi, tôi nhướn đôi lông mày lên kiểu, *tớ thắng*.

Cậu ta nhún vai. Anh Patrick cứ tiếp tục kể lể cho đến khi tiết mục giới thiệu cuối cùng cũng đến. “Isaac, có lẽ cậu sẽ muốn lên đầu tiên đấy. Anh biết cậu đang đối mặt với một giai đoạn đầy thử thách.”

“Ừm,” Isaac nói. “Tớ là Isaac. Mười bảy tuổi. Có vẻ như là tớ sẽ có một ca phẫu thuật trong đôi ba tuần tới, và sau đó tớ sẽ mù hẳn. Tớ nói thế không phải để kêu ca hay gì đâu vì tớ biết nhiều bạn trong chúng ta còn gặp hoàn cảnh tồi tệ hơn thế, nhưng ừ, bị mù thì cũng chán thật. May mắn là bạn gái tớ

sẽ giúp được phần nào. Cả những cậu bạn như Augustus,” cậu ấy khẽ hất đầu về phía anh chàng kia, mà giờ tôi đã biết tên. “Vậy nên,” Isaac tiếp tục, mặt cúi xuống nhìn hay bàn tay đang đan vào nhau thành hình chiếc lều vải. “Bọn mình không thể làm gì hơn được nữa.”

“Chúng ta ở đây là vì cậu, Isaac,” anh Patrick nói. “Hãy để cậu ấy thấy được điều đó, các bạn.” Tất cả chúng tôi cùng cất giọng đều đều, “Chúng ta ở đây là vì cậu, Isaac.”

Tiếp theo là Michael. Em ấy mới mười hai. Em ấy mắc bệnh ung thư máu. Lúc nào em ấy cũng bị ung thư máu. Em vẫn ổn. (Là em nói thế, em ấy đi thang máy.)

Lida mười sáu tuổi, khá xinh xắn, đủ để lọt vào mắt xanh của anh chàng bánh trai lúc nãy. Bạn ấy ở đây lâu rồi – căn bệnh ung thư ruột thừa thuyên giảm đã lâu, tôi còn không biết có cả ung thư ruột thừa trước đó. Bạn ấy nói – vẫn như mọi lần tôi đến Nhóm Tương Trợ – rằng bạn ấy luôn cảm thấy *manh mẽ*, nghe như vẻ khoe mẽ trong khi tôi bị hai đầu ống dẫn ôxy cù vào lỗ mũi.

Thêm năm bạn nữa rồi đến lượt anh chàng kia. Cậu ấy khẽ cười khi đến lượt mình. Giọng cậu ấy trầm, hơi đục và quyến rũ chết người. “Tên mình là Augustus Waters,” cậu ấy nói, “Mình mười bảy, mình chớm bị u xương ác tính cách đây một năm rưỡi, và hôm nay mình đến đây theo yêu cầu của Isaac.”

“Cậu thấy sao?” anh Patrick hỏi.

“Ồ, tuyệt lắm.” Augustus Waters khẽ nhếch miệng cười. “Em ở trên chiếc tàu lượn chỉ có mỗi hướng đi lên thôi ấy, anh giai.”

Khi đến lượt mình, tôi nói, “Tớ là Hazel. Mười sáu tuổi. Ung thư tuyến giáp di căn trong phổi. Tớ ổn.”

Một giờ trôi qua nhanh chóng: Những trận chiến được nhắc lại, chiến thắng vẫn xảy đến trong những cuộc chiến tranh cầm chắc thất bại; niềm hi vọng

được níu giữ; những gia đình vừa mừng vừa tủi; những đứa bạn cùng lứa chẳng bao giờ thấu hiểu; những giọt nước mắt bật ra; những lời an ủi gửi tới. Cả Augustus và tôi đều không nói gì cho đến khi anh Patrick nói, “Augustus, có lẽ cậu cũng muốn chia sẻ về những nỗi sợ hãi của cậu tới cả nhóm chứ.”

“Nỗi sợ hãi của em?”

“Ừ.”

“Em sợ sự quên lãng,” cậu ấy trả lời ngay tắp lự. “Em sợ nó như người ta vẫn nói những người mù sợ bóng tối.”

“Chắc chưa,” Isaac nói, bật ra một nụ cười.

“Động chạm gì mà ỳ à?” Augustus hỏi lại. “Tao có khi cũng hoàn toàn mù tịt về cảm giác của người khác ấy chứ.”

Isaac vẫn cười, nhưng anh Patrick đưa ngón tay ra dấu trật tự rồi tiếp tục, “Augustus, thôi nào. Ta quay lại với *cậu* và vấn đề *của cậu* chứ. Cậu nói cậu sợ sự quên lãng đúng không?”

“Vâng,” Augustus đáp.

Anh Patrick có vẻ hơi bối rối. “Có, ừ, bạn nào muốn chia sẻ thêm điều gì về nỗi sợ này không?”

Tôi không đến trường đúng nghĩa đã ba năm nay. Bố mẹ là hai người bạn thân nhất của tôi. Người bạn thứ ba là một tác giả thậm chí còn không biết tôi có tồn tại trên đời. Tôi khá nhút nhát – không phải kiểu người thích ý kiến.

Tuy nhiên, chỉ lần này thôi, tôi quyết định lên tiếng. Tôi rụt rè giơ cánh tay lên và anh Patrick, vui mừng ra mặt, ngay lập tức gọi, “Hazel!” Tôi đã, tôi chắc anh ấy tưởng thế, cười mở hơn. Trở Thành Một Phần Của Nhóm.

Tôi đưa mắt nhìn Augustus Waters, cậu ấy cũng đang nhìn tôi. Gần như có thể nhìn xuyên qua được đôi mắt màu xanh biếc ấy. “Sẽ có một lúc nào đó,” tôi cất tiếng, “khi tất cả chúng ta đều đã chết. Tất cả chúng ta. Sẽ có một lúc nào đó mà chẳng còn ai sống sót để nhớ về bất cứ người nào từng tồn tại hay nhớ xem loài người chúng ta đã làm được những gì. Sẽ chẳng còn ai nhớ đến Aristotle hay Cleopatra[7] nữa là bạn. Tất cả mọi thứ chúng ta đã từng làm nên, gây dựng, viết ra, suy tưởng, khám phá sẽ bị lãng quên, và tất cả mọi thứ” – tôi huơ tay – “sẽ đều trở thành con số không tròn trĩnh. Có thể thời điểm đó sắp tới đây, cũng có khi là hàng triệu năm nữa, nhưng kể cả dù có sống sót qua ngày mặt trời tắt lịm, chúng ta cũng không thể tồn tại mãi mãi. Thời gian đã có trước khi chúng ta có được ý thức, và vẫn tồn tại sau đó. Nếu cái sự lãng quên không thể tránh khỏi ấy làm bạn lo lắng, tôi khuyên bạn hãy kệ nó đi thôi. Chúa biết đó là cách người ta vẫn làm.”

Tôi học được điều này từ người bạn thân thứ ba tôi đã kể ở trên, Peter Van Houten, tác giả ẩn dật của *Nỗi đau tốt cùng*, cuốn sách tôi gìn giữ như thể Kinh Thánh. Peter Van Houten dường như là người duy nhất tôi tình cờ biết được (a) hiểu thế nào là đang chết và (b) vẫn chưa chết.

Sau khi dứt lời, không khí trở nên im ắng cho đến khi tôi nhận thấy một nụ cười nở rộng trên khuôn mặt của Augustus – không phải nụ cười khểnh của anh chàng cố tỏ ra quyến rũ khi liếc nhìn tôi, mà là một nụ cười thực sự, quá lớn so với gương mặt cậu ấy. “Chúa ơi,” Augustus khẽ kêu lên. “Cậu là giống gì vậy.”

Không một ai nói gì thêm trong suốt khoảng thời gian còn lại của Nhóm Tương Trợ. Cuối cùng, tất cả chúng tôi cùng nắm tay, cầu nguyện theo anh Patrick. “Lạy Chúa Giê-su, chúng con hôm nay tụ họp ở đây trong trái tim của Người, *theo đúng nghĩa đen là ngay trong trái tim Người*, những bệnh nhân ung thư còn sống sót. Ngài và chỉ Ngài mới biết rõ chúng con như chính chúng con biết về bản thân mình. Xin hãy dẫn đường và soi rọi Ánh sáng cho chúng con vượt qua thử thách này. Chúng con cầu nguyện cho đôi mắt của Isaac, cho máu của Michael và Jamie, cho xương của Augustus, cho phổi của Hazel và cho vòm họng của James. Chúng con cầu nguyện Ngài có thể chữa lành và cho chúng con cảm nhận được tình yêu của Ngài, bình an của Ngài, những thứ vượt xa khỏi mọi tầm hiểu biết. Và chúng con xin ghi nhớ trong tim những người bạn chúng con hết lòng thương mến, những người bạn đã trở về dưới mái nhà bên Người: Maria và Kade và Joseph và Haley và Abigail và

Angelina và Taylor và Gabriel và...”

Danh sách vẫn kéo dài. Thế giới này chứa toàn người chết. Trong khi giọng anh Patrick đều đều cất lên từng người trong danh sách được viết sẵn trên một tờ giấy vì nó quá dài không thể nhớ hết, tôi nhắm đôi mắt lại, cố gắng nghĩ về những lời cầu nguyện nhưng hầu hết chỉ hiện lên hình ảnh cái ngày mà rốt cục tên tôi cũng tìm được đường lên danh sách đó, ở tận cuối khi mọi người chẳng buồn nghe nữa.

Sau khi anh Patrick dứt lời, tất cả chúng tôi đều hô lên một câu thần chú ngớ ngẩn – HÃY SỐNG TỐT NHẤT CHO NGÀY HÔM NAY – và thế là kết thúc. Augustus Waters nhắc mình ra khỏi ghế và bước qua chỗ tôi. Dáng đi của cậu ấy cũng cong cong như nụ cười. Cậu ấy đứng chắn trước mặt tôi, nhưng vẫn giữ khoảng cách để tôi không phải nghển cổ lên mới nhìn được vào mắt cậu ấy. “Cậu tên gì?” cậu ấy hỏi.

“Hazel.”

“Không, tên đầy đủ cơ.”

“Ừm, Hazel Grace Lancaster.” Cậu ấy đang định nói gì đó thì Isaac bước tới. “Chờ nhé,” Augustus nói, giơ một ngón tay lên rồi quay về phía Isaac. “Thật sự là mọi thứ tệ hại hơn mày tưởng đấy.”

“Tao đã bảo nó thật chán mà.”

“Sao mày phải bận tâm thế nhỉ?”

“Tao không biết. Có giúp được gì không?”

Augustus ngả người qua nên nghĩ tôi không nghe thấy gì hết. “Cô ấy là ma cũ à?” Tôi không thể nghe thấy câu trả lời của Isaac, nhưng Augustus đáp lại, “Tao sẽ nói.” Cậu ấy siết chặt hai vai Isaac rồi lùi lại nửa bước. “Kể chuyện ở phòng khám với Hazel đi.”

Isaac chống một tay vào chiếc bàn bày bánh và hương con mắt không lơ về phía tôi. “Được rồi, tớ đã đến phòng khám sáng nay và bảo bác sĩ là cháu thà điếc còn hơn bị mù. Rồi ông ta bảo, ‘Mọi chuyện sẽ không như thế,’ và rồi tớ đáp đại loại, ‘Vâng, cháu biết mọi chuyện sẽ không như thế; cháu chỉ nói là cháu thà bị điếc còn hơn là bị mù nếu cháu có lựa chọn, mà cháu nhận ra là cháu không có lựa chọn nào hết,’ rồi ông ta nói, ‘Chà, tin tốt là cháu sẽ không bị điếc,’ và tớ thì, ‘Cảm ơn bác vì đã giải thích cho cháu biết là ung thư mắt sẽ không làm cháu bị điếc. Cháu cảm thấy thật may mắn khi được cả một bầu trời trí tuệ như bác đây rủ lòng phẫu thuật cho.’”

“Nghe về ông ấy đã thắng thế,” tôi nói. “Tớ phải cố gắng mắc ung thư mắt để làm quen mới được.”

“Chúc cậu may mắn. Được rồi tớ phải đi đã, Monica đang đợi. Tớ phải ngăn cô ấy thật nhiều khi còn có thể.”

“Mai chơi Counterinsurgence không?” Augustus hỏi.

“Tất nhiên.” Isaac vừa ngoái đầu lại vừa chạy lên cầu thang.

Augustus Waters quay sang tôi. “Theo đúng nghĩa đen,” cậu ấy bảo.

“Nghĩa đen gì cơ?” tôi hỏi lại.

“Chúng ta đang ở ngay trái tim của Chúa theo đúng nghĩa đen,” cậu ta đáp. “Tớ đã nghĩ là chúng ta ở dưới tầng hầm của nhà thờ, nhưng thực sự là chúng ta đang ở ngay trong trái tim của Chúa.”

“Ai đó nên nói với Ngài đi,” tôi bảo. “Ý tớ là thật nguy hiểm khi chứa những đứa trẻ bị ung thư ngay trong trái tim mình.”

“Tớ sẽ tự nói với Ngài,” Augustus nói, “nhưng thật không may là tớ đang bị kẹt giữa trái tim Ngài, theo đúng nghĩa đen, thế thì Ngài nghe tớ nói làm

sao được,” tôi cười. Cậu ấy lắc đầu nhìn tôi.

“Sao thế?” Tôi hỏi.

“Không có gì,” cậu ấy đáp.

“Thế sao cậu cứ nhìn mình như thế?”

Augustus cười mỉm. “Vì cậu thật đẹp. Tôi thích ngắm nhìn những người xinh đẹp, và tôi vừa quyết định ngay một tích tắc trước rằng không thể từ chối những niềm vui sống giản đơn này được.” Một bầu tĩnh lặng bao trùm sau đó. Augustus phá tan khoảnh khắc khó xử bằng việc giải thích: “Nhất là khi cậu đã xuất sắc chỉ ra rằng, tất cả những việc này và mọi thứ cuối cùng sẽ chìm trong quên lãng.”

Tôi phần thì hơi ghen phần thì thở dài phần thì hắt ra một tiếng ho yếu ớt: “Tôi không đẽ—.”

“Cậu giống như Natalie Portman phiên bản cuối thế kỷ hai mươi. Natalie Portman trong phim *V for Vendetta*.”

“Chưa xem bao giờ,” tôi đáp.

“Thật à?” cậu ta hỏi lại. “Một cô nàng cắt tóc kiểu Pixie^[8] lộng lẫy chán ghét chính quyền và không thể ngừng đâm đầu vào một anh chàng dù biết là rắc rối to. Như là cuốn tự truyện của cậu ấy, tớ chỉ có thể nói vậy.”

Mọi âm tiết của cậu ấy đều nghe vẻ đầy tán tỉnh. Thành thực thì cậu ấy cũng làm tôi thấy phấn khích. Tôi thậm chí còn không nghĩ bọn con trai có thể làm tôi thấy phấn khích – không phải trong đời thực này.

Một cô bé trẻ tuổi hơn đi ngang qua chỗ chúng tôi. “Em thế nào Alisa?” cậu ta hỏi. Cô bé mỉm cười và mấp má, “Chào anh, Augustus.” “Bên viện Memorial,” cậu ấy giải thích. Memorial là một bệnh viện nghiên cứu lớn.

“Cậu ở viện nào?”

“Viện Nhi,” tôi lí nhí, giọng nhỏ hơn rất nhiều so với tôi mong đợi. Cậu ấy gật đầu. Câu chuyện có vẻ đến đây là kết thúc. “Ừm,” tôi nói, khẽ hất đầu về phía những bậc cầu thang dẫn ra khỏi Trái Ttciênng mày, sống trong một tuần nữa thôi, tôi sẽ biết được những bí mật chưa từng được viết ra về mẹ của Anna và chú Tuim Đích Thực Của Chúa. Tôi nghiêng cái giá đứng trên những bánh xe của nó và bắt đầu bước ra. Cậu ấy khập khễnh theo tôi. “Vây, gặp cậu sau nhé, chắc thế?” Tôi hỏi.

“Cậu nên xem nó,” cậu ấy nói, “*V for Vendetta* ấy.”

“Được rồi,” tôi đáp. “Tớ sẽ tìm sau.”

“Không. Xem cùng tớ. Ở nhà tớ,” cậu ta bảo. “Bây giờ.”

Tôi đứng ngay lại. “Tớ còn chưa biết gì về cậu, Augustus Waters. Nhờ cậu là kẻ chuyên giết người bằng rìu thì sao.”

Cậu ấy gật đầu. “Cũng phải, Hazel Grace,” cậu ấy bước qua tôi, đôi vai vừa khít chiếc áo đan polo màu lục, thẳng lưng, từng bước nhịp nhàng hơi nghiêng qua phải khi cậu ấy đi, vững chãi và đầy tự tin trên thứ mà tôi chắc là một cái chân giả. Bệnh u xương ác tính đôi khi lấy mất một chi của bạn để thử thách. Và nếu thích bạn, nó sẽ lấy luôn cả phần còn lại.

Tôi theo cậu ấy lên cầu thang, tuột lại phía sau vì tôi phải đi khá chậm, leo cầu thang không phải lĩnh vực mà hai lá phổi của tôi có thể đảm nhận. Sau đó chúng tôi ra khỏi trái tim của Chúa và đứng lại chỗ bãi đậu xe, tiết xuân se lạnh một cách hoàn hảo, nắng chiều muộn rực rỡ như thiên đường trong cơn đau.

Mẹ vẫn chưa đến, điều này thật lạ vì mọi khi Mẹ đều ở đó đợi tôi. Tôi nhìn xung quanh và bắt gặp một cô gái dong dỏng cao, thân hình quyến rũ với làn da bánh mật bị Isaac ép chặt vào bức tường đá của nhà thờ, đang hôn cậu ấy cuồng nhiệt. Họ đứng gần tôi đến nỗi tôi có thể nghe thấy âm thanh kỳ cục từ

hai đôi môi đang quăn lấy nhau, và tôi có thể nghe thấy cậu ấy nói, “Luôn luôn,” và cô gái kia cũng nói, “Luôn luôn,” để đáp lại.

Đột nhiên đứng lại bên cạnh tôi, Augustus nửa thì thầm: “Hai đứa nó rất thích thể hiện tình cảm nơi công cộng[9].”

“‘Luôn luôn’ với cái gì cơ?” Tiếng họ hôn nhau ngày càng lớn.

“Luôn luôn là câu chuyện của chúng nó. Hai người sẽ *luôn luôn* yêu thương nhau, đại loại thế. Dè dặt mà đoán thì tớ nghĩ chúng đã nhắn cái từ *luôn luôn* cho nhau khoảng bốn triệu lần trong năm ngoái.”

Hai chiếc ô tô nữa vừa tới, đón Michael và Alisa đi. Chỉ còn lại Augustus và tôi, đứng nhìn Isaac và Monica càng ngày càng mãnh liệt như thể họ không phải đang dựa vào một chốn linh thiêng. Bàn tay cậu ấy lần xuống ngực Alisa qua lớp vải áo và cứ thế mân mê nó, lòng bàn tay vẫn để nguyên như vậy trong khi các ngón tay bắt đầu lả lướt xung quanh. Tôi chẳng biết chuyện đó có gì thích thú không nữa. Chắc là không, nhưng tôi quyết định tha thứ cho Isaac vì cậu ấy sắp không nhìn thấy gì nữa. Dù gì các giác quan cũng cần được thỏa mãn chừng nào người ta vẫn còn khát khao ham muốn.

“Hãy tưởng tượng như là lần cuối cùng cậu lái xe đến bệnh viện,” tôi lặng lẽ nói. “Lần cuối cùng cậu được cầm lái một chiếc xe.”

Chẳng quay sang nhìn tôi, Augustus đáp, “Cậu đang giết chết sự rung cảm trong tớ đấy, Hazel Grace. Tớ đang cố ngắm nhìn tình yêu tươi trẻ trong vẻ ngượng ngịu đẹp đẽ của nó.”

“Tớ nghĩ cậu ấy đang làm đau ngực cô ấy kia,” tôi bảo.

“Ừ, cũng khó để xác định xem nó đang cố kích thích hay chỉ tiến hành một bài kiểm tra với ngực cô nàng.” Sau đó Augustus Waters lần vào trong túi áo rồi lôi ra trong một đồng đủ các thứ một hộp thuốc lá. Cậu ta bật nắp hộp ra và lấy một điếu đặt giữa đôi môi.

“Cậu đùa à?” tôi hỏi. “Cậu nghĩ thế hay lắm sao? Ôi Chúa ơi cậu vừa làm hỏng hết *mọi chuyện*.”

“Mọi chuyện gì cơ?” cậu ta hỏi, quay người sang tôi. Điều thuốc chưa châm đúng đưa nơi khoe miệng không cười.

“Mọi chuyện bắt đầu từ một anh chàng không phải không hấp dẫn không phải không thông minh không phải không có vẻ bằng một cách nào đấy không thể chấp nhận được nhìn chăm chăm vào tôi chỉ ra cách dùng sai của từ đúng theo nghĩa đen rồi so sánh tôi với diễn viên điện ảnh rồi mời tôi xem phim ở nhà. Rồi thì tất nhiên luôn luôn có *cố tật*^[10] và của cậu là ôi Chúa ơi, cả khi cậu mặc UNG MẸ NÓ THU' cậu vẫn vung tiền vào mấy cái công ty để đổi lấy cái cơ hội giành THÊM UNG THU' NỮA. Ôi Chúa ơi. Để tôi nói cho cậu biết không thể nào thở được nhé? TỐM. Hoàn toàn thất vọng. *Hoàn toàn*.”

“*Cố tật*?” cậu ta hỏi, điều thuốc vẫn ngậm trong miệng. Hai hàm răng cắn chặt. Cậu ta có quai hàm thật nam tính, khổ quá.

“Một thói xấu khủng khiếp,” tôi giải thích, quay lưng đi. Tôi bước về phía lề đường, bỏ lại Augustus Waters lại đằng sau, rồi tôi nghe tiếng ô tô chạy đến. Đó là Mẹ. Có lẽ bà đã chờ để tôi, ừm, kết bạn hay gì đó.

Tôi thấy cảm giác pha trộn kỳ lạ giữa nỗi thất vọng và sự giận dữ dâng lên trong lòng. Tôi thậm chí không biết chính xác cảm giác đó là gì, thực sự, chỉ biết là nó *trào dâng* dữ dội, tôi muốn thui Augustus Waters một cái và thay luôn lá phổi của mình bằng lá phổi không quá tệ để làm phổi. Tôi đứng mấp mé trên lề đường với đôi giày Chuck Taylors của mình, bình ôxy như hình với bóng nằm trên giá đỡ ngay bên cạnh, và ngay khi mẹ rẽ xuống tôi thấy một bàn tay nắm lấy mình.

Tôi giật phắt tay ra nhưng lại quay người về phía cậu ta.

“Chúng không giết chết cậu trừ khi cậu đốt cháy chúng,” cậu ta nói trong khi Mẹ tấp xe vào lề đường, “Và tớ chưa bao giờ châm một điếu nào hết. Đây chỉ là phép ẩn dụ, thấy không: Cậu đặt cái thứ chết người này vào ngay giữa hai hàm răng, nhưng cậu không cho nó sức mạnh để giết được ai cả.”

“Một phép ẩn dụ,” tôi nói, ngờ vực. Mẹ vẫn để xe nổ máy.

“Một phép ẩn dụ,” cậu ta trả lời.

“Và cậu chọn cách cậu ứng xử dựa trên các ý nghĩa ẩn dụ của chúng...” tôi nói.

“Ồ, đúng thế.” Cậu ta cười. Một nụ cười thực sự, toe toét và ngờ nghệch. “Tớ là một tín đồ lớn của phép ẩn dụ, Hazel Grace.”

Tôi quay ra chiếc xe. Gõ cái cửa sổ. Nó hạ xuống. “Con sẽ đi xem phim với Augustus Waters,” tôi nói. “Mẹ nhớ ghi lại hết các tập của cuộc đua lần sau trong chương trình *ANTM* cho con nhé.”

CHƯƠNG HAI

Augustus lái xe một cách kinh dị. Cứ mỗi lần dừng lại hay chuyển bánh mọi thứ lại bắt đầu XÓC khủng khiếp. Tôi lao ra phía trước rồi bị dây an toàn của chiếc Toyota SUV giữ lại mỗi lần cậu ấy phanh còn cổ thì giật lại đằng sau mỗi lần nhấn ga. Đáng nhẽ tôi phải lo lắng – ngồi trong xe với một anh chàng lạ hoặc trên đường đến nhà cậu ta, nhận thức sâu sắc việc hai lá phổi lung lẻo đang nỗ lực hết sức để đề phòng những lời phỉnh phờ – nhưng khả năng lái xe của cậu ấy tệ phát sợ nên tôi chẳng còn nghĩ được gì khác.

Sau khi đi khoảng một dặm đường trong im lặng ngọt ngào, Augustus nói, “Tớ thi lấy bằng trượt đến ba lần đấy.”

“Còn phải khoe à.”

Cậu ấy cười, gật đầu. “Thì tớ không thể cảm nhận được áp lực với cái Chân giả cũ, và tớ không thể làm quen với việc lái xe bằng chân trái. Bác sĩ nói đa phần những người khuyết chi đều không gặp trở ngại gì khi lái xe, nhưng...ờ. Trừ tớ. À tớ đã thi lấy bằng lần thứ tư, và mọi chuyện vẫn y như vậy.” Chiếc đèn giao thông còn cách những nửa dặm nữa chuyển sang màu đỏ. Augustus đạp phanh, tôi văng ra đằng trước khiến cái dây an toàn căng ra thành hình tam giác.”Tớ xin lỗi. Thề có Chúa tớ đang cố hết sức nhẹ nhàng. À dù sao thì cuối buổi thi bằng tớ đã nghĩ sẽ trượt nữa cơ, nhưng mà ông giám thị nói đại loại ‘Cậu lái không được êm lắm, nhưng nghiêm túc mà nói thì không phải không an toàn.’”

“Không chắc tớ đồng ý thế,” tôi nói. “Tớ nghĩ đấy là Đặc Quyền Ung Thư.” Đặc Quyền Ung Thư là những thứ vặt vãnh dành cho những đứa trẻ bị ung thư mà đa số các bạn cùng lứa không có: quả bóng rổ có chữ ký của các siêu sao, nộp bài muộn mà không bị phạt, hay chẳng thi mà vẫn được cấp bằng lái xe, v.v.

“Ừm,” cậu ấy đáp. Đèn chuyển sang màu xanh. Tôi tự trấn an mình.

Augustus nhần ga.

“Bạn có biết có loại điều khiển cầm tay dành cho những người không thể sử dụng chân không,” tôi gợi ý.

“Ừ,” cậu ấy đáp. “Một ngày nào đó.” Cách cậu ấy thờ dài khiến tôi băn khoăn cậu có tin vào *một ngày nào đó* không. Tôi biết u xương ác tính có khả năng chữa được, nhưng biết đâu đấy.

Có rất nhiều cách để biết ai đó kỳ vọng sẽ sống được thêm bao lâu mà không phải *hỏi thẳng*. Tôi dùng cách cổ điển: “Thế cậu vẫn đến trường chứ?” Thông thường bố mẹ sẽ nghĩ bạn không cần đến trường nữa khi họ không còn hi vọng.

“Ừ,” cậu ấy đáp. “Trường North Central. Dù sao cũng muộn một năm: tớ đang năm hai. Cậu?”

Tôi định nói dối. Nói cho cùng chẳng ai thích một xác chết cả. Nhưng cuối cùng thì tôi vẫn nói sự thật. “Không, bố mẹ cho tớ nghỉ học cách đây ba năm rồi.”

“Ba năm?” cậu ấy hỏi, vô cùng ngạc nhiên.

Tôi kể qua loa với Augustus về phép màu của đời mình: chẩn đoán ung thư tuyến giáp giai đoạn IV năm mười ba tuổi. (Tôi không kể với cậu ấy việc tôi biết mình bị ung thư sau lần đầu có kinh nguyệt chỉ ba tháng. Kiểu như: Chúc mừng! Bạn đã là một thiếu nữ. Giờ thì chết đi.) Và nó, như tôi được biết, thì không thể chữa được.

Tôi đã trải qua một cuộc phẫu thuật gọi là *giải phẫu nạo hạch cổ*^[11], cũng dễ chịu chẳng khác gì tên gọi của nó. Sau đó là xạ trị. Rồi họ thử một số hóa trị trên những khối u phổi. Chúng có teo lại, rồi phát triển to ra. Lúc đó tôi mới mười bốn. Phổi của tôi bắt đầu bị tràn dịch. Nhìn như sắp chết đến nơi – chân và tay sưng phù, rạn da, mỗi lúc nào cũng tím tái. Họ có một loại thuốc khiến bạn bớt sợ hãi về thực tế là bạn không thể thở, và tôi được truyền rất

nhiều chúng qua một ống PICC[12] cùng một tá các loại thuốc khác. Ngay cả vậy tôi vẫn khó chịu khi phổi ngập đầy những nước, đặc biệt là nó cứ tiếp diễn như thế hàng tháng trời. Kết cục là tôi được đưa vào ICU[13] vì viêm phổi, mẹ quỳ bên cạnh giường và hỏi, “Sẵn sàng chưa, con yêu?” rồi tôi bảo bà tôi đã sẵn sàng, còn bố nhắc đi nhắc lại rằng bố yêu tôi trong giọng như đã vỡ òa, tôi cũng nhắc lại tôi yêu bố nhiều lắm, tất cả mọi người cùng siết chặt tay nhau, rồi tôi không thể thở được, hai lá phổi bắt đầu giở trò co thắt dữ dội, cổ tôi ra khỏi giường để tìm chỗ nào có được chút không khí, tôi vừa bối rối trước sự liều lĩnh tuyệt vọng của hai lá phổi vừa kinh tởm là sao chúng không *đầu hàng* đi cho rảnh, rồi tôi nhớ mẹ động viên tôi sẽ ổn thôi, rằng tôi vẫn ổn, và tôi sẽ vẫn ổn thôi, bố thì cố gắng để không bật khóc nức nở như mọi lần ông vẫn thế, khóc như thế động đất. Rồi tôi chỉ nhớ mình còn không muốn dậy nữa.

Mọi người chắc tôi thế là xong đời, nhưng Bác sĩ Ung thư Maria của tôi đã cố hút dịch tràn ra và chẳng lâu sau loại thuốc kháng sinh điều trị viêm phổi mà họ truyền cho tôi phát huy tác dụng.

Tôi tỉnh dậy và sớm chuyển sang liệu trình thử nghiệm vốn sẵn nổi tiếng ở nước Cộng hòa Ung thư vì Vô Tác Dụng. Loại thuốc này có tên Phalanxifor, một phân tử hóa học được thiết kế để bám vào các tế bào ung thư và làm chậm quá trình chúng phát triển. Nó không có tác dụng với khoảng 70 phần trăm bệnh nhân. Nhưng với tôi thì có. Các khối u teo lại.

Và chúng vẫn tiếp tục teo lại. Hoan hô Phalanxifor! Trong mười tám tháng vừa rồi khối di căn hầu như không phát triển thêm, để lại cái phổi chẳng có vẻ giống gì phổi, nhưng tôi vẫn chống chọi được dù không biết đến bao giờ với sự hỗ trợ của bình phun ôxy và Phalanxifor hàng ngày.

Thành thực mà nói thì Phép màu Ung thư của tôi chỉ kéo dài được một chút thời gian giành được thôi. (Tôi còn không biết một chút to đến thế nào.) Nhưng khi nói chuyện với Augustus Waters, tôi vẽ nên bức tranh tươi sáng nhất, tô điểm bằng những phép màu của phép màu đó.

“Thế giờ cậu sẽ quay lại trường chứ,” Augustus nói.

“Thực sự thì tớ *không thể*,” tôi giải thích, “vì tớ đã lấy bằng GED[14] rồi. Tớ sẽ đến lớp ở MCC,” đó là một trường cao đẳng cộng đồng chỗ tôi.

“Một nữ sinh,” Augustus gật gù. “Điều này giải thích về hiểu biết của cậu,” cậu ta nhìn tôi cười đều. Tôi huých cánh tay cậu ấy, cảm nhận được được cơ bắp ngay dưới làn da, chắc nịch đến ngạc nhiên.

Lốp xe rít lên khi chúng tôi quặt vào một khu nhà với những bức tường trắng cao gần hai mét rưỡi. Nhà cậu ấy nằm đầu tiên dãy bên trái. Một ngôi nhà hai tầng xây kiểu kiến trúc thuộc địa. Chiếc xe giạt nảy lên trước chỗ đậu xe ngay lối vào.

Tôi theo cậu ấy vào trong. Một tấm biển gỗ treo ở cổng khắc những dòng chữ bay bướm *Mái Ấm Là Nơi Trái Tim Hướng Về*, và cả ngôi nhà dường như được trang trí bằng những câu kiểu thế. *Bạn Tốt Thật Khó Tìm Và Không Thể Quên* ngay trên giá mắc áo. *Tình Yêu Đích Thực Ra Đời Từ Những Giây Phút Khó Khăn* thêu trên chiếc gối trong phòng khách được bày trí kiểu cổ điển. Augustus bắt gặp tôi đang chăm chú đọc. “Bố mẹ tớ gọi đó là Lời động viên,” cậu ta giải thích. “Chúng có đầy khắp nhà.”

Bố mẹ cậu ấy gọi cậu ấy là Gus. Họ đang làm món enchiladas[15] trong bếp (tôi đọc thấy dòng *Gia Đình Là Mãi Mãi* kiểu chữ tròn trịa khắc trên tấm kính màu cạnh bồn rửa bát). Mẹ cậu ấy đang gấp thịt gà vào bánh tráng ngô, sau đó bố cậu sẽ cuộn lại đặt vào chảo kính. Họ không ngạc nhiên lắm khi tôi đến, cũng dễ hiểu thôi: Việc Augustus khiến tôi *cảm thấy* đặc biệt không có nghĩa là *bản thân* tôi đặc biệt. Có thể mỗi đêm cậu ta lại dẫn một cô về nhà xem phim và giở trò thì sao.

“Đây là Hazel Grace ạ,” cậu ấy giới thiệu.

“Gọi cháu là Hazel được rồi ạ,” tôi nói.

“Cháu khỏe không, Hazel?” bố Gus hỏi. Ông ấy cao – cũng gần bằng Gus –

gầy hơn hẳn những người khác ở độ tuổi ông.

“Cháu khỏe,” tôi đáp lại.

“Nhóm Tương Trợ của Isaac có vui không con?”

“Dị lắm,” Gus trả lời.

“Con cứ như là Debbie Downer[\[16\]](#),” mẹ cậu ấy nói. “Hazel, cháu thích chỗ đó chứ?”

Tôi ngáp ngừng một giây, cố nghĩ xem câu trả lời nên làm vừa lòng Augustus hay bố mẹ cậu ấy. “Đa số mọi người trong nhóm đều rất tuyệt ạ,” cuối cùng tôi nói.

“Đó cũng chính là những gì hai bác cảm nhận được với những gia đình khác ở viện Memorial hồi chúng ta phát sốt với bệnh tình của Gus,” bố cậu ấy nói. “Mọi người đều rất tử tế. Và mạnh mẽ nữa. Trong những tháng ngày đen tối nhất, Chúa sẽ mang những người tốt nhất đến trong cuộc đời của bạn.”

“Nhanh nào bố, ném cho con chiếc gối với mấy cuộn chỉ còn thêu câu này làm Lời động viên chứ,” Augustus nói, và bố cậu ấy trông có vẻ hơi bức mình, nhưng Gus đã đến choàng cánh tay dài của mình ôm cổ ông và nói, “Con đùa thôi, Bố. Con thích mấy Lời động viên đó mà, con thực sự thích. Con chỉ không muốn thể hiện thôi vì giờ con đã lớn rồi.” Bố cậu gườm mắt.

“Cháu ở lại dùng cơm với hai bác chứ, bác mong thế?” mẹ cậu ấy hỏi. Dáng bà nhỏ nhắn, tóc nâu sẫm và có phần rục rề.

“Chắc là được ạ?” tôi đáp. “Cháu phải về nhà trước mười giờ. Và cháu không, ừm, ăn được thịt?”

“Không vấn đề gì. Hai bác sẽ làm một vài món chay cho cháu,” bà nói.

“Động vật chắc dễ thương quá?” Gus hỏi.

“Tớ muốn giảm bớt số lượng cái chết tớ phải chịu trách nhiệm thôi,” tôi đáp.

Gus mở miệng định nói gì đó nhưng rồi lại thôi.

Mẹ cậu ấy phá tan bầu im lặng. “Chà, bác cũng nghĩ thế là tốt đấy.”

Họ nói chuyện với tôi thêm một lúc về món Enchiladas Trứ Danh Nhà Waters Và Không Nên Bỏ Lỡ và giờ giới nghiêm của Gus cũng là mười giờ, rồi chuyện họ không tin tưởng những gia đình đặt lệnh giới nghiêm cho con cái của mình *hơn* mười giờ tối, và hỏi xem tôi vẫn đi học chứ – “cô ấy là một nữ sinh đấy,” Augustus xen vào – rồi chuyện thời tiết tháng Ba thực sự và đặc biệt khác lạ, chuyện mọi thứ trở nên mới mẻ vào xuân, nhưng họ chẳng hề đề cập đến chiếc bình ôxy hay bệnh tình của tôi, điều này hơi kỳ lạ nhưng tuyệt vời, rồi Augustus nói, “Hazel và con sẽ đi xem phim *V for Vendetta* để cô ấy có thể nhìn thấy bản sao của mình trong phim, Natalie Portman giữa những năm hai ngàn.”

“Cả phòng khách là của con,” bố cậu vui vẻ nói.

“Con nghĩ bọn con sẽ xem nó dưới tầng hầm.”

Bố cậu ấy cười. “Có cố gắng. Phòng khách là phòng khách.”

“Nhưng con muốn cho Hazel Grace xem tầng hầm,” Augustus nói.

“Hazel được rồi,” tôi nhắc.

“Thế thì chỉ cho Hazel Được Rồi chỗ tầng hầm,” bố cậu ấy nói. “Rồi lên nhà và xem bộ phim của con trong phòng khách.”

Augustus phòng má, đứng dậy, xoay hông và đá cái chân giả lên trước. “Được thôi,” cậu lăm bằm.

Tôi theo Augustus xuống dưới bậc cầu thang trái thảm dẫn vào tầng hầm là một phòng ngủ rộng thênh thang. Một giá sách cao ngang tầm mắt bao quanh phòng, chứa đầy những kỷ vật liên quan đến bóng rổ: hàng tá các cúp nhựa vàng hình các vận động viên ở tư thế nhảy giữa chừng hay đang dẫn bóng hay đang vươn mình tới chiếc rổ vô hình. Còn cả một đồng bóng lẫn giày có chữ ký trên đó.

“Hồi trước tớ có chơi bóng rổ,” cậu ấy giải thích.

“Cậu chắc chơi giỏi lắm.”

“Cũng không đến nỗi, nhưng tất cả bóng và giày kia là Đặc Quyền Ung Thư.” Cậu ấy đi về phía TV, nơi có một chồng đĩa DVD và trò chơi điện tử chất lên nhau thành hình kim tự tháp. Cậu ấy gập người xuống ngang hông và rút ra chiếc đĩa *V for Vendetta*. “Tớ cứ như là đứa da trắng đầu tiên lớn lên ở Indiana,” cậu ấy nói. “Tớ đã định làm sống lại môn nghệ thuật nhảy ném tầm trung đã mất, rồi một ngày khi đang tập ném tự do – đứng trên vạch biên sân bóng ở trường North Central quấy một đồng bóng, đột nhiên tớ không thể hiểu sao mình có thể cứ máy móc ném mãi một vật hình cầu qua một vật hình xuyên như thế. Đó là chuyện ngu ngốc nhất tớ từng làm.

“Tớ bắt đầu liên tưởng đến mấy đứa bé xuyên cái chốt hình trụ qua một lỗ tròn, nghịch đi nghịch lại như thế hàng tháng trời cho đến khi nhận ra, bóng rổ thực chất chỉ là một phiên bản hơi chút thể thao hơn của trò đẩy thôi. Dù sao tớ vẫn tiếp tục chìm trong việc ném bóng tự do một khoảng rất lâu. Tám mươi quả liên tiếp, kỷ lục đấy, nhưng tớ vẫn tiếp tục, tớ cảm thấy càng ngày càng giống một đứa trẻ con lên hai. Rồi vì vài lý do khác nữa tớ bắt đầu nghĩ đến những vận động viên chạy vượt rào. Cậu ổn chứ?”

Tôi ngồi xuống một góc trên chiếc giường lộn xộn của cậu ấy. Không phải tôi đang cố gợi ý gì cả; chỉ là tôi hơi mệt khi phải đứng lâu. Tôi đã đứng trong phòng khách rồi ở cầu thang rồi lại đứng tiếp, đứng quá nhiều và tôi không muốn bị ngất hay làm sao cả. Tôi hơi giống quý bà thời Victoria, rất biết cách

xiu. “Tớ ổn,” tôi nói. “Vẫn đang nghe đây. Vận động viên chạy vượt rào?”

“Ừ, những vận động viên chạy vượt rào. Tớ không biết tại sao. Tớ nghĩ về họ đang chạy trên đường đua vượt qua những chiếc rào được đặt hoàn toàn tùy hứng. Và tớ băn khoăn liệu họ có bao giờ nghĩ, cậu biết đấy, *Chúng ta có thể vượt nhanh hơn nếu tháo gỡ những vật cản này.*”

“Đấy là trước khi cậu mắc bệnh đúng không?” tôi hỏi.

“Ừ, đúng rồi, cũng gần như thế.” Cậu ấy lại bắt đầu điệu cười nửa miệng. “Cái ngày mà nỗi lo về ý nghĩa hiện sinh của trò ném bóng tự do xuất hiện cũng vô tình là ngày cuối cùng tớ còn đủ hai chân. Tớ có một ngày cuối tuần từ khi họ lên lịch giải phẫu đến lúc ca mổ diễn ra. Một thoáng cảm giác như những gì Isaac đang phải trải qua.”

Tôi gật đầu. Tôi thích Augustus Waters. Tôi thực sự, thực sự, thực sự thích cậu ấy. Tôi thích cách cậu ấy kết thúc câu chuyện với một người khác. Tôi thích giọng cậu ấy. Tôi thích cách cậu ấy có *nỗi lo về ý nghĩa hiện sinh* của trò ném bóng tự do. Tôi thích vì cậu ấy đúng là giáo sư thực thụ của Bộ Môn Cười Nhếch Khóe Miệng kiêm Bộ môn Sở Hữu Chất Giọng Khiến Da Của Tôi Chết Hơn Cả Là Da. Và tôi thích chuyện cậu ấy có hai tên gọi. Tôi luôn thích những người có hai tên gọi, bởi vì bạn sẽ cần quyết định xem bạn sẽ gọi họ thế nào: Gus hay Augustus? Tôi, lúc nào tôi cũng chỉ là Hazel, mỗi Hazel.

“Cậu có anh chị em nào không?” tôi hỏi.

“Hứ?” cậu ta trả lời, có vẻ không để ý.

“Cậu vừa nói chuyện nhìn những đứa trẻ chơi đùa.”

“Ồ, à, không. Tớ có mấy đứa cháu, con của chị cùng cha khác mẹ. Họ lớn tuổi hơn. Họ khoảng – BỐ, JULIE VÀ MARTHA BAO NHIÊU TUỔI RỒI?”

“Hai mươi tám!”

“Họ hai mươi tám. Họ ở Chicago. Cả hai đều đã kết hôn với mấy gã luật sư đồng bóng. Hay nhân viên ngân hàng gì đó. Tôi không nhớ nữa. Cậu có anh chị em gì không?”

Tôi lắc đầu. “Thế chuyện của cậu như nào?” cậu ta hỏi, ngồi xuống cạnh tôi ở một khoảng cách an toàn.

“Tôi kể rồi mà. Tôi được chuẩn đoán khi –”

“Không, không phải chuyện ung thư. Chuyện *của cậu*. Thú vui, sở thích, đam mê, thứ gì kỳ quặc cậu vẫn tin, vẫn vẫn.”

“Ừm,” tôi nói.

“Đừng nói cậu là một trong số những người trở thành bệnh nhân của chính căn bệnh của họ đấy. Tôi biết rất nhiều người như thế. Kiểu nhọt chí. Như ung thư là một ngành kinh doanh béo bở ấy, đúng không? Ngành kinh doanh của thần chết. Nhưng chắc cậu không để nó gặt hái thành công quá sớm đấy chứ.”

Tôi nhận ra có lẽ mình cũng như thế thật. Tôi tìm cách xây dựng hình tượng với Augustus Waters, sở thích nào đó ẩn tượng, rồi sau một khoảng im lặng, tôi nhận ra tôi chẳng có chút gì thú vị. “Tôi hoàn toàn chẳng có gì đặc biệt.”

“Tôi phản đối. Nghĩ về thứ gì đó cậu thích. Thứ đầu tiên hiện ra trong đầu ấy.”

“Ừm, đọc sách?”

“Cậu hay đọc gì?”

“Mọi thứ. Từ tiểu thuyết lãng mạn sến sẩm đến tác phẩm nổi tiếng nửa mùa và cả thơ nữa. Gì cũng được.”

“Cậu cũng viết thơ chứ?”

“Không. Tôi không viết.”

“Đây!” Augustus gần như hét lên. “Hazel Grace, cậu là cô gái duy nhất trên cái đất Mỹ này thích đọc thơ hơn là viết chúng. Điều này có ý nghĩa rất lớn. Cậu đọc rất nhiều cuốn sách vĩ đại với chữ V viết hoa đúng không?”

“Có lẽ?”

“Cậu thích những quyển nào?”

“Ừm,” tôi đáp.

Quyển sách tôi yêu thích, nói chung, là cuốn *Tốt cùng nỗi đau*, nhưng tôi không thích nói chuyện với mọi người về nó. Đôi khi bạn đọc được một quyển sách và nó truyền cho bạn một thứ đức tin cuồng loạn đến nỗi bạn bị thuyết phục rằng cả cái thế giới đang bị chia cắt này sẽ chẳng bao giờ có thể tái hợp được, trừ khi và chỉ khi toàn bộ nhân loại cùng đọc cuốn đó. Và có những cuốn như *Nỗi đau tốt cùng*, những cuốn bạn không thể kể cho người khác, những cuốn vô cùng đặc biệt, hiếm và rất *riêng* đến mức chia sẻ cảm xúc của mình cũng giống như là sự phản bội.

Nó thậm chí không hẳn là một cuốn sách rất hay hay gì cả; chỉ vì tác giả, Peter Van Houten, có vẻ như thấu hiểu tôi một cách kỳ lạ và không tưởng. *Nỗi đau tốt cùng* là cuốn sách *của tôi*, như cái cách mà cơ thể của tôi là của tôi, hay như suy nghĩ của tôi là của chính tôi vậy.

Dù thế tôi vẫn kể cho Augustus nghe. “Cuốn tôi thích nhất có lẽ là *Nỗi đau tốt cùng*,” tôi nói.

“Viết về xác chết à?” cậu ta hỏi.

“Không,” tôi đáp.

“Hay xung kích quân?”

Tôi lắc đầu. “Không phải thể loại đấy.”

Cậu ấy cười. “Tớ sẽ đọc quyển sách kinh khủng có cái tên chán ngắt rồi còn không có xung kích quân này,” cậu ta hứa, và ngay lập tức tôi cảm thấy mình không nên kể về cuốn sách ấy. Augustus xoay người về phía chồng sách ngay dưới chiếc bàn cạnh giường. Cậu ấy rút ra một cuốn sách và một cái bút, nguệch ngoạc viết lên trang bìa, “Tất cả những gì tớ yêu cầu để đổi lại là cậu hãy đọc phiên bản tiểu thuyết xuất sắc và ám ảnh của trò điện tử yêu thích này.” Cậu ta giơ cuốn sách lên, có tựa là *Cái giá của Bình minh*. Tôi cười và đỡ lấy nó. Hai bàn tay khẽ chạm nhau trên bìa cuốn sách, rồi cậu ấy nắm lấy tay tôi. “Lạnh thế,” cậu ấy nói, ấn một ngón vào cổ tay tôi.

“Không lạnh như bị suy hô hấp,” tôi nói.

“Tớ thích cách cậu nói mấy chuyện y dược đấy với tớ,” cậu ấy đứng lên, kéo tôi dậy, vẫn nắm chặt tay cho đến tận cầu thang.

Chúng tôi ngồi cách nhau một đoạn trên ghế sofa và xem phim. Tôi đã hành động như thể mấy em nữ sinh trung học, để tay hờ hững trên khoảng ghế giữa hai chúng tôi, gợi ý rằng cậu có thể nắm tay tôi đi nhưng cậu ta còn không hề để ý. Xem được khoảng một tiếng thì bố mẹ Augustus mang món enchiladas ra, chúng tôi ngồi ăn ngay trên ghế, chúng quá sức tuyệt.

Bộ phim kể về một siêu anh hùng đeo mặt nạ dũng cảm hi sinh vì Natalie

Portman, một cô nàng rất ngầu siêu quyến rũ và chẳng có chút gì là có vẻ giống cái mặt phù thủy của tôi cả.

Trong lúc giới thiệu dàn diễn viên, cậu ấy nói, “Rất tuyệt, nhỉ?”

“Rất tuyệt,” tôi đồng ý, dù thực sự không phải thế. Đó là một bộ phim dành cho con trai. Tôi không biết sao bọn con trai lại kỳ vọng chúng tôi thích những bộ phim dành cho con trai. Chúng tôi còn chẳng mong đợi bọn họ thích mấy bộ phim con gái. “Tớ phải về đây, sáng mai có lớp học,” tôi nói.

Tôi vẫn ngồi trên ghế sofa trong lúc Augustus tìm chìa khóa. Mẹ cậu ấy ngồi bên cạnh tôi và hỏi, “Bác thích câu này lắm, cháu thấy thế nào?” Tôi đoán do mình đang nhìn về phía Lời động viên ngay trên chiếc TV, một hình vẽ thiên thần với dòng chú thích *Nếu Không Có Nỗi Đau, Sao Ta Biết Được Niềm Vui?*

(Đây là một lập luận cũ mèm trong môn Suy Tưởng Về Nỗi Đau, sự ngớ ngẩn cũng như thiếu tinh tế của nó có thể còn được xem xét hàng thế kỷ nữa, nhưng nội việc chỉ ra sự tồn tại của cây súp lơ xanh cũng chẳng ảnh hưởng gì đến vị của chocolate cũng đủ lắm rồi.) “Dạ,” tôi đáp. “Một câu nói đáng yêu.”

Tôi lái xe Augustus về nhà với Augustus ngồi lái bên cạnh. Cậu ấy bật mấy bài yêu thích của một ban nhạc tên là The Hectic Glow, nhạc khá ổn nhưng vì tôi chưa bao giờ nghe trước đó nên tôi thấy chúng không hay như cậu ấy nói. Tôi vẫn liên tục liếc xuống chân, hay cái chỗ đã từng là chân cậu ấy, cố gắng tưởng tượng xem cái chân giả kia trông như nào. Tôi không muốn quan tâm về việc đó, nhưng vẫn băn khoăn đôi chút. Cậu ấy có thể cũng thắc mắc về bình oxy của tôi. Chối từ bệnh tật. Tôi đã học được điều này từ lâu, và nghi ngờ cậu ấy cũng như thế.

Khi tôi dừng xe bên ngoài nhà mình thì cậu ấy tắt nhạc. Bầu không khí đặc quánh lại. Có thể cậu ấy đang nghĩ đến việc hôn tôi, và tôi chắc mình cũng thế. Tôi tự hỏi liệu mình có thực sự muốn vậy không. Tôi đã từng hôn nhiều anh chàng, nhưng đã lâu lắm rồi. Trước khi Phép màu xảy đến.

Tôi đánh xe vào bãi đậu rồi nhìn cậu ấy. Cậu ấy rất đẹp trai. Tôi biết bọn

con trai không bao giờ tự cho mình là thế, nhưng cậu ấy đẹp trai thật.

“Hazel Grace,” tên tôi nghe có vẻ mới mẻ và dễ nghe hơn trong giọng cậu ấy. “Thật là niềm vinh hạnh thực sự được làm quen với cậu.”

“Tôi cũng thế, thưa ngài Waters,” tôi đáp, hơi ngượng khi nhìn cậu ấy. Tôi không thể đối diện với ánh mắt màu xanh nước biển của cậu ấy.

“Tớ sẽ còn gặp cậu chứ?” cậu ấy hỏi. Có một chút căng thẳng dễ thương trong giọng cậu ấy.

Tôi cười. “Tất nhiên.”

“Mai nhé?” cậu ấy hỏi.

“Kiên nhẫn nào, đồ nhanh nhẩu,” tôi khuyên. “Cậu không muốn mình có vẻ háo hức quá chứ.”

“Đúng thế, đó là lý do tớ nói ngày mai,” cậu ta đáp. “Tớ muốn gặp lại cậu tối nay. Nhưng tớ sẵn sàng đợi *cả đêm và suốt ngày mai*.” Tôi trợn tròn mắt. “Tớ *ngghiêm túc* đấy,” cậu ta nói.

“Cậu thậm chí còn không quen tớ,” tôi nói. Tôi cầm quyển truyện lắc lắc. “Hay tớ sẽ gọi cậu sau khi đọc xong quyển sách này nhé?”

“Nhưng cậu đã có số của tớ đâu,” cậu ta đáp.

“Tớ rất nghi ngờ việc cậu đã ghi nó trong quyển sách.”

Cậu ta lại nở một nụ cười ngốc nghếch đó. “Và cậu nói chúng mình còn chẳng biết nhau.”

CHƯƠNG BA

Tôi thức khá muộn đêm hôm đó đọc quyển *Cái giá của Bình minh*. (Bật mí: cái giá của bình minh là máu.) Không phải là *Nỗi đau tốt cùng*, nhưng nhân vật chính, Thượng sĩ Max Mayhem, cũng hơi bị đáng yêu dù đã giết, như tôi đếm được, không dưới 118 người trong 284 trang giấy.

Thế nên sáng hôm sau tôi dậy muộn, một ngày thứ Năm. Chủ trương của mẹ là không bao giờ đánh thức tôi dậy, vì một trong những yêu cầu nghiệp vụ của Bệnh nhân Chuyên nghiệp là được ngủ thật nhiều, thế nên tôi hơi bối rối khi giật mình tỉnh dậy với bàn tay mẹ trên vai.

“Gần mười giờ rồi đấy,” bà nói.

“Giấc ngủ chống lại ung thư,” tôi đáp. “Tối qua con thức đọc sách.”

“Hắn là sách rồi,” bà nói trong khi quỳ xuống bên cạnh giường và tháo giúp tôi cái máy tạo ôxy to oành hình chữ nhật mà tôi vẫn gọi là Phillip, đơn giản vì nó giống Phillip.

Mẹ nổi giúp tôi với cái bình ôxy di động rồi nhắc là tôi có lớp học hôm nay. “Cậu hôm qua gửi cho con cái này à?” đột nhiên bà hỏi.

“Ý mẹ *cái này* là mấy nốt mụn giộp hả?”

“Con nghĩ linh tinh gì đấy,” Mẹ nói. “Quyển sách, Hazel. Ý mẹ là quyển sách.”

“Vâng, cậu ấy đưa con quyển sách.”

“Mẹ thấy con thích cậu ấy đúng không,” bà nói, đôi lông mày nhướn lên, như thể sự quan sát này đòi hỏi bản năng đặc biệt của người mẹ. Tôi nhún vai. “Mẹ đã bảo Nhóm Tương Trợ này đáng để tham gia mà.”

“Mẹ đừng chờ con cả buổi ở ngoài đây à?”

“Ừ. Mẹ có mang một số giấy tờ công việc đi. Dù sao đã đến lúc đón chào ngày mới rồi thưa quý cô.”

“Mẹ. Ngủ. Ung Thư. Chiến đấu.”

“Mẹ biết, con yêu, nhưng mà còn có lớp học đấy. Mà nữa, hôm nay là...” Giọng Mẹ không giấu được vẻ hân hoan.

“Thứ Năm?”

“Con không nhớ thật hả?”

“Chắc thế?”

“Hôm nay là thứ Năm, hai mươi chín tháng Ba!” bà gần như hét lên, một nụ cười rạng rỡ nở trên khuôn mặt bà.

“Mẹ thích thú với việc để ý ngày tháng thế cơ!” tôi cũng hét lại.

“HAZEL! HÔM NAY LÀ NỬA SINH NHẬT LẦN THỨ BA MƯƠI BA CỦA CON!”

“Ohhhhhh,” tôi nói. Mẹ quả là siêu nhân trong việc gia tăng số ngày lễ. HÔM NAY LÀ NGÀY THỰC VẬT! HÃY ĐI ƠM CÂY VÀ ĂN BÁNH NÀO. COLUMBUS^[17] MANG BỆNH ĐẬU MÙA CHO DÂN BẢN XỨ; CHÚNG TA NÊN ẮN MỪNG SỰ KIẾN NÀY BẰNG VIỆC ĐI PICNIC THÔI!, v.v. “Ồ, Chúc mừng Nửa Sinh nhật lần thứ ba mươi ba của con,” tôi nói.

“Con muốn làm gì vào ngày đặc biệt vô cùng này của mình nào?”

“Về nhà và lập kỷ lục thế giới về số tập chương trình *Master Chef* được xem liên tục?”

Mẹ với tay lên nóc tủ phía trên đầu giường lấy Bluie xuống, con gấu bông màu xanh mà tôi được tặng từ hồi một tuổi – cái thời mà còn được gọi tên bạn bè của mình bằng màu sắc của họ.

“Con không muốn đi xem phim với Kaitlyn hay Matt hay ai à?” đấy là mấy đứa bạn của tôi.

Đấy cũng là một ý. “Tất nhiên ạ,” tôi đáp. “Con sẽ nhắn tin rủ Kaitlyn đi lòng vòng mua sắm hay chỗ nào đó sau giờ học.”

Mẹ cười, ôm con gấu vào lòng. “Đi mua sắm vẫn rất tuyệt đấy chứ?” bà hỏi.

“Con khá tự hào vì mình còn chẳng biết chuyện gì tuyệt nữa,” tôi đáp.

Tôi nhắn tin cho Kaitlyn, tắm táp, thay đồ, rồi Mẹ đèo tôi đến trường. Hôm nay có lớp Văn học Mỹ, một bài giảng về Frederic Douglass^[18] trong hội trường gần như vắng tanh, và vô cùng khó khăn để giữ mình tỉnh táo. Bốn mươi phút của lớp học chín mươi phút trôi qua, Kaitlyn nhắn lại.

Tuyệt vời ông mặt trời. Chúc mừng Nửa Sinh nhật. Ở Castleton lúc 3:32 nhé?

Kaitlyn có một cuộc sống xã hội bận rộn đến nỗi nó cần được lịch trình sẵn cho từng phút. Tôi trả lời:

Được đấy. Tôi đợi ở chỗ khu ẩm thực.

Mẹ đèo tôi thẳng từ trường đến hiệu sách cạnh khu mua sắm, tôi mua cả hai quyển *Những Bình minh lúc Nửa đêm* và *Vĩnh biệt Mayhem*, hai tập tiếp theo của cuốn *Cái giá của Bình Minh* rồi đi bộ qua khu ẩm thực và mua lấy một lon Coca không đường. Mới 3:21.

Thỉnh thoảng tôi ngược nhìn những đứa trẻ nô đùa trong khu vui chơi tàu cướp biển trong lúc đọc sách. Có một cái đường hầm mà hai đứa trẻ cứ chui qua chui lại không biết mệt, làm tôi lại nghĩ đến Augustus và cái ý niệm tồn tại của trò ném bóng tự do.

Mẹ cũng ngồi trong khu ẩm thực, một mình, ở một góc mà bà nghĩ tôi không thể nhìn thấy, ăn một chiếc bánh sandwich kẹp lát phô mai trong khi đọc một đồng giấy tờ. Mấy giấy tờ y tế, chắc thế. Giấy tờ là một đồng vô tận.

Đúng 3:32, tôi thấy Kaitlyn sai bước đầy tự tin qua tòa nhà Wok House. Cô ấy thấy tôi ngay lúc tôi đưa tay ra vẫy, nhe hàm răng trắng tinh mới được niềng lại và tiến thẳng về chỗ tôi.

Cô ấy mặc chiếc áo khoác dài đến đầu gối màu xám tro cực kỳ vừa vặn, đeo gập kính chống nắng che gần hết khuôn mặt. Cô ấy đẩy nó lên trên đầu khi cúi xuống ôm tôi.

“Bạn yêu,” cậu ấy nói, lơ lớ giọng Anh. “Cậu khỏe hơn?” Chẳng ai thấy

chất giọng này là lạ hay khó chịu gì hết. Kaitlyn chỉ vô tình là một nữ tước Anh vô cùng quý phái mắc kẹt trong cơ thể một cô gái mười sáu tuổi ở thành phố Indianapolis này. Mọi người đều tin thế.

“Tớ vẫn khỏe. Cậu thì sao?”

“Tớ còn chẳng biết nữa. Thứ đấy không đường à?” Tôi gạt đầu và đưa lon nước cho cô ấy. Cô ấy uống vài ngụm qua cái ống hút. “Ước gì giờ cậu vẫn đi học. Máy thẳng con trai đều *ngon lành* thật ấy.”

“Ồ thế hả, ai cơ?” tôi hỏi. Cô ấy bắn một tràng năm tên mấy cậu từng học cùng tôi hồi tiểu học và cấp hai, nhưng tôi chẳng còn hình dung ra bất kỳ ai trong số đó.

“Tớ đang qua lại với Derek Wellington,” cô ấy nói, “nhưng tớ nghĩ chẳng được bao lâu đâu, cậu ta quá *trẻ con*. Thế về tớ đủ rồi. Thế giới của Hazel có gì mới không nào?”

“Không có gì, thật đấy,” tôi đáp.

“Sức khỏe cậu vẫn tốt chứ?”

“Vẫn thế, chắc vậy?”

“Phalanxifor!” cô ấy toe toét. “Thế giờ cậu có thể sống mãi mãi, đúng không?”

“Chắc không phải là mãi mãi đâu,” tôi đáp.

“Như cơ bản thì thế,” cô ấy bảo. “Có gì mới nữa không?”

Tôi định kể là tôi cũng mới qua lại với một anh chàng, hay chí ít cũng đã xem phim với cậu ấy, bởi tôi biết tin này sẽ làm cô ấy thích thú và ngạc nhiên

vì một đứa nhếch nhác và vụng về và gầy nhom như tôi cũng có thể nhanh chóng chiếm được cảm tình của một chàng trai. Nhưng thực sự cũng chẳng có gì nhiều lắm mà khoe khoang, thế nên tôi chỉ nhún vai.

“Đây là cái gì vậy giờ?” Kaitlyn hỏi, chỉ vào mấy cuốn sách.

“À, truyện khoa học viễn tưởng ấy mà. Tớ đang đọc vài cuốn. Đây là một bộ.”

“Tớ thấy ớn nha. Đi mua sắm nhé?”

Chúng tôi đến một cửa hàng giày. Trong khi đang chọn Kaitlyn cứ liên tục lấy mấy đôi giày để bệt hở mũi ra cho tôi và bảo, “Mấy đôi này nhìn dễ thương với *cậu* lắm,” tự nhiên tôi nhớ ra Kaitlyn chẳng bao giờ mang giày hở mũi vì cô ấy ghét bàn chân của mình, ngón thứ hai quá dài và cứ như thể nó là cửa sổ tâm hồn hay gì đại loại thế. Vì thế khi tôi chỉ một đôi xăng đan rất xuyệt tông với màu da của cậu ấy, cậu ấy ngần ngại, “Ừ, nhưng...” nhưng có nghĩa là *chúng sẽ làm lộ cái ngón chân trở góm ghiếc của mình*, rồi tôi bảo, “Kaitlyn, cậu là người duy nhất tớ từng biết bị mắc bệnh mặc cảm về ngón chân đấy,” rồi cô ấy nói, “Cậu nói gì thế?”

“Cậu biết đấy, giống như khi nhìn vào gương, thứ cậu thấy không phải thứ mà nó thực sự là vậy đâu.”

“Ồ. Ồ,” cô ấy đáp. “Cậu có thích đôi này không?” Cô ấy giơ một đôi Mary Janes đáng yêu nhưng không quá nổi, tôi gật đầu, cô ấy chọn cỡ vừa với chân mình, thử xỏ vào và bước tới bước lui dọc hành lang, ngắm đôi chân mình qua một chiếc gương ở góc tường cao đến đầu gối. Rồi cô ấy nhặt một đôi giày hooker bằng da lên và hỏi, “Làm sao mà người ta có thể đi đôi này nhỉ? Ý mình là mình sẽ *chết* mất –” rồi chợt im bặt, nhìn tôi như thể muốn nói *tớ xin lỗi*, như thể nhắc đến cái chết là một tội ác với người đang chết. “Cậu nên thử đôi này,” Kaitlyn tiếp tục, cố gắng xua tan nỗi ngượng ngùng.

“Tớ sẽ đi sớm thôi,” tôi trấn an cô ấy.

Cuối cùng tôi chỉ chọn một vài đôi dép xỏ ngón gọi là có cái để mua, rồi ngồi xuống một trong những dãy ghế đối diện với kệ trưng giày, ngắm Kaitlyn lượn lờ dọc hành lang mua sắm với vẻ tập trung cao độ chỉ thấy ở những kiện tướng cờ vua. Tôi muốn lôi quyển *Những Bình minh lúc Nửa đêm* ra đọc một lúc nhưng có vẻ hơi khiếm nhã, thế nên tôi chỉ ngồi nhìn Kaitlyn. Thình thoảng cô ấy lại vòng lại chỗ tôi giơ ra mấy đôi giày bít mũi hỏi, “Đôi này nha?” và tôi cố gắng đưa ra những lời đánh giá khéo léo về chúng, cuối cùng cô ấy mua những ba đôi trong khi tôi chỉ lấy đôi dép xỏ ngón lúc trước và trong khi chúng tôi đi ra cô ấy nói, “Cửa hàng Anthologie nhé?”

“Tớ chắc phải về nhà thôi,” tôi đáp. “Tớ thấy hơi mệt.”

“Ừ, chắc rồi,” cô ấy đáp. “Tớ sẽ phải gặp cậu thường xuyên hơn mới được, bạn yêu.” Cô ấy đặt tay lên vai tôi, hôn cả hai má rồi quay đi, hông lắc lư theo nhịp bước.

Dù thế tôi vẫn chưa về nhà. Tôi đã dặn mẹ đón lúc sáu giờ, và trong khi nhận ra bà không còn ở trong khu mua sắm hay bãi đậu xe, tôi vẫn muốn dành hai giờ còn lại cho riêng mình.

Tôi thương mẹ, nhưng đôi khi sự có mặt thường trực của bà lại khiến tôi thấy căng thẳng kỳ lạ. Tôi cũng quý Kaitlyn. Thực sự quý cậu ấy. Nhưng ba năm dài đằng đẳng không đến trường gặp bạn gặp bè, tôi cảm thấy có một khoảng cách nhất định không thể vượt qua được giữa chúng tôi. Tôi nghĩ các bạn trên lớp cũng muốn giúp tôi vượt qua được căn bệnh, nhưng rồi cuối cùng họ cũng nhận ra rằng họ không thể. Đơn giản vì một điều thôi, căn bệnh này không thể *vượt qua*.

Thế nên tôi dành thứ lỗi cho mình việc viện cớ ốm đau và mệt nhọc mỗi khi gặp Kaitlyn hay bất kỳ bạn nào khác trong nhiều năm qua. Phải nói thật, nó cũng đau lắm chứ. Thật đau đớn khi không thể thở được như một người bình thường, khi phải không ngừng nhắc nhở lá phổi của mình hãy là lá phổi đi, khi buộc mình chấp nhận cơn đau xé người không thể ngưng được khi bị suy hô hấp. Thành ra tôi cũng đâu có nói dối, chỉ là tôi chọn giữa nhiều sự

thật mà thôi.

Tôi tìm thấy một băng ghế nằm giữa cửa hàng Irish Gifts, Fountain Pen Emporium và một cửa hàng bán mũ bóng chày – ở một góc khu mua sắm mà đến Kaitlyn cũng không bao giờ ngó tới, bắt đầu đọc cuốn *Những Bình minh lúc Nửa đêm*.

Cuốn truyện cứ một câu lại có một người chết tỉ lệ gần như 1:1, và tôi cứ say sưa đọc nó mà chẳng còn buồn ngước nhìn lên lần nào. Tôi thích Thượng sĩ Max Mayhem, dù thực sự ông không giỏi chuyên môn lắm, tôi thích cái cách những cuộc phiêu lưu của ông *cứ thế tiếp diễn*. Luôn có những kẻ xấu cần tiêu diệt và người tốt để bảo vệ. Những cuộc chiến mới bắt đầu ngay cả khi những cuộc chiến cũ còn chưa giành được chiến thắng. Thực sự tôi chưa hề đọc một bộ truyện như vậy từ khi còn là một đứa bé, và giờ thật thú vị được sống lại trong thế giới hư cấu vô tận này.

Còn khoảng hai mươi trang nữa là hết cuốn *Những Bình minh lúc Nửa đêm*, tình hình trở nên thực sự bi kịch với Mayhem khi ông bị trúng mười bảy phát đạn trong khi cố gắng giải cứu một con tin (tóc vàng, người Mỹ) từ tay Kẻ địch. Tuy nhiên từ góc độ người đọc, tôi không thấy tuyệt vọng cho lắm. nỗ lực chiến đấu vẫn còn đây dù mất đi Mayhem. Có thể – và nên thế – đội quân của ông ấy vẫn sẽ tiếp tục: Chuyên gia Manny Loco và Binh nhì Jaspers Jack cùng các đồng đội khác.

Khi tôi sắp đọc hết cuốn truyện thì bỗng có một cô bé tết tóc bím xuất hiện ngay trước mặt và hỏi, “Cái gì trong mũi của chị thế?”

Tôi trả lời, “Ừm, cứ gọi nó là ống dẫn khí. Những cái ống này cung cấp oxy và giúp chị có thể thở được.” Mẹ cô bé chạy đến và gọi cô bé với vẻ không hài lòng, “Jackie,” nhưng tôi nói, “Không sao không có gì đâu cô,” vì thực sự là mọi thứ chẳng có vấn đề gì, và rồi Jackie hỏi tiếp, “Thế chúng cũng giúp em thở được chứ?”

“Chị không biết, thử xem nhé,” tôi rút nó ra rồi để Jackie gắn nó vào mũi mình và thở. “Buồn quá,” cô bé kêu lên.

“Chị biết mà, đúng không?”

“Em nghĩ em đang thở tốt hơn,” cô bé nói.

“Thật à?”

“Vâng.”

“Thế này,” tôi nói, “chị ước gì chị có thể cho em cái ống này nhưng chị thực sự cần nó,” tôi đã thấy thực sự choáng. Tôi tập trung hít thở trong khi Jackie đưa chiếc ống lại cho tôi. Tôi nhanh chóng luồn chúng qua áo phông, vòng qua vành tai và đặt hai đầu ống vào vị trí cũ.

“Cảm ơn chị đã cho em thử nó,” cô bé nói.

“Không có gì đâu bé.”

“Jackie,” mẹ cô bé lại gọi lần nữa, và lần này tôi để cô bé đi.

Tôi quay lại với cuốn truyện, đoạn Thượng sĩ Max Mayhem đang cảm thấy căng rứt vì ông chỉ có một mạng sống để cống hiến cho Tổ quốc, nhưng tôi lại nghĩ về cô bé lúc này, và tôi thích em ấy nhường nào.

Còn một điều nữa về Kaitlyn, tôi đoán, đó là tôi sẽ chẳng bao giờ có thể nói chuyện một cách tự nhiên với cô ấy nữa. Bất kỳ một nỗ lực giả vờ xã giao một cách tự nhiên nào cũng đều chỉ là áp lực vì hiển nhiên tất cả mọi người tôi có thể nói chuyện trong quãng đời còn lại của mình sẽ cảm thấy thật khó xử, có lẽ chỉ trừ những đứa bé như Jackie vốn chẳng biết gì mấy.

Dù sao thì, tôi cũng thực sự thích được ở một mình. Tôi thích được ở một mình với Thượng sĩ Max Mayhem đáng thương, người – ôi, thôi nào, ông ấy vẫn sống sót sau mười bảy vết đạn này sao, không phải vậy chứ?

(Bật mí: Ông ta vẫn sống.)

CHƯƠNG BỐN

Tối hôm ấy tôi lên giường sớm hơn thường lệ một chút, mặc chiếc quần đùi con trai và áo phông rồi chui vào dưới tấm ga của chiếc giường cỡ vừa^[19] với gối liền, một trong những chốn yêu thích của tôi trên cái thế giới này. Rồi tôi bắt đầu đọc cuốn *Nỗi đau tốt cùng* lần thứ một triệu.

NĐTC kể về một cô gái tên Anna (cũng là người dẫn truyện) và bà mẹ một mắt của bạn ấy, một thợ làm vườn chuyên nghiệp bị ám ảnh với hoa tulip, sống một cuộc sống bình dị thuộc tầng lớp hạ trung lưu trong một thị trấn nhỏ miền trung California cho đến khi Anna mắc căn bệnh ung thư máu hiểm gặp.

Nhưng đây không phải một *cuốn sách về ung thư*, bởi những cuốn như thế quá nhạt nhẽo. Hẳn là sẽ có một bệnh nhân nào đó lập ra một quỹ từ thiện chống lại bệnh ung thư đúng không? Và rồi sứ mệnh từ thiện này nhắc nhở bệnh nhân ung thư về bản chất tốt đẹp trong mỗi con người và khiến anh/cô ta cảm thấy được yêu thương và được khích lệ vì cô/anh ta sẽ để lại một di sản dành cho việc chống ung thư. Nhưng trong *NĐTC*, Anna quyết định rằng nếu một bệnh nhân ung thư kêu gọi ủng hộ một quỹ vì ung thư là có hơi tự sướng, nên cô lập ra một hội từ thiện có tên là Quỹ Anna Dành Cho Bệnh Nhân Mắc Ung Thư Muốn Chữa Dịch Tả.

Còn nữa, Anna rất thành thật với mọi chuyện theo cái cách mà không phải ai cũng làm được như thế: Xuyên suốt cuốn sách, cô ấy nói về mình như là một *ảnh hưởng phụ*, mà điều đó thì hoàn toàn đúng. Bệnh nhi ung thư chỉ là ảnh hưởng phụ của sự biến đổi không ngừng gây ra cái gọi là đa dạng sinh học của sự sống trên trái đất này. Câu chuyện cứ thế tiếp diễn trong khi bệnh tình của Anna ngày một nặng hơn, các liệu pháp điều trị và chính căn bệnh đua nhau giết chết cô ấy, trong khi mẹ cô ấy đem lòng yêu một người buôn hoa Tulip mà Anna gọi là Chú Tulip Hà Lan. Chú Tulip Hà Lan có rất nhiều tiền cùng một lổc những ý tưởng lập dị về việc điều trị ung thư, nhưng Anna nghĩ có thể lão này chỉ là một tay lừa đảo và thậm chí có khi còn không phải là người Hà Lan nữa, và ngay khi chú Hà Lan và mẹ cô ấy sắp sửa đám cưới cũng là lúc Anna chuẩn bị bắt đầu liệu pháp điều trị điên rồ với cỏ lúa mỳ và thạch tín liều thấp thì câu chuyện kết thúc ngay giữa một

Tôi biết đó là một quyết định *đầy tính văn chương* và mọi thứ cũng như có lẽ phần lý do sao tôi thích cuốn sách đến thế, nhưng cần có thứ gì đó gợi ý một câu chuyện đến đây đã kết thúc. Và nếu nó không thể kết thúc, ít nhất hãy cứ kéo dài bất tận như những cuộc phiêu lưu của quân đoàn Thượng sĩ Max Mayhem.

Tôi hiểu câu chuyện kết thúc do Anna đã chết hoặc quá yếu để có thể viết tiếp và cái câu lơ dờ này phản ánh cái cách mà cuộc sống vẫn hay kết thúc như thế hay sao đó, nhưng còn có những nhân vật khác ngoài Anna trong câu chuyện, và nó thật không công bằng cho tôi khi không thể biết được những gì xảy ra với họ sau đó. Tôi đã viết, gửi qua nhà xuất bản, hàng tá lá thư đến Peter Van Houten, mỗi lá đều tìm kiếm câu trả lời cho chuyện gì đã xảy ra khi câu chuyện kết thúc: liệu chú Tulip Hà Lan có phải tay lừa đảo, liệu mẹ Anna có cười chú không, chuyện gì xảy đến với con chuột hamster ngốc nghếch của Anna (mà mẹ cô rất ghét), liệu bạn bè của Anna cuối cùng có tốt nghiệp không – tất cả những chuyện ấy. Nhưng ông ấy chưa bao giờ trả lời bất cứ lá thư nào của tôi.

NĐTC là cuốn duy nhất Peter Van Houten từng viết, và tất cả những ai có vẻ quen biết ông ta đều chắc rằng sau khi xuất bản cuốn sách ông đã rời Mỹ về Hà Lan bắt đầu một cuộc đời ẩn dật. Tôi tưởng tượng rằng ông ấy đang viết tiếp câu chuyện lấy bối cảnh ở Hà Lan – nơi có thể mẹ của Anna và chú Tulip Hà Lan đã đến định cư và bắt đầu một cuộc sống mới. Nhưng đã mười năm trôi qua kể từ khi *Nỗi đau tốt cùng* được phát hành, và Peter Van Houten thì không xuất bản nhiều như người ta viết blog. Tôi không thể cứ đợi mãi được.

Khi đọc lại cuốn sách đêm đó, tôi cứ bị phân tâm tưởng tượng đến cảnh Augustus Waters cũng đang cùng đọc những dòng tương tự. Tôi tự hỏi liệu cậu ấy có thích nó không, hay bỏ qua vì nghĩ tôi khoe để đấy. Rồi tôi nhớ ra tôi đã hứa sẽ gọi cậu ấy sau khi đọc xong *Cái giá của Bình minh*, tôi tìm số điện thoại ở ngay trang bìa rồi nhắn tin.

Nhận xét về Cái giá của Bình minh: Quá nhiều xác chết. Không đủ tính từ. NĐTC thì sao?

Một phút sau cậu ta nhả lại:

Tớ nhắc lại, cậu hứa GỌI sau khi đọc xong, không phải nhả tin.

Thế là tôi gọi cậu ấy.

“Hazel Grace,” cậu ta bắt máy.

“Cậu đọc nó chưa?”

“Ừ, nhưng chưa đọc xong. Nó dài những sáu trăm năm mươi một trang mà tớ chỉ có hai mươi tư giờ.”

“Cậu đến đâu rồi?”

“Bốn trăm năm mươi ba.”

“Và?”

“Tớ sẽ không nhận xét gì cho đến khi đọc xong. Nhưng mà phải nói là tớ thấy hơi xấu hổ khi đưa cậu quyển *Cái giá của Bình minh*.”

“Không phải xấu hổ đâu. Tớ đọc sang *Vĩnh biệt Mayhem* rồi.”

“Một phần bổ sung sáng giá cho bộ truyện. Được rồi, thế gã tulip có phải một tay lừa đảo không? Tớ có linh cảm không hay về hắn.”

“Nói trước mất hay,” tôi đáp.

“Nếu hắn không phải là một quý ngài tử tế thì tớ sẽ móc mắt hắn ra mắt.”

“Cậu cũng thích truyện này nhĩ.”

“Chưa nói được gì đâu. Tớ có thể gặp cậu lúc nào?”

“Chắc chắn không chừng nào cậu chưa đọc xong *Nỗi đau tốt cùng*,” tôi cảm thấy thích việc câu giờ.

“Thế tớ nên cúp máy và đọc tiếp đây.”

“Cậu nên thế,” tôi nói. Cậu ấy cúp máy ngay mà chẳng nói một lời.

Tán tỉnh là trò mới mẻ, nhưng tôi thích nó.

Buổi sáng hôm sau tôi có lớp Thơ Ca Mỹ Thế kỷ Hai Mươi ở MCC. Cô giáo già nua này đang giảng một bài dài chín mươi phút về Sylvia Plath^[20] mà còn chẳng thềm trích một chữ của Sylvia Plath.

Khi tôi ra khỏi lớp, mẹ vẫn đang nổ máy chờ ở lề đường trước dãy nhà.

“Mẹ lại đợi ở đây suốt buổi học à?” tôi hỏi trong khi bà vội vã giúp tôi đẩy cái giá và bình ôxy vào trong xe.

“Không, mẹ đi lấy đồ giặt là xong đến bưu điện.”

“Sau đó?”

“Mẹ có một cuốn sách cần đọc,” bà nói.

“Và con mới là người cần tận hưởng cuộc sống.” Tôi cười, và bà cũng cố gắng mỉm cười theo, nhưng có chút gì ngượng nghịu trong đó. Một giây sau

tôi nói, “Mẹ muốn đi xem phim không?”

“Có chứ. Bất cứ phim gì con muốn xem?”

“Mẹ cứ làm xong việc đi trong lúc mình đến rồi xem có gì chiếu sau.” Bà đóng cửa xe giúp tôi rồi đi vòng qua xe sang bên tay lái. Chúng tôi đến rạp Castleton và xem một bộ phim 3D về chuột nhảy biết nói. Nó thực sự cũng buồn cười.

Khi ra khỏi rạp tôi, nhận được bốn tin nhắn từ Augustus.

Nói cho tớ sách còn thiếu hai chục trang cuối hay sao đi.

Hazel Grace, nói với tớ là chưa đến kết truyện đi.

ÔI CHÚA ƠI HỌ CÓ ĐỊNH CƯỚI HAY KHÔNG ÔI CHÚA ƠI CHUYỆN
GÌ THẾ NÀY

Tớ đoán Anna chết và thế là hết hả? TÀN NHẪN. Gọi tớ nhé. Hi vọng mọi chuyện vẫn ổn.

Thế nên ngay sau khi về đến nhà tôi vòng qua sân sau rồi ngồi trên một

chiếc ghế lưới mắt cáo han gỉ rồi gọi điện cho cậu ấy. Hôm ấy trời đầy mây, một ngày điển hình ở Indiana: kiểu thời tiết ngọt ngào khó chịu. Nổi bật trên mảnh sân nho nhỏ ấy là một chiếc ghế đu thời thơ ấu của tôi, giờ nhìn nó ướt nhèm nhẹ nhàng thương.

Augustus nghe sau hồi chuông reo thứ ba. “Hazel Grace,” cậu ấy nhắc máy.

“Chào mừng cậu đến với sự tra tấn ngọt ngào của *Nỗi đau* –” tôi ngừng lại vì nghe thấy tiếng sột sột rõ to bên đầu dây kia. “Cậu ổn chứ?” tôi hỏi.

“Tớ tuyệt lắm,” Augustus trả lời. “Tuyệt, nhưng tớ đang ở cạnh Isaac, nó đang suy sụp.” Tiếng khóc ngày một rõ hơn. Nghe giống như tiếng kêu trước khi chết của mấy con thú bị thương. Gus quay sang Isaac. “Này. Này. Hazel Nhóm Tương Trợ sẽ khiến mày thấy tốt hơn chứ hay tệ hơn hả? Tập. Trung. Vào. Tao.” Một phút sau Gus nói với tôi, “Cậu có thể đến nhà gặp bọn tớ khoảng, xem nào, hai mươi phút nữa được không?”

“Được chứ,” tôi nói rồi gác máy.

Nếu có thể lái xe theo một đường thẳng thì chỉ mất có năm phút đi từ nhà tôi đến nhà Augustus, nhưng không thể lái xe theo một đường thẳng được vì Công viên Holliday nằm chắn giữa.

Mặc dù đó là cả một sự bất tiện về mặt địa lý, nhưng tôi thực sự thích Công viên Holliday. Hồi còn bé tôi thường tung tẩy dưới Sông Trắng^[21] cùng bố, khoảnh khắc tuyệt vời khi ông quăng tôi lên giữa khoảng không, đơn giản là tung tôi lên rồi tôi dang hai tay như thể đang bay vậy và ông sẽ đưa tay ra đón lấy, nhưng rồi ông nhận ra tay ông không với được tới tôi còn tôi thì chẳng có ai đỡ ở dưới, điều đó làm cả hai bố con đều sợ hãi, rồi tôi rơi tõm người xuống nước một lúc rồi lại trôi lên chẳng hề hấn gì, làn sóng đẩy tôi lại về phía ông và tôi năn nỉ *nửa đi, Bố, nửa đi*.

Tôi đỗ ở lối vào ngay cạnh một chiếc Toyota mui kín cũ màu đen mà tôi

đoán là xe của Isaac. Kéo chiếc bình đăng sau lưng, tôi bước đến gõ cửa. Bố Gus ra mở cho tôi.

“Hazel Được Rồi,” bác ấy nói. “Rất vui được gặp lại cháu.”

“Augustus nói cháu ghé qua một chút ạ?”

“Ừ, thằng bé và Isaac đang ở dưới tầng hầm ấy.” Một tiếng khóc vọng lên ngay lúc đó. “Chắc Isaac đấy,” bố Gus nói, khẽ lắc đầu. “Bác Cindy đã phải lái xe ra ngoài, âm thanh đó...” ông bỏ lửng. “À, bác đoán chắc cháu sẽ muốn xuống hầm đấy. Có cần bác giúp mang cái, ờ, bình này không?” ông hỏi.

“Dạ không, cháu tự mang được. Dù sao cũng cảm ơn bác, Bác Waters.”

“Cứ gọi bác là Mark,” ông bảo.

Tôi có cảm giác sờ sợ lúc đi xuống. Nghe người khác than khóc không phải là trò giải trí ưa thích của tôi. Nhưng tôi vẫn bước tiếp.

“Hazel Grace,” Augustus nói khi nghe thấy tiếng bước chân của tôi. “Isaac, Hazel Nhóm Tương Trợ đang xuống đấy. Hazel, một lời nhắc nho nhỏ: Isaac đang trong giai đoạn khủng hoảng tinh thần.”

Augustus và Isaac đang ngồi trên chiếc ghế lười hình chữ L, chăm chăm nhìn cái màn hình khổng lồ. Màn hình được chia làm hai, phần bên trái của Isaac và bên phải của Augustus. Họ là những người lính chiến đấu trong một thành phố hiện đại bị dội bom. Tôi nhận ra đó là một cảnh trong truyện *Cái giá của Bình minh*. Khi mới tới tôi còn chẳng nhận ra điều gì khác thường cả: chỉ là hai thằng con trai ngồi khuất trong quầng sáng của màn hình to vĩ đại đóng vai đi giết người ta.

Đến khi tôi đứng ngang tầm họ tôi mới thấy khuôn mặt Isaac. Nước mắt ràn rụa qua đôi gò má đỏ ửng thành dòng, khuôn mặt căng lên đau khổ. Cậu ấy vẫn ngó chăm chăm vào màn hình, chẳng thèm liếc nhìn tôi, khóc rống lên,

trong khi tay vẫn bấm lia lịa vào tay cầm điều khiển của mình. “Cậu khỏe chứ, Hazel?” Augustus hỏi.

“Tớ ổn mà,” tôi đáp. “Isaac?” Không một tiếng đáp lại. Không một tí ti dấu hiệu nào cho biết cậu ấy để ý đến sự hiện diện của tôi. Chỉ nước mắt và nước mắt vẫn chảy thấm từ khuôn mặt xuống chiếc áo phông đen của cậu.

Augustus thỉnh thoảng liếc nhìn tôi qua màn hình TV. “Cậu trông thật tuyệt,” cậu ta nói. Tôi đang mặc chiếc váy chớm-quá-đầu-gối tôi có lâu lắm rồi. “Bọn con gái nghĩ họ chỉ được phép mặc váy vào những dịp lễ quan trọng, nhưng tớ thì thích phụ nữ kiểu, cậu biết đấy, *tớ chuẩn bị đến gặp một anh chàng thần kinh không ổn định, một anh chàng chỉ còn cảm nhận mong manh về thị giác, và ôi mẹ nó, tớ sẽ mặc váy cho anh chàng đó xem.*”

“Ừ nhưng,” tôi nói, “Isaac còn chẳng buồn liếc nhìn tớ. Vẫn rất yêu Monica, tớ đoán thế,” và nhận ngay kết quả là một tiếc nắc nỡ lòng.

“Chuyện đó hơi nhạy cảm đấy,” Augustus giải thích. “Isaac, không biết mày thế nào nhưng tao linh cảm chúng ta đang bị tấn công bên mạn sườn đấy.” Rồi quay sang với tôi, “Isaac và Monica không đi lại với nhau nữa. Nhưng nó không muốn nói về chuyện đó. Nó chỉ khóc lóc đòi chơi trò Counterinsurgence 2: Cái giá của Bình minh thôi.”

“Tớ hiểu rồi,” tôi nói.

“Isaac, tao thấy không ổn về vị trí bọn mình. Nếu đồng ý thì mày chạy qua chỗ trạm điện đi tao sẽ yểm trợ.” Isaac chạy thẳng đến một tòa nhà chẳng biết gọi là gì trong khi Augustus vừa xóc một loạt đạn súng máy vừa chạy đằng sau.

“À này,” Augustus nói với tôi, “*nói chuyện* sẽ không làm tổn thương nó đâu. Nếu cậu có bất cứ lời khuyên tế nhị nào của phái nữ ấy.”

“Thực ra tớ thấy phản ứng của cậu ấy như vậy cũng là phải thôi,” tôi nói trong khi tràng đạn tuôn ra từ súng của Isaac vừa giết một tên địch mới lộ đầu

ra khỏi chiếc xe thùng đã cháy rụi.

Augustus gật đầu với cái màn hình. “Nỗi đau là để cảm nhận,” cậu ấy nói, một câu trong *Nỗi đau tốt cùng*. “Mày chắc không còn thằng nào sau mình chứ?” cậu ấy hỏi Isaac. Một lúc sau những viên đạn vạch đường bắt đầu rít lên bên trên đầu họ. “Ôi mẹ nó, Isaac,” Augustus kêu lên. “Tao không có ý trách móc gì mày trong khoảng thời gian yếu đuối của mày đâu, nhưng mày đã để mình bị chọc thủng sườn rồi, giờ thì chẳng còn gì chặn giữa đám khủng bố và trường học nữa.” Nhân vật của Isaac chạy về phía đám cháy, ngoắt ngoắt ngoéo ngoéo qua một con hẻm hẹp.

“Cậu có thể đi tới chỗ cây cầu và vòng lại,” tôi nói, một chiến thuật tôi biết được nhờ đọc *Cái giá của bình minh*.

Augustus thở dài. “Buồn thay, cây cầu đã nằm dưới tầm kiểm soát của quân nổi dậy nhờ chiến lược hồi chấm của thằng đồng đội quản trí đây.”

“Tao?” Isaac nói, giọng phì phì. “Tao?! Chính mày là thằng đề nghị chạy đến núp chỗ trạm điện khi gió kia mà.”

Gus rời mắt khỏi màn hình trong tích tắc và bắt đầu nụ cười nhếch miệng của mình. “Tao biết mày sẽ mở mồm ra mà thằng gà,” cậu ta nói. “Giờ thì đi cứu lũ trẻ thôi.”

Họ cùng nhau chạy dọc theo con hẻm, vừa nổ súng vừa ẩn nấp cho đến khi tới một phòng học đơn một tầng. Họ núp sau một bức tường chặn ngang qua phố và tia dần từng tên một.

“Tại sao chúng lại muốn chiếm trường học?” tôi hỏi.

“Chúng muốn giữ lũ trẻ làm con tin,” Augustus trả lời. Đôi vai cậu ấy vồng lên che khuất tay cầm điều khiển, vẫn lia lịa bấm nút, căng tay căng ra, những ven máu nổi rõ. Isaac nghiêng người về phía màn hình, các ngón tay thanh mảnh nhảy múa trên tay cầm điều khiển. “Chết mày chết mày chết mày,” Augustus hét. Làn sóng quân khủng bố vẫn tiếp tục túa ra, và họ xử lý từng

thăng một, những phát bắn chuẩn xác kinh người, tất nhiên phải thế, nếu không đạn sẽ trúng vào trường học.

“Lựu đạn! Lựu đạn!” Augustus hét lên khi có một vật bay vòng qua màn hình, dội về phía cổng trường rồi lăn vào cửa.

Isaac buông tay cầm điều khiển trong nỗi thất vọng. “Nếu mấy thằng chết tiệt này không bắt sống được con tin, bọn nó sẽ giết họ rồi đổ cho chúng ta.”

“Yểm trợ cho tao.” Augustus nói trong khi cậu nhảy vọt ra khỏi bức tường và lao về phía trường học. Isaac lúng túng chớp lấy tay cầm bắt đầu bắn lia lịa trong khi đạn rớt như mưa xuống đầu Augustus, dù đã bị trúng một rồi hai viên đạn nhưng vẫn cố gắng chạy, Augustus hét lên, “BỌN MÀY KHÔNG THỂ HẠ MAX MAYHEM!” và với một loạt kết hợp những phím bấm lần cuối cùng, cậu nhảy lên ôm quả lựu đạn đang phát nổ ngay dưới. Cơ thể cậu ấy nổ tung tóe như một mạch nước rồi cả màn hình chuyển sang màu đỏ. Một giọng khàn khàn cất lên, “NHIỆM VỤ THẤT BẠI,” nhưng dường như Augustus không nghĩ thế bởi lẽ cậu ấy mỉm cười khi nhìn những tàn tích còn sót lại của mình trên màn hình. Cậu ấy thò tay vào túi quần, móc một điều thuốc ra và đặt nó giữa hai hàm răng. “Bọn trẻ đã an toàn,” cậu ấy nói.

“Tạm thời thôi,” tôi chỉnh lại.

“Mọi sự cứu vớt chỉ là tạm thời,” Augustus đáp. “Tớ đã đem lại cho chúng một phút. Có thể một phút đó sẽ kéo dài thêm được một giờ, một giờ đó có thể sẽ kéo dài thêm được một năm. Không ai kéo dài được mãi mãi, Hazel Grace, nhưng mạng sống của tớ đã đem lại cho bọn trẻ thêm một phút. Điều đó không phải là không có ý nghĩa.”

“Whoa, được rồi,” tôi nói. “Chúng ta đang nói trò chơi thôi mà.”

Cậu ấy nhún vai, như thể cậu ấy tin rằng trò chơi có thể thực sự có thực. Isaac lại bắt đầu khóc lóc. Augustus quay đầu về phía cậu ấy. “Nhận lại nhiệm vụ này không, đồng chí?”

Isaac lắc đầu. Cậu ấy nhào người qua Augustus để nhìn tôi và nói với giọng trầm trầm, “Rốt cuộc thì cô ấy cũng không còn muốn tiếp tục nữa.”

“Cô ấy không muốn phải bỏ rơi một người bị mù,” tôi nói. Cậu ấy gật đầu. Nước mắt không rơi từng giọt nữa mà nhiều như một chiếc máy gõ nhịp thăm lặng – đều đặn, không ngừng.

“Cô ấy nói cô ấy không thể đối mặt với điều đó,” cậu ấy nói. “Tớ sắp mất thị lực và cô ấy không thể đối mặt với điều đó.”

Tôi đang nghĩ về từ *đối mặt*, và về tất cả những thứ không thể đối mặt cuối cùng vẫn được giải quyết. “Tớ rất tiếc,” tôi nói.

Cậu ấy lau khuôn mặt đầy nước mắt của mình bằng ống tay áo. Đằng sau cặp kính đó, đôi mắt của Isaac trông lớn đến nỗi mọi chi tiết khác trên khuôn mặt cậu như thể đều biến mất, cặp mắt vô hồn như lìa ra chòng chọc nhìn tôi – một mắt thật, một mắt giả. “Không thể chấp nhận được,” cậu ấy nói với tôi. “Hoàn toàn không chấp nhận được.”

“Nhưng công bằng mà nói,” tôi bảo, “Tớ nghĩ, có thể cô ấy *không thể* đối mặt với chuyện này. Cậu cũng vậy. Nhưng cô ấy không nhất thiết *phải* đối mặt với chuyện đó, mà cậu thì bắt buộc.”

“Lúc nào tớ cũng nói ‘luôn luôn’ với cô ấy, ‘luôn luôn luôn luôn luôn luôn,’ cô ấy thì cứ nói chuyện này chuyện nọ mà chẳng hề nhắc lại từ ấy với tớ. Cứ như thể tớ đã biến mất rồi ấy, cậu hiểu không? ‘Luôn luôn’ là một lời hứa! Làm sao mà cứ phá vỡ một lời hứa như thế được?”

“Đôi khi người ta không hiểu được cái lời hứa họ tạo nên khi nói nó ra đâu,” tôi nói.

Isaac ném cho tôi một cái nhìn. “Phải rồi, dĩ nhiên. Nhưng ít ra cũng phải giữ lời chứ. Đây mới là tình yêu. Tình yêu là giữa lời hứa dù có chuyện gì đi nữa. Cậu không tin vào tình yêu đích thực sao?”

Tôi không trả lời. Tôi không có câu trả lời. Nhưng tôi nghĩ nếu tình yêu đích thực có tồn tại, thì đó hẳn là một định nghĩa hoàn hảo dành cho nó.

“Tớ thì có tin vào tình yêu đích thực,” Isaac nói. “Và tớ yêu cô ấy. Và cô ấy đã hứa. Cô ấy *đã hứa sẽ luôn luôn*,” cậu ấy đứng dậy rồi bước một bước về phía tôi. Tôi cũng nhồm mình đứng dậy, nghĩ cậu ấy cần một cái ôm gì đấy, nhưng cậu ấy chỉ đứng nhìn mọi thứ xung quanh như thể chính mình cũng không nhớ nổi ý định đứng dậy để làm gì, rồi cả tôi và Augustus đều nhận thấy cơn thịnh nộ bùng lên khuôn mặt cậu ấy.

“Isaac,” Gus gọi.

“Sao?”

“Trông mày...xin lỗi nó hơi đa nghĩa, nhưng bạn ạ, có thứ gì đó hơi đáng ngại trong mắt mày.”

Đột nhiên Isaac đập cái ghế cậu vừa ngồi khiến nó lộn nhào về phía giường của Gus. “Nào bắt đầu nào,” Augustus nói. Isaac với theo kéo cái ghế lại rồi đập thêm phát nữa. “Chuẩn rồi,” Augustus tiếp tục. “Tóm lấy nó. Đập chết nó đi!” Isaac đá cái ghế thêm vài phát đến khi nó lăn lóc cạnh giường của Gus, rồi cậu ấy túm lấy một cái gối và bắt đầu đập nó vào khoảng tường giữa chiếc giường và giá cúp bên trên.

Augustus nhìn qua tôi, điều thuốc vẫn còn trên miệng, nửa khóe miệng cười. “Tớ không thể ngừng nghĩ về cuốn sách.”

“Tớ biết mà, nhỉ?”

“Ông ấy chưa bao giờ nói chuyện gì đã xảy đến với các nhân vật khác sao?”

“Chưa,” tôi đáp lời cậu ấy. Isaac vẫn đang hành hạ bức tường bằng chiếc gối. “Ông ấy chuyển tới Amsterdam, khiến tớ đã nghĩ có thể ông ấy sẽ tiếp

tục câu chuyện với chú Tulip Hà Lan, nhưng ông vẫn chưa xuất bản gì thêm cả. Ông ấy chưa bao giờ trả lời phỏng vấn. Cũng không lên mạng. Tớ đã viết một lô một lốc những lá thư để hỏi chuyện gì đã xảy ra với mọi người, nhưng ông ấy cũng không bao giờ hồi đáp. Thế...ừm,” tôi ngừng nói vì có vẻ Augustus không chú ý. Thay vì đó, cậu ấy liếc sang Isaac.

“Đợi nhé,” cậu ấy thì thầm với tôi. Cậu ấy đi về phía Isaac và chộp lấy hai vai cậu ta. “Thăng điên, gỏi vờ sao được. Kiểm cái gì vờ được đi.”

Isaac với lấy chiếc cúp bóng rổ ở giá phía trên chiếc giường và cứ giữ nó trên đầu như thể còn đợi lệnh. “Đúng rồi,” Augustus nói. “Ném đi!” Chiếc cúp lao thẳng xuống nền nhà, tay anh cầu thủ bóng rổ bằng nhựa đứt rời ra, vẫn nắm chặt quả bóng. Isaac giẫm lên chiếc cúp. “Đúng rồi!” Augustus nói. “Tiếp đi!”

Và rồi quay lại với tôi, “Tớ đã cố tìm cách để nói với bố rằng thật ra tớ ghét bóng rổ, tớ nghĩ chúng ta đã tìm ra rồi đấy.” Các chiếc cúp lần lượt lần lượt bị lôi xuống, Isaac tiếp tục giẫm đạp lên chúng và hò hét trong khi Augustus và tôi đứng cách đó chỉ vài feet^[22], chịu đựng việc phải chứng kiến cơn điên cuồng. Những mảnh vụn của các cầu thủ bóng rổ bằng nhựa sứt sẹo và đáng thương vương vãi khắp dưới thảm: đây, một bàn tay vỡ đang ôm quả bóng; kia, đôi chân cụt thân vẫn trong tư thế nhảy lửng chừng. Isaac vẫn tiếp tục đập phá những chiếc cúp, nhảy lên chúng bằng cả hai chân, hò hét, hỗn hển, đầm mồ hôi, cho đến khi cuối cùng cậu ngồi sụp xuống đồng đồ nát của những chiếc cúp vỡ tan tành.

Augustus bước về phía cậu ấy và nhìn xuống. “Thấy đỡ hơn chứ?” cậu ấy hỏi.

“Không,” Isaac lầm bầm, lồng ngực cậu phập phồng.

“Đó là câu chuyện về nỗi đau,” Augustus nói, và rồi liếc lại nhìn tôi. “Nỗi đau là để cảm nhận.”

CHƯƠNG NĂM

Tôi không nói chuyện với Augustus khoảng một tuần sau đó. Tôi đã gọi cho cậu ấy vào cái Đêm Của Những Chiếc Cúp Vỡ, nên theo thường lệ thì đến lượt cậu ấy. Nhưng cậu ấy chẳng hề gọi. Tôi cũng không phải kiểu suốt ngày ôm khư khư điện thoại trong lòng bàn tay đầm mồ hôi, nhìn chăm chăm nó trong khi mặc chiếc Váy Vàng Độc Đáo, kiên nhẫn chờ đợi cuộc gọi đến từ vị lãng tử của mình như đúng tên gọi của cậu ấy. Tôi quay về với cuộc sống của mình: Uống cà phê với Kaitlyn và bạn trai (đáng yêu nhưng thành thực mà nói thì chẳng có tí chất gì giống Augustus) của cô ấy vào buổi chiều; đều đặn uống Phalanxifor theo chỉ định; đến lớp ba buổi sáng trong tuần ở MCC; và cùng ngồi ăn với bố mẹ mỗi tối.

Tối chủ nhật, chúng tôi ăn món pizza ớt xanh và súp lơ xanh. Cả nhà đang ngồi quây quần bên chiếc bàn tròn be bé trong bếp thì điện thoại tôi réo lên, nhưng tôi không được nghe máy vì ở nhà có một quy định ngặt nghèo là không-điện-thoại-trong-khi-ăn.

Thế nên tôi nhắm nháp một chút thức ăn trong khi bố mẹ nói chuyện về vụ động đất mới xảy ra ở Papua New Guinea. Ngày xưa hai người đã gặp nhau trong chiến dịch tình nguyện của Peace Corps[23] ở Papua New Guinea, thế nên bất cứ khi nào có chuyện gì, kể cả tin xấu đi nữa, họ bỗng nhiên như không còn là những người lớn đã ổn định cuộc sống của mình nữa mà trở nên tươi trẻ, lý tưởng, tự lập và gian truân như một thời từng vậy, họ cứ say sưa đến nỗi chẳng thèm để ý đến tôi đang ăn nhanh hơn bao giờ hết, đưa thức ăn từ đĩa vào miệng với tốc độ tàn bạo kinh hoàng khiến tôi gần như nghẹt thở, tất nhiên làm tôi sợ có khi hai lá phổi của mình sẽ lại bị bõm trong một bể tràn đầy dịch lần nữa. Tôi nhanh chóng xua tan ý nghĩ này trong đầu. Tôi có lịch chụp PET[24] trong một hai tuần nữa. Nếu có điều gì không ổn thì tôi sẽ sớm biết thôi. Từ giờ đến lúc ấy có lo lắng cũng chẳng giúp được gì.

Thế nhưng tôi vẫn thấy lo. Tôi vẫn yêu thích cuộc sống này. Tôi vẫn muốn níu giữ nó. Lo lắng cũng lại là một ảnh hưởng phụ của việc đang chết mà thôi.

Cuối cùng tôi cũng ăn xong và nói, “Con xin phép nhé?” trong khi họ vẫn chẳng ngừng cuộc trò chuyện về điểm mạnh và điểm yếu của cơ sở hạ tầng ở Guinea. Tôi rút điện thoại từ trong ví để trên quầy bếp ra và kiểm tra nhật ký cuộc gọi. *Augustus Waters*.

Tôi đi ra cửa sau bước vào ánh trời chạng vạng. Tôi có thể thấy chiếc ghế đu và nghĩ tới chuyện ngồi đó đung đưa trong khi nói chuyện với Augustus, nhưng khoảng cách dường như quá xa vì *chuyện ăn uống* đã khiến tôi phát mệt.

Thay vì đó, tôi ngồi bệt xuống thảm cỏ mép vườn, ngó lên chòm Lạp Hộ, chòm sao duy nhất tôi có thể nhận ra, và gọi cho cậu ấy.

“Hazel Grace,” cậu ấy nhắc máy.

“Chào,” tôi nói. “Cậu khỏe chứ?”

“Tuyệt lắm,” cậu ấy đáp. “Tớ đã muốn gọi cho cậu gần như từng phút một, nhưng tớ đã đợi cho đến khi tớ có thể định hình được một suy nghĩ hoàn chỉnh về vấn đề *Nỗi đau tốt cùng*.” (Cậu ấy dùng từ “về vấn đề.” Cậu ấy nói thế. Anh chàng đó.)

“Và?” tôi hỏi.

“Tớ nghĩ nó giống như...Đọc nó tớ cứ có cảm giác như là, giống như...”

“Giống như gì hả?” tôi trêu cậu ta.

“Như một món quà?” cậu ấy hỏi kiểu dò xét. “Như là cậu đã tặng tớ một thứ gì đó rất quan trọng.”

“Ồ,” tôi khẽ thốt lên.

“Tệ quá,” cậu ấy nói. “Tớ xin lỗi.”

“Không sao,” tôi bảo. “Không sao mà. Đừng xin lỗi tớ.”

“Nhưng nó không hề kết thúc.”

“Ừ,” tôi nói.

“Tra tấn. Tớ hoàn toàn *hiếu được*, như kiểu, hiếu được là cô ấy chết hay gì cũng được.”

“Ừ, tớ cũng đoán như thế,” tôi nói.

“Và thôi được, cứ cho là thế, nhưng có một thỏa thuận bất thành văn giữa tác giả và độc giả và tớ nghĩ không kết thúc câu chuyện cũng là một kiểu vi phạm thỏa thuận đấy.”

“Tớ không biết,” tôi đáp, cảm thấy như đang bênh vực Peter Van Houten. “Đây cũng là một phần tớ thích về quyển này theo một cách nào đó. Nó miêu tả chân thực về cái chết. Chúng ta chết ngay giữa cuộc đời, ngay giữa một câu văn. Nhưng tớ muốn – Chúa ơi, tớ thực sự muốn biết chuyện gì đã xảy ra với những người khác nữa. Tớ đã hỏi ông ấy trong mấy lá thư. Nhưng ông ấy thì, ừ, chẳng bao giờ trả lời cả.”

“Ừ. Cậu nói ông ấy sống ẩn dật à?”

“Đúng vậy.”

“Không một dấu vết?”

“Đúng thế.”

“Hoàn toàn không liên lạc được,” Augustus nói.

“Đáng tiếc là vậy,” tôi đáp.

““Thưa ngài Waters,”” cậu ấy trả lời. ““Tôi viết thư này nhằm gửi lời cảm ơn vì bức thư điện tử mà tôi đã nhận được thông qua quý cô Vliegenthart vào mừng sáu tháng Tư này, đến từ Hợp chủng quốc Hoa Kỳ, ở một chừng mực nào đó mà khoảng cách địa lý có thể nói là đang tồn tại ở thời đại số hóa đáng tự hào này của chúng ta.””

“Augustus, cái quái gì đó?”

“Ông ấy có một người trợ lý,” Augustus nói. “Lidewij Vliegenthart. Tôi đã tìm được cô ấy. Tôi gửi mail. Cô ấy chuyển cho ông bức email đấy. Rồi ông ấy trả lời tôi theo địa chỉ kia.”

“Được rồi, được rồi. Cậu đọc tiếp đi.”

““Thư phúc đáp của tôi vốn được viết bằng mực và giấy như những thời quá khứ huy hoàng của tổ tiên cha ông chúng ta, sau đó được phiên mã qua một dãy các con số 1 và 0 nhằm du hành trong mạng lưới tế nhện đã mê hoặc giống loài của chúng ta gần mới đây, do đó xin được thứ lỗi nếu có bất kỳ sai lầm hay thiếu sót nào có thể xảy ra.

““Với vô vàn những thú vui chơi chè chén được sắp đặt sẵn dành cho những quý ngài quý cô trẻ tuổi trong thế hệ của ngài, tôi vô cùng cảm kích trước bất kỳ ai ở bất kỳ nơi đâu đã dành ra một vài giờ cần thiết đọc cuốn sách bé nhỏ này. Nhưng tôi đặc biệt mang ơn ngài, thưa ngài, không chỉ vì những lời lẽ tốt đẹp của ngài dành cho *Nỗi đau tốt cùng* mà còn vì đã bớt chút thời gian cho tôi biết rằng cuốn sách, như tôi trích nguyên văn ở đây, “có ý nghĩa rất lớn” đối với ngài.

““Lời nhận xét này, tuy thế, lại khiến tôi băn khoăn: Theo ngài thì có ý nghĩa mang ý nghĩa như thế nào? Khi mà cuộc đấu tranh với kết cục chỉ là phù phiếm, chút ý nghĩa trào dâng ngăn ngui mà nghệ thuật đem lại cho

chúng ta có thực sự có giá trị? Hay là chỉ giá trị trong việc khiến thời gian trôi qua trở nên dễ chịu nhất có thể? Một câu chuyện nên đi theo chiều hướng nào đây, ngài Augustus? Một hồi chuông cảnh tỉnh? Một lời kêu gọi chiến đấu? Một liều thuốc giảm đau? Dĩ nhiên, như mọi lẽ nghi vấn trong vũ trụ, dòng thắc mắc này chắc hẳn lại khiến chúng ta trở về với câu hỏi liệu cuộc sống con người có giá trị gì và phải chăng – xin mượn lời những đứa trẻ mười sáu tuổi gánh nặng ưu tư mà chắc hẳn ngài không khỏi cảm ghét – *tất cả đều mang một ý nghĩa nào đó*.

“Tôi e rằng không, bạn của tôi, và hẳn ngài sẽ nhận được chút khích lệ hiếm hoi từ việc đi sâu hơn vào tác phẩm của tôi. Nhưng để trả lời câu hỏi của ngài: Không, tôi đã không viết thêm một dòng nào nữa, và vẫn sẽ như thế. Tôi không cảm thấy rằng việc chia sẻ những ý tưởng của tôi với độc giả sẽ đem lại bất kỳ lợi ích nào cho cả họ và tôi. Một lần nữa xin cảm ơn vì bức email hào phóng của ngài.

“Trân trọng kính chào, Peter Van Houten, gửi qua Lidewij Vliegenthart.”

“Wow,” tôi thốt lên. “Bạn không tự viết cái này đấy chứ?”

“Hazel Grace, liệu tớ, với khả năng trí tuệ ít ỏi của mình, có thể bịa ra một lá thư từ Peter Van Houten với những cụm từ bay bướm kiểu “ở thời đại số hóa đáng tự hào này của chúng ta” không chứ?”

“Bạn thì không,” tôi cũng đồng ý thế. “Tớ có thể, tớ có thể xin địa chỉ email được không?”

“Tất nhiên,” Augustus đáp, cứ như nó không phải là món quà quý giá nhất mà tôi từng nhận được.

Tôi dành hai giờ sau đó để viết một bức email cho Peter Van Houten. Mỗi lần viết lại nó còn trông tệ hơn, nhưng mà tôi không thể ngừng được.

Kính gửi Ngài Peter Van Houten

(Xin nhờ chị Lidewij Vliegenthart chuyển giúp),

Cháu là Hazel Grace Lancaster. Bạn cháu, Augustus Waters, người đã đọc *Nỗi đau tốt cùng* theo lời cháu giới thiệu, vừa nhận được email từ ngài theo địa chỉ này. Cháu hi vọng ngài không phiền khi Augustus đã chia sẻ nội dung bức thư ấy với cháu.

Thưa ngài Van Houten, như cháu hiểu qua bức thư của ngài cho Augustus, ngài không có ý định sẽ xuất bản bất kỳ cuốn sách nào nữa. Nói một cách nào đó, điều này vừa khiến cháu thất vọng, nhưng lại vừa nhẹ nhõm: Cháu sẽ không bao giờ phải lo lắng liệu cuốn sách tiếp theo có đạt được sự hoàn hảo đáng kinh ngạc như cuốn đầu tiên hay không. Là một bệnh nhân sống sót đã ba năm qua căn bệnh ung thư giai đoạn IV, cháu có thể nói rằng ngài đã đúng về mọi chuyện trong *Nỗi đau tốt cùng*. Hoặc ít nhất ngài đã viết đúng về *cháu*. Cuốn sách của ngài cho cháu biết cháu đã cảm thấy những gì ngay cả khi chưa nhận thức được điều đó, và cháu đã đọc đi đọc lại nó hàng chục lần.

Dù vậy, cháu vẫn luôn băn khoăn không biết ngài có phiền lòng giải đáp giúp cháu một vài câu hỏi về những gì đã xảy ra sau cái kết của câu chuyện không. Cháu hiểu rằng cuốn sách kết thúc bởi vì Anna đã chết hay ốm đến mức không thể tiếp tục viết, nhưng cháu thực sự muốn biết chuyện gì đã xảy ra với mẹ Anna – liệu bà ấy có lấy chú Tulip Hà Lan hay không, liệu bà ấy có thêm một đứa bé khác nữa không, hay liệu bà ấy có còn ở số 917 đường W. Temple nữa không, v.v. Còn nữa, liệu chú Tulip Hà Lan có phải là kẻ lừa đảo không hay ông thực sự yêu hai mẹ con họ? Chuyện gì đã xảy ra với bạn của Anna – mà cụ thể là Claire và Jake? Họ có ở cùng nhau không? Và cuối cùng – cháu nhận ra đây là câu hỏi sâu sắc và ý nghĩa nhất mà ngài luôn mong độc giả sẽ để ý tới – điều gì đã xảy ra với Sisyphus[25] chú chuột Hamster? Những câu hỏi này đã ám ảnh cháu hàng nhiều năm qua – và cháu không biết cháu còn đợi được bao lâu để có lời giải đáp.

Cháu biết đây không phải là những câu hỏi văn chương quan trọng trong khi cuốn sách của ngài tràn ngập những câu hỏi văn chương quan trọng ấy,

nhưng cháu vẫn thực sự rất muốn biết.

Và tất nhiên, bất cứ khi nào ngài quyết định sẽ viết thứ gì khác nữa dù không xuất bản chúng, cháu rất mong được đọc nó. Thành thực mà nói, cháu cũng muốn đọc cả hóa đơn mua hàng tạp hóa của ngài.

Với lòng hâm mộ cuồng nhiệt,

Hazel Grace Lancaster

(16 tuổi)

Sau khi gửi nó đi, tôi gọi lại cho Augustus, chúng tôi thức đến tận đêm để nói chuyện về *Nỗi đau tốt cùng*, và tôi đã đọc cho cậu ấy nghe bài thơ của Emily Dickinson[26] mà Van Houten đã dùng để đặt tên cho cuốn sách[27], cậu ấy khen tôi có một giọng đọc tuyệt vời và không ngắt quá lâu cho mỗi lần xuống dòng, rồi cậu ấy nói với tôi về cuốn sách thứ sáu của bộ *Cái giá của Bình minh*, cuốn *Lời chấp thuận Đắm máu*, cũng bắt đầu với đoạn trích trong một bài thơ. Mất một lúc để tìm quyển sách nhưng cuối cùng cậu ấy cũng đọc được cho tôi nghe. ““Hãy nói cuộc đời đang đổ sụp. Nụ hôn cuối trao nhau / Tận năm nào năm nào.[28]””

“Cũng tạm,” tôi nói. “Hơi màu mè. Tố tin Max Mayhem sẽ gọi đấy là ‘sến sẩm.’”

“Ừ, với hàm răng lúc nào cũng cắn chặt của ông ấy thì chẳng nghi ngờ gì. Chúa ơi, Mayhem nghiền răng suốt cả bộ sách này. Ông ấy chắc chắn sẽ bị sái quai hàm nếu còn sống sót qua tất cả các trận chiến mất.” Rồi sau một giây, Gus hỏi, “Nụ hôn cuối của cậu là bao giờ?”

Tôi nghĩ về nó. Những nụ hôn của tôi – tất cả đều trước khi mắc bệnh – đều không thoải mái và ướt át khó chịu, một cách nào đó thì cũng như những đứa trẻ con tập chơi trò người lớn. Nhưng tất nhiên đấy là lâu lắm rồi. “Khoảng

vài năm trước,” cuối cùng tôi đáp. “Còn cậu?”

“Tớ đã có vài hôn nồng cháy với người yêu cũ, Caroline Mathers.”

“Cũng mấy năm rồi à?”

“Lần cuối là chưa đầy một năm trước.”

“Chuyện đấy như thế nào?”

“Lúc hôn á?”

“Không, cậu và Caroline cơ.”

“À,” cậu ấy đáp, ngập ngừng một giây. “Caroline không còn phải chịu đựng kiếp người đau khổ nữa.”

“Ồ,” tôi nói.

“Ừ,” cậu ấy nói.

“Tớ rất tiếc,” tôi nói. Tôi từng biết rất nhiều người đã mất, nhưng chưa từng hẹn hò với ai trong số họ. Tôi thực sự còn không dám nghĩ đến.

“Không phải lỗi của cậu, Hazel Grace. Chúng ta cũng chỉ là những ảnh hưởng phụ thôi, đúng không?”

“Những con hà bám trên chuyến tàu mang theo ý thức,” tôi nói, trích một câu trong *NDTC*.

“Okay,” cậu ấy nói. Tớ phải đi ngủ đây. Gần một giờ rồi.

“Okay,” tôi nói.

“Okay,” cậu ấy nói.

Tôi cười khúc khích và nói, “Okay.” Đầu dây bên kia bỗng im lặng nhưng chưa gác máy. Tôi gần như cảm thấy cậu ấy đang ở đây trong căn phòng này với tôi, nhưng theo một cách còn tuyệt hơn thế, như thể tôi không ở trong phòng của tôi và cậu ấy cũng không ở trong phòng cậu ấy, thay vì đó cả hai cùng ở trong một không gian thứ ba vô hình và mong manh mà chỉ có thể gặp được qua điện thoại.

“Okay,” cậu ấy nói sau một lúc lâu. “Có thể *okay* sẽ là *luôn luôn* của chúng ta.”

“Okay,” tôi đáp.

Cuối cùng Augustus là người gác máy trước.

Peter Van Houten trả lời thư của Augustus chỉ bốn tiếng đồng hồ sau khi cậu ấy gửi nó, nhưng đã hai ngày rồi mà Van Houten vẫn chưa trả lời tôi. Augustus quả quyết với tôi đó là vì lá thư của tôi sâu sắc hơn và cần những lời đáp đầy ý nghĩa, rằng Van Houten vẫn đang bận viết câu trả lời cho những câu hỏi của tôi, và những áng tuyệt bút như vậy luôn cần nhiều thời gian. Nhưng tôi vẫn thấy lo lắng.

Hôm thứ Tư trong giờ Thơ Ca Mỹ Đại Cường Cho Kẻ Ngốc, tôi nhận được một tin nhắn từ Augustus.

Isaac đã ra khỏi phòng mổ. Mọi thứ vẫn tốt. Cậu ấy chính thức được xác nhận NEC.

NEC nghĩa là “không có dấu hiệu ung thư.”[\[29\]](#) Một vài giây sau tin nhắn thứ hai đến.

Ý tớ là, cậu ấy đã bị mù. Thật bất hạnh.

Chiều hôm ấy, mẹ bằng lòng cho tôi mượn xe để tự lái đến viện Memorial thăm Isaac.

Tôi tìm phòng cậu ấy trên tầng năm, vịn gõ cửa dù nó đang mở, một giọng phụ nữ cất lên, “Cháu vào đi.” Đó là một cô y tá đang làm gì đó với tấm gạc trên đôi mắt của Isaac. “Hey, Isaac,” tôi chào.

Và cậu ấy đáp lại, “Mon?”[\[30\]](#)

“Ồ, không. Xin lỗi. Không, tớ là, ừm, Hazel. Ừm, Hazel Nhóm Tương Trợ? Hazel đêm-của-những-chiếc-cúp-vỡ?”

“À,” cậu ấy đáp. “Ừ, mọi người cứ nói mãi là mấy giác quan khác sẽ trở nên nhạy hơn để bù lại, nhưng RÕ RÀNG LÀ CHƯA. Chào Hazel Nhóm Tương Trợ. Nào hãy đến đây để tớ có thể khám phá khuôn mặt cậu với đôi bàn tay và nhìn sâu vào tâm hồn cậu hơn bất cứ người sáng mắt nào có thể.”

“Cậu ta đùa đấy,” cô y tá nói.

“Dạ,” tôi đáp. “Cháu biết mà.”

Tôi bước về phía chiếc giường, kéo ghế ra và ngồi xuống nắm lấy tay cậu

ấy. “Hey,” tôi gọi.

“Hey,” cậu ấy đáp lại. Rồi cứ thế im lặng một lúc.

“Cậu thấy sao?” tôi hỏi.

“Ồn,” cậu ấy trả lời. “Tớ không biết nữa.”

“Không biết gì cơ?” tôi hỏi. Tôi nhìn vào bàn tay cậu ấy vì tôi không muốn nhìn vào khuôn mặt đó với băng gạc cuốn quanh đôi mắt. Isaac cắn móng tay, và tôi còn có thể thấy máu rướm ra một đôi chỗ.

“Cô ấy vẫn chưa đến thăm,” cậu ấy nói. “Tớ nghĩ chúng tớ đã bên nhau những mười bốn tháng. Mười bốn tháng là một quãng thời gian dài. Chúa ơi, đau đớn quá.” Isaac buông tay tôi ra để mò mẫm cái máy truyền thuốc, cái mà mỗi lần bạn ấn vào nó sẽ truyền cho bạn một chút thuốc gây tê.

Cô y tá đã hoàn tất việc thay băng của mình, bước trở lại. “Mới một ngày thôi, Isaac,” cô ấy nói, có vẻ trịch thượng. “Cháu phải tự cho mình thời gian để chữa lành nó. Và mười bốn tháng *chưa phải* đã dài đâu, so với một loạt những việc khác. Cháu mới chỉ đang bắt đầu thôi, ngốc ạ. Rồi cháu sẽ thấy.”

Cô y tá quay đi. “Cô ta đi chưa?”

Tôi gật đầu, rồi nhận ra cậu ấy không thể nhìn thấy tôi gật đầu. “Rồi,” tôi nói.

“Tớ sẽ *thấy*? Thật à? Cô ta nói nghiêm túc đấy à?”

“Phẩm chất của một Y Tá Tốt: Bắt đầu nào,” tôi nói.

“1. Không bao giờ nói kháy về các khuyết tật của bạn,” Isaac bắt đầu.

“2. Lấy được máu sau mũi đầu tiên,” tôi nói.

“Nghiêm túc, điều đó có ý nghĩa rất lớn. Đây là cái tay chết tiệt của tớ hay là cái bìa để phóng kim? 3. Không bao giờ nói giọng trích thượng.”

“Cháu thấy sao rồi cưng?” tôi hỏi, giả vờ ngọt ngào. “Cô sẽ tiêm cho cháu một mũi bây giờ nhé. Có thể sẽ hơi đau chút thôi.”

“Sickywicky[31] dễ xương bé nhỏ của tui đây sao?” cậu ấy trả lời. Rồi một giây sau, “Thực ra hầu hết họ đều tốt bụng. Tớ chỉ muốn biến mẹ nó khỏi chỗ này thôi.”

“Chỗ này là bệnh viện à?”

“Chuyện đó nữa,” cậu ấy đáp, miệng mím chặt. Tôi có thể thấy được nỗi đau đốn đốn. “Nói thật, tớ nghĩ đến chuyện của Monica còn nhiều hơn chính đôi mắt của mình. Thế có điên không? Thật quá điên rồ.”

“Cũng hơi điên một chút,” tôi đồng ý.

“Nhưng mà tớ tin vào tình yêu đích thực, cậu biết không? Tớ không tin là mọi người sẽ luôn giữ được đôi mắt hay giữ cho mình chẳng bị ốm hay gì cũng được, nhưng mọi người *nên* có một tình yêu đích thực, và nó nên kéo dài cho đến chừng nào họ còn sống.”

“Ừ,” tôi nói.

“Đôi khi tớ chỉ muốn tất cả mọi chuyện đã không xảy ra. Tất cả những chuyện ung thư này.” Giọng cậu ấy chậm lại. Thuốc tê bắt đầu có tác dụng.

“Tớ rất tiếc,” tôi an ủi.

“Gus vừa ở đây lúc này. Cậu ấy ở đây lúc tớ tỉnh. Trốn học. Cậu ấy...” Cậu ấy hơi ngoẹo đầu sang một chút. “Thế dễ chịu hơn,” cậu lẩm bẩm.

“Cậu đau à?” tôi hỏi. Cậu ấy khẽ gật đầu.

“Tốt,” tôi nói. Và rồi, như một đứa mê trai tôi hỏi: “Cậu vừa nói gì về Gus à?” Nhưng cậu ấy ngủ mất rồi.

Tôi đi xuống tầng dưới vào một cửa hàng quà tặng be bé còn chẳng có cửa sổ và hỏi một cụ bán hàng tình nguyện hom hem đang ngồi trên chiếc ghế đẩu sau quầy tính tiền rằng loại hoa nào có hương thơm nhất.

“Cũng như nhau cả thôi. Chúng đều được phun thuốc Siêu Thơm,” cụ nói.

“Thật à?”

“Ừ, họ vừa phun xong đấy.”

Tôi mở tủ mát bên trái cụ ấy và ngửi một khóm hồng, rồi cúi xuống chỗ mấy bông cẩm chướng. Đúng là mùi giống nhau thật, rất đậm. Hoa cẩm chướng rẻ hơn, nên tôi đã nhặt ra một tá bông màu vàng. Tất cả hết mười bốn đô la. Tôi quay trở lại phòng; mẹ cậu đang ở đó, nắm tay cậu ấy. Cô ấy rất trẻ và thực sự xinh đẹp.

“Cháu là bạn thẳng bé à?” Cô ấy hỏi, khiến tôi hơi sững lại vì đó là một trong những câu hỏi vô tình rất vu vơ nhưng lại khó trả lời.

“Ừm, dạ,” tôi đáp. “Cháu đến từ Nhóm Tương Trợ. Cái này là dành cho cậu ấy.”

Cô ấy đỡ lấy và đặt chúng lên đùi mình. “Cháu có biết Monica không?” cô ấy hỏi.

Tôi lắc đầu.

“Ừ, nó đang ngủ,” cô ấy nói.

“Dạ. Cháu có nói chuyện với cậu ấy một lúc trước, lúc họ thay băng gì đấy.”

“Cô không muốn để nó lại một mình thế này nhưng cô phải đến trường đón em Graham,” cô ấy nói.

“Cậu ấy sẽ ổn thôi,” tôi an ủi cô ấy. Cô ấy gật đầu. “Cháu nên để cậu ấy ngủ.” Cô ấy gật đầu lần nữa. Tôi ra về.

Buổi sáng hôm sau tôi dậy rất sớm và việc đầu tiên là kiểm tra hòm thư của mình.

lidewij.vliegenthart@gmail.com cuối cùng cũng trả lời.

Thưa cô Lancaster,

Tôi e rằng niềm tin của cô đã bị đặt nhầm chỗ – nhưng phải nói, niềm tin vẫn thường như vậy. Tôi không thể trả lời những câu hỏi của cô, ít nhất không phải bằng văn bản, bởi lẽ viết ra những câu trả lời như vậy sẽ tạo nên phần tiếp theo cho *Nỗi đau tốt cùng*, mà như thế cô hoàn toàn có thể công bố hay bằng cách khác chia sẻ trên cái thế giới mạng đã thay thế cho những bộ não của thế hệ các cô. Có thể qua điện thoại, nhưng cô vẫn có thể ghi âm lại cuộc trò chuyện. Nói như thế không có nghĩa rằng tôi không tin tưởng cô, tất nhiên, nhưng tôi không thể tin tưởng cô được. Chao ôi, Hazel yêu quý, tôi không thể trả lời những câu hỏi như vậy trừ khi chúng ta gặp mặt trực tiếp, mà cô ở đó, trong khi tôi lại ở đây.

Xin lưu ý, phải thú thực rằng việc vô tình nhận được lá thư của cô qua cô Vliegenthart đã khiến tôi vô cùng vui sướng: Thật diệu kỳ làm sao khi biết rằng tôi đã làm được một vài điều hữu ích đối với cô – cho dù cuốn sách đó có vẻ xa cách đến nỗi tôi hầu như đã tưởng nó được viết nên bởi một người đàn ông khác. (Tác giả cuốn sách đó rất gầy, ẻo lả và tương đối lạc quan!)

Tuy nhiên, nếu cô có gặp chính mình ở Amsterdam, xin vui lòng ghé thăm lúc nào rỗi rãi. Tôi thường xuyên ở nhà. Và có thể tôi sẽ đồng ý cho cô ngó qua cả hóa đơn mua hàng tạp hóa của tôi.

Trân trọng,

Peter Van Houten

chuyển qua Lidewij Vliegenthart

“GÌ CƠ?!” Tôi hét ầm lên. “CÁI ĐỜI GÌ THẾ NÀY?”

Mẹ chạy vào. “Có chuyện gì à con?”

“*Không có gì,*” tôi trấn an bà.

Vẫn lo lắng, Mẹ quỳ xuống kiểm tra Phillip để chắc rằng cậu ta vẫn ngưng tụ đủ ôxy. Tôi tưởng tượng đến cảnh ngồi trong một quán cà phê chan hòa ánh nắng với Peter Van Houten trong khi ông hơi nghiêng qua chiếc bàn chống trên hai khuỷu tay, bằng một giọng trầm thì nhất để không ai khác có thể biết được chuyện gì đã xảy ra với những nhân vật khác mà tôi vẫn nghĩ về nó hàng năm trời. Ông ấy nói rằng ông không thể nói chuyện với tôi trừ khi *gặp trực tiếp*, và còn *mời tôi ghé thăm Amsterdam*. Tôi giải thích cho mẹ nghe, và quả quyết, “Con phải đi.”

“Hazel này, mẹ yêu con, con cũng biết là mẹ sẽ làm bất cứ điều gì vì con, nhưng chúng ta không – chúng ta không có đủ tiền để thanh toán chi phí đi lại quốc tế, và còn những thiết bị kia nữa – con yêu à, chúng ta chỉ không –”

“Dạ,” tôi nói, cắt ngang lời mẹ. Tôi nhận ra mình thật ngớ ngẩn khi không tính đến chuyện đấy. “Mẹ đừng lo.” Nhưng trông bà vẫn lo lắng.

“Điều này thực sự quan trọng với con, phải không?” bà ngồi xuống hỏi, đặt một tay lên đùi tôi.

“Thật tuyệt vời ấy ạ,” tôi đáp, “là người duy nhất biết được chuyện gì đã xảy ra ngoại trừ chính tác giả.”

“Chắc chắn rất tuyệt vời,” bà nói. “Mẹ sẽ nói chuyện với bố con nhé.”

“Không, đừng,” tôi ngăn lại. “Chỉ là, con nói thật đấy, mẹ đừng phí tiền vào chuyện này. Con sẽ tìm cách khác.”

Tôi chợt nhận ra bố mẹ không còn tiền cũng chỉ vì tôi. Tôi đã tiêu tốn hết các khoản tiết kiệm của gia đình vào việc chi trả cho thuốc Phalanxifor dù đã có trợ cấp một phần, và Mẹ thì không thể tiếp tục đi làm vì bà đã dành trọn thời gian cho công việc Quanh Quẩn Quanh Tôi. Tôi không muốn đẩy họ lún sâu vào nợ nần thêm nữa.

Tôi bảo Mẹ tôi muốn gọi điện cho Augustus để bà rời khỏi phòng, vì tôi không thể chịu đựng được vẻ buồn bã kiểu tôi-không-thể-biến-ước-mơ-của-con-gái-thành-sự-thật của bà hơn được nữa.

Đúng kiểu Augustus Waters, tôi đọc lá thư thay vì chào cậu ấy.

“Wow,” cậu ấy nói.

“Biết mà, đúng không?” tôi nói. “Nhưng tớ đến Amsterdam thế nào đây?”

“Cậu có Điều ước chứ?” cậu ấy hỏi, nhắc đến cái tổ chức tên là Quỹ Genie[32], chuyên ban tặng cho các bệnh nhi một điều ước.

“Không,” tôi đáp. “Tớ đã dùng Điều ước trước khi Phép màu xảy đến rồi.”

“Cậu đã làm gì vậy?”

Tôi thở dài rõ to. “Lúc đấy tớ mới mười ba,” tôi nói.

“Không phải Disney chứ,” cậu ta nói.

Tôi im lặng.

“Cậu đã không đến Disney World.”

Tôi vẫn im lặng.

“Hazel GRACE!” Cậu ấy hét lên. “Cậu *đã không* dùng Điều ước duy nhất của mình để đến Disney World cùng bố mẹ chứ.”

“Cả Epcot Center[33] nữa,” tôi lí nhí.

“Ôi, Chúa ơi,” Augustus nói. “Không thể tin tớ lại phải lòng một cô gái với những điều ước nhạt nhẽo như vậy.”

“Tớ mới mười ba,” tôi nhắc lại lần nữa, dù tất nhiên lúc đó tôi chỉ nghĩ về *phải lòng phải lòng phải lòng phải lòng phải lòng phải lòng*. Tôi rất sung sướng như lại đổi chủ đề ngay lập tức. “Cậu không phải đến trường sao?”

“Tớ bùng để đến thăm Isaac, nhưng mà nó đang ngủ nên tớ ra sân làm bài hình học.”

“Cậu ấy sao rồi?” Tôi hỏi.

“Tớ không biết là nó chưa sẵn sàng đối mặt với thực tế phũ phàng của việc bị mù hay chỉ chăm chăm quan tâm tới việc bị Monica đá nữa, mà nó cũng chẳng nói chuyện gì khác đâu.”

“Ừ,” tôi đáp. “Cậu ấy còn phải nằm viện lâu không?”

“Vài ngày nữa. Rồi nó sẽ tới trung tâm phục hồi chức năng gì đó một thời gian, nhưng vẫn được về nhà ngủ, chắc thế.”

“Tệ quá,” tôi nói.

“Tớ thấy mẹ nó rồi. Tớ đi đã nhé.”

“Okay,” tôi nói.

“Okay,” cậu ấy đáp lại. Tôi có thể nghe thấy nụ cười nửa khóe miệng đó.

Hôm thứ Bảy, tôi cùng bố mẹ đi xuống chợ nông sản ở Broad Ripple[34]. Một ngày nắng hiếm hoi vào tháng Tư ở Indiana, mọi người ở chợ đều mặc áo cộc tay cho dù nhiệt độ cũng không ủng hộ cho lắm. Chúng tôi, những người sinh ra và lớn lên ở Indiana, luôn lạc quan một cách quá đáng về mùa hè. Mẹ và tôi ngồi cạnh nhau trên một chiếc ghế băng đối diện với một cửa hàng xà phòng làm từ sữa dê, một bác trong bộ quần yếm công nhân cứ liên tục giải thích cho bất cứ ai ngang qua tầm mắt rằng phải, đó là dê của bác ấy và không, xà phòng sữa dê thì không có mùi dê chút nào.

Điện thoại tôi kêu. “Ai đấy con?” Mẹ cất tiếng hỏi trước khi tôi còn chưa kịp xem.

“Con không biết,” tôi đáp. Đó là Gus.

“Cậu có nhà không?” cậu ta hỏi.

“Ừm, không,” tôi đáp.

“Hỏi thế thôi. Tớ biết thừa đáp án rồi, tớ đang ở nhà cậu.”

“Ồ. Ừm. Ừ, tớ đang về đây?”

“Tuyệt. Tớ sẽ đợi.”

Augustus Waters đang ngồi ở bậc cửa khi chúng tôi rẽ vào nhà. Cậu ấy cầm trên tay một bó Tulip màu cam sáng mới chớm nở, mặc bộ áo nịt len của đội bóng rổ Indiana Pacers[35] bên trong áo khoác lông cừu, một cách phối đồ chẳng giống ai, dù trông vẫn hợp với cậu. Cậu nhồm mình đứng dậy khỏi thềm, chìa bó hoa cho tôi và hỏi, “Có muốn đi picnic không?” Tôi gật đầu, đón lấy bó hoa.

Bố bước tới ngay sau tôi và bắt tay Gus.

“Áo của Rik Smits[36] đúng không?” Bố tôi hỏi.

“Dạ đúng ạ.”

“Chúa ơi, bác thích anh này lắm,” Bố nói, và ngay lập tức họ mê mải với câu chuyện bóng rổ mà tôi chẳng thể nào (và cũng chẳng muốn) tham gia, thế nên tôi mang bó hoa vào trong nhà.

“Con có muốn mẹ giúp cắm chúng vào bình không?” Mẹ hỏi khi tôi bước vào, nụ cười rạng rỡ trên khuôn mặt bà.

“Không ạ, con tự làm được,” tôi nói. Nếu cắm chúng trong cái bình đặt ngoài phòng khách thì đó sẽ là hoa của tất cả mọi người. Tôi muốn chúng là hoa của riêng tôi.

Tôi bước vào phòng nhưng chẳng thay đồ gì cả. Tôi chải tóc rồi đánh răng rồi thoa một lớp son bóng rồi xịt một chút ít nước hoa nhất có thể. Tôi cứ nhìn mãi những bông hoa. Chúng màu cam *một cách khiêu khích*, gần như hơi quá màu cam để có thể coi là đẹp. Tôi chẳng có bình cắm hay gì cả nên đành lấy bàn chải đánh răng ra khỏi lọ, đổ nước ngập nửa rồi cứ để những bông hoa ở đấy trong nhà tắm.

Khi quay lại phòng, tôi thấy mọi người đang nói chuyện, thế nên tôi ngồi lại cạnh mép giường một lúc và lắng nghe qua khe cửa:

Bố: “VẬY là cháu gặp Hazel ở Nhóm Tương Trợ.”

Augustus: “Dạ, thưa bác. Nhà mình đáng yêu quá. Cháu thích cách hai bác trang trí chúng.”

Mẹ: “Cảm ơn cháu, Augustus.”

Bố: “Cháu cũng là người sống sót, đúng không?”

Augustus: “Vâng. Cháu vẫn chưa dứt được thằng bám đuôi này để tận hưởng niềm vui trọn vẹn, dù rằng nó cũng là một chiến lược giảm cân tuyệt vời. Chân cháu nặng quá rồi!”

Bố: “Thế sức khỏe cháu giờ thế nào?”

Augustus: “NEC khoảng mười bốn tháng rồi ạ.”

Mẹ: “Thế thì tốt quá. Những biện pháp điều trị bây giờ – thực sự đáng nể đấy.”

Augustus: “Cháu biết. Cháu thật may mắn.”

Bố: “Cháu phải hiểu là Hazel vẫn đang ốm lắm, Augustus à, và nó vẫn sẽ như thế trong suốt quãng đời còn lại. Con bé muốn theo đuổi cháu đấy, nhưng mà phôi nó thì –”

Đúng lúc đấy tôi bước vào khiến bố im bật.

“Thế các con sẽ đi đâu?” Mẹ tôi hỏi. Augustus đứng dậy nhồm người về phía mẹ tôi, thì thầm câu trả lời rồi đưa một ngón tay lên môi. “Shh,” cậu nói với mẹ tôi. “Đây là một bí mật.”

Mẹ cười. “Con đã cầm điện thoại theo chưa?” bà hỏi tôi. Tôi giơ nó lên làm bằng chứng, nghiêng giá bình ôxy trên bánh trước của nó rồi bắt đầu đi ra. Augustus chen qua, đưa cánh tay cho tôi khoác lấy. Những ngón tay tôi nắm chặt quanh bắp tay cậu ấy.

Thật không may khi cậu ấy cứ đòi cầm lái, bất ngờ đúng là bất ngờ thế này đây. Khi chúng tôi bò tới nơi, tôi mới nói, “Cậu làm mẹ tớ cứ mê tít thò lờ ấy.”

“Ừ, và bố cậu cũng hâm mộ Smits nữa. Cậu có nghĩ hai bác thích tớ không?”

“Chắc chắn luôn. Nhưng quan tâm làm gì chứ? Họ cũng chỉ là hai bậc phụ huynh vậy thôi.”

“Hai bậc phụ huynh *của cậu* đấy,” cậu ấy đáp, liếc qua tôi. “Còn nữa, tớ thích được thích. Nghe điên quá nhỉ?”

“Ừ, cậu không cần phải vội vàng ra giữ cửa hay cho tớ chết ngộp trong những lời khen mới khiến tớ thích cậu đâu,” cậu ấy lại đạp phanh, tôi bay về phía trước đủ mạnh để khiến nhịp thở của mình cảm giác gấp gáp kỳ quặc.

Tôi nghĩ về vụ chụp PET. *Đừng lo lắng. Lo lắng cũng chẳng giúp ích gì đâu.* Dù sao tôi vẫn cứ lo.

Lốp xe khét lẹt và gầm rú trước khi chúng tôi rẽ trái trước một biển dừng xe vào một chỗ gọi là Cảnh quan Hùng vĩ^[37] chắc chắn bị viết nhầm (có một góc nhìn ra sân gôn, chắc vậy, nhưng chẳng có gì gọi là *hùng vĩ* hết). Nơi duy nhất tôi có thể nghĩ đến đi khi theo con đường này là khu nghĩa trang. Augustus với tay lên bảng điều khiển, mở một hộp thuốc còn nguyên ra và lấy một điếu.

“Cậu có bao giờ vứt chúng đi không?” tôi hỏi.

“Một trong những lợi ích của việc không hút là những điếu thuốc ấy sẽ tồn tại *mãi mãi*,” cậu ấy trả lời. “Tớ giữ hộp này được một năm rồi. Một số điếu đã bị gãy gần đầu lọc, nhưng tớ nghĩ chúng sẽ dễ dàng theo tớ đến tận sinh nhật thứ mười tám,” cậu ấy kẹp điếu thuốc vào giữa hai ngón tay, rồi đưa lên miệng. “Đấy, vậy đó,” cậu ấy nói. “Được rồi. Giờ kể tên một vài thứ cậu chưa bao giờ thấy ở Indianapolis xem nào?”

“Ừm. Những người lớn gầy guộc,” tôi nói.

Cậu ấy cười. “Tốt. Tiếp đi.”

“Mmm, biển. Các nhà hàng gia đình. Địa hình địa vật.”

“Những ví dụ xuất sắc về cái chúng ta còn thiếu đấy. Cả văn hóa nữa.”

“Ừ, chúng ta chưa có một nền văn hóa lâu đời,” tôi nói, cuối cùng cũng nhận ra cậu ấy đang đưa tôi đi đâu. “Mình đang tới bảo tàng à?”

“Nói thế cũng không sai.”

“Ồ, hay mình tới công viên gì đó à?”

Nhìn Gus tiu ngưu. “Ừ, chúng ta đang tới công viên gì đó,” cậu ấy nói. “Cậu cũng đoán được rồi, phải không?”

“Ừm, đoán gì cơ?”

“Không có gì.”

Có một công viên đằng sau bảo tàng nơi rất nhiều nghệ sĩ đã tạo ra vô khối tác phẩm điêu khắc to bự. Tôi có nghe nói nhưng chưa bao giờ đến đây. Chúng tôi lái qua viện bảo tàng và đậu ngay cạnh một sân bóng rổ với những đường cung thép màu xanh và đỏ khổng lồ tượng trưng cho đường bóng đang nhảy.

Chúng tôi đi qua một cái gò theo cách gọi của dân Indianapolis xuống một bãi đất trống có những đứa trẻ đang leo trèo trên những tác phẩm điêu khắc hình bộ xương khổng lồ. Mỗi chiếc xương phải cao đến ngang hông, cái xương đùi còn dài hơn cả tôi nữa. Trông như thể đó là bức vẽ của đứa con nít về một bộ xương thù lù nhô khỏi mặt đất.

Vai tôi đau nhói. Tôi sợ rằng ung thư đã lây lan từ phổi đi rồi. Tôi tưởng tượng đến những khối u di căn vào trong những chiếc xương, như con lươn trườn qua lại với ý định ngấm ngấm đục khoét vào sâu tận tủy. “*Funky Bones*,”[\[38\]](#) Augustus nói. “Tạo nên bởi Joep Van Lieshout.”

“Nghe giống tên Hà Lan nhỉ?”

“Đúng thế,” Gus nói. “Cả Rik Smits nữa. Hoa tulip cũng vậy.” Gus dừng lại giữa bãi đất trống với một đồng xương ngay trước mặt, lần lượt tuột quai ba lô khỏi vai bên này rồi đến vai kia. Cậu ấy mở ba lô ra, bày ra một khăn trải màu cam, nửa lít nước cam vắt, một vài chiếc sandwich đã cắt viên bọc trong giấy bóng.

“Sao toàn màu cam thế?” tôi hỏi, vẫn không muốn để mình tưởng tượng tất cả những chuyện này đều liên quan đến Amsterdam.

“Màu biểu tượng của đất nước Hà Lan[39] đấy, dĩ nhiên rồi. Cậu có nhớ William xứ Orange[40] và rất nhiều thứ khác nữa không?”

“Ông ấy không có trong bài thi GED đâu,” tôi cười, cố kiềm chế sự phấn khích của mình.

“Sandwich không?” cậu ấy hỏi.

“Cũng được,” tôi nói.

“Phô mai Hà Lan. Và cà chua. Nhưng cà chua này nhập từ Mexico. Xin lỗi nhé.”

“Cậu luôn là một *nỗi thất vọng*, Augustus. Ít nhất cậu cũng phải lấy mấy quả cà chua màu cam luôn chứ.”

Cậu ấy cười, và chúng tôi ăn bánh trong im lặng, nhìn những đứa trẻ chơi đùa trên các tác phẩm điêu khắc. Tôi không tiện *hỏi* cậu ấy về chuyện đó lắm, nên chỉ ngồi đấy giữa những thứ đầy chất Hà Lan, vừa lúng túng vừa hi vọng.

Cách một quãng, ngập tràn trong ánh nắng trong veo hiem hoi và quý giá ở quê hương chúng tôi, một đám trẻ con đã biến bộ xương thành một sân chơi, nhảy qua nhảy lại giữa những chiếc xương giả.

“Có hai điều tở thích về tác phẩm này,” Augustus nói. Cậu ấy lại đang kẹp một miếng thuốc chưa cháy trên tay, búng búng nó như thể đang gạt tàn tro rồi ngậm lại trong miệng. “Thứ nhất, các khối xương ở khoảng cách vừa vặn đến nỗi nếu cậu là một đứa trẻ, cậu sẽ *không thể cưỡng lại ham muốn* được nhảy nhót trong đó. Như kiểu cậu cần *phải* nhảy một phát từ lồng ngực đến hộp sọ. Điều này đồng nghĩa với việc, thứ hai là, tác phẩm đó căn bản đã *bắt buộc lũ trẻ chơi đùa với những chiếc xương*. Những làn sóng biểu tượng bất tận,

Hazel Grace.”

“Cậu thích các biểu tượng nhỉ,” tôi nói, hi vọng kéo câu chuyện về những biểu tượng về đất nước Hà Lan của buổi dã ngoại này.

“Đúng rồi, mà nói về nó. Cậu chắc đang không biết tại sao mình lại phải ăn một chiếc sandwich phô mai dỏ tẹ rồi uống nước cam vắt rồi tại sao tớ lại mặc chiếc áo thể thao của một vận động viên người Hà Lan trong môn thể thao mà tớ đã chán ghét đúng không?”

“Tớ có nghĩ thoáng qua chuyện đấy,” tôi đáp.

“Hazel Grace, cũng giống như nhiều đứa trẻ khác trước cậu – tớ nói chuyện này rất chân thành nhé – cậu đã hấp tấp sử dụng Điều ước của mình mà chẳng mấy may quan tâm đến hậu quả. Thần Chết lớn vờn trước mặt cậu và nỗi sợ trước cái chết mà Điều ước vẫn nằm trong túi, đã khiến cậu vội vàng chọn Điều ước đầu tiên cậu có thể nghĩ đến, và cậu, cũng như nhiều người khác, đã chọn thú vui nhạt nhẽo và giả tạo của công viên giải trí.”

“Tớ thực sự đã có một khoảng thời gian tuyệt vời trong chuyến đi đó. Tớ đã gặp Goofy mà Minn[41] –”

“Tớ vẫn còn đang đọc thoại[42] mà! Tớ đã viết những thứ này ra xong học thuộc và nếu cậu cứ ngắt lời như thế tớ sẽ quên sạch,” Augustus ngắt lời tôi. “Làm ơn cứ ăn bánh sandwich và nghe thôi nhé.” (Chiếc sandwich khô không khốc, nhưng tôi vẫn cắn lấy một miếng.) “Được rồi, tớ nói đến đâu rồi nhỉ?”

“Thú vui giả tạo.”

Cậu ấy nhét điều thuốc vào trong bao. “Phải, thú vui nhạt nhẽo và giả tạo của công viên giải trí. Nhưng để tớ trình trọng trình bày rằng những người hùng thực sự của Nhà máy Điều ước là những chàng trai cô gái còn rất trẻ sẵn sàng chờ đợi như Vladimir và Estragon đợi Godot[43] và như những thiếu nữ Cơ đốc giáo đức hạnh chờ lúc kết hôn. Những anh hùng trẻ tuổi này kiên nhẫn chờ đợi mà không một lời ca thán cho đến khi Điều ước của họ trở thành

sự thật. Có thể những Điều ước ấy sẽ không bao giờ đến, nhưng ít nhất họ có thể an nghỉ dưới nấm mồ vì biết rằng mình đã đóng góp một phần bé nhỏ để bảo toàn sự vẹn nguyên của Điều ước như một lý tưởng.

“Nhưng ngược lại, cũng có thể nó sẽ đến: Có thể cậu sẽ nhận ra rằng Điều ước thật sự của cậu là đến thăm Peter Van Houten đại tài trong Amsterdam xa xôi của ông ta, và thực sự mừng vì cậu vẫn giữ Điều ước cho mình.”

Augustus ngừng lại một lúc lâu đủ để tôi nhận ra bài độc thoại đã kết thúc. “Nhưng tớ đã không giữ Điều ước cho mình,” tôi nói.

“Ừ,” cậu ấy đáp. Rồi sau một lúc im lặng như thể cố ý, cậu nói thêm, “nhưng tớ vẫn còn.”

“Thật sao?” Tôi vô cùng ngạc nhiên khi biết Augustus cũng đủ điều kiện để có Điều ước, cậu ấy vẫn đến trường và bệnh tình đã thuyên giảm một năm rồi. Phải dặt dẹo lắm mới được Quỹ Genie ban tặng một Điều ước.

“Tớ đã có nó sau khi đánh đổi với cái chân của mình,” cậu giải thích. Ánh nắng tràn trên khuôn mặt khiến cậu ấy phải nheo mắt nhìn tôi, mũi chun lại rất đáng yêu. “Giờ thì, tớ sẽ không *tặng* Điều ước của tớ cho cậu hay gì đâu. Nhưng tớ cũng rất muốn gặp Peter Van Houten, và chẳng có nghĩa lý gì nếu gặp ông ấy mà không có cô gái đã giới thiệu cuốn sách cho tớ đi cùng.”

“Chắc chắn là không nghĩa lý gì rồi,” tôi nói.

“Thế nên tớ đã nói chuyện với Quỹ Genie, và họ hoàn toàn đồng ý. Họ nói Amsterdam sẽ rất đẹp vào đầu tháng Năm. Họ đề xuất khởi hành từ ngày mùng ba và trở về hôm mùng bảy.”

“Augustus, thật à?”

Cậu ấy nghiêng người chạm tay vào má tôi và trong một khoảnh khắc tôi đã nghĩ cậu sẽ hôn tôi. Cả người tôi căng ra, tôi nghĩ cậu ấy cũng biết điều đó

nên mới rứt tay lại.

“Augustus,” tôi nói. “Thực sự đấy. Cậu không cần phải làm vậy đâu.”

“Chắc chắn đó là điều tớ sẽ làm,” cậu ấy đáp. “Tớ đã tìm được Điều ước của mình.”

“Chúa ơi, cậu là tuyệt nhất,” tôi bảo cậu ấy.

“Tớ cá cậu cũng sẽ nói thế với bất kỳ thằng nào tài trợ cho chuyến đi của cậu thôi,” cậu ấy trả lời.

CHƯƠNG SÁU

Mẹ đang vừa gấp quần áo vừa xem chương trình *The View* khi tôi về đến nhà. Tôi kể với mẹ rằng mọi chuyện từ mấy bông tulip đến những nghệ sĩ Hà Lan đều là bởi vì Augustus đã sử dụng Điều ước của mình để đưa tôi đến Amsterdam. “Thế không được đâu,” bà lắc đầu. “Chúng ta không thể chấp nhận điều đó từ một người hoàn toàn xa lạ được.”

“Cậu ấy không phải là người lạ. Cậu ấy là bạn tốt thứ nhì của con.”

“Sau Kaitlyn?”

“Sau mẹ,” tôi nói. Thực sự là thế, nhưng chủ yếu tôi nói vậy vì muốn được đi Amsterdam.

“Mẹ sẽ hỏi ý kiến Bs. Maria,” một lúc sau bà nói.

Bs. Maria nói rằng tôi không thể đến Amsterdam mà không có một người lớn am hiểu bệnh tình của tôi đi cùng, mà thế nghĩa là hoặc mẹ tôi hoặc chính Bs. Maria. (Bố tôi hiểu về bệnh ung thư của tôi cũng giống hệt như tôi hiểu: một cách mơ hồ và không đầy đủ như cách người ta hiểu về mạch điện hay thủy triều. Nhưng mẹ tôi hiểu về ung thư tuyến giáp thể biệt^[44] ở thanh thiếu niên chẳng kém gì các bác sĩ chuyên khoa.)

“Mẹ sẽ đi chứ,” tôi nói. “Quỹ Genie sẽ chi trả mà. Quỹ Genie có rất nhiều tiền.”

“Nhưng còn bố con chứ,” bà nói. “Bố sẽ nhớ mẹ con mình lắm. Thế chẳng công bằng chút nào, bố con còn không được xin nghỉ phép.”

“Mẹ đùa đúng không? Mẹ không nghĩ Bố sẽ tận hưởng mấy ngày ít ỏi xem TV mà không có mấy cô người mẫu uốn éo, gọi pizza mỗi tối và lấy khăn ăn làm đĩa để khỏi phải rửa sao?”

Mẹ bật cười. Cuối cùng bà cũng thấy hào hứng, lưu mấy việc cần làm vào điện thoại: Gọi cho bố mẹ Gus, nói chuyện với Quý Genie về nhu cầu chăm sóc y tế của tôi, hỏi xem họ đã đặt phòng khách sạn chưa, sách hướng dẫn du lịch nào là hữu ích nhất, rồi chúng tôi cần nghiên cứu kỹ mọi chuyện vì chỉ đi có ba ngày thôi, kiểu thế. Tôi thấy hơi đau đầu nên uống hai viên Advil^[45] và quyết định đánh một giấc.

Nhưng rốt cục tôi chỉ nằm trên giường và nhớ lại buổi picnic với Augustus. Tôi không thể ngừng nghĩ về khoảnh khắc tôi cứng hết cả người khi cậu ấy chạm vào tôi. Sự thân mật dịu dàng đó có gì đó không ổn. Tôi nghĩ đó là do cách dàn dựng toàn bộ câu chuyện: Augustus rất tuyệt vời, nhưng cậu ấy hơi thái quá trong mọi chuyện, từ những chiếc sandwich mang nghia ẩn dụ nhưng mùi vị tồi tệ đến đoạn độc thoại thuộc lòng khiến chúng tôi chẳng nói được gì. Nghe vẻ Lãng mạn đấy, nhưng chẳng lãng mạn gì cả.

Nhưng sự thật là tôi chưa bao giờ muốn cậu ấy hôn tôi, không phải theo cách người ta vẫn mong đợi những chuyện như thế. Ý tôi là cậu ấy thật tuyệt. Tôi bị hấp dẫn bởi cậu ấy. Tôi nghĩ về cậu ấy *kiểu như thế*, mượn một từ lóng hồi trung học. Nhưng mà lúc tiếp xúc, lúc đụng chạm thực sự...tất cả đều chệch hướng.

Rồi tôi nhận ra mình đang lo lắng về việc tôi có *cần phải* làm chuyện đó với cậu ấy để đến được Amsterdam hay không, điều chẳng ai muốn phải nghĩ tới, vì (a) Tôi có muốn hôn cậu ấy hay không đáng nhẽ ra không nên là một *câu hỏi*, và (b) Hôn ai đó chỉ vì việc đấy mang một chuyến đi miễn phí cũng nguy hiểm gần như đang bán thân vậy, và phải thú nhận rằng dù tôi không tự cho rằng mình là một người đặc biệt tốt đẹp, tôi chẳng bao giờ nghĩ chuyện ấy đầu tiên của tôi lại mang vẻ mại dâm đến thế.

Nhưng rồi thì cậu ấy còn chẳng thèm thử hôn tôi nữa; cậu ấy chỉ chạm vào má, mà điều này chẳng có vẻ gì gọi là *khêu gợi* cả. Chắc chắn đây không phải một động thái khêu gợi, nhưng rõ ràng nó đã được tính trước, Augustus không phải là người tùy hứng. Vậy thì cậu ấy muốn truyền đạt thông điệp gì? Và sao tôi lại không muốn chấp nhận nó chứ?

Bỗng nhiên tôi nhận ra tôi cũng giống Kaitlyn đang hò hẹn, thế nên tôi quyết định nhắn tin cho Kaitlyn và hỏi một vài lời khuyên. Cô ấy gọi lại ngay lập tức.

“Tớ có một vấn đề về bọn con trai,” tôi nói.

“NGON,” Kaitlyn đáp. Tôi kể hết mọi chuyện cho cô ấy, cả cái chạm mặt ngưỡng nghịu, chỉ trừ chuyến đi Amsterdam và cái tên Augustus. “Cậu chắc cậu ta đẹp trai đấy chứ?” cô ấy hỏi khi tôi nói xong.

“Khá chắc,” tôi đáp.

“Kiểu thể thao?”

“Ừ, cậu ấy từng chơi bóng rổ cho trường North Central.”

“Wow. Cậu gặp cậu ta như nào?”

“Thì cái Nhóm Tương Trợ gồm ghiếc đấy.”

“Hừ,” Kaitlyn nói. “Tò mò chút thôi nhé, cậu ta còn bao nhiêu chân vậy?”

“Khoảng 1,4,” tôi cười. Mấy anh chàng chơi bóng rổ đều rất nổi tiếng ở Indiana này, và dù Kaitlyn có chưa đến North Central bao giờ đi nữa thì những mối quan hệ xã hội của cô ấy vẫn kéo dài vô tận.

“Augustus Waters,” cô ấy nói.

“Ừm, có lẽ?”

“Ôi Chúa ơi. Tớ đã gặp cậu ta ở mấy buổi tiệc. Để xem tớ muốn làm chuyện gì với cậu ta nào. Không phải bây giờ đâu tớ biết cậu đang thích hẳn. Nhưng ôi lạy Chúa ngọt ngào linh thiêng, tớ sẽ cười con ngựa lùn một chân vòng vèo quanh chuồng rào cả ngày mất.”

“Kaitlyn,” tôi nhắc.

“Sao thế? Cậu không thích nằm trên hả?”

“Kaitlyn,” tôi thốt lên.

“Chúng ta đang nói gì nhỉ? À cậu và Augustus Waters. Có khi...cậu gay à?”

“Tớ không nghĩ thế? Tớ nghĩ tớ thực sự thích cậu ấy.”

“Bàn tay cậu ấy có xấu xí không? Thịnh thoảng những người xinh đẹp cũng có bàn tay xấu xí.”

“Không, tay cậu ấy nhìn thích lắm.”

“Hmm,” Kaitlyn nói.

“Hmm,” tôi đáp.

Một lúc sau Kaitlyn nói. “Nhớ Derek không? Nó chia tay với tớ tuần trước vì nó nghĩ sâu thẳm trong bọn tớ có gì đó căn bản không hợp nhau và bọn tớ chỉ càng thêm đau khổ nếu cứ tiếp tục thôi. Nó gọi đấy là *chia tay bảo đảm*. Như kiểu cậu linh cảm rằng căn bản là có gì đó không hợp nhau và cậu giành quyền ưu tiên được quyền ưu tiên chia tay trước.”

“Hmm,” tôi nói.

“Tớ chỉ nghĩ sao nói vậy thôi.”

“Tớ rất tiếc vì vụ Derek.”

“Ồ chuyện đó qua rồi, bạn yêu. Mất hẳn một lốc bánh quy Girl Scout Thin Mints^[46] và bốn mươi phút để đá nó khỏi cuộc đời đấy.”

Tôi cười. “À, cảm ơn cậu, Kaitlyn.”

“Lúc nào mà có âu yếu cậu ta thì nhớ kể từng chi tiết khêu gợi cho tớ đấy.”

“Ừ được rồi,” tôi nói, Kaitlyn hôn chụt một cái qua điện thoại rồi tôi chào, “Bai,” rồi cô ấy cúp máy.

Trong lúc nghe Kaitlyn nói tôi nhận ra mình chẳng có linh cảm gì về chuyện sẽ làm tổn thương Augustus. Tôi chỉ có hậu linh cảm^[47] thôi.

Tôi lôi laptop ra và tìm cái tên Caroline Mathers. Bạn ấy giống tôi như đúc: cũng khuôn mặt tròn phù thũng, cũng cái mũi ấy, cả vóc dáng cũng hao hao nữa. Nhưng mắt bạn ấy màu nâu sẫm (mắt tôi màu lục) và da sạm hơn nhiều – kiểu người Ý gì đấy.

Hàng ngàn người – chính xác là hàng ngàn – đã để lại thông điệp chia buồn cho bạn ấy. Danh sách những người tưởng nhớ bạn ấy kéo dài vô tận, nhiều đến mức tôi mất một tiếng đồng hồ mới kéo được từ trang *sự ra đi của bạn là*

niềm tiếc thương vô hạn ngược lại *trang chúng mình sẽ cầu nguyện cho bạn*. Bạn ấy qua đời năm ngoái vì căn bệnh ung thư não. Tôi có thể xem một số bức ảnh của bạn ấy. Augustus có mặt trong rất nhiều ảnh trước đó: một bức giờ ngón tay cái khen ngợi một cái sẹo lồi lõm trên mái đầu trọc lóc của bạn ấy; một bức tay trong tay ở sân viện Memorial, cả hai quay lưng về phía ống kính; một bức Caroline tự sướng lúc hai người hôn nhau, chỉ nhìn thấy được chiếc mũi và đôi mắt nhắm nghiền của họ.

Những bức gần đây nhất đều là ảnh bạn ấy trước kia, hồi còn khỏe mạnh, tải lên bởi bạn bè của bạn ấy sau khi bạn ấy mất: một cô gái xinh đẹp, eo rất nhỏ và cong mềm mại, mái tóc đen tuyền suôn dài lòa xòa trước mặt. Lúc tôi còn khỏe mạnh trông chẳng giống gì bạn ấy lúc còn khỏe mạnh cả, nhưng chúng tôi khi đã mắc bệnh ung thư thì trông như thể là hai chị em. Chẳng trách cậu ấy cứ nhìn tôi chăm chú khi lần đầu cậu ấy gặp tôi.

Tôi cứ kéo chuột quay lại cho đến khi gặp một bài viết cách đây hai tháng, chín tháng sau khi bạn ấy mất, bởi một người bạn của bạn ấy. Chúng mình nhớ cậu rất nhiều. Nó chẳng bao giờ nguôi ngoai cả. *Như thế tất cả bọn mình đều bị thương trong cuộc chiến cùng cậu, Caroline. Mình nhớ cậu. Mình yêu cậu.*

Một lúc sau đó, Bố Mẹ nhắc đã đến giờ ăn tối. Tôi tắt máy tính và đứng dậy, nhưng không thể ngừng nghĩ về bài viết ấy mà phần nào đó nó khiến tôi bồn loạn và chẳng thấy đói.

Tôi nghĩ mãi về cái vai của mình, nó vẫn còn đau, và tôi còn đau cả đầu nữa, nhưng có lẽ đó chỉ vì tôi đã nghĩ về một cô gái đã ra đi bởi bệnh ung thư não bộ. Tôi tự nhủ mình phải phân thân, một ở đây chỗ cái bàn tròn này (mà đường kính của nó thì quá to cho ba người và chắc chắn còn to nữa cho hai người) với món súp lơ xanh nhũn toét và bánh burger đậu đen khô khốc đến nỗi mọi loại nước sốt cà chua trên thế giới này cũng chẳng thể làm nó mềm ra cho được. Tôi tự trấn an mình rằng việc tưởng tượng ra các khối di căn ở não hay vai sẽ chẳng ảnh hưởng gì đến cái thực tế không thể thấy được vẫn đang diễn ra trong cơ thể tôi, và do đó những suy nghĩ như vậy sẽ làm phí phạm những khoảnh khắc của cái cuộc sống vốn được tạo nên bởi những khoảnh khắc chắc chắn là hữu hạn như vậy. Tôi thậm chí còn cố gắng khuyên nhủ mình phải sống tốt nhất cho ngày hôm nay.

Trong một lúc lâu tôi vẫn không thể hình dung tại sao những gì một người xa lạ viết cho một người xa lạ khác (và đã mất) trên mạng lại xáo động tôi nhiều đến thế và còn làm cho tôi lo lắng rằng có thứ gì đó trong bộ não của tôi – mà nó đau thật, dù tôi biết từ lâu rồi rằng những cơn đau như thế chỉ như những công cụ chẩn đoán ngu ngốc và mơ hồ.

Bởi vì hôm đó chẳng có trận động đất nào ở Papua New Guinea, bố mẹ đặc biệt chú ý tới tôi, thế nên tôi chẳng thể nào giấu được cơn lũ quét lo âu.

“Mọi chuyện vẫn ổn chứ con?” Mẹ hỏi trong khi tôi đang ăn.

“Ừ-hử,” tôi đáp. Tôi cắn một miếng burger. Nuốt. Cố gắng nói điều gì đó mà một người bình thường không có bộ não đang chìm trong sợ hãi sẽ nói. “Có súp lơ xanh trong mấy cái bánh burger này ạ?”

“Một chút thôi,” Bố nói. “Thật tuyệt vời vì con sắp được đến Amsterdam.”

“Dạ,” tôi đáp. Tôi cố không nghĩ về chữ *bị đau*, dù tất nhiên đó cũng là một cách nghĩ về nó.

“Hazel,” Mẹ nói. “Con đang nghĩ gì đấy?”

“Con nghĩ linh tinh thôi, chắc vậy,” tôi đáp.

“Chắc đang cảm nắng,” bố tôi nói, mỉm cười.

“Con không phải thờ con, và con không có yêu đương gì Gus Waters hay ai hết,” tôi trả lời, có hơi đề phòng quá đáng. *Bị thương*. Như thể Caroline Mathers là một quả bom và khi cô ấy nổ hết thảy mọi người xung quanh đều bị những mảnh lựu găm vào.

Bố hỏi tôi có phải làm việc gì đó ở trường không. “Con có mấy bài tập Đại số nâng cao,” tôi kể với ông. “Nâng cao đến mức con không thể nào giải thích

cho một người không chuyên được.”

“Thế cậu Isaac bạn con sao rồi?”

“Mù hần,” tôi đáp.

“Hôm nay con có vẻ teen nhỉ,” Mẹ nói. Bà có vẻ khó chịu về việc đó.

“Chẳng phải thứ mẹ vẫn muốn sao, Mẹ? Con trở nên teen hơn ấy?”

“Ôi, không cần thiết phải teen kiểu *thế này*, tất nhiên là bố con và mẹ rất vui mừng khi thấy con đang trở thành một thiếu nữ, kết bạn, bắt đầu hẹn hò.”

“Con không hẹn hò gì hết,” tôi nói. “Con không muốn hẹn hò với ai hết. Đó là một ý tưởng tồi tệ tốn thời gian và –”

“Con yêu,” Mẹ tôi hỏi. “Có chuyện gì nào?”

“Con như. Như. Con như một *quả bom*, Mẹ à. Con là một quả bom và đến một lúc nào đó con sẽ nổ tung và con cần phải giảm thiểu tối đa các tổn thất, được chưa?”

Bố tôi khẽ nghiêng đầu qua một bên, trông như một chú cún con đang bị quở mắng.

“Con là một quả bom,” tôi nhắc lại. “Con chỉ muốn tránh xa mọi người và đọc sách và suy nghĩ và ở bên bố mẹ thôi vì chẳng có cách nào mà con không làm đau hai người cả; bố mẹ đã hi sinh rất nhiều, thế nên hãy cứ để con làm như vậy được không? Con không chán đời đâu. Con không cần phải ra ngoài quá nhiều. Và con không thể là một đứa con gái bình thường được, vì con là một quả bom.”

“Hazel,” bố tôi thốt lên, nghẹn ngào. Ông khóc nhiều lắm, bố của tôi.

“Con sẽ vào phòng và đọc sách một lúc, được chứ. Con ổn. Con thực sự ổn; con chỉ muốn đi đọc sách một lúc thôi.”

Tôi bắt đầu cố tập trung vào cuốn tiểu thuyết tôi đã định đọc từ trước, nhưng chúng tôi sống trong một căn nhà có các bức tường mỏng đến bi kịch, thế nên tôi có thể nghe được hầu hết câu chuyện bố mẹ tôi thì thầm sau đó. Bố tôi nói, “Anh chết mất,” rồi mẹ nói, “Đấy chính xác là những điều con bé *không* cần phải nghe,” rồi bố nói, “Anh xin lỗi, nhưng –” rồi mẹ nói, “Anh không thấy biết ơn vì con bé còn ở lại à?” Rồi ông nói, “Chúa ơi, tất nhiên anh rất biết ơn rồi,” tôi cố gắng tập trung vào cuốn truyện nhưng lại không thể ngừng nghe họ nói chuyện.

Thế nên tôi mở máy tính lên nghe nhạc, bật vài bài của nhóm nhạc Augustus yêu thích, The Hectic Glow, tôi quay trở lại với trang phóng điệu của Caroline Mathers, đọc về trận chiến của bạn ấy đã anh dũng đến nhường nào, rồi bạn ấy được thương nhớ nhiều nhường nào, và giờ đây bạn ấy đã ở một nơi nào đó tốt đẹp hơn nhường nào, rồi bạn ấy sẽ *mãi mãi* ở trong tâm trí của mọi người như thế nào, và tất cả những ai quen biết bạn ấy – tất cả mọi người – đã ngã gục trước sự ra đi của bạn ấy như thế nào.

Có thể tôi đã nghĩ sẽ ghét Caroline Mathers vì bạn ấy từng hẹn hò với Augustus, nhưng tôi không thấy vậy. Tôi không thể biết rõ bạn ấy qua những lời chia buồn, nhưng rõ là chẳng có gì quá đáng để phải ghét cả – bạn ấy có vẻ là một bệnh nhân chuyên nghiệp, giống tôi, điều này khiến tôi lo lắng rằng khi tôi chết đi mọi người sẽ chẳng có gì để nói cả ngoại trừ việc tôi đã chiến đấu anh dũng, như thể điều duy nhất tôi đã làm là Mặc Ung Thư.

Dẫu sao đi nữa, cuối cùng tôi chuyển sang đọc ghi chép của Caroline Mathers, mà thực ra hầu hết là do bố mẹ bạn ấy viết, tôi đoán rằng bệnh ung thư não của bạn ấy thuộc kiểu khiến bạn không còn là bạn trước khi khiến bạn không còn sống nữa.

Đại loại thế này, *Caroline tiếp tục bị rối loạn hành vi. Bạn ấy phải đấu tranh rất nhiều với sự giận dữ và thất vọng vì việc không thể nói chuyện (chúng ta cũng sẽ thấy vọng về những chuyện thế này, tất nhiên, nhưng chúng ta có nhiều cách mà xã hội chấp nhận được hơn để đối mặt với cơn giận dữ).*

Gus đã gọi Caroline là HULK SMASH,^[48] mà chuyện này có liên quan đến mấy bác sĩ. Thật chẳng dễ dàng gì với bất cứ ai trong chúng ta, nhưng hãy cứ vui lên khi còn có thể. Hi vọng sẽ được về nhà hôm thứ Năm. Chúng tôi sẽ báo cho mọi người biết...

Bạn ấy đã không về nhà hôm thứ Năm, chẳng cần phải nói thêm.

Vì thế mà tất nhiên tôi đã rất căng thẳng khi cậu ấy chạm vào tôi. Bên cạnh cậu ấy có nghĩa là làm tổn thương cậu ấy – không thể tránh được. Và đó là cảm giác của tôi khi cậu ấy với tay chạm vào tôi: Tôi thấy như thể tôi đang thực hiện một hành vi bạo lực chống lại cậu ấy, bởi vì thực sự là vậy.

Tôi quyết định nhắn tin cho cậu ấy. Tôi muốn tránh cả một cuộc nói chuyện về chuyện đó.

Chào, thế này, tớ không biết cậu có hiểu chuyện này không nhưng tớ không thể hôn cậu được. Không biết là cậu có nhất thiết muốn thế không, nhưng tớ không thể.

Khi tớ cố nhìn cậu như thế, tất cả những gì tớ thấy là những chuyện mà tớ sẽ đẩy cậu vào. Có thể cậu không hiểu cái này đâu.

Dù sao đi nữa, xin lỗi.

Cậu ấy nhắn lại một vài phút sau đó.

Okay.

Tôi nhả lại.

Okay.

Cậu ta trả lời:

Ôi Chúa ơi, thôi tán tỉnh tớ đi!

Tôi chỉ nói:

Okay.

Điện thoại tôi rung một lúc sau đó.

Đùa thôi, Hazel Grace. Tớ hiểu mà. (Nhưng chúng ta đều biết okay là một từ đầy ve vãn. Okay làm BÙNG lên cảm xúc.)

Tôi định nhả lại *Okay* một lần nữa, nhưng rồi tôi tưởng tượng đến cảnh cậu ấy ở đám tang của tôi, điều đó khiến tôi trả lời đúng đắn hơn.

Xin lỗi.

Tôi cố nhắm mắt ngủ trong khi vẫn đeo tai nghe, nhưng một lúc sau bố mẹ bước vào, rồi mẹ với Blueie trên giá xuống và ôm vào lòng, còn bố ngồi xuống chiếc ghế bàn học, ông nói mà không khóc, “Con không phải là quả bom, không phải đối với chúng ta. Suy nghĩ về việc con sẽ chết khiến bố mẹ rất buồn, Hazel, nhưng con không phải là một quả bom. Con rất tuyệt vời. Con không biết được đâu, con yêu, bởi vì con sẽ không bao giờ có một em bé lại trở thành một độc giả trẻ lười lạc với thú vui xem các chương trình truyền hình siêu dở, nhưng niềm vui mà con mang lại cho bố mẹ nhiều hơn nhiều so với nỗi lo mà bố mẹ phải nhận từ căn bệnh của con.”

“Vâng ạ,” tôi nói.

“Nói thật,” bố tôi tiếp tục. “Bố không đùa với con chuyện này đâu. Nếu con gây rắc rối nhiều hơn bố công bố mẹ nuôi thì chúng ta chỉ việc ném luôn con ra đường.”

“Bố mẹ không phải loại giàu tình cảm đâu,” Mẹ thêm vào, mặt lạnh tanh. “Chúng ta sẽ bỏ con ở trại trẻ mồ côi với một mẫu giấy dính vào bộ đồ ngủ là xong.”

Tôi bật cười.

“Con không cần phải đến Nhóm Tương Trợ,” Mẹ nói tiếp. “Con sẽ không phải làm gì cả. Trừ việc đến trường.” Mẹ đưa con gấu cho tôi.

“Bluie có thể ngủ trên giá được mà,” tôi nói. “Để con nhắc mẹ là con đã hơn ba mươi ba nửa tuổi rồi đấy nhé.”

“Cứ ôm cậu ấy tối nay đi,” bà nói.

“Mẹ,” tôi kêu.

“Cậu ấy rất *cô đơn*,” bà nói.

“Ôi Chúa ơi, Mẹ à,” tôi nói. Thế nhưng tôi vẫn đỡ lấy Bluie ngốc nghếch, ôm ấp nó trong cơn buồn ngủ ập tới.

Thực tế là tôi vẫn vắt một tay qua Bluie khi tôi tỉnh giấc lúc mới hơn bốn giờ sáng với một cơn đau dữ dội bùng ra từ tận sâu trong đầu.

CHƯƠNG BẢY

Tôi hét lên để đánh thức bố mẹ dậy, họ lập tức chạy xộc vào phòng nhưng chẳng có cách nào có thể làm dịu đi những cơn bùng nổ của các siêu tân tinh bên trong bộ não của tôi, những tràng pháo hoa dài bất tận trong hộp sọ khiến tôi nghĩ rằng thế là đi rồi, một lần và mãi mãi, và tôi tự nói với mình – như tôi vẫn nói với mình trước đó – rằng cơ thể sẽ ngừng hoạt động khi cơn đau trở nên khủng khiếp, rằng ý thức chỉ là tạm thời và thế là xong thôi. Nhưng cũng như mọi lần, tôi đã không trôi đi mất. Tôi bị đánh dạt vào bờ cát với những cơn sóng dập dềnh lên xuống, chẳng thể nào chìm sâu.

Bố vừa lái xe vừa gọi điện đến bệnh viện trong khi tôi nằm dựa đầu lên đùi mẹ. Chẳng có việc gì để làm cả: Hò hét chỉ khiến nó tệ hơn. Mọi kích thích đều khiến nó tệ hơn, thật đấy.

Giải pháp duy nhất là phá hủy luôn cái thế giới này, biến nó quay trở lại tầm tối, lặng yên, và không một bóng người, trở lại khoảnh khắc ngay trước vụ nổ Big Bang, vào lúc bắt đầu mới chỉ có Đức Chúa^[49], và cứ ở đó lẻ loi trong khoảng không trống rỗng cùng với Người.

Người ta hay nói về nghị lực của những bệnh nhân ung thư, và tôi không phủ nhận những nghị lực đó. Tôi đã bị chọc, bị đâm, bị đầu độc hàng năm trời và tôi vẫn tiếp tục sống. Nhưng đừng lầm tưởng: Trong giây phút ấy tôi đã rất, rất hạnh phúc nếu được chết.

Tôi tỉnh dậy trong ICU. Tôi chắc tôi ở trong ICU bởi vì tôi không có phòng riêng, xung quanh có rất nhiều tiếng bíp, và bởi vì tôi đang nằm một mình: Họ sẽ không để người nhà bên bạn 24/7 trong ICU ở khoa Nhi vì nguy cơ lây nhiễm. Có tiếng khóc vọng lên từ phía hành lang. Chắc con ai đó vừa mất. Tôi nằm ở đây một mình. Tôi nhấn nút gọi màu đỏ.

Một chị y tá đi vào ngay sau đó. “Chào chị,” tôi nói.

“Chào em Hazel. Chị là Alison, y tá của em.” Chị ấy nói.

“Chào chị Alison Y Tá Của Em,” tôi nói.

Ngay lúc đó tôi lại cảm thấy khá mệt. Dù thế tôi vẫn cố giữ tỉnh táo khi bố mẹ bước vào, khóc lóc và hôn lấy hôn để lên mặt tôi, tôi cố đưa tay ra với và ôm lấy họ, nhưng cả người tôi lại đau khi tôi quàng tay qua, rồi Bố Mẹ nói rằng tôi không có khối u não, rồi cơn nhức đầu đó là do thiếu ôxy bởi phổi tôi lại ngập trong dịch tràn, những một lít rưỡi (!!!!) chất dịch đã được hút thành công ra khỏi ngực tôi, đó là nguyên do tôi thấy hơi khó chịu ở bên sườn, chỗ đó có một, *ê nhìn chỗ đó kìa*, có một cái ống dẫn từ ngực tôi ra một túi nhựa đã đầy một nửa chất dịch màu hổ phách giống hết loại rượu ưa thích của bố tôi. Mẹ dỗ dành rằng tôi sẽ sớm được về nhà, mà quả đúng vậy, rằng tôi chỉ cần thỉnh thoảng hút dịch phổi và quay lại với cái máy thở BiPAP^[50], cái máy này mỗi đêm sẽ giúp đẩy không khí lưu thông qua hai lá phổi đỡ hơi của tôi. Và tôi đã được chụp PET toàn thân trong đêm đầu tiên nằm viện, bố mẹ bảo tôi thế, và đó là tin tốt lành: các khối u không phát triển thêm. Không phát hiện u mới. Vai tôi đau cũng bởi thiếu ôxy. Đau-vì-tim-làm-việc-quá-sức.

“Sáng nay Bs. Maria đã nói rằng bà vẫn cảm thấy lạc quan,” Bố nói. Tôi thích Bs. Maria, bà ấy chẳng gặt ai bao giờ nên thật vui khi nghe điều đó.

“Đây chỉ là một thử thách thôi, Hazel.” Mẹ an ủi. “Một thử thách mà chúng ta có thể sống chung với nó.”

Tôi gật đầu, rồi chị Alison Y Tá Của Tôi đã khéo léo nhắc họ ra ngoài. Chị ấy hỏi tôi có muốn ăn chút đá bào không, tôi gật đầu, thế là chị ấy ngồi xuống giường đút cho tôi từng thìa một.

“Thế là em đã nằm mất mấy ngày rồi,” Alison nói. “Hmm, xem em bỏ lỡ gì nào... Một ngôi sao chơi đá. Những chính trị gia bất đồng. Một ngôi sao khác mặc một bộ bikini làm lộ khiếm khuyết cơ thể. Một đội bóng thắng, nhưng đội kia lại thua,” tôi cười. “Em không thể cứ biến mất trong mắt mọi người thế được, Hazel. Em bỏ lỡ nhiều thứ quá rồi.”

“Nữa được không ạ?” Tôi hỏi, hất hất đầu về phía chiếc cốc nhựa Styrofoam^[51] trắng trên tay chị ấy.

“Đáng nhẽ không nên,” chị ấy nói, “nhưng chị sẽ phá lệ.” Chị ấy đút cho tôi thêm một thìa đá bào nữa. Tôi thì thầm cảm ơn. Tạ ơn Chúa vì những chị y tá dễ thương thế này. “Mệt chưa?” chị hỏi. Tôi gật đầu. “Ngủ chút đi nhé,” chị ấy nói. “Chị sẽ quanh quẩn ở đây để em có một vài giờ nghỉ ngơi trước khi có ai đó vào kiểm tra tình trạng của em và mọi thứ.” Tôi nói Cảm ơn một lần nữa. Chúng ta nói cảm ơn rất nhiều khi ở trong viện. Tôi ngo nguậy trên giường tìm tư thế nằm thoải mái. “Em không định hỏi thăm gì về bạn trai của em à?” chị ấy hỏi.

“Em có bạn trai nào đâu,” tôi bảo chị ấy.

“Thế à, có một cậu chẳng rời em lúc nào ở phòng chờ khi em mới đến đây,” chị ấy nói.

“Cậu ấy chưa thấy em trong bộ dạng này đúng không ạ?”

“Chưa. Chỉ gia đình mới được vào thôi.”

Tôi gật đầu và chìm vào giấc ngủ miên man.

Tôi phải nằm sáu ngày mới được về nhà, sáu ngày chống mắt nhìn bức trần cách âm xem TV và ngủ và đau đớn và ngóng thời gian trôi. Tôi chẳng được gặp Augustus hay ai khác ngoài bố mẹ mình. Đầu tóc tôi nhìn như tổ quạ; bộ dạng lệch thẹo như bệnh nhân mất trí. Dù thế tôi vẫn thấy khỏe hơn mỗi ngày: Mỗi giấc ngủ kết thúc lại bộc lộ một con người trông giống tôi hơn một chút. Giấc ngủ chống lại ung thư, Bs. Jim nhắc lại lần thứ một ngàn khi ông lượn qua thăm tôi một buổi sáng nọ với một nhóm sinh viên y khoa theo cùng.

“Cháu là một cỗ máy chống ung thư,” tôi nói với ông ấy.

“Chuẩn luôn, Hazel. Cứ nghỉ ngơi đi nhé, và mong chúng ta có thể cho cháu về nhà sớm thôi.”

Hôm thứ Ba, họ nói tôi có thể về nhà vào thứ Tư. Hôm thứ Tư, hai sinh viên y khoa rút ống ở ngực tôi ra mà hầu như chẳng ai giám sát, khiến tôi cảm thấy như bị đâm ngược vào trong và nói chung là mọi thứ không được tốt cho lắm nên bệnh viện quyết định giữ tôi ở lại cho đến thứ Năm. Tôi bắt đầu nghĩ khéo mình là một loại vật thí nghiệm sống nào đó mà mãi chẳng nhận được tí thù lao nào lúc Bs. Maria xuất hiện vào buổi sáng thứ Sáu, khụt khịt quanh tôi một phút, rồi thông báo tôi đã đủ khỏe để xuất viện được rồi.

Thế rồi Mẹ mới mở chiếc túi to quá cỡ của mình ra để lộ rằng bà luôn mang Quần Áo Về Nhà của tôi theo bên mình. Một chị y tá đi vào và rút ống IV^[52] ra giúp tôi. Tôi cảm thấy như được tháo xiềng xích dù vẫn phải kè kè cái bình ôxy bên mình. Tôi vào nhà vệ sinh, tắm cú đầu tiên sau cả tuần trời, mặc quần áo, và khi tôi bước ra tôi đã mệt đến nỗi tôi phải nằm lại xuống giường và lấy lại nhịp thở. Mẹ hỏi, “Con có muốn gặp Augustus không?”

“Cũng được ạ,” một phút sau tôi mới đáp. Tôi đứng dậy và lê mình qua chiếc ghế nhựa dựa sát tường, kéo cái bình xuống dưới gầm ghế. Thế thôi mà tôi cũng rất mệt.

Bố quay lại cùng Augustus một lúc sau đó. Tóc cậu ấy cũng bù xù, lòa xòa trước trán. Cậu ấy nở một Nụ Cười Ngốc Nghếch Kiểu Augustus Waters đích thực khi bước vào, và tôi không thể không mỉm cười đáp lại được. Cậu ấy ngồi xuống chiếc ghế tựa giả da màu xanh dương ngay cạnh tôi. Cậu ấy nghiêng mình về phía tôi, bộ dạng như thể không ngừng cười được.

Bố Mẹ để chúng tôi lại một mình khiến cho cảm giác càng thêm ngượng ngịu. Tôi cố gắng nhìn vào đôi mắt cậu ấy, chúng đẹp đến nỗi thật khó để có thể nhìn thẳng vào. “Tớ nhớ cậu,” Augustus nói.

Giọng tôi lí nhí hơn mức tôi mong muốn. “Cảm ơn vì đã không cố xem tớ thế nào lúc tớ nhìn như quỷ sứ.”

“Công bằng mà nói thì trông cậu vẫn thê thảm lắm.”

Tôi cười. “Tớ cũng nhớ cậu. Tớ chỉ không muốn cậu thấy...tất cả những chuyện này. Tớ chỉ muốn, ừ...Thôi không có gì đâu. Người ta không thể luôn có thứ họ muốn được.”

“Thật thế sao?” cậu ấy hỏi. “Tớ luôn nghĩ thế giới này là một nhà máy ban tặng điều ước cơ.”

“Nhưng cuối cùng thì không phải vậy,” tôi đáp. Cậu ấy rất đẹp. Cậu ấy với lấy tay tôi nhưng tôi lắc đầu. “Đừng,” tôi khẽ nói. “Nếu chúng ta có đang hẹn hò thì nó phải, ừm, không phải thế đâu.”

“Okay,” cậu ấy nói. “Xem nào, tớ có cả tin tốt và tin xấu về vụ ban tặng điều ước.”

“Okay?” tôi nói.

“Tin xấu là hiển nhiên chúng ta không thể đến Amsterdam cho đến khi cậu khá hơn. Quỹ Genie, tuy thế, vẫn sẽ thực hiện phép màu của họ ngay khi cậu bình phục.”

“Đấy là tin tốt à?”

“Không, tin tốt là trong khi cậu vẫn đang ngủ thì Peter Van Houten đã chia sẻ thêm một chút về bộ não đại tài của ông ấy cho chúng ta.”

Cậu ấy với lấy tay tôi lần nữa, nhưng lần này là để dúi vào tay tôi một tờ giấy văn phòng được gấp lại nhiều lần, trên tiêu đề có ghi *Peter Van Houten, Tiểu thuyết gia Danh dự*.

Tôi đã không đọc nó cho đến khi về đến nhà, yên vị trên cái giường to oành và trống trải của mình để đảm bảo không có một sự gián đoạn y tế nào. Tôi mất một lúc lâu mới giải mã được nét chữ nghiêng ngả và cầu thả của Van Houten.

Thưa ngài Waters,

Tôi đã nhận được lá thư điện tử của ngài vào hôm 14 tháng Tư và bị ấn tượng mạnh mẽ bởi tầm bi kịch rắc rối thê lương như một vở kịch Shakespeare của ngài. Mọi nhân vật trong câu chuyện này đều mang một cố tật không thể nào thay đổi: của cô ấy, đó là bệnh tật; của ngài, đó là khỏe mạnh. Giả sử ngài có đau ốm hơn, hay cô ấy có khỏe mạnh hơn, thì những vì sao đã không băng qua nhau bị thương như vậy, nhưng bản chất của những ngôi sao là để gặp nhau, nên chẳng có gì sai lầm hơn khi Shakespeare để nhân vật Cassius nói, “Lỗi lầm, Brutus thân yêu, không ở những vì sao xa / Mà ở trong chính chúng ta.”[53] Nói sao cũng được nếu khi ta là một nhà quý tộc La Mã (hoặc chính Shakespeare!), nhưng chẳng thiếu những lỗi lầm được tìm thấy chính giữa những ngôi sao của chúng ta.

Trong khi chúng ta đang trong chủ đề những thiếu sót của Will[54] già nua, lá thư của ngài về Hazel trẻ tuổi nhắc tôi nhớ về bài thơ sonnet[55] thứ năm mươi của ông, mở đầu như thế này: “Lãng tâm vua dát bạc vàng, đá trắng / Không sống lâu như thơ viết trang này / Trong thơ anh, hơn vàng em toả sáng / Không bị đời và thế kỷ làm đây.”[56] (Ngoài lẽ một chút, nhưng: Ôi thời gian là cô nàng nhớ nhớt[57], nàng rũ bỏ hết bất kỳ ai.) Đó là một bài thơ hay nhưng đầy gian dối: Chúng ta thực sự ghi nhớ những vần điệu hùng tráng của Shakespeare, nhưng chúng ta nhớ gì về con người mà bài thơ ca tụng? Chẳng gì cả. Chúng ta chắc đó là một người đàn ông[58]; mọi chi tiết khác chỉ là phỏng đoán. Shakespeare kể cho chúng ta khá khiêm tốn về người đàn ông bị chôn vùi bên trong lăng mộ ngôn ngữ của người. (Mà nói thêm khi ta chuyện trò về văn học, chúng ta dùng thì hiện tại. Nhưng khi nói về người đã chết, sẽ chẳng ý nhị lắm đâu.) Ta không thể khiến sự mất mát trở nên bất tử bằng cách viết về chúng. Ngôn ngữ sẽ chôn vùi, nhưng chẳng hồi sinh. (Mà xin nói thẳng: Tôi không phải người đầu tiên để ý điều này. Vui lòng xem bài thơ “Not marble, nor the gilded monuments”[59] của MacLeish[60] với một dòng khẳng khái, “Ta phải nói nàng rồi sẽ chết và không ai nhớ điều gì hết.”)

Tôi đã nói quá xa, nhưng đây là điểm mấu chốt: Người đã chết chỉ được nhìn thấy qua con mắt không mí đáng sợ của ký ức. Người đang sống, tạ ơn thiên đàng, vẫn duy trì được khả năng khiến người khác bất ngờ và tuyệt vọng. Hazel của ngài vẫn đang sống, Waters, và ngài không thể áp đặt ý chí của ngài lên quyết định của người khác, đặc biệt là một quyết định đã được suy tính thấu đáo. Cô ấy không muốn chạm đến nỗi đau của ngài, hãy cứ để cô ấy làm vậy. Ngài có thể không thấy logic của Hazel trẻ tuổi không mấy thuyết phục, nhưng tôi đã lê bước qua thung lũng nước mắt này xa hơn cả

ngài, và từ góc nhìn nơi tôi đang ngồi đây, cô ấy không phải là kẻ mất trí.

Trân trọng,

Peter Van Houten

Bức thư này đúng là do ông ấy viết. Tôi liếm ngón tay của mình rồi chấm nhẹ lên tờ giấy, có vết mực thoáng phai ra, thế nên tôi biết nó là thật.

“Mẹ,” tôi gọi. Tôi không gọi to quá, mà cũng chẳng cần phải thế. Mẹ luôn luôn chờ tôi. Bà ló đầu qua cửa.

“Con ổn chứ, con yêu?”

“Mình có thể gọi cho Bs. Maria và hỏi xem ra nước ngoài một chuyến có giết con luôn được không?”

CHƯƠNG TÁM

Chúng tôi có một buổi Hội Chẩn Ung Thư lớn vài ngày sau đó. Cứ thỉnh thoảng, một tá các bác sĩ và nhân viên công tác xã hội và chuyên viên vật lý trị liệu và những người khác lại cùng ngồi quanh một chiếc bàn lớn trong phòng hội nghị và thảo luận về tình hình của tôi. (Không phải tình hình của Augustus Waters hay tình hình của Amsterdam. Tình hình bệnh ung thư.)

Bs. Maria chủ trì cuộc họp. Bà ôm tôi khi tôi đến. Bà rất thích ôm ấp.

Tôi thấy khỏe hơn một chút, chắc vậy. Ngủ cả đêm với máy thở BiPAP khiến tôi cảm thấy phổi mình khỏe mạnh như thường, cho dù phải nói lại, tôi thực không nhớ phổi như thường là như nào nữa.

Mọi người đều có mặt và tỏ ra nghiêm túc bằng cách tắt tất cả các máy nhắn tin của họ và mọi thứ khác để tập trung *tất cả về tôi*, và rồi Bs. Maria cất tiếng, “Vây tin tốt là Phalanxifor tiếp tục kiểm soát sự phát triển của khối u trong cháu, nhưng hiển nhiên chúng ta đã nhận thấy những vấn đề nghiêm trọng về tình trạng tự dịch phổi. Vây hỏi đặt ra là, chúng ta nên làm gì tiếp theo?”

Rồi bà nhìn qua tôi, như thể bà đang đợi một câu trả lời. “Ừm,” tôi nói, “cháu nghĩ cháu không phải người có chuyên môn nhất ở đây để có thể trả lời câu hỏi này?”

Bà mỉm cười. “Đúng thế, ta đang đợi câu trả lời từ Bs. Simons. Bs. Simons?” Ông ấy cũng là một bác sĩ chuyên về một loại ung thư nào đó.

“Được rồi, chúng ta biết là ở những bệnh nhân khác phần lớn những khối u cuối cùng sẽ tìm cách nào đó để phát triển dù có Phalanxifor, nhưng nếu trường hợp này như thế, chúng ta sẽ thấy khối u phát triển qua các phim chụp, mà chúng ta đã không thấy. Như vậy có nghĩa là vẫn chưa đến giai đoạn đó.”

Chưa, tôi nghĩ.

Bs. Simons gõ gõ ngón trỏ xuống mặt bàn. “Vấn đề ở đây là có thể Phalanxifor đang khiến tình trạng phù nề tồi tệ hơn, nhưng chúng ta sẽ phải đối mặt với nhiều vấn đề nghiêm trọng hơn nếu chúng ta ngừng sử dụng nó.”

Bs. Maria nói thêm, “Chúng ta chưa thực sự hiểu những ảnh hưởng về lâu về dài của Phalanxifor. Có rất ít người sử dụng nó lâu như cháu.”

“Thế chúng ta sẽ không làm gì ạ?”

“Chúng ta sẽ vẫn tiếp tục phác đồ điều trị này,” Bs. Maria nói, “nhưng chúng ta sẽ phải làm gì đó để ngăn chứng phù nề phát triển,” tôi cảm thấy khó chịu như kiểu sắp nôn mửa đến nơi. Tôi không thích các buổi Hội Chẩn Ung Thư nói chung, nhưng đặc biệt ghét buổi hôm nay. “Bệnh ung thư của cháu sẽ không biến mất, Hazel. Nhưng chúng ta đã từng thấy những bệnh nhân vẫn sống với sự xâm nhập của những khối u ở mức độ của cháu trong một thời gian dài.” (Tôi không hỏi một thời gian dài là bao lâu. Tôi đã một lần mắc sai lầm trước đó.) “Ta biết là mới ra khỏi ICU, cháu sẽ không cảm thấy vậy, nhưng dịch tràn của cháu, ít nhất trong lúc này, là kiểm soát được.”

“Cháu không thể chỉ cần ghép phổi gì đó được ạ?”

Bs. Maria bậm môi lại. “Thật đáng tiếc, cháu không phải ứng cử viên sáng giá cho việc cấy ghép,” bà nói. Tôi hiểu: Không nên phí phạm những lá phổi tốt cho một ca vô vọng thế này. Tôi gật đầu, cố tỏ ra vẻ những lời đó không làm tổn thương mình. Bố tôi bắt đầu sụt sịt khóc. Tôi không nhìn qua ông, nhưng không ai nói gì trong một lúc lâu nên tiếng nấc nghẹn của ông là âm thanh duy nhất trong căn phòng.

Tôi ghét làm tổn thương ông. Bình thường tôi có thể quên mất điều đó, nhưng sự thật không thể suy suyển là: Họ có thể vui vẻ vì có tôi bên cạnh, nhưng tôi lại là khởi nguồn và kết thúc của mọi sự đau khổ trong lòng bố mẹ tôi.

Ngay trước Phép màu, cái lần tôi ở trong ICU và mọi thứ như thể tôi sắp chết đến nơi và Mẹ thì an ủi rằng sẽ ổn thôi, và tôi đã cố gắng buông xuôi nhưng hai lá phổi của tôi vẫn cố tìm kiếm chút không khí, Mẹ gục đầu thốn thức vào ngực Bố một điều mà tôi ước gì mình đã không nghe thấy, cũng như hi vọng Mẹ sẽ chẳng bao giờ biết được rằng tôi đã nghe. Bà nói, “Em sẽ không còn được làm mẹ nữa.” Điều đó khiến ruột gan tôi đau như cắt.

Tôi không thể ngừng suy nghĩ về điều đó trong suốt buổi Hội Chẩn Ung Thư. Tôi không thể vứt nó ra khỏi đầu, giọng của bà khi bà nói vậy, như thể bà sẽ chẳng bao giờ có thể bình thường lại được, mà có lẽ sự thật là thế.

Dù sao đi nữa, cuối cùng chúng tôi cũng quyết định sẽ giữ mọi chuyện như cũ trừ việc thường xuyên hút dịch hơn. Lúc cuối buổi, tôi hỏi liệu mình có thể đến Amsterdam không, và Bs. Simons thực sự cười phá lên theo đúng nghĩa đen, nhưng rồi Bs. Maria nói, “Sao không nhỉ?” Và Simons nói, giọng mơ hồ, “Sao không?” Rồi Bs. Maria nói, “Ừ, tôi không thấy tại sao lại không cả. Nói cho cùng thì họ cũng có bình ôxy trên máy bay đấy chứ.” Bs. Simons nói, “Họ có định kiểm tra một cái máy thở BiPAP không biết?” Và Bs. Maria đáp lại, “Ừ, hoặc có khi họ sẽ chuẩn bị sẵn một cái cho cô bé.”

“Đưa một bệnh nhân – một trong những người sống sót với Phalanxifor có triển vọng nhất, tuyệt chưa – lên một chuyến bay dài những tám tiếng đồng hồ mà không có các bác sĩ thực sự am hiểu về ca bệnh của cô bé? Quả là quá liều mạng.”

Bs. Maria nhún vai. “Cũng có thêm đôi chút rủi ro,” bà thừa nhận, nhưng rồi quay lại phía tôi và nói, “Nhưng đây là cuộc sống của cháu.”

Thế mà không hẳn vậy. Trên xe về nhà bố mẹ đã tôi quyết định: Tôi không

nên đến Amsterdam trừ khi và chỉ khi có một thỏa thuận y khoa rằng chuyến đi đó thực sự an toàn.

Tối hôm đó Augustus gọi cho tôi sau bữa ăn. Tôi đã leo lên giường – dạo này cứ ăn tối xong là đến giờ tôi đi ngủ – dựa quanh một đồng gối cùng Blueie, với cái laptop đặt trong lòng.

Tôi nhắc máy và nói, “Có tin xấu,” rồi cậu ấy kêu lên, “Chết tiệt, gì cơ?”

“Tớ không thể đến Amsterdam. Một ông bác sĩ của tớ nghĩ đó là một ý tưởng điên rồ.”

Cậu ấy im lặng một lúc. “Chúa ơi,” cậu nói. “Đáng lẽ tớ nên tự trả tiền cho chuyến đi này. Đáng lẽ cứ kéo cậu thẳng từ *Funky Bones* đến Amsterdam là xong.”

“Rồi có lẽ tớ sẽ đột tử vì thiếu ôxy ở Amsterdam. Và xác tớ sẽ được đưa về trong khoang chứa hàng của máy bay,” tôi đáp.

“Ờ, phải,” cậu ấy nói. “Nhưng biết đâu những cử chỉ lãng mạn vĩ đại của tớ trước đó sẽ giúp tớ được lên giường với ai đó thì sao.”

Tôi bật cười nắc nẻ, đến nỗi tôi có thể cảm nhận được chỗ cái ống ở ngực từng nằm.

“Cậu cười vì tớ nói đúng,” cậu ta nói.

Tôi lại cười.

“Đúng mà, đúng không!”

“Chắc không phải,” tôi đáp, rồi một lúc sau thêm vào, “dù cậu sẽ không bao giờ biết.”

Cậu ấy rên rỉ về đau khổ. “Tớ sẽ chết mà vẫn còn zin.”

“Cậu còn zin ấy hả?” tôi ngạc nhiên.

“Hazel Grace,” cậu ấy nói, “cậu có bút và mẫu giấy nào ở đây không?” Tôi bảo tôi có. “Được rồi, hãy vẽ một vòng tròn,” tôi làm theo. “Giờ vẽ một vòng tròn nhỏ hơn trong vòng tròn lúc này,” tôi vẽ tiếp. “Vòng lớn hơn là những thẳng còn zin. Còn bé hơn là những thẳng mười bảy tuổi với một chân.”

Tôi bật cười lần nữa, và bảo cậu ấy rằng việc có phần lớn những mối quan hệ phát sinh ở viện nhi cũng không khuyến khích việc quan hệ tình dục bừa bãi, rồi chúng tôi nói chuyện về những lời bình phẩm thiên tài của Peter Van Houten về tính lãng lơ của thời gian, và dù tôi đang ở trên giường của mình và cậu ấy ở tầng hầm của cậu ấy, một lần nữa tôi thấy như mình đã quay trở lại cái không gian thứ ba vô hình mà tôi thực sự thích ở đó cùng cậu.

Sau đó tôi gác máy rồi bố mẹ vào phòng, và dù căn phòng thực sự không đủ rộng cho cả ba người, họ vẫn nằm lên mép giường với tôi, rồi chúng tôi cùng xem chương trình *ANTM* bằng chiếc TV bé tẹo trong phòng. Cái chị tôi không thích, Selena, đã bị loại, khiến tôi thấy thật sự vui sướng. Sau đó mẹ nối máy thở BiPAP và chụp vào giúp tôi, rồi Bố hôn lên trán tôi, nụ hôn đầy những râu ria lởm chởm, rồi tôi nhắm mắt lại.

Máy thở BiPAP căn bản đã kiểm soát hoàn toàn hơi thở của tôi, nó thực sự khó chịu, nhưng điều tuyệt vời là nó tạo ra những âm thanh này, phì phì mỗi lúc tôi hít vào và phò phò mỗi khi tôi thở ra. Tôi cứ nghĩ âm thanh đó như là có một con rồng thở cùng lúc với tôi, như thể tôi có một con rồng cưng cuộn mình bên cạnh và quan tâm tôi đến mức cùng tôi thở cùng một nhịp. Tôi cứ

ngủ như thế trong khi chìm vào giấc ngủ.

Sáng hôm sau tôi dậy muộn. Tôi nằm trên giường xem TV và kiểm tra hòm thư rồi một lúc sau bắt đầu soạn một bức email cho Peter Van Houten nói về chuyện làm thế nào mà tôi không thể đến Amsterdam nhưng tôi thề bằng tính mạng của mẹ mình rằng tôi sẽ không bao giờ chia sẻ bất cứ thông tin nào về các nhân vật cho bất kỳ ai, rằng tôi thậm chí còn *không* muốn chia sẻ nó kia, bởi lẽ tôi là một người ích kỷ vô cùng, và liệu ông ấy có thể kể cho tôi biết chú Tulip Hà Lan có thật lòng không rồi mẹ Anna có cưới ông ấy không và cả chuyện Sisyphus chú chuột Hamster nữa.

Nhưng tôi không gửi nó đi. Nó còn quá lâm ly thống thiết với tôi ấy chứ.

Khoảng ba giờ, khi tôi chắc Augustus đã từ trường về nhà, tôi bước ra sân sau và gọi cho cậu ấy. Chuông vẫn reo trong khi tôi ngồi bệt xuống thảm cỏ, mọc um tùm và đầy bồ công anh. Chiếc ghế đu vẫn ở đằng kia, cỏ mọc đầy chỗ trống đất mà tôi thường đạp xuống để đu mình lên khi còn bé. Tôi vẫn nhớ bố mang bộ ghế đu từ cửa hàng Toys “R” Us[61] về và dựng nó ở sân sau cùng bác hàng xóm. Bố cứ khẳng khẳng đòi đu trước để thử, mọi thứ gần như bung bét luôn.

Trời hôm đó xám xịt, thấp và đầy nước nhưng vẫn chưa mưa. Tôi tắt máy khi cuộc gọi chuyển sang hộp thư thoại của Augustus và đặt nó xuống nền đất cạnh tôi, vẫn nhìn chăm chăm về phía chiếc ghế đu, nghĩ rằng tôi sẵn sàng đổi tất cả những ngày ốm yếu còn lại lấy một vài ngày khỏe mạnh. Tôi cố gắng tự an ủi rằng mọi thứ có thể còn tệ hơn, rằng thế giới này không phải một nhà máy ban tặng điều ước, rằng tôi vẫn đang sống với ung thư chứ chưa chết bởi nó, rằng tôi không được cho phép nó giết chết mình trước khi nó có thể giết chết mình, rồi sau đó tôi bắt đầu nhắm đi nhắm lại *ngốc nghếch ngốc nghếch ngốc nghếch ngốc nghếch ngốc nghếch* cho đến khi âm thanh phát ra không còn thể hiện ý nghĩa của nó được nữa. Tôi vẫn đang lẩm nhẩm thế khi Augustus gọi lại.

“Chào,” tôi nói.

“Hazel Grace,” cậu ấy đáp.

“Chào,” tôi nói lần nữa.

“Cậu đang khóc à, Hazel Grace?”

“Có lẽ?”

“Vì sao?” cậu ấy hỏi.

“Vì tớ chỉ – tớ muốn đến Amsterdam, và tớ muốn ông ấy kể cho tớ nghe chuyện gì đã xảy ra khi cuốn sách khép lại, và tớ chỉ không muốn cuộc sống thế này nữa, và cả bầu trời cũng khiến tớ mệt mỏi, và ở đằng kia là một chiếc ghế đu đã cũ mà bố làm cho tớ khi tớ còn bé.”

“Tớ phải thấy chiếc ghế đu nước mắt kia ngay bây giờ,” cậu ấy nói. “Khoảng hai mươi phút nữa tớ sẽ ở đó.”

Tôi vẫn ngồi lại trong sân sau bởi Mẹ lúc nào cũng rất ghen ngào lo lắng mỗi khi tôi khóc, bởi lẽ tôi chẳng mấy khi khóc, và tôi biết bà sẽ muốn *nói chuyện* và thảo luận xem tôi có nên cân nhắc việc điều chỉnh lại lượng thuốc hay không, và chỉ nghĩ về toàn bộ cuộc nói chuyện thôi cũng khiến tôi muốn ói.

Tôi không có mấy ký ức rõ ràng và cảm động vô cùng như hình ảnh một người cha khỏe mạnh đẩy một đứa bé khỏe mạnh rồi đứa bé cứ hét lên *cao nữa cao nữa cao nữa* hay những khoảnh khắc rung động đầy tính ẩn dụ nào khác. Chiếc ghế đu vẫn nằm đó, hiu quạnh, hai sợi dây treo nhỏ im lìm và buồn bã níu một mảnh ván sơn xám ngắt, trông như nụ cười được vẽ bởi một đứa con nít.

Tôi nghe thấy tiếng cánh cửa trượt trên đám cỏ đằng sau lưng. Tôi quay người lại. Là Augustus, cậu ấy mặc một chiếc quần kaki và áo cộc tay kẻ caro cài khuy. Tôi quệt ống tay áo lên lau mặt và mỉm cười. “Chào,” tôi nói,

Mất một giây để cậu ấy ngồi bệt xuống cạnh tôi, mặt nhăn nhó vì mông tiếp đất không được nhẹ nhàng cho lắm. “Chào,” cuối cùng cậu ấy cũng chào lại. Tôi nhìn sang cậu ấy. Cậu ấy nhìn đằng sau tôi, vào mảnh sân vườn. “Tớ hiểu sao rồi,” cậu ấy nói trong khi quàng một tay qua vai tôi. “Một chiếc ghế đu buồn chết mẹ.”

Tôi tựa đầu vào vai cậu ấy. “Cảm ơn vì đã sẵn sàng ghé qua.”

“Cậu biết có cố gắng giữ khoảng cách giữa chúng mình cũng không làm vơi đi tình cảm của tớ dành cho cậu,” cậu ấy nói.

“Có lẽ?” tôi đáp.

“Mọi nỗ lực để giữ tớ cách xa cậu sẽ thất bại,” cậu ấy nói.

“Tại sao? Tại sao cậu lại thích tớ? Cậu nghĩ cậu ép cậu vào những chuyện thế này chưa đủ à?” Tôi hỏi, nghĩ về Caroline Mathers.

Gus không trả lời. Cậu ấy chỉ ôm chặt lấy tôi, những ngón tay của cậu ấy giữ chặt lấy cánh tay trái của tôi. “Chúng ta sẽ làm gì đó với chiếc ghế đu tội nghiệp này,” cậu ấy nói. “Nghe này, nó là chín mươi phần trăm của vấn đề.”

Khi tôi đã trấn tĩnh trở lại, chúng tôi đi vào nhà và ngồi sát cạnh nhau trên ghế sofa, chiếc laptop đặt một nửa trên đầu gối (giả) của cậu ấy và một nửa trên đầu gối của tôi. “Nóng thật đấy,” tôi nói cái đế của laptop.

“Giờ ấy hả?” cậu ấy cười. Cậu ấy vào một trang rao tặng đồ cũ tên là Free No Catch và chúng tôi cùng nhau viết một bài quảng cáo.

“Tiêu đề?” cậu ấy hỏi.

“Ghế Đu Cần Nhà,”” tôi đáp.

““Ghế Đu Cô Đơn Tuyệt Vọng Cần Mái Ấm Tình Thương,”” cậu ấy nói.

““Ghế Đu Cô Đơn Bị Mê Trẻ Em Cần Tìm Mông Con Nít,”” tôi nói.

Cậu ấy cười. “Đó là lý do.”

“Sao cơ?”

“Đó là lý do tớ thích cậu. Cậu có biết hiếm hoi lắm mới gặp được một cô nàng xinh đẹp biết cách tạo ra phiên bản tính từ của chữ *chứng mê trẻ em*[\[62\]](#) không? Cậu quá bận rộn là chính cậu đến nỗi cậu chẳng hề biết cậu vô cùng đặc biệt đến mức nào.”

Tôi hít một hơi thật sâu qua mũi của mình. Chưa bao giờ có đủ không khí trên thế giới này, nhưng sự thiếu hụt càng trở nên nghiêm trọng khi đó.

Chúng tôi cùng viết lời quảng cáo, cùng chỉnh sửa cho nhau. Cuối cùng, chúng tôi quyết định để thế này:

Ghế Đu Cô Đơn Tuyệt Vọng Cần Mái Ấm Tình Thương

Một bộ ghế đu, dù đã cũ nhưng cấu trúc vẫn còn chắc chắn, đang tìm nơi ở mới. Hãy tạo dựng những kỷ niệm với đứa trẻ hay những đứa trẻ của các bạn để một ngày cậu ấy hay cô ấy hay chúng có thể nhìn lại khoảnh khắc sau và

cảm nhận nỗi đau tuyệt vọng như tôi chiều nay. Nó thật mong manh và thoáng chốc, thưa các bạn, nhưng cùng với chiếc ghế đu này, con (cái) của các bạn sẽ được làm quen với những nấc thăng trầm của cuộc đời một cách nhẹ nhàng và an toàn, và biết đâu sẽ rút ra được bài học quan trọng nhất trong tất cả: Dù đẩy mạnh thế nào, dù đu cao ra sao, cũng không thể quay tròn một vòng.

Bộ ghế đu hiện đang cư trú gần ngã tư phố 83 và đường Spring Mill.

Sau đó chúng tôi bật TV lên một lúc, nhưng vì chẳng có chương trình nào hay nên tôi với quyển *Nỗi đau tốt cùng* trên chiếc bàn cạnh giường và mang nó ra phòng khách rồi Augustus đọc cho tôi trong khi Mẹ, vừa nấu ăn, vừa lắng nghe.

“*Con mắt thủy tinh của mẹ thụt vào trong,*” Augustus bắt đầu. Cậu ấy cứ đọc, còn tôi đắm chìm vào yêu thương như người ta thả mình vào giấc ngủ: từ từ, rồi chợt thiếp đi.[\[63\]](#)

Khi tôi kiểm tra hộp thư một tiếng sau đó, tôi nhận ra chúng tôi có rất nhiều người thích hợp cho bộ ghế đu để lựa chọn. Cuối cùng tôi đã chọn một bác tên là Daniel Alvarez vì đã gửi kèm một bức ảnh chụp cảnh ba cậu bé chúi mũi chơi điện tử với dòng tiêu đề *Bác chỉ muốn chúng ra ngoài chơi đùa*. Tôi gửi thư hồi đáp và nhắn bác ấy cứ đến lấy lúc nào rảnh rồi.

Augustus hỏi tôi có muốn cùng cậu ấy đến chỗ Nhóm Tương Trợ không, nhưng tôi đã thực sự thấm mệt sau một ngày bận rộn của việc Mặc Ung Thư, nên tôi từ chối. Chúng tôi đang ngồi cạnh nhau trên ghế sofa, cậu ấy đứng dậy định đi nhưng chợt ngồi lại xuống ghế và lén đặt một nụ hôn lên má tôi.

“Augustus!” tôi kêu lên.

“Bạn bè thôi nhé,” cậu ấy đáp. Cậu ấy nhồm người lên lần nữa nhưng lần này là đứng dậy thật, bước hai bước về phía mẹ tôi rồi nói, “Cháu luôn vui khi được gặp bác,” rồi mẹ tôi dang tay ra ôm lấy cậu, Augustus cúi xuống và hôn lên má mẹ tôi. Cậu ta quay lại về phía tôi. “Thấy chưa?” cậu ta hỏi.

Tôi trèo lên giường sau bữa tối, máy thở BiPAP kéo thể giới ra khỏi căn phòng của tôi.

Tôi không bao giờ thấy chiếc ghế đu lần nữa.

Tôi ngủ một giấc dài, tận mười tiếng đồng hồ, có thể do bệnh tình chậm phục hồi, cũng có thể do giấc ngủ chống lại ung thư và cũng có thể do tôi là một cô gái tuổi mới lớn không có thời gian tỉnh giấc cụ thể. Tôi vẫn chưa khỏe hẳn để đến lớp ở MCC. Khi cảm thấy tỉnh ngủ hẳn, tôi bỏ cái ống chụp của máy thở BiPAP ra khỏi mũi, đặt ống thở ôxy của tôi vào, bật nó lên, sau đó với lấy cái laptop của tôi dưới gầm giường, nơi tôi cất giấu nó đêm hôm trước.

Tôi nhận được một bức thư từ chị Lidewij Vliegenthart.

Hazel thân mến,

Tôi đã nhận được thông tin từ quỹ Genie là em sẽ tới thăm chúng tôi cùng với Augustus Waters và mẹ của em từ ngày mừng 4 tháng Năm. Chỉ còn một tuần nữa! Ngài Peter và tôi rất vui mừng và mong tới ngày được gặp em. Khách sạn của em, Filosoof[64], chỉ cách nhà ngài Peter một con phố. Có lẽ

chúng ta nên dành cho em một ngày để nghỉ ngơi sau chuyến bay, đúng không? Vậy nên nếu thuận tiện, chúng ta sẽ gặp em tại nhà ngài Peter vào buổi sáng mùng 5 tháng Năm, khoảng mười giờ để cùng uống cà phê và để ngài Peter trả lời những câu hỏi của em về cuốn sách. Sau đó có lẽ chúng ta sẽ đi một chuyến quanh bảo tàng hay Nhà Anne Frank[65]?

Chúc em những điều tốt lành nhất,

Lidewij Vliegenhart

Trợ lý Điều hành của Ngài Peter Van Houten, tác giả cuốn *Nỗi đau tột cùng*

“Mẹ,” tôi gọi. Bà không trả lời. “MẸ!” tôi hét toáng lên. Chẳng có động tĩnh gì. Tôi gào lên lần nữa, to hơn, “MẸ!”

Mẹ chạy vào, trên người quấn mỗi chiếc khăn tắm màu hồng mơn xơ chỉ dưới nách, nước nhỏ tong tong, vẻ hơi hốt hoảng. “Chuyện gì vậy con?”

“Không có gì ạ. Con xin lỗi. Con không biết là mẹ đang tắm,” tôi nói.

“Tắm bồn,” bà nói. “Mẹ mới chỉ...” Bà nhắm mắt lại. “Mới chỉ tắm được có năm giây. Xin lỗi con. Có chuyện gì thế?”

“Mẹ có thể gọi cho Quĩ Genie và bảo họ chuyển đi đã bị hủy không ạ? Con vừa nhận được email từ trợ lý của Peter Van Houten. Chị ấy vẫn nghĩ mình

đang đến.”

Mẹ mím môi lại và liếc qua tôi.

“Sao ạ?” tôi hỏi.

“Mẹ không định nói cho con biết cho đến khi bố về đến nhà.”

“Gì cơ?” tôi hỏi lần nữa.

“Chúng ta vẫn đi,” cuối cùng bà nói. “Bs. Maria đã gọi cho bố mẹ tối qua và cố gắng thuyết phục là con cần sống –”

“MẸ, CON YÊU MẸ RẤT NHIỀU!” Tôi hét lên, rồi bà bước tới chiếc giường và để tôi ôm bà.

Tôi nhắn tin cho Augustus vì biết cậu ấy đang ở trường:

Mùng ba tháng Năm vẫn rảnh chứ? :-)

Cậu ấy nhắn lại ngay lập tức.

Mọi thứ đang ập tới với Waters.[\[66\]](#)

Chỉ cần tôi tiếp tục sống trong một tuần nữa thôi, tôi sẽ biết những bí mật chưa từng được viết ra về mẹ của Anna và chú Tulip Hà Lan. Tôi nhìn xuống nơi ngực áo.

“Ngoan nhé chúng mày,” tôi thì thầm với hai lá phổi của mình.

CHƯƠNG CHÍN

Trước ngày chúng tôi lên đường tới Amsterdam, tôi ghé qua Nhóm Tương Trợ lần đầu tiên kể từ ngày gặp Augustus. Dân diễn viên đã lại xoay vòng một chút nơi Trái Tim Đích Thực Của Chúa. Tôi đến khá sớm, đủ thời gian để Lida mạnh mẽ bắt diệt người sống sót sau căn bệnh ung thư ruột thừa có thể kể qua loa về tình hình của tất cả mọi người trong khi tôi dựa vào chiếc bàn để đồ ăn nhẹ, nhâm nhi chiếc bánh quy chocolate mua ở cửa hàng tạp hóa.

Em Michael mười hai tuổi mắc bệnh ung thư máu đã qua đời. Em ấy đã chiến đấu anh dũng, Lida nói với tôi, như thể còn cách nào khác để chiến đấu vậy. Những người khác vẫn còn đông đủ. Ken đã được xác nhận NEC sau xạ trị. Bệnh của Lucas tái phát, cô ấy nói thể với nụ cười buồn bã và một cái khẽ nhún vai, như cách người ta nói về một người nghiện rượu lại tái nghiện.

Một cô bé dễ thương, mũm mĩm tiến đến gần chiếc bàn, chào Lida rồi tự giới thiệu với tôi bạn ấy tên là Susan. Tôi không biết chuyện gì đã xảy ra, nhưng bạn ấy có một chiếc sẹo dài từ cánh mũi xuống tận môi, dọc theo má. Bạn ấy đã trang điểm để che vết sẹo đi, mà rốt cục chỉ làm nó nổi bật hơn. Tôi cảm thấy hơi khó thở vì đã đứng khá lâu, thế nên tôi bảo, “Tớ sẽ ngồi xuống một lát,” sau đó cửa thang máy mở, là Isaac và mẹ cậu ấy. Cậu ấy đeo một cặp kính râm, một tay bám vào cánh tay mẹ, tay kia cầm chiếc gậy.

“Hazel Nhóm Tương Trợ không phải Monica,” tôi nói khi cậu ấy đến đủ gần, rồi cậu ấy cười lại với tôi và chào, “Hey, Hazel. Cậu vẫn khỏe chứ?”

“Tuyệt. Tớ tự nhiên trở nên *cực kỳ xinh đẹp* từ khi cậu bị mù.”

“Chắc luôn,” cậu ấy nói. Mẹ cậu ấy dẫn cậu đến chỗ một cái ghế, hôn lên trán cậu rồi quay trở lại chỗ thang máy. Cậu ấy mò mẫm xung quanh một lúc rồi ngồi xuống. Tôi cũng ngồi xuống ngay cạnh cậu ấy. “Thế cậu sao rồi?”

“Ồn. Rất vui được về nhà, chắc thế. Gus bảo cậu phải vào ICU?”

“Ừ,” tôi đáp.

“Tệ thật,” cậu ấy nói.

“Tớ khỏe hơn nhiều rồi,” tôi bảo. “Ngày mai tớ sẽ đi Amsterdam với Gus.”

“Tớ biết. Tớ hơi bị cập nhật về cuộc sống của cậu đấy, vì Augustus không bao giờ. Nói. Về. Gì. Khác.” Tôi cười. Anh Patrick hăng giọng, “Mời tất cả đã ổn định chỗ ngồi?” Anh bắt gặp ánh mắt tôi. “Hazel!” anh gọi. “Anh rất vui lại được gặp em!”

Mọi người đều ngồi xuống và anh Patrick lại bắt đầu kể chuyện anh bị cắt mất hai hòn bi thế nào, và tôi lại rơi vào lối sinh hoạt quen thuộc của Nhóm Tương Trợ: nói chuyện với Isaac qua những tiếng thở dài, cảm thấy đáng tiếc cho mọi người trong căn phòng và cả những người ở bên ngoài kia, tách khỏi cuộc nói chuyện để tập trung vào cơn khó thở và cơn đau của mình. Trái đất vẫn quay như nó vẫn luôn thế, chẳng cần sự có mặt của tôi, và tôi chỉ bị đánh thức khỏi cơn mơ màng khi có ai đó gọi tên.

Đó là Lida Mạnh Mẽ. Lida đã thuyên giảm bệnh tình. Lida tóc vàng, khỏe mạnh, chắc nịch, còn bơi cho đội của trường trung học nữa. Lida, thiếu mỗi khúc ruột thừa, đang nhắc đến tên tôi, “Hazel là một nguồn động lực lớn cho tôi; bạn ấy thực sự là thế. Bạn ấy vẫn tiếp tục chiến đấu trên chiến trường, thức dậy mỗi sáng và bước vào cuộc chiến mà chẳng một lời ca thán. Bạn ấy rất mạnh mẽ. Bạn ấy mạnh mẽ hơn tôi rất nhiều. Tôi chỉ ước mình có được sức mạnh như bạn ấy.”

“Hazel?” anh Patrick hỏi. “Em thấy thế nào?”

Tôi nhún vai và liếc qua Lida. “Tớ sẽ cho bạn sức mạnh của tớ nếu bệnh tình tớ thuyên giảm giống bạn,” tôi nói, ngay lập tức cảm thấy có lỗi vô cùng.

“Anh không nghĩ ý Lida là vậy đâu,” anh Patrick nói. “Anh nghĩ bạn ấy...” Nhưng tôi chẳng buồn nghe tiếp.

Sau những lời cầu nguyện dành cho những người đang sống và một danh sách dài vô tận những người đã mất (với tên Michael được đưa vào sau cùng), chúng tôi cùng nắm tay và nói, “Hãy sống tốt nhất cho ngày hôm nay!”

Lida lập tức chạy đến chỗ tôi định xin lỗi và giải thích, nhưng tôi gạt đi và nói, “Đừng mà, không sao, không có gì đâu,” rồi tôi bảo Isaac, “Muốn hộ tống tớ ra ngoài chứ?”

Cậu ấy nắm lấy cánh tay, rồi tôi dắt cậu ấy ra phía thang máy, thật mừng vì có lý do để tránh cái cầu thang bộ. Khi gần tới chỗ thang máy thì tôi nhìn thấy mẹ cậu ấy đang đứng một góc chỗ Trái Tim Đích Thực. “Mẹ đây,” cô ấy nói với Isaac, cậu ấy chuyển từ nắm tay tôi sang nắm tay mẹ trước khi hỏi, “Đến nhà tớ chơi không?”

“Cũng được,” tôi nói. Tôi thấy thương cậu ấy. Mặc dù tôi ghét sự thương hại mọi người vẫn dành cho mình, tôi không thể không thấy thương cậu ấy.

Isaac sống trong một nông trang nhỏ ở Meridian Hill ngay cạnh một ngôi trường tư thục xinh xắn. Chúng tôi ngồi xuống phòng khách trong khi mẹ cậu ấy xuống bếp chuẩn bị bữa tối, rồi cậu ấy hỏi tôi có muốn chơi điện tử không.

“Cũng được,” tôi đáp. Cậu ấy hỏi cái điều khiển. Tôi đưa nó cho cậu ấy, lần lượt cậu ấy bật màn hình TV và chiếc máy tính được kết nối sẵn. Màn hình vẫn đen thui, nhưng mấy giây sau có giọng nói trầm trầm cất lên từ đó.

“*Deception*,” giọng nói cất lên. “Một người chơi hay hai?”

“Hai,” Isaac nói. “Tạm ngừng,” cậu ấy quay sang tôi. “Mọi lần tớ vẫn chơi với Gus, nhưng thật điên tiết vì nó cứ chơi như kiểu tự sát. Nó cứ sẵn số cứ mấy thằng dân thường chả đâu vào đâu.”

“Ừ,” tôi đáp, nhớ lại cái đêm của những chiếc cúp vỡ.

“Tiếp tục,” Isaac nói.

“Người chơi thứ nhất, xin xác định danh tính.”

“Đây là giọng nói quyến rũ quyến rũ của người chơi thứ nhất,” Isaac nói.

“Người chơi thứ hai, xin xác định danh tính.”

“Chắc tớ là người chơi thứ hai, chắc vậy,” tôi nói.

Thượng sĩ Max Mayhem và Binh nhì Jasper Jacks tỉnh dậy trong một căn phòng trống tối đen hình vuông, mỗi cạnh rộng khoảng mười hai feet.[\[67\]](#)

Isaac chỉ vào màn hình TV, như thể tôi nên nói với nó gì đó. “Ừm,” tôi hỏi. “Có công tắc nào không?”

Không có.

“Có cái cửa nào không?”

Binh nhì Jacks đã tìm ra cánh cửa. Nó bị khóa.

Isaac chen vào. “Có một cái chìa trên khung cửa.”

Đúng vậy.

“Mayhem mở cửa ra.”

Bóng đêm vẫn còn dày đặc.

“Rút dao ra,” Isaac nói.

“Rút dao ra,” tôi bắt chước theo.

Một cậu bé – em trai Isaac, tôi đoán thế – phi ra từ nhà bếp. Cậu bé có lẽ khoảng mười tuổi, lanh lợi và hiếu động, cậu bé nhảy bước ra phòng khách rồi hét lên nhái giọng y hệt Isaac, “TỰ SÁT ĐI.”

Thượng sĩ Mayhem kê dao lên cổ. Bạn có chắc bạn –

“Không,” Isaac nói. “Tạm dừng. Graham, đừng để anh phải đá đít mày.” Graham cười nắc nẻ rồi nhảy tót xuống hành lang.

Trong vai Mayhem và Jacks, Isaac và tôi lần mò đường ra trong một cái hang lớn cho đến khi va phải một gã, chúng tôi đã giết hắn sau khi bắt hắn khai ra chỗ chúng tôi đang ở là một nhà giam của Ukraina, một hang động sâu hơn một dặm dưới lòng đất. Chúng tôi cứ tiếp tục, những hiệu ứng âm thanh – tiếng dòng nước ngầm chảy rì rầm, những giọng nói tiếng Ukraina và giọng Anh lơ lớ – dẫn chúng tôi đi xuyên qua hang động, nhưng chẳng có gì để nhìn trong trò chơi này cả. Sau khoảng một giờ, chúng tôi bắt đầu nghe thấy tiếng khóc của một tù nhân đang tuyệt vọng khẩn cầu, “Cầu xin Chúa, hãy cứu giúp con. Cầu xin Người, hãy cứu giúp con.”

“Tạm ngừng,” Isaac nói. “Lúc nào đến đoạn này Gus cũng đòi đi tìm tù nhân đó, nhưng như thế thì sẽ không thắng, mà cách duy nhất để *thực sự giải phóng* tù nhân đó là chiến thắng trò chơi này.”

“Ừ, cậu ấy hay nghiêm trọng quá mấy trò chơi điện tử,” tôi nói. “Cậu ấy có hơi say mê phép ẩn dụ.”

“Cậu thích nó không?” Isaac hỏi.

“Tất nhiên là tớ thích cậu ấy. Cậu ấy rất tuyệt.”

“Nhưng cậu không muốn hẹn hò với nó?”

Tôi nhún vai. “Lẳng nhăng lăm.”

“Tớ biết cậu đang cố gắng làm gì. Cậu không muốn mang đến cho nó thứ mà nó không thể đối mặt được. Cậu không muốn nó Monica cậu,” cậu ấy nói.

“Đại loại thế,” tôi đáp. Nhưng không phải thế. Sự thật là tôi không muốn Isaac cậu ấy. “Để công bằng cho Monica,” tôi nói, “những gì cậu gây ra cho cô ấy cũng không hay lắm đâu.”

“Tớ đã làm gì cô ấy?” cậu ấy hỏi, hơi phản ứng lại.

“Cậu biết rồi đấy, thì bị mù các kiểu.”

“Nhưng đó không phải lỗi của tớ,” Isaac nói.

“Tớ không nói đó là *lỗi* của cậu. Tớ chỉ nói nó không *hay* mà thôi.”

CHƯƠNG MƯỜI

Chúng tôi chỉ có thể mang theo một cái va li. Tôi không mang nổi một, còn Mẹ khẳng khẳng bà không thể mang được hai, thế nên chúng tôi phải sắp đồ cho vừa cái va li đen, món quà cưới bố mẹ tôi nhận được một triệu năm trước đây, chiếc va li tưởng sẽ được dành cả đời mình chu du qua những miền đất hứa mà rốt cục lại chỉ quanh quẩn ở Dayton, nơi có chi nhánh của Tập đoàn Bất động sản Morris mà Bố thường xuyên tới làm việc.

Ngay từ đầu tôi đã chạnh chọe với mẹ rằng mình cần hơn nửa cái va li một chút xíu, bởi lẽ nếu không có tôi và bệnh ung thư, chúng tôi cũng chẳng thể đến Amsterdam. Mẹ thì phản đối là do bà to gấp đôi tôi nên cần nhiều vải vóc hơn để giữ vẻ nhã nhặn của mình, do đó bà đáng được hưởng hai phần ba nó.

Cuối cùng thì chẳng ai thắng ai. Thế đấy.

Chuyến bay đến trưa mới khởi hành nhưng mẹ đã dựng tôi dậy từ năm rưỡi sáng, bật đèn sáng trưng và hét toáng “AMSTERDAM!” Bà cứ chạy lòng vòng khắp cả buổi để chắc rằng chúng tôi đã mang bộ phích cắm chuẩn quốc tế và năm lần bảy lượt kiểm tra lại xem đã đủ số bình ôxy để đến được đó chưa và chúng đã được nạp đầy chưa, vân vân, trong khi tôi có mỗi việc lăn ra khỏi giường và chui vào Bộ Cánh Du Lịch đến Amsterdam của mình (quần jeans, áo tank top hồng và một chiếc cardigan màu đen để đề phòng trong máy bay quá lạnh.)

Đồ đạc được chất lên ô tô lúc sáu rưỡi, sau đó Mẹ cứ khẳng khẳng rằng chúng tôi phải cùng ăn sáng với Bố, dẫu cho tôi có một nguyên tắc phản đối chuyện ăn uống trước khi bình minh lên bởi lẽ tôi đâu là một gã nông dân Nga thế kỷ mười chín phải cố ních đầy bụng mình để đủ sức làm việc cả ngày trên cánh đồng. Nhưng dù sao tôi cũng cố nhét vào bụng một chút trứng trong khi Bố Mẹ thưởng thức phiên bản tại gia của món Bánh trứng McMuffins[68] mà họ rất thích.

“Sao đồ ăn sáng lại là đồ ăn sáng?” tôi hỏi. “Như là, tại sao mình không ăn cà ri vào bữa sáng?”

“Hazel, ăn đi con.”

“Nhưng *tại sao?*” tôi hỏi. “Con hỏi thật đấy: Sao món trứng bác lại dành riêng cho bữa sáng? Mình có thể kẹp thịt muối vào bánh sandwich mà chẳng ai phát rồ lên. Thế mà nhờ có tí trứng thì, bùm, biến thành bánh sandwich dành cho *bữa sáng*.”

Bố tôi trả lời với cái miệng nhồm nhoàm. “Khi nào con về, nhà mình sẽ có bữa sáng cho bữa tối. Được không?”

“Con không muốn có ‘bữa sáng cho bữa tối,’” tôi trả lời, bỏ dao và đĩa xuống chiếc đĩa gần như vẫn còn đầy thức ăn. “Con muốn có món trứng bác cho bữa tối mà chẳng cần lời giải thích lố bịch rằng cứ bữa nào có món trứng bác thì đấy là *bữa sáng* ngay cả khi nó diễn ra vào thời gian dành cho bữa tối nào hết.”

“Con sẽ phải tự mình chiến đấu trong thế giới này, Hazel,” mẹ tôi nói. “Nhưng nếu đây vẫn đề con muốn tranh đấu, chúng ta sẽ luôn ở phía sau con.”

“Lắp ló đằng sau,” bố nói thêm vào, rồi Mẹ cười ngặt nghẽo.

Dù sao tôi cũng biết chuyện này thật ngớ ngẩn, nhưng tôi vẫn thấy *thương hại* cho món trứng bác.

Sau khi ăn xong, Bố rửa bát đĩa rồi đưa hai mẹ con ra xe. Tất nhiên ông lại bắt đầu sụt sùi, rồi hôn lên má tôi với khuôn mặt lờm chờm râu ria ướt đầm. Ông tì mũi vào gò má tôi và thì thầm, “Bố yêu con. Bố rất tự hào về con.” (*Vì cái gì, tôi tự hỏi.*)

“Cảm ơn Bố.”

“Vài ngày nữa chúng ta sẽ lại gặp nhau, được chứ con yêu? Bố yêu con rất nhiều.”

“Con cũng yêu Bố,” tôi mỉm cười. “Chỉ ba ngày thôi.”

Tôi vẫn vẫy tay chào ông khi chúng tôi bắt đầu rời khỏi nhà. Ông cũng vẫy tay chào lại, và khóc. Tôi chợt hiểu có lẽ ông đã nghĩ ông có thể sẽ không bao giờ gặp lại tôi được nữa, có thể ông luôn nghĩ thế trong mỗi buổi sáng của tất cả những ngày trong tuần ông phải đi làm, mà điều đó có lẽ thật tệ hại.

Mẹ và tôi lái xe tới nhà Augustus, khi chúng tôi đến nơi bà muốn tôi ngồi lại trong xe nghỉ ngơi, nhưng dù sao tôi vẫn theo bà vào trong. Khi chúng tôi lại gần ngôi nhà, tôi có thể nghe thấy tiếng ai đó khóc bên trong. Lúc đầu tôi không nghĩ đó là Gus, bởi lẽ nó nghe chẳng giống cái giọng trầm trầm của cậu ấy chút nào, nhưng rồi tôi nghe thấy một giọng chắc chắn là phiên bản méo xệch của cậu ấy cất lên, “VÌ ĐÂY LÀ CUỘC SỐNG CỦA CON, MẸ À. NÓ THUỘC VỀ CON.” Đột nhiên mẹ vòng tay ôm lấy vai tôi rồi xoay ngược tôi về phía chiếc xe, bước rất vội, tôi thì ngơ ngác, “Mẹ, sao thế?”

Và bà nói, “Chúng ta không được nghe trộm, Hazel.”

Chúng tôi quay trở lại xe rồi tôi nhắn tin cho Augustus bảo chúng tôi đang đợi cậu ấy chuẩn bị sẵn sàng bên ngoài.

Chúng tôi ngó vào căn nhà một lúc. Điều kỳ cục ở những ngôi nhà là hầu hết chúng luôn có vẻ chẳng có chuyện gì xảy ra bên trong, dù phần lớn cuộc sống của chúng ta diễn ra trong đó. Tôi băn khoăn không biết phần nào nó có phải một điểm thú vị của kiến trúc không.

“Xem nào,” một lúc sau Mẹ nói, “mẹ nghĩ mình đến hơi sớm.”

“Cứ như kiểu con chẳng phải dậy lúc năm rưỡi ấy,” tôi đáp. Mẹ với xuống hộp điều khiển giữa hai chúng tôi, nhấn cốc cà phê của bà ra rồi nhấp một ngụm. Điện thoại tôi rung. Tin nhắn của Augustus.

CHẲNG biết nên mặc gì. Cậu thích áo phông hay sơ mi hơn?

Tôi nhả lại:

Sơ mi.

Ba mươi giây sau cửa trước mở ra, Augustus tươi cười xuất hiện với một chiếc túi kéo đằng sau. Cậu ấy mặc một chiếc áo màu xanh da trời nhạt sơ vin bên trong quần jeans. Một điếu Camel Light đựng đưa trên môi. Mẹ tôi bước ra chào. Cậu ấy lập tức bỏ điếu thuốc ra và nói với cái giọng tự tin tôi quen lắm rồi. “Cháu luôn vui khi được gặp bác, thưa bác.”

Tôi quan sát họ qua gương chiếu hậu trong xe cho đến khi mẹ mở cốp xe. Một lúc sau, Augustus mở cánh cửa đằng sau tôi ra và bắt đầu cái công việc rắc rối là chui vào hàng ghế sau của một chiếc ô tô bằng một chân.

“Cậu muốn ngồi ghế trước không?” tôi hỏi.

“Chắc chắn không,” cậu ấy nói. “Và xin chào, Hazel Grace.”

“Chào,” tôi nói. “Okay?” tôi hỏi.

“Okay,” cậu ấy đáp.

“Okay,” tôi đáp lại.

Mẹ tôi vào trong và đóng cửa xe lại. “Điểm dừng tiếp theo, Amsterdam,” bà thông báo.

Mà thực ra là không đúng lắm. Điểm dừng tiếp theo là bãi đậu xe của sân bay, sau đó một chiếc xe bus đón chúng tôi đến sân ga, rồi một chiếc xe điện không mui đưa chúng tôi đến lối kiểm tra an ninh. Một chú nhân viên TSA[69] đang đứng ở đầu dãy xếp hàng thông báo rằng các túi hành lý của chúng tôi tốt hơn là không nên chứa chất nổ hay vũ khí hay bất cứ loại chất lỏng nào có dung tích lớn hơn ba ounce[70], rồi tôi nói với Augustus, “Nhận xét: Xếp hàng là một hình thức áp bức,” rồi cậu ấy đáp lại, “Thật thế.”

Thay vì bị kiểm tra bằng tay, tôi chọn việc bước qua máy dò kim loại mà không có giả đỡ hay bình ôxy hay thậm chí cả nút nhựa trong mũi bên cạnh. Việc đi bộ qua máy chụp X-quang đánh dấu lần đầu tiên tôi có thể cất bước trong nhiều tháng liền mà không cần đến bình ôxy, cảm giác thật tuyệt vời khi được đi lại mà không có gì bám víu, cứ thế dần bước[71], và sự im lặng của chiếc máy đã thừa nhận tôi, dầu chỉ trong tích tắc, là một sinh vật phi kim loại.

Tôi cảm nhận được cảm giác được làm chủ cơ thể mà tôi chẳng thể miêu tả nó rõ ràng, giống như khi còn bé tôi có một cái cặp rất nặng mà tôi thường xuyên phải đeo nó với vô vàn cuốn sách bên trong đi khắp nơi, mang theo nó lâu đến mức khi cởi ra tôi có cảm giác mình đang trôi bồng bềnh vậy.

Khoảng mười giây sau, hai lá phổi của tôi có cảm giác như chúng bắt đầu co rúm lại như cánh hoa tàn lúc hoàng hôn. Tôi ngồi xuống chiếc ghế màu xám ngay cạnh máy dò và cố gắng bắt nhịp thở, húng hắng ho, cảm thấy thật khổ sở cho đến khi ống dẫn khí được đặt vào đúng chỗ của nó.

Ngay cả thế nó vẫn rất đau. Nỗi đau luôn thường trực ở đó, cuộn cuộn trong lòng tôi, đòi hỏi được cảm nhận. Lúc nào tôi cũng thấy như thể mình vừa tỉnh dậy từ cơn đau khi có ai đó ở thế giới bên ngoài kia cần tôi nói gì hay chú ý đến. Mẹ đang nhìn tôi, lo lắng. Bà vừa nói gì đó. Bà vừa nói gì nhỉ? Rồi tôi nhớ ra. Bà vừa hỏi có chuyện gì không ổn.

“Không sao ạ,” tôi nói.

“Amsterdam!” bà cất giọng.

Tôi mỉm cười. “Amsterdam,” tôi đáp lại. Bà đưa tay xuống kéo tôi dậy.

Chúng tôi đến cổng chờ một tiếng trước lịch máy bay cất cánh. “Bác Lancaster, bác quả là một người đúng giờ đáng ngưỡng mộ,” Augustus nói trong khi ngồi xuống bên tôi trong cổng chờ gần như vắng tanh.

“Chà, đó là lợi thế của việc bác không mấy bận cho lắm,” bà nói.

“Mẹ lúc nào cũng bận túi bụi,” tôi bảo bà thế, dẫn cho tôi nhận ra rằng công việc của Mẹ chủ yếu là về tôi. Cả công việc làm vợ của bố tôi nữa – ông gần như mù tịt về ngân hàng tín dụng và thuê thợ sửa ống nước và nấu ăn và làm mọi thứ ngoại trừ chuyện làm việc cho Tập đoàn Bất động sản Morris – nhưng chủ yếu vẫn là về tôi. Động lực sống lớn nhất của Mẹ và động lực sống lớn nhất của tôi cứ đan xen rồi lẫn lẫn nhau.

Những hàng ghế quanh cổng chờ bắt đầu được lấp dần, Augustus nói, “Tớ sẽ đi mua một cái hamburger trước khi chúng ta cất cánh. Tớ mua cho cậu gì nhé?”

“Không,” tôi đáp, “nhưng tớ thực sự đánh giá cao sự chối bỏ của cậu về những quy tắc xã hội với bữa sáng.”

Cậu ấy nghiêng đầu nhìn tôi, bối rối. “Hazel vừa bắt đầu nghiên cứu vấn đề sự đối xử phân biệt với món trứng bác,” Mẹ nói.

“Thật đáng xấu hổ khi chúng ta cứ sống và mù quáng chấp nhận rằng món trứng bác là hoàn toàn gắn liền với những buổi sáng.”

“Tớ muốn thảo luận chuyện này nhiều hơn,” Augustus nói. “Nhưng giờ tớ đang chết đói. Tớ sẽ quay lại ngay.”

Hai mươi phút sau vẫn chưa thấy Augustus quay lại, tôi hỏi Mẹ xem bà có nghĩ nhờ có chuyện gì không ổn không, và bà chỉ hé mắt khỏi tờ tạp chí nhằm nhí đủ lâu để nói, “Chắc thằng bé vào nhà vệ sinh gì đấy thôi.”

Một nhân viên sân ga bước đến và đổi cho tôi chiếc bình ôxy của hãng hàng không cung cấp. Tôi hơi ngại ngừng việc chị ấy quỳ xuống trước mặt tôi trong khi mọi người cứ nhìn, thế nên tôi mới nhắn tin cho Augustus trong khi chị ấy làm chuyện đó.

Cậu ấy không trả lời. Mẹ có vẻ không quan tâm, nhưng tôi thì tưởng tượng ra đủ các thể loại chuyện có thể làm bung bét chuyến bay tới Amsterdam (bị bắt giữ, bị thương, hay suy sụp tinh thần) và thấy ngực mình nhói lên mỗi phút trôi qua, chẳng phải vì ung thư.

Đúng lúc cô nhân viên sau quầy soát vé thông báo những hành khách cần lên máy bay trước chuẩn bị trong ít phút và từng người trong sân ga đều đổ dồn ánh mắt về phía tôi, tôi mới thấy Augustus khập khễnh chạy đến với một bịch McDonald’s trong tay, ba lô đeo lưng lủng lẳng sau vai.

“Cậu đã ở đâu thế?” tôi hỏi.

“Xếp hàng siêu lâu, xin lỗi nhé,” cậu ấy nói, chìa tay ra đỡ tôi đứng dậy. Tôi nắm lấy nó, và chúng tôi cùng bước bên nhau tới phía cổng để lên máy bay.

Tôi có thể cảm nhận mọi người đang nhìn chúng tôi, băn khoăn không biết chúng tôi mắc bệnh gì, và liệu nó có đe dọa đến mạng sống không, rồi mẹ tôi chắc hẳn rất can trường ra sao, vân vân và vân vân. Đôi khi đó là chuyện tồi tệ nhất của việc mắc bệnh ung thư: Những dấu hiệu của bệnh tật trên cơ thể

tách biệt bạn với tất cả những người khác. Chúng tôi hoàn toàn khác biệt so với những người khác, và chưa bao giờ rõ ràng hơn thế khi cả ba chúng tôi bước lên chiếc máy bay trống rỗng, các tiếp viên gật đầu thông cảm và lịch sự chỉ cho chúng tôi hàng ghế của mình ở tít phía sau. Tôi ngồi giữa một hàng ghế ba người với Augustus trên ghế cạnh cửa sổ còn Mẹ ở cạnh lối đi. Tôi thấy mình bị Mẹ lấn qua một chút nên dĩ nhiên tôi ngồi dịch lại gần Augustus. Chúng tôi ngồi ngay sau cánh máy bay. Augustus mở túi ra và bóc chiếc bánh burger của mình.

“Chuyện về những quả trứng, dù thế,” cậu ấy nói, “chẳng phải việc dành riêng cho bữa sáng đã mang đến cho món trứng bác một *đặc ân* nào đấy, đúng không? Cậu có thể cho thịt xông khói hay phô mai Cheddar[72] vào mọi nơi mọi lúc, từ bánh Taco[73] đến sandwich cho bữa sáng hay cả phô mai nướng, nhưng món trứng bác thì – chúng rất *quan trọng*.”

“Luyên thuyên,” tôi nói. Mọi người bắt đầu lên máy bay. Tôi không muốn nhìn họ nên quay ra chỗ khác, mà quay ra chỗ khác tức là quay sang Augustus.

“Tớ chỉ đang nói là: Có thể món trứng bác bị phân biệt đối xử, nhưng chúng cũng rất đặc biệt. Chúng có địa điểm và thời gian riêng, như nhà thờ vậy.”

“Cậu nói sai bét rồi,” tôi nói. “Cậu bắt đầu tin vào cái thứ cảm xúc đan chéo chữ thập trên những chiếc gối của bố mẹ cậu. Cậu đang cãi lý rằng những thứ hiếm có và mong manh luôn đẹp đơn giản vì chúng quý hiếm và mong manh. Nhưng đấy là nói dối, và cậu biết thế.”

“Cậu thật khó chiều,” Augustus nói.

“Dễ chiều thì gọi gì là chiều nữa,” tôi đáp. “Cậu từng là một bông hoa hiếm hoi và mong manh. Cậu nhớ chứ.”

Cậu ấy không nói gì trong một lúc lâu. “Cậu biết cách để tớ phải im lặng, Hazel Grace.”

“Đây là quyền lợi và trách nhiệm của tớ,” tôi trả lời.

Trước khi tôi thôi nhìn vào mắt cậu ấy, cậu ấy nói, “Nghe này, tớ xin lỗi vì đã tránh chỗ cổng chờ. Cửa hàng McDonald’s không đông đến thế; tớ chỉ...tớ chỉ không muốn ngồi đấy với tất cả những người khác cứ nhìn chúng ta gì đấy.”

“Chủ yếu là nhìn tớ,” tôi nói. Người ta có thể nhìn Augustus mà chẳng biết rằng cậu ấy bị làm sao, còn tôi thì mang căn bệnh theo mình ra theo bên ngoài, đó cũng là một phần lý do lúc đầu tôi cứ ru rú trong nhà. “Augustus Waters, nổi tiếng qu్యాँ rữ, xấu hổ khi ngồi cạnh một cô gái với cái bình ôxy.”

“Không phải xấu hổ,” cậu ấy giải thích. “Đôi khi họ khiến tớ khó chịu. Mà tớ thì không muốn phải bực bội ngày hôm nay.” Một phút sau, cậu thò tay vào trong túi mở hộp thuốc lá ra.

Chỉ khoảng chín giây sau, một nữ tiếp viên tóc vàng vội bước tới chỗ chúng tôi và nói, “Thưa anh, anh không được phép hút thuốc trên máy bay này. Hay bất cứ máy bay nào khác.”

“Em không hút thuốc,” cậu ấy nói, điều thuốc bập bồng trong miệng.

“Nhưng –”

“Đó là một phép ẩn dụ,” tôi giải thích. “Cậu ấy đặt cái thứ chết người đó trong miệng nhưng không cho nó sức mạnh để giết hại mình.”

Chị tiếp viên ngệt mặt ra một lúc. “Vậy thì, phép ẩn dụ đó bị cấm trên chuyến bay ngày hôm nay,” chị ấy nói. Gus gật đầu và nhét điều thuốc trở lại trong bao.

Máy bay cuối cùng cũng bắt đầu lăn bánh trên đường băng và tiếng phi công thông báo cất lên, *Các tiếp viên chú ý, máy bay chuẩn bị cất cánh*, rồi sau đó hai chiếc động cơ phản lực khổng lồ gầm rú và chúng tôi bắt đầu tăng tốc. “Cảm giác ở trong xe cậu lái là thế này đây,” tôi nói, cậu ấy mỉm cười nhưng vẫn nghiêng chặt quai hàm nên tôi hỏi, “Ổn chứ?”

Máy bay vẫn đang tăng tốc, đột nhiên Gus nắm chặt lấy tay vịn, hai mắt mở to, tôi đặt tay tôi lên trên tay cậu ấy và hỏi lại, “Cậu ổn không đấy?” Cậu ấy vẫn không nói gì, chỉ nhìn tôi vẫn với đôi mắt mở to. “Cậu sợ đi máy bay à?”

“Tí nữa tớ sẽ nói,” cậu ấy trả lời. Mũi máy bay bắt đầu nhấc lên và chúng tôi đã ở trên không trung. Gus nhìn chăm chăm ra ngoài cửa sổ, quan sát mặt đất đang thu nhỏ dần bên dưới, rồi tôi thấy tay cậu ấy thả lỏng ra bên dưới tay tôi. Cậu ấy liếc qua tôi rồi lại nhìn ra cửa sổ. “Chúng ta đang *bay*,” cậu tuyên bố.

“Cậu chưa đi máy bay bao giờ à?”

Cậu ấy lắc đầu. “NHÌN KÌA!” cậu ấy gần như hét lên, chỉ tay ra cửa sổ.

“Ừ,” tôi nói. “Ừ, tớ thấy rồi. Trông như kiểu chúng ta đang ở trên máy bay ấy nhỉ.”

“CHƯA TỪNG CÓ GÌ TRÔNG GIỐNG NHƯ THẾ NÀY TRONG SUỐT LỊCH SỬ LOÀI NGƯỜI,” cậu ấy nói. Sự phấn khích của cậu ấy thật dễ thương. Tôi không thể cưỡng lại mình nghiêng cười qua hôn lên má cậu ấy.

“Báo cho cô biết tôi đang ở đây đấy nhé,” Mẹ nói. “Ngồi cạnh cô đây. Mẹ của cô. Người đã nắm tay cô khi cô chập chững bước những bước đầu tiên của cuộc đời.”

“Bạn bè thôi ạ,” tôi nhắc lại lần trước, rồi quay sang hôn má bà.

“Chả giống bạn bè tí nào,” Gus lẩm bẩm chỉ đủ cho tôi nghe thấy. Khi

chàng Gus ngây thơ đầy ngạc nhiên và phấn khích xuất hiện từ cậu Augustus Cử Chỉ Cao Đẹp Mang Khuynh Hướng Ẩn Dụ, tôi thực sự là không thể cưỡng lại được.

Đó là một chuyến bay ngắn đến Detroit, có một chiếc xe điện nhỏ chờ sẵn khi chúng tôi xuống máy bay rồi đưa chúng tôi đến cổng chờ đi Amsterdam. Chiếc máy bay đó có màn hình TV sau mỗi ghế ngồi, rồi khi đã bay trên những đám mây, Augustus và tôi canh giờ để cùng bắt đầu xem một bộ phim hài kịch lãng mạn trên màn hình riêng của hai đứa. Nhưng ngay cả khi chúng tôi có ấn nút phát cùng một lúc hoàn hảo thế nào đi nữa, bộ phim của cậu ấy cũng đều bắt đầu trước một vài giây, vậy nên mỗi lúc có cảnh hài hước thì cậu ấy đều cười xong rồi tôi mới nghe được câu chuyện cười đấy là gì.

Mẹ nảy ra một kế hoạch vĩ đại là chúng tôi nên ngủ trong mấy tiếng đồng hồ còn lại của chuyến bay, như thế khi hạ cánh lúc tám giờ sáng, chúng tôi đã sẵn sàng khám phá mọi hang cùng ngõ hẻm của thành phố. Vì vậy sau khi bộ phim kết thúc, Mẹ và Augustus và tôi mỗi người đều uống vài viên thuốc ngủ. Mẹ gục ngay tại trận trong khi Augustus và tôi vẫn thức nhìn ra cửa sổ một lúc. Trời hôm đó rất trong và dù không thể ngắm mặt trời đang lặn, chúng tôi vẫn thấy được ánh sáng phản chiếu trên bầu trời.

“Chúa ơi, đẹp quá,” tôi thì thầm với chính mình.

““Ánh bình minh vẫn chói lòa trong đôi mắt đang mất đi của cô ấy,”” cậu ấy nói, một câu trong *Nỗi đau tột cùng*.

“Nhưng đây không phải mặt trời đang mọc,” tôi nói.

“Nó đang mọc ở một nơi nào đó,” cậu trả lời, rồi một lúc sau nói tiếp, “Nhận xét: Sẽ thật tuyệt nếu được ngồi một lúc trong chiếc máy bay nào đó siêu nhanh để đuổi theo ánh bình minh trên khắp thế giới.”

“Ta cũng sống lâu hơn nữa,” cậu ấy nhìn tôi thắc mắc. “Cậu biết đấy, thuyết tương đối gì đó.” Trông cậu ấy vẫn bối rối. “Chúng ta già đi chậm hơn khi di chuyển nhanh hơn so với việc đứng yên một chỗ. Thế nên ngay lúc này thời gian trôi chậm hơn đối với chúng ta so với những người đang ở dưới mặt đất.”

“Những cô nữ sinh,” cậu ta nói. “Họ quả là thông minh.”

Tôi tròn tròn mắt. Cậu ấy thực đầu gối (thật) của cậu ấy vào đầu gối tôi, tôi cũng thúc lại. “Cậu buồn ngủ chưa?” tôi hỏi cậu ấy.

“Chả thấy gì,” cậu ấy trả lời.

“Ừ,” tôi nói. “Tớ cũng vậy.” Chất gây mê và thuốc ngủ đều không mấy tác dụng với tôi như với những người bình thường.

“Có muốn xem phim nữa không?” cậu ấy hỏi. “Có một phim Portman đóng từ kỷ nguyên Hazel của chị ấy.”

“Tớ muốn xem phim nào mà cậu chưa xem.”

Cuối cùng chúng tôi xem *300*, một bộ phim chiến tranh kể về 300 chiến binh người Sparta chiến đấu bảo vệ quê hương Sparta[74] khỏi cuộc xâm lăng của cả tỉ người Ba Tư. Phim của Augustus lại bắt đầu chiếu trước tôi lần nữa, rồi sau vài phút nghe cậu ấy hò hét, “Chết đi!” rồi “Thảm thương quá!” mỗi khi có ai đó bị giết hại dã man, tôi nghiêng người qua tay dựa và gối đầu vào vai cậu ấy để có thể vào màn hình của cậu ấy và chúng tôi có thể thực sự xem phim cùng nhau.

300 quy tụ một dàn diễn viên gồm các chàng trai trẻ trung to cao vạm vỡ mình trần lực lưỡng nên cũng không khó để theo dõi, nhưng mà có một đồng

khiên giáo hầu như chẳng tác dụng gì mấy. Thi thể người Ba Tư và Sparta chồng chất lên nhau, và tôi không thể tưởng tượng tại sao người Ba Tư lại tàn ác trong khi người Sparta lại can trường đến vậy. “Tính đương thời,” trích trong *NĐTC*, “phản ánh rõ rệt trong những cuộc chiến mà chẳng ai mất đi thứ gì dù có giá trị ra sao, ngoại trừ cái có thể nói là mạng sống của chính họ.” Và điều đó đúng với cuộc chiến của những anh hùng này.

Đến gần cuối bộ phim, mọi người gần như đều chết cả, rồi có một cảnh diên rồ khi những người Sparta bắt đầu chất những thi thể thành một bức tường xác chết. Những người chết tạo nên một rào chắn khổng lồ giữa người Ba Tư với con đường dẫn vào thành Sparta. Tôi thấy chuyện đổ máu này thật vô nghĩa nên ngoảnh mặt đi một lúc rồi hỏi Augustus, “Cậu nghĩ có bao nhiêu người đã chết?”

Cậu ấy huơ tay ra hiệu cho tôi im lặng. “*Shh. Shh.* Tới lúc gay cấn rồi.”

Khi người Ba Tư tấn công, họ phải trèo lên bức tường xác chết trong khi quân Sparta đã chiếm được vị trí cao hơn trên đỉnh ngọn núi xác chết, xác người cứ chồng chất lên nhau, bước tường của những người đã hi sinh càng cao thêm và khó trèo lên hơn, tất cả đều vùng kiếm/bắn tên loạn xạ, máu chảy thành sông đổ xuống từ Ngọn Núi Xác Chết này, v.v.

Tôi ngồi thẳng lên một lúc để tránh cảnh máu me và ngắm nhìn Augustus theo dõi bộ phim. Cậu ấy không thể kìm nổi điệu cười ngốc nghếch của mình. Tôi nhìn ngọn núi cứ cao dần lên bởi xác của những người Ba Tư và Sparta trong màn hình của mình qua đôi mắt díp lại. Khi cuối cùng quân Ba Tư đã thắng thế người Sparta, tôi quay sang nhìn Augustus lần nữa. Dẫu cho những người lương thiện vừa phải nhận lấy thất bại, trông Augustus vẫn hết sức *hân hoan*. Tôi lại dựa người vào cậu ấy, nhắm mắt lại cho đến tận khi trận chiến đã kết thúc.

Đến đoạn giới thiệu diễn viên và đoàn làm phim, cậu ấy tháo tai nghe ra và nói, “Xin lỗi, tớ bị cuốn vào sự cao thượng của cuộc hiến sinh. Cậu vừa nói gì nhỉ?”

“Cậu nghĩ có bao nhiêu người đã chết?”

“Bao nhiêu nhân vật hư cấu đã chết trong bộ phim hư cấu này hả? Chưa đủ đâu,” cậu ấy đùa.

“Không, ý tớ là, như kiểu, đã từng. Kiểu như cậu nghĩ có bao nhiêu người đã từng chết?”

“Tình cờ tớ lại biết câu trả lời cho câu hỏi đấy,” cậu ấy nói, “Có bảy tỉ người đang sống, và khoảng chín mươi tám tỉ người đã chết.”

“Ồ,” tôi thốt lên. Tôi cứ nghĩ rằng có thể vì tốc độ tăng dân số quá nhanh nên số người đang sống phải nhiều hơn tất cả số người đã chết cộng lại.

“Cứ một người đang sống thì có khoảng mười bốn người đã chết,” cậu ấy nói. Đoạn giới thiệu vẫn đang chạy trên màn hình. Sẽ mất rất lâu để xác định danh tính của những người đã chết, tôi nghĩ. Đầu tôi vẫn dựa trên vai cậu ấy. “Tớ đã nghiên cứu cái này mấy năm trước,” Augustus tiếp tục. “Tớ đã bản thảo liệu tất cả mọi người có thể được nhớ tới không. Kiểu như nếu chúng ta sắp xếp lại, ấn định cụ thể số người đã chết cho từng người đang sống, liệu có đủ số người còn sống để có thể nhớ hết được những người đã chết không?”

“Thế có đủ không?”

“Chắc chắn đủ, ai cũng có thể nhớ tên được mười bốn người. Nhưng chúng ta là những kẻ khóc mướn vô tổ chức, thế nên rất cuộc nhiều người chỉ nhớ đến Shakespeare mà chẳng ai nhớ đến người ông đã viết về trong bài Sonnet Năm mươi lăm.”

“Ừ,” tôi nói.

Sau một phút im lặng, cậu ấy hỏi, “Cậu có muốn đọc gì không?” Tôi bảo có. Thế là tôi đọc một bài trường thi có tên *Tiếng Tru* của Allen Ginsberg^[75] mà lớp tôi đang học, còn Gus đọc lại cuốn *Nỗi đau tột cùng*.

Một lúc sau cậu ấy nói, “Có gì hay không?”

“Bài thơ ấy hả?” tôi hỏi.

“Ừ.”

“Ừ, nó rất tuyệt. Những gã trong bài thơ này còn dùng thuốc nhiều hơn cả tớ. *NĐTC* thì sao?”

“Vẫn rất hoàn hảo,” cậu ấy đáp. “Đọc cho tớ nghe đi.”

“Đây thực sự không phải một bài thơ thích hợp để đọc thành tiếng với một bà mẹ đang ngủ ngay bên cạnh. Có đây những chuyện bệnh hoạn rồi ma túy các thứ trong đó,” tôi nói.

“Cậu vừa kể tên hai trong những trò tiêu khiển của tớ,” cậu ấy nói. “Được rồi, thế đọc cho tớ nghe cái gì khác đi.”

“Ừm,” tôi nói. “Tớ chẳng có gì khác cả?”

“Chán nhỉ. Tớ đang có hứng nghe thơ thần. Cậu có nhớ bài nào không?”

““Hãy cứ lên đường, anh và tôi,”” tôi rụt rè đọc, “Khi bầu trời phủ khắp ánh hoàng hôn / Như người bệnh miên man trên bàn mổ.”

“Chậm thôi,” cậu ấy nói.

Tôi thấy hơi e rè, cảm giác như lần đầu tôi kể cho cậu ấy nghe về cuốn *Nỗi đau tốt cùng*. “Ừm. Được rồi. Ừ. ‘Hãy lên đường, qua từng con phố vắng / Nơi ẩn cư lặng lẽ / Cửa những đêm không ngủ trong quán trọ rẻ tiền / Những quán ăn đầy mùn cửa vỏ sò: / Những con đường chạy dài như cuộc cãi vã buồn tẻ / Cùng ý định gian trá / Dẫn anh đến câu hỏi quá sức đôi co / Ôi, xin đừng hỏi, “Cái gì thế?” / Cứ lên đường cứ vạch chuyển đi.’”^[76]

“Anh yêu em mất rồi,” cậu ấy lặng lẽ nói.

“Augustus,” tôi thốt lên.

“Thật đấy,” cậu ấy nói. Cậu ấy vẫn đang nhìn tôi và tôi có thể thấy khóe mắt cậu nheo lại. “Anh yêu em, và chẳng việc gì anh phải tự mình chối bỏ niềm vui giản đơn được nói ra những điều là sự thật. Anh đã yêu em, dù anh biết rằng tình yêu đó chỉ như một tiếng thét vào giữa khoảng không, biết rằng sự lãng quên là không thể tránh khỏi, biết rằng số phận bi thương của hai ta đều đã được an bài, biết rằng rồi một ngày tất cả nỗ lực của con người sẽ trở về với cát bụi, anh cũng biết cuối cùng mặt trời sẽ nuốt chửng hành tinh duy nhất hai ta từng có được, và sau tất cả anh sẽ vẫn yêu em.”

“Augustus,” tôi gọi tên cậu ấy lần nữa, chẳng biết phải nói gì. Cảm giác như mọi thứ đang dâng lên trong lòng tôi, như thể tôi bị nhấn chìm trong niềm vui sướng tê tái và ngượng nghịu này, nhưng tôi không thể đáp lại. Tôi không thể nói gì được. Tôi cứ nhìn cậu ấy và để cậu ấy ngắm nhìn tôi cho đến khi cậu ấy gục đầu xuống, bờ môi mím chặt rồi quay đi, tựa đầu bên cửa sổ.

CHƯƠNG MƯỜI MỘT

Tôi nghĩ cậu ấy chắc đã ngủ. Cuối cùng tôi cũng thiếp đi rồi thức dậy khi bánh đáp đang hạ xuống. Miệng tôi đắng ngắt đến nỗi tôi phải cố ngậm lại vì sợ sẽ đầu độc cả máy bay.

Tôi nhìn sang Augustus, cậu ấy đang ngó ra ngoài cửa sổ, rồi khi máy bay hạ thấp xuống dưới những đám mây tầng, tôi rướn thẳng lưng mình để ngắm nhìn đất nước Hà Lan. Vùng đất này nhìn như bị chìm sâu dưới lòng đại dương, một khoảng chữ nhật màu xanh bao quanh bởi những kênh đào. Thực tế là chúng tôi cũng hạ cánh xuống song song với một cái kênh đào, như thể có hai đường băng: một cho chúng tôi và một cho những con chim nước.

Sau khi lấy hành lý và làm thủ tục thông quan, cả ba chúng tôi chui vào một chiếc taxi với bác tài xế mập mạp đầu hói nói tiếng Anh cực sôi – như thể sôi tiếng Anh hơn cả tôi. “Khách sạn Filosoof?” tôi nói.

Bác tài nói, “Chị và hai cháu là người Mỹ đúng không?”

“Vâng,” Mẹ nói, “Chúng tôi đến từ *Indiana*.”

“Indiana,” bác tài nói. “Họ chiếm lấy vùng đất của người Indians^[77] rồi để lại cái tên đó, đúng không?”

“Cũng gần như thế,” Mẹ nói. Chiếc xe hòa vào dòng xe cộ và hướng về phía đường cao tốc qua rất nhiều biển tên màu xanh dương với những cái tên chứa toàn nguyên âm đôi: Oosthuizen, Haarlem. Dọc hai bên đường cao tốc là những dải đất trống trải bằng phẳng kéo dài hàng dặm, thỉnh thoảng lại bị chia cắt bởi trụ sở của những tập đoàn lớn. Tóm lại thì trông Hà Lan cũng giống Indianapolis, chỉ trừ việc xe cộ nhỏ hơn. “Đây là Amsterdam ạ?” tôi hỏi bác tài xế.

“Vừa đúng vừa không,” bác ấy trả lời. “Amsterdam giống như những vòng vân của cây gỗ: Càng vào sâu bên trong càng già nua cổ kính.”

Khung cảnh đột ngột thay đổi: Các dãy nhà nhấp nhô chạy dọc theo những hàng kênh y hệt như trong trí tưởng tượng của tôi xuất hiện khi chúng tôi rời khỏi đường cao tốc, xe đạp nhan nhản khắp nơi, rất nhiều quán cà phê với biển quảng cáo CÓ PHÒNG HÚT THUỐC RỘNG RÃI. Chúng tôi đi ngang qua một con kênh và từ đỉnh chiếc cầu tôi có thể nhìn thấy hàng chục chiếc nhà thuyền neo đậu dọc theo dòng nước. Chẳng có nét gì giống nước Mỹ nữa. Nó như một bức tranh cổ xưa nhưng chân thực – mọi thứ trông bình yên lạ thường trong ánh nắng sớm mai – rồi tôi chợt nghĩ thật kỳ quái một cách tuyệt vời khi được sống ở một nơi mà hầu như mọi thứ được dựng nên bởi bàn tay của những người đã chết.

“Những ngôi nhà kia chắc đã lâu đời lắm?” Mẹ tôi hỏi.

“Rất nhiều những ngôi nhà ở bờ kênh được dựng nên từ Thời kỳ Hoàng kim, vào thế kỷ mười bảy,” bác tài đáp. “Thành phố của chúng tôi có một lịch sử lâu đời và đặc sắc dù nhiều du khách chỉ muốn đến xem Phố Đèn Đỏ.” Bác ấy ngập ngừng. “Một vài du khách vẫn nghĩ Amsterdam là thành phố của tội lỗi, nhưng sự thực đây là thành phố của tự do. Và trong tự do, con người sinh ra tội lỗi.”

Các phòng trong khách sạn Filosoof đều được đặt tên theo các triết gia: Mẹ với tôi ở tầng một trong căn phòng mang tên Kierkegaard[78]; Augustus ở ngay tầng trên, trong phòng Heidegger[79]. Phòng chúng tôi khá nhỏ: một chiếc giường đôi kê sát tường, cuối giường đặt cái máy thở BiPAP của tôi, một chiếc máy tạo ôxy và hàng chục bình nạp khí. Ngoài đồng thiết bị ra còn có một chiếc ghế hoa cũ kỹ bụi bặm với chỗ ngồi đã vỡ, một chiếc bàn, một kệ sách phía trên giường chứa tuyển tập các tác phẩm của Søren Kierkegaard. Trên mặt bàn đặt một giỏ mây đầy ắp những món quà từ Quỹ Genie: một đôi guốc gỗ, một chiếc áo phông Hà Lan màu cam, chocolate và rất nhiều thứ khác nữa.

Khách sạn Filosoof nằm ngay cạnh Vondelpark, công viên nổi tiếng nhất ở

Amsterdam. Mẹ muốn đi dạo một lúc nhưng tôi lại siêu mệt nên bà bật máy BiPAP cho nó hoạt động rồi đặt mặt nạ thở giúp tôi. Tôi ghét phải nói chuyện khi đang đeo nó nhưng vẫn nói, “Mẹ cứ đi công viên rồi con sẽ gọi lúc nào con dậy.”

“Được rồi,” bà nói. “Ngủ ngoan nhé con yêu.”

Nhưng khi tôi tỉnh dậy vài giờ sau đó, bà vẫn đang ngồi trên chiếc ghế nhỏ cũ kỹ ở góc phòng, đọc quyển hướng dẫn du lịch.

“Chào buổi sáng,” tôi nói.

“Thực ra là chiều muộn rồi,” bà đáp, nhấc mình lên khỏi ghế với một tiếng thở dài. Bà đến bên giường, đặt chiếc bình vào giá rồi nối với ống dẫn trong khi tôi bỏ mặt nạ của máy BiPAP ra và đặt đầu ống thở vào mũi. Bà chỉnh chế độ 2.5 lít một phút – tôi sẽ có sáu tiếng đồng hồ trước khi phải thay bình mới – rồi tôi ngồi dậy. “Con thấy thế nào?” bà hỏi.

“Tốt ạ,” tôi đáp. “Tuyệt vời. Công viên Voldepark thì sao ạ?”

“Mẹ không ra đấy,” bà đáp. “Nhưng vẫn đọc mọi thứ về nó trong quyển hướng dẫn du lịch.”

“Mẹ,” tôi nói, “mẹ không phải ở đây mãi thế đâu.”

Bà nhún vai. “Mẹ biết. Nhưng mẹ muốn thế. Mẹ thích trông con ngủ.”

“Kẻ rình rập nói.” Bà bật cười, nhưng tôi vẫn thấy có lỗi. “Con chỉ muốn mẹ vui vẻ thư giãn chút thôi mà, mẹ biết mà?”

“Được rồi. Mẹ sẽ đi chơi tối nay, được chứ? Rồi làm mấy thứ kiểu bà mẹ điên rồ trong khi con đi ăn tối với Augustus nhé.”

“Mà không có Mẹ đi cùng?” tôi hỏi.

“Đúng không có mẹ đi cùng. Thật ra là có bàn đặt riêng cho con ở một chỗ tên là Oranje,” bà nói. “Cô trợ lý của Ông Van Houten đã sắp xếp trước. Chỗ đó nằm ở khu Jordaan ngay cạnh đây thôi. Rất lý tưởng, theo như cuốn cẩm nang du lịch. Có một trạm xe điện ở ngay cuối góc đường. Augustus biết đường đi. Các con có thể ăn tối ngoài trời, ngắm nhìn tàu thuyền qua lại. Sẽ rất thú vị. Rất lãng mạn nữa.”

“Mẹ.”

“Mẹ nói thế thôi,” bà nói tiếp. “Con nên thay quần áo đi. Bộ váy mùa hè được đây?”

Người ta có thể ngạc nhiên trước sự điên rồ của tình huống này: Một bà mẹ giao đứa con gái mười sáu tuổi của mình cho một cậu bé mới mười bảy lang thang trong một thành phố xa lạ vốn nổi tiếng về sự buông thả của mình. Nhưng đây cũng lại là một ảnh hưởng phụ của việc đang chết: Tôi không thể chạy, không thể nhảy, không thể ăn đồ ăn chứa nhiều đạm, nhưng trong thành phố của sự tự do, tôi là một trong số những cư dân được hoàn toàn giải phóng.

Cuối cùng tôi cũng diện một chiếc váy mùa hè – chiếc váy hiệu Forever 21 màu xanh lam in hoa dài chấm gối – với quần bó và giày Mary Janes bởi tôi thích mình nhìn thấp hơn nhiều so với cậu ấy. Tôi bước vào cái nhà tắm bé tẹo đến hài và đánh vật với cái đầu xù của mình một lúc cho đến khi mọi thứ trông chín chu như chị Natalie Portman hồi giữa những năm 2000. Đúng sáu giờ tối (ở nhà đang là giữa trưa), tôi nghe có tiếng gõ cửa.

“Xin chào?” tôi nói vọng qua cánh cửa. Chẳng có cái lỗ mắt mèo[80] nào ở Khách sạn Filosoof.

“Okay,” Augustus trả lời. Nghe giọng tôi cũng biết được cậu ấy đang ngậm điều thuốc trong miệng. Tôi nhìn lại mình một lượt. Chiếc váy để lộ khoảng giữa lồng ngực với xương đòn mà Augustus cũng đã thấy rồi. Nó chẳng phải

khêu gọi lắm hay làm sao, nhưng cũng gần như lần đầu tiên tôi phô bày chút da thịt. (Mẹ có một khẩu hiệu về chuyện này mà tôi rất tán thành: “Nhà Lancaster không bao giờ khoe bụng.”)

Tôi kéo cánh cửa ra. Augustus mặc bộ vét với ve áo hẹp màu đen ôm vừa vặn lấy người, bên trong là áo sơ mi màu xanh lơ và thắt cà vạt bản nhỏ màu đen. Một điều thuốc đựng đưa bên khoe miệng không cười của cậu. “Hazel Grace,” cậu ấy chào, “cậu trông lộng lẫy quá.”

“Tớ,” tôi nói. Tôi cứ nghĩ phần còn lại của câu sẽ tự vượt ra từ luồng không khí qua dây thanh quản của tôi, nhưng chẳng có gì xảy ra cả. Rồi cuối cùng tôi nói, “Tớ thấy hơi thiếu vải.”

“À, cái chuyện cũ đấy hả?” cậu ấy nói, nhìn xuống tôi cười.

“Augustus,” mẹ đứng ngay sau tôi, “nhìn cháu *cực kỳ* ra dáng.”

“Cảm ơn, thưa bác,” cậu ấy nói. Cậu ấy đưa cánh tay ra cho tôi. Tôi khoác lấy nó, ngoái lại nhìn mẹ.

“Gặp con lúc mười một giờ,” bà nói.

Trong lúc chờ tuyến xe điện số một trên con phố rộng thênh thênh nhưng vẫn đầy xe cộ, tôi hỏi Augustus, “Bộ vét cậu sẽ mặc đến dự lễ tang, tớ đoán thế?”

“Thực ra là không,” cậu ấy nói. “Bộ vét kia chẳng đẹp thế này đâu.”

Khi chiếc xe điện sơn hai màu xanh-trắng đến nơi, Augustus chìa thẻ của chúng tôi cho bác lái xe xem và được hướng dẫn là phải quẹt nó qua một cái cảm biến hình tròn. Trong khi chúng tôi len lỏi trên chuyến xe đông đúc này thì có một bác lớn tuổi đứng dậy nhường chỗ cho chúng tôi ngồi cạnh nhau, dù tôi đã cố hết sức bảo bác cứ ngồi, bác ấy vẫn khẳng khẳng chỉ vào chiếc

ghế. Chúng tôi phải đi qua ba trạm dừng, tôi dựa người vào Augustus để có thể nhìn ra cửa sổ cùng nhau.

Augustus chỉ lên một cái cây và hỏi tôi, “Cậu thấy nó không?”

Tôi có thấy chúng. Dọc khắp con kênh là những hàng cây du, hạt của chúng giăng đầy trong gió. Chúng thực ra không giống hạt lăm, mà hết như những cánh hồng đã phai màu nhỏ li ti. Những cánh hồng cuốn theo cơn gió, tụ lại như đàn chim bay – đông đến hàng ngàn, như một trận bão tuyết vào xuân.

Bác trai vừa nhường chỗ cho chúng tôi thấy hai đứa đang mãi mê ngắm nhìn chúng, liền cất tiếng giải thích bằng tiếng Anh, “Tuyệt xuân của Amsterdam. Những cây *iepen* thổi đầy hoa giấy đón chào mùa xuân.”

Chúng tôi đổi tuyến, và sau bốn trạm dừng nữa chúng tôi đặt chân xuống con phố được ngăn đôi bởi một dòng kênh đẹp đẽ, hình bóng phản chiếu của cây cầu cổ kính và những căn nhà đẹp như tranh gợn lăn tăn trên mặt nước.

Oranje chỉ cách trạm xe điện vài bước chân. Nhà hàng này nằm ở một bên phố; dãy bàn ngoài trời đặt ở bên kia, trên một khu thủy tạ nền bê tông sát mé con kênh. Đôi mắt chị phục vụ sáng lên khi nhận ra Augustus và tôi tiến lại gần. “Anh chị Waters phải không ạ?”

“Dạ vâng?” tôi đáp.

“Bàn của anh chị ở bên kia,” chị ấy nói, đưa tay về phía một chiếc bàn nhỏ đặt sát bờ kênh. “Rượu sâm panh là món quà của nhà hàng.”

Gus và tôi liếc qua nhau mỉm cười. Sau khi băng qua đường, cậu ấy kéo ghế mời tôi ngồi và còn giúp tôi dịch vào trở lại. Trên chiếc bàn trải khăn màu trắng của chúng tôi đã bày sẵn hai ly rượu sâm panh. Tiết trời se lạnh được cân bằng hoàn hảo với hơi ấm từ ánh mặt trời; một bên chúng tôi là một vài người đạp xe qua lại – một vài người đàn ông lẫn phụ nữ trên mình bộ quần áo lịch thiệp đang trên đường trở về nhà từ công sở, một vài cô nàng tóc vàng có vẻ quyến rũ ngồi vắt chân qua một bên trên yên đằng sau xe đạp bạn mình, một vài đứa trẻ chẳng đội mũ bảo hiểm tíu tít trên yên xe bằng nhựa đằng sau bố mẹ chúng. Phía bên kia, mặt nước phủ đầy hàng triệu những hạt hoa giấy.

Những con thuyền nhỏ neo cạnh bờ kênh lát gạch, xâm xấp nước mưa bên trong, một vài cái như thể sắp chìm. Xa hơn một chút xuôi xuống con kênh, tôi có thể thấy những ngôi nhà thuyền bệp bênh trên phao nổi, và ở ngay giữa dòng kênh là một chiếc thuyền khổng mui, đáy bằng, trên boong đặt vài chiếc ghế vải với một chiếc đài xách tay lừng lờ trôi về phía chúng tôi. Augustus cầm lấy ly sâm panh của cậu ấy và giơ nó lên. Tôi nhắc ly của mình lên, dẫn cho tôi chưa bao giờ uống thứ gì ngoại trừ một hai ngụm bia của bố.

“Okay,” cậu ấy nói.

“Okay,” tôi đáp lại, rồi chúng tôi cùng ly. Tôi nhấp một ngụm. Những sỏi bọt li ti tan vào trong miệng tôi rồi du hành lên tận bộ não. Ngọt. Mát. Ngon. “Ngon thật đấy,” tôi nói. “Tớ chưa uống sâm panh bao giờ.”

Một anh phục vụ trẻ măng cơ bắp với mái tóc vàng lượn sóng xuất hiện. Anh ấy có lẽ còn cao hơn cả Augustus. “Anh chị có biết,” anh ấy hỏi với chất giọng truyền cảm, “ngài Dom Pérignon đã nói gì sau khi sáng chế ra rượu sâm panh không?”

“Không?” Tôi đáp.

“Ông ấy đã gọi các tu sĩ đồng môn lại, ‘Mau tới đây: Ta đang thưởng thức những vì sao.’ Chào mừng tới Amsterdam. Anh chị muốn xem qua thực đơn hay sẽ thưởng thức những món do chính đầu bếp lựa chọn?”

Tôi nhìn Augustus, cậu ấy cũng đang nhìn tôi. “Món do chính đầu bếp lựa chọn nghe hấp dẫn thật đấy, nhưng Hazel lại ăn chay,” tôi từng nói với Augustus chuyện này đúng một lần trước đây, vào hôm đầu tiên tôi và cậu ấy gặp mặt.

“Không thành vấn đề,” anh phục vụ nói.

“Tuyệt. Chúng em muốn lấy thêm một chút cái này được chứ?” Gus hỏi, ý cậu là rượu sâm panh.

“Tất nhiên rồi,” anh phục vụ của chúng tôi đáp. “Chúng tôi đã đóng chai tất cả những vì sao trên bầu trời đêm nay, thừa hai bạn trẻ của tôi. A, những bông hoa giấy!” anh ấy thốt lên, nhẹ nhàng phủ một hạt hoa khỏi bờ vai trần của tôi. “Những năm trước không nhiều đến thế này. Giờ nó rụng khắp mọi nơi. Quả là khó chịu.”

Anh phục vụ biến mất. Chúng tôi ngồi ngắm những hạt hoa giấy rơi xuống từ không trung, chao khỏi mặt đất trước gió, đáp xuống dòng kênh. “Thật khó tin có ai lại thấy chúng khó chịu,” một lúc sau Augustus nói.

“Con người luôn quen dần với vẻ đẹp.”

“Tớ đã quen được với cậu đâu,” cậu ấy nói, mỉm cười. Tôi thấy mình đang đỏ mặt. “Cảm ơn cậu vì đã tới Amsterdam,” cậu ấy nói.

“Cảm ơn đã cho tớ cướp đi điều ước của cậu.”

“Cảm ơn cậu đã mặc chiếc váy đẹp đến ngạc nhiên,” cậu ấy nói. Tôi lắc đầu, cố gắng không cười với cậu ấy. Tôi không muốn mình là một quả bom. Nhưng phải nói lại, cậu ấy biết mình đang làm gì mà, phải không? Đây cũng là lựa chọn của cậu ấy. “Này, bài thơ đó kết thúc thế nào?” Cậu ấy hỏi.

“Hứ?”

“Bài thơ cậu đọc cho tớ trên máy bay.”

“À, ‘Prufrock’? Nó kết thế này, ‘Ta nán lại trong căn phòng của biển / Với những nàng tiên đội vòng hoa đỏ và nâu / Đến khi tiếng nói con người đánh ta thức dậy, ta đã chìm sâu.’”

Augustus rút một điều thuốc ra và gõ gõ đầu lọc xuống bàn. “Tiếng nói ngốc nghếch của con người luôn làm hỏng mọi thứ.”

Anh phục vụ quay lại với hai ly sâm panh và một món anh ấy gọi là “Măng

tây trắng đất Bỉ với vị hoa oải hương.”

“Tớ cũng chưa bao giờ uống sâm panh,” Gus nói sau khi anh phục vụ đã đi khỏi. “Nếu cậu có thắc mắc hay gì thôi. Mà tớ cũng chưa ăn măng tây trắng bao giờ nữa.”

Tôi đang nhai miếng đầu tiên. “Ngon cực luôn,” tôi đảm bảo.

Cậu ấy cũng cắn một miếng, rồi nuốt. “Chúa ơi. Nếu măng tây lúc nào cũng ngon thế này thì tớ cũng ăn chay luôn.” Một vài người trên chiếc thuyền gỗ sơn đang lại gần phía chúng tôi trên mặt kênh bên dưới. Một chị tóc xoăn vàng óng, có lẽ khoảng ba mươi, nâng chiếc cốc bia cô đang uống về phía chúng tôi và hét lên gì đó.

“Chúng tôi không biết tiếng Hà Lan.” Gus hét lại.

Một người khác hét lại bản dịch: “Một cặp đẹp đôi rất đẹp.”

Đồ ăn ngon đến nỗi cứ sau mỗi món được dọn ra, cuộc nói chuyện của chúng tôi lại càng rơi vào những lời tán dương dành cho mùi vị của nó: “Tớ muốn món risotto^[81] cà rốt tím biến thành một cô nàng để tớ có thể đem qua Las Vegas và cưới nó.” “Sorbet^[82] đậu ngọt, mỳ ngon không thể tin được,” tôi ước gì mình đói hơn một chút.

Sau món gnocchi^[83] tỏi xanh với lá mù tạc đỏ, anh phục vụ nói, “Tiếp theo là món tráng miệng. Thêm một chút những ngôi sao trước chứ?” Tôi lắc đầu. Hai ly là quá đủ. Sâm panh không phải là ngoại lệ cho sức chịu đựng cao của tôi với thuốc chống trầm cảm hay thuốc giảm đau; tôi thấy ấm áp nhưng chưa say. Tôi cũng không muốn mình say. Sẽ chẳng có nhiều đêm như thế này, và tôi muốn ghi nhớ nó.

“Mmmm,” tôi nói sau khi anh phục vụ đã đi, Augustus lại cười điệu nửa khóe miệng khi cậu ấy nhìn xuống con kênh còn tôi ngược lên trên. Chúng tôi có rất nhiều thứ để ngắm nên sự im lặng này không đến nỗi ngột ngạt, nhưng tôi muốn mọi thứ phải thật hoàn hảo. Nó hoàn hảo *thật*, tôi nghĩ, nhưng nó

cảm giác như có ai đã cố sắp đặt Amsterdam như trong trí tưởng tượng của tôi, khiến tôi không sao dứt bỏ được ý nghĩ bữa tối này, cũng như bản thân chuyển đi, chỉ là một đặc quyền ung thư. Tôi chỉ muốn chúng tôi cười đùa nói chuyện thoải mái, giống như lúc hai đứa cùng ngồi bên nhau trên chiếc ghế sofa ở nhà, nhưng có sự căng thẳng nào đó đang bao trùm lên mọi thứ.

“Đây không phải bộ vét để dự lễ tang của tớ,” một lúc sau cậu ấy nói. “Lần đầu tiên tớ biết tớ mắc bệnh – họ nói rằng tớ có tám mươi phần trăm cơ hội được chữa lành. Vẫn biết tỉ lệ như thế là rất cao nhưng tớ cứ nghĩ nó chẳng khác gì trò roulette Nga^[84] cả. Kiểu như tớ phải chịu đựng nỗi đau suốt sáu tháng hay một năm và mất một chân rồi có thể cuối cùng vẫn không làm được gì cả, cậu biết đúng không?”

“Tớ biết,” tôi nói thế mặc dù tôi không biết, không thực sự biết. Tôi từ đầu đã là giai đoạn cuối; mọi liệu pháp điều trị đều chỉ nhằm mục đích kéo dài cuộc sống của tôi, không phải là chữa bệnh ung thư. Phalanxifor đã thêm vào một phương pháp nhập nhằng cho câu chuyện ung thư của tôi, nhưng tôi khác Augustus: Chương cuối của đời tôi đã được viết sẵn khi chẩn đoán bệnh. Gus, cũng như đa số những bệnh nhân ung thư sống sót khác, đều tiếp tục sống với nỗi mơ hồ.

“Đấy,” cậu ấy nói tiếp. “Thế nên tớ đã đối mặt với tất cả những chuyện này bằng việc chuẩn bị sẵn tinh thần. Nhà tớ đã mua một mảnh đất ở nghĩa trang Crown Hill, tớ với bố đã đi vòng quanh đó và chọn được một chỗ. Lễ tang rồi mọi thứ của tớ đều được chuẩn bị sẵn, ngay trước hôm phẫu thuật tớ đã hỏi bố mẹ xem tớ mua một bộ vét có được không, một bộ rất đẹp ấy để phòng trường hợp nhờ đâu tớ chết. Dẫu sao tớ cũng chưa có cơ hội được mặc nó. Cho đến tận tối nay.”

“Vậy đây là bộ vét tang của cậu.”

“Chuẩn. Cậu cũng quần áo tang chứ?”

“Ừm,” tôi trả lời. “Một bộ váy tớ mua dành cho bữa tiệc sinh nhật mười lăm. Nhưng mà tớ không mặc nó đi hẹn hò đâu.”

Mắt cậu ấy hấp háy. “Chúng mình đang hẹn hò à?” cậu ấy hỏi.

Tôi sụp mắt xuống, cảm giác thật ngượng ngùng. “Đừng nghĩ lung tung nữa.”

Cả hai chúng tôi đều đã rất no nhưng món tráng miệng – món *crèmeux* thơm ngon béo ngậy phủ chanh leo ở ngoài – quá tuyệt đến nỗi ít cũng phải nhấm nháp được chút, thế là chúng tôi lai rai một lúc cố chờ cho bụng đói trở lại. Mặt trời cứ nấn ná chưa chịu đi ngủ: Đã tám rưỡi tối mà trời vẫn sáng.

Đột nhiên Augustus hỏi, “Cậu có tin vào sự sống sau khi chết không?”

“Tớ nghĩ vĩnh hằng là một khái niệm không chính xác,” tôi trả lời.

Cậu ấy nhấc miệng cười. “Cậu là một khái niệm không chính xác.”

“Tớ biết. Thế nên tớ mới không được luân hồi.”

“Chuyện đó không vui vẻ gì cả,” cậu ấy nhìn ra đường. Có hai cô gái đạp xe ngang qua, chị đằng sau ngồi vắt hai chân qua một bên.

“Thôi nào,” tôi nói. “Tớ chỉ đùa thôi mà.”

“Cái ý nghĩ cậu bị bỏ rơi khỏi kiếp luân hồi chẳng vui vẻ gì với tớ,” cậu ấy nói. “Nghiêm túc nhé: sự sống sau khi chết?”

“Không,” tôi đáp rồi sau đó sửa lại. “Ừ thì, có lẽ tớ không dám khẳng định là không có. Cậu?”

“Có,” cậu ấy nói, giọng đầy tự tin. “Có, chắc chắn có. Không phải kiểu thiên đường nơi cậu cười kỳ lân, chơi đàn hạc, sống trong những dinh thự xây bằng mây. Nhưng có. Tớ tin vào Thứ gì đó với chữ *T* viết hoa. Nó luôn tồn

tại.”

“Thật à?” tôi hỏi. Tôi rất ngạc nhiên. Thành thực mà nói trước giờ tôi luôn đánh đồng đức tin vào thiên đường với cả sự xa rời tri thức khoa học. Nhưng Gus đâu có ngốc.

“Ừ,” cậu ấy lặng lẽ nói. “Tớ tin vào một câu trong *Nỗi đau tột cùng*. ‘Ánh bình minh vẫn chói lòa trong đôi mắt đang mất đi của cô ấy.’ Đó là Đức Chúa, tớ nghĩ thế, ánh mặt trời mọc, ánh sáng chói lòa và đôi mắt của cô ấy chỉ đang rời xa chứ chưa mất hẳn. Tớ không tin chúng ta có thể quay lại để ám ảnh hay phù hộ những người đang sống, nhưng tớ nghĩ chúng ta sẽ trở thành một thứ gì đó khác.”

“Nhưng cậu sợ sự quên lãng.”

“Ừ, tớ sợ sự lãng quên của trần thế. Nhưng không giống kiểu bố mẹ tớ, tớ tin vào những linh hồn, và tớ tin rằng những linh hồn vẫn luôn ở lại. Nỗi sợ bị quên lãng là một chuyện khác, sợ rằng tớ sẽ không thể làm được gì để đổi lấy mạng sống của chính mình. Nếu không sống một cuộc sống có ích thì ít ra hãy chết một cái chết có nghĩa, cậu hiểu chứ? Tớ sợ mình sẽ chẳng có cả cuộc sống hay cái chết có ý nghĩa gì.”

Tôi chỉ lắc đầu.

“Sao thế?” cậu ấy hỏi.

“Nỗi ám ảnh của cậu về chuyện hi sinh cho chuyện gì đó hay để lại dấu ấn đằng sau cuộc đời anh hùng của cậu. Thật ngớ ngẩn.”

“Ai cũng đều muốn một cuộc sống đặc biệt.”

“Không phải ai cũng thế,” tôi nói, không thể che giấu vẻ khó chịu của mình.

“Cậu bực mình à?”

“Nó chỉ là,” tôi chẳng thể nói hết câu. “Chỉ là,” tôi nhắc lại. Ánh nến lập lòe giữa hai chúng tôi. “Cậu thật ích kỷ khi nói một người chỉ có ý nghĩa khi họ sống hay chết vì điều gì đó. Thật sự ích kỷ khi nói thế với tớ.”

Tôi thấy mình hơi trẻ con, rồi tôi cắn một miếng bánh tráng miệng để tỏ ra nó chẳng có vấn đề gì lắm. “Xin lỗi,” cậu ta nói. “Tớ không có ý như vậy. Tớ chỉ đang nghĩ về bản thân mình thôi.”

“Ừ, đúng thế,” tôi no đến nỗi không thể ăn hết được. Tôi thực sự sợ mình sẽ nôn, bởi tôi cũng thường bị thế sau khi ăn. (Chẳng phải chứng háu ăn, chỉ là ung thư.) Tôi đẩy đĩa bánh của mình về phía Gus nhưng cậu ấy cũng lắc đầu.

“Tớ xin lỗi,” cậu ấy nhắc lại lần nữa, đưa tay qua mặt bàn với lấy tay tôi. Tôi để cậu ấy nắm lấy nó. “Tớ có thể sẽ tệ hơn mà, cậu biết đấy.”

“Như nào?” tôi chọc.

“Thì sẽ lại có một bức thư pháp treo trong toa lét nhà tớ, ‘Hãy Tắm Mình Hàng Ngày Trong Lời An Ủi Của Kinh Thánh,’ Hazel. Tớ có thể sẽ tệ hơn nữa.”

“Nghe gớm quá,” tôi nói.

“Tớ có thể sẽ tệ hơn.”

“Cậu có thể sẽ tệ hơn,” tôi cười. Cậu ấy thực sự thích tôi. Có thể tôi là người tự yêu bản thân quá đà gì đấy, nhưng tôi biết khoảnh khắc ở Oranjee lúc đó khiến tôi càng thích cậu ấy nhiều hơn.

Anh phục vụ của chúng tôi đến dọn món tráng miệng và thông báo, “Bữa tối của anh chị đã được Ngài Peter Van Houten thanh toán.”

Augustus cười. “Ông Peter Van Houten này không tệ lắm nhỉ.”

Chúng tôi đi bộ dọc theo con kênh lúc trời đang tối dần rồi dừng lại ở một chiếc ghế đá công viên cách Oranje một dãy nhà, xung quanh là một đồng xe đạp han gỉ đã cũ được khóa vào giá giữ xe và khóa lại với nhau. Chúng tôi ngồi xuống cạnh nhau nhìn ra phía con kênh, rồi cậu ấy vòng tay qua ôm tôi.

Tôi có thể thấy ánh đèn nhấp nháy từ khu Phố Đèn Đỏ. Dù gọi là Phố Đèn Đỏ nhưng ánh sáng phát ra từ đây lại xanh kỳ quái. Tôi tưởng tượng ra cảnh hàng ngàn du khách say khướt, chẳng ý thức được mình đang liêu xiêu trong những con phố chật hẹp.

“Không thể tin được ngày mai ông ấy sẽ kể cho chúng ta nghe,” tôi nói. “Peter Van Houten sắp sửa kể cho chúng ta đoạn kết tuyệt vời chưa từng được viết nên của cuốn sách hay nhất mọi thời đại.”

“Ông ấy còn thanh toán cho bữa tối của chúng mình nữa,” Augustus thêm vào.

“Tớ cứ tưởng tượng là trước khi kể ông ấy sẽ lục soát khắp người chúng ta để xem có máy ghi âm không đã. Rồi ông ấy sẽ ngồi giữa hai đứa trên ghế sofa trong phòng khách và thì thầm chuyện mẹ Anna có cưới chú Tulip Hà Lan không.”

“Đừng quên Sisyphus chú chuột Hamster nữa,” Augustus nhắc.

“Ừ, tất nhiên cả câu chuyện về số phận của Sisyphus chú chuột Hamster nữa,” tôi nghiêng người ra trước, nhìn xuống lòng kênh. Có rất nhiều cánh hoa du nhạn màu dưới những con kênh, buồn cười thật. “Một đoạn kết dành riêng cho hai ta,” tôi nói.

“Cậu đoán sao?” cậu ấy hỏi.

“Tớ không biết nữa. Tớ đã nghĩ đi nghĩ lại hàng ngàn lần chuyện đó rồi. Mỗi lần đọc tớ lại nghĩ một khác, cậu biết đấy?” Cậu ấy gật đầu. “Cậu có giả thuyết nào không?”

“Ừ. Tớ không nghĩ chú Tulip Hà Lan là một tên lừa đảo, dù có thể không giàu như chú thể hiện cho người ta tin. Tớ nghĩ sau khi Anna chết, mẹ Anna cùng chú ấy đến Hà Lan với mong muốn được sống bên nhau trọn đời, nhưng kết quả thì không như thế bởi bà muốn được ở gần nơi con gái mình nằm.”

Tôi chưa từng nhận ra cậu ấy cũng nghĩ nhiều về cuốn sách như thế, rằng cuốn *Nỗi đau tốt cùng* cũng chiếm một góc độc lập trong tâm trí Gus với một góc dành cho tôi.

Sóng nước nhẹ nhàng vỗ vào bức kè đá dưới chân chúng tôi; một nhóm thanh niên đạp xe qua, hò hét bằng chất giọng Hà Lan với những âm yết hầu liên thoảng; một vài chiếc thuyền nhỏ xíu, chẳng dài hơn tôi là mấy, nửa chìm xuống lòng kênh; mùi dòng nước đã tù đọng quá lâu; cánh tay cậu ấy kéo tôi vào lòng; cái chân thật của cậu ấy tì sát với cái chân thật của tôi từ hông đến tận bàn chân. Tôi hơi ngả người vào cậu ấy. Cậu ấy nhìn mặt lại. “Xin lỗi, cậu không sao chứ?”

Cậu ấy thở ra một chữ *ừ* với vẻ đau đớn rõ ràng.

“Xin lỗi nhé,” tôi nói. “Vai tớ toàn xương.”

“Không sao mà,” cậu ấy đáp. “Thực ra nó rất đẹp.”

Chúng tôi cứ ngồi như thế một lúc lâu. Cuối cùng tay cậu cũng buông vai tôi ra để ngả mình tựa vào chiếc ghế đá. Chúng tôi hầu như chỉ nhìn xuống lòng kênh. Tôi cứ nghĩ mãi tại sao họ lại có thể dựng nên nơi này khi lẽ ra nó đã chìm dưới nước, rồi với Bs. Maria tôi cũng giống Amsterdam, một ca dị thường nửa chìm nửa nổi, rồi nó khiến tôi lại nghĩ về cái chết. “Tớ có thể hỏi cậu chuyện về Caroline Mathers không?”

“Thế mà cậu nói không có sự sống sau cái chết,” cậu ấy trả lời mà chẳng quay sang nhìn tôi. “Nhưng ừ, tất nhiên. Cậu muốn biết chuyện nào?”

Tôi chỉ muốn biết cậu ấy thế nào nếu như tôi chết. Tôi muốn mình không phải là một quả bom, không phải một ảnh hưởng xấu đến cuộc sống của những người tôi thương yêu. “Thì kiểu đã có chuyện gì thôi.”

Cậu ấy thở dài, lâu đến nỗi với hai lá phổi vớ vẩn của tôi cậu ấy như thể đang khoe khoang. Cậu ấy ngậm một miếng thuốc trên môi, “Thì cậu biết chẳng có chỗ nào kém náo nhiệt hơn cái sân chơi của viện đấy?” Tôi gật đầu. “Tớ nằm lại viện Memorial một vài tuần sau khi bị tháo chân. Lúc đấy tớ đang ở trên tầng năm và nhìn xuống sân chơi, dĩ nhiên nó vẫn luôn vắng tanh vắng ngắt, phiêu du với những ý nghĩa ẩn dụ của cái sân chơi trống trải trong viện. Rồi cô ấy xuất hiện một mình ở đó, ngày nào cũng như ngày nào, đứng đưa một mình trên chiếc ghế đu, giống kiểu cậu vẫn hay thấy trong phim gì đấy. Sau đó tớ mới nhờ một trong những chị y tá tốt bụng của tớ tìm hiểu về cô ấy, rồi chị y tá dẫn cô ấy lên thăm tớ, và đó là Caroline, tớ đã dùng vẻ quyến rũ chết người của mình để mê hoặc cô ấy.” Cậu ấy ngừng lại, thế nên tôi nghĩ mình phải nói gì đó.

“Cậu không quyến rũ thế đâu,” tôi nói. Cậu ấy cười, có vẻ chẳng tin. “Cùng lắm đẹp trai tí thôi,” tôi giải thích.

Cậu ấy cười xòa. “Chuyện về người đã khuất,” cậu ấy nói, rồi lại ngập ngừng. “Cậu sẽ giống một kẻ không ra gì nếu không thêm chút lãng mạn cho chúng, nhưng sự thật thì...rất phức tạp, tớ nghĩ thế. Giống như cậu hẳn đã quen với ý nghĩa ẩn sau những bệnh nhân ung thư khắc kỷ và quyết đoán đã anh dũng chiến đấu với căn bệnh ung thư chỉ với sức lực của một con người mà chẳng hề ca thán hay tắt đi nụ cười ngay cả trong những giây phút cuối, đại loại thế?”

“Thật mà,” tôi nói. “Họ là những linh hồn có trái tim ấm áp và khoan dung mà mỗi hơi thở đều là một Nguồn Cảm Hứng Cho Tất Cả Chúng Ta. Họ rất mạnh mẽ! Chúng ta nên cảm phục họ chứ!”

“Ừ, nhưng thực ra, tất nhiên trừ chúng ta ra, những bệnh nhi ung thư khác nhiều khả năng đều rất tuyệt vời và đầy nhiệt huyết và giàu nghị lực và gì đấy.

Caroline lại luôn tâm trạng và rầu rĩ, nhưng tớ thích thế. Tớ thích cái cảm giác như thế cô ấy chọn tớ là người duy nhất trên thế giới này để không ghét bỏ, rồi phần lớn thời gian chúng tớ chỉ ngồi nói xấu người khác, cậu hiểu chứ? Cười nhạo những cô y tá, những bệnh nhân khác rồi cả gia đình họ và những người khác. Nhưng tớ không biết đó là tại cô ấy hay tại khối u nữa. Một chị y tá của cô ấy có lần kể rằng khối u của Caroline thuộc một loại được biết đến trong y khoa với cái tên Khối U Đê Tiện, đơn giản vì nó biến người ta thành một con quái vật. Vậy đấy, một cô nàng đã mất một phần năm bộ não với Khối U Đê Tiện tái phát, cậu biết đấy, cô ấy không phải là hình mẫu cho chủ nghĩa anh hùng của bệnh nhi ung thư khắc kỷ. Cô ấy...thành thực thì cô ấy là một đứa khốn nạn. Nhưng mà không nói thế được bởi vì cô ấy mắc khối u đấy, mà cô ấy cũng, ý tớ là, cũng đã mất. Cô ấy có rất nhiều lý do thành ra khó ưa như thế, cậu biết không?

Tôi biết.

“Cậu nhớ trong *Nỗi đau tốt cùng* có một đoạn khi Anna đang đi ngang qua sân bóng để đến lớp thể dục gì đó thì bị ngã úp mặt xuống sân, đó là lúc Anna biết bệnh ung thư đã tái phát trở lại tấn công hệ thần kinh của bạn ấy và bạn ấy không thể tự mình đứng dậy và mặt bạn ấy chỉ nằm cách mặt cỏ sân bóng có vài phân và bạn ấy cứ nằm đó chăm chú quan sát cách những tia nắng đọng lại trên từng ngọn cỏ ngay sát trước mặt và... Tớ không nhớ nguyên văn nhưng đại loại là Anna đã có một khám phá kiểu Whitman^[85] rằng định nghĩa của nhân tính chính là khoảnh khắc nhận ra ta ngạc nhiên trước vẻ kỳ vĩ của tạo hóa gì đấy. Cậu biết đoạn đấy chứ?”

“Tớ biết đoạn đấy,” tôi nói.

“Nên sau đó, trong khi bị tháo chân bởi hóa trị, tớ đã quyết định phải cảm thấy đầy hi vọng. Không hẳn vì đã sống sót, nhưng tớ có cảm giác giống hết như Anna từng cảm thấy trong cuốn sách, cảm giác hưng khởi và biết ơn vì vẫn còn được ngạc nhiên về mọi chuyện.

“Nhưng Caroline thì càng tệ đi mỗi ngày. Cô ấy về nhà sau một thời gian và đã có những lúc tớ nghĩ chúng tớ có thể có, ừm, một mối quan hệ bình thường, nhưng thực ra là không bởi cô ấy chẳng có một lớp ngăn cách nào giữa những suy nghĩ và lời nói của mình, những lời buồn bã, khó chịu và thường xuyên gây tổn thương. Nhưng tớ nghĩ mình không thể nào bỏ rơi một cô gái đang mắc bệnh ung thư não. Và bố mẹ cô ấy cũng rất quý tớ, cô ấy còn

có một đứa em trai cực đáng yêu nữa. Làm sao tớ có thể bỏ rơi cô ấy? Cô ấy đang chết.

“Mọi chuyện cứ kéo dài tưởng như mãi mãi. Gần một năm, một năm của tớ hẹn hò với một cô nàng, kiểu như, cứ cười phá lên chẳng cần lý do gì cả rồi chỉ vào cái chân giả của tớ và gọi tớ là Thăng Lùn.”

“Không,” tôi thốt lên.

“Ừ. Tớ nghĩ đấy là tại khối u. Nó ăn dần bộ não cô ấy, cậu biết mà? Hoặc cũng chẳng phải do khối u nữa. Tớ chẳng cách nào biết được, bởi lẽ cô ấy và khối u là chẳng thể tách rời. Bệnh cô ấy nặng dần thêm, suốt ngày lải nhải đúng một câu chuyện rồi tự mình cười mình dù cô ấy đã nói những thứ như thế cả trăm lần trong ngày. Kiểu như, cô ấy nhắc đi nhắc lại một câu đùa cợt trong hàng tuần trời: ‘Gus có đôi chân tuyệt vời. Ý tớ là một chân thôi.’ Rồi cô ấy lại cười như người điên dại.”

“Ôi, Gus,” tôi nói. “Thật là...” tôi chẳng biết phải nói gì. Cậu ấy không nhìn tôi, và thật không phải nếu tôi cứ nhìn cậu ấy. Tôi cảm thấy cậu ấy dịch người ra một chút rồi bỏ điếu thuốc ra khỏi miệng, nhìn chăm chăm vào nó, vân vê giữa ngón cái và ngón trỏ rồi ngậm trở lại.

“Ừ,” cậu ấy nói, “công bằng mà nói thì tớ *đúng là* có một cái chân tuyệt vời.”

“Tớ rất tiếc,” tôi nói. “Tớ thực sự rất tiếc.”

“Không sao mà, Hazel Grace. Nhưng để nói cho rõ, tớ không thực sự hạnh phúc lắm khi tớ nghĩ tớ đã gặp hình bóng của Caroline Mathers ở Nhóm Tương Trợ. Tớ nhìn vậy thôi chứ không có mong mỏi gì, nếu cậu hiểu ý tớ.” Cậu ấy rút hộp thuốc trong túi áo ra rồi bỏ điếu thuốc lại trong đó.

“Tớ rất tiếc,” tôi nói lần nữa.

“Tớ cũng thế,” cậu ấy nói.

“Tớ không bao giờ muốn làm thế với cậu đâu,” tôi bảo cậu ấy.

“Ồ, tớ không phiền đâu, Hazel Grace. Sẽ là đặc ân nếu trái tim tớ được tan nát vì cậu.”

CHƯƠNG MƯỜI HAI

Tôi tỉnh giấc lúc bốn giờ, ở Hà Lan trời đã sáng. Mọi nỗ lực ngủ tiếp đều không thành nên tôi cứ nằm đó với cái máy thở BiPAP đều đặn bơm không khí vào và đẩy ngược nó ra, thưởng thức những âm thanh của chú rồng nhưng vẫn ước gì tôi có thể điều chỉnh nhịp thở của chính mình.

Tôi đọc lại cuốn *Nỗi đau tốt cùng* cho đến khi Mẹ thức dậy và lăn qua chỗ tôi. Bà rúc đầu vào vai tôi, một cảm giác không thoải mái và mơ hồ kiểu Augustus.

Khách sạn mang bữa sáng tuyệt vời hơn cả mong đợi đến tận phòng cho chúng tôi với món *thịt nguội* cùng một đồng các thứ khác chẳng theo một công thức bữa sáng kiểu Mỹ nào. Bộ váy tôi định mặc đến gặp Peter Van Houten đã được đặc cách cho bữa tối ở Oranje nên sau khi tắm tãp và chải cho mái tóc nằm xuống, tôi mất tận ba mươi phút tranh cãi với Mẹ về điểm cộng và điểm trừ của những bộ quần áo phù hợp trước khi quyết định ăn mặc giống Anna trong *NĐTC* nhất có thể: Giày Chuck Taylors với quần jeans sẫm màu như bạn ấy vẫn mặc, và một chiếc áo phông màu xanh lơ.

Trên chiếc áo in hình một tác phẩm nghệ thuật Siêu thực của René Magritte[86], trong đó ông ấy vẽ một tàu thuốc và bên dưới là dòng chữ viết tay *Ceci n'est pas une pipe*. (Đây không phải là một cái tàu.)

“Mẹ chẳng hiểu nổi cái hình trên áo,” Mẹ nói.

“Peter Van Houten có đấy, tin con đi. Có khoảng bảy ngàn những thứ liên quan đến Magritte trong *Nỗi đau tốt cùng*.”

“Nhưng đấy là một cái tàu.”

“Không, không phải,” tôi nói. “Đó là *bức vẽ* của một cái tàu. Mẹ hiểu chứ? Mọi hình ảnh đại diện cho một vật nào đấy vốn đều là trừu tượng. Thật xuất sắc.”

“Sao con lớn nhanh đến nỗi hiểu được những thứ làm bà mẹ cổ lỗ sĩ của con bối rối thế này?” Mẹ hỏi. “Như mới hôm qua mẹ còn đang giải thích cho Hazel bảy tuổi tại sao bầu trời lại xanh. Hẳn con cũng nghĩ mẹ là một thiên tài.”

“Thế sao bầu trời *lại* xanh?” tôi hỏi.

“Bởi vì,” bà đáp. Tôi phá lên cười.

Càng gần đến mười giờ tôi càng thêm lo lắng: lo lắng vì sắp gặp Augustus; lo lắng vì sắp gặp Peter Van Houten; lo lắng bộ quần áo của tôi không hợp; lo lắng rằng chúng tôi không tìm được đúng nhà vì ở Amsterdam nhà nào cũng giống hệt nhau; lo lắng rằng chúng tôi sẽ bị lạc đường và chẳng bao giờ quay lại khách sạn Filosoof được nữa; lo lắng lo lắng lo lắng. Mẹ vẫn đang nói gì đó nhưng tôi chẳng chú tâm lắm. Tôi đang định bảo mẹ đi lên lầu xem Augustus dậy chưa thì cậu ấy gõ cửa.

Tôi ra mở cửa. Cậu ấy nhìn xuống chiếc áo và cười. “Buồn cười thế,” cậu ấy bảo.

“Đừng nói ngược tở buồn cười thế,” tôi trả lời.

“E hèm,” Mẹ nói đằng sau chúng tôi. Nhưng tôi đã làm Augustus đỏ mặt và khiến cậu ấy mất hứng với trò chọc ghẹo của mình nên cuối cùng tôi cũng đủ can đảm để nhìn thẳng vào cậu ấy.

“Mẹ chắc mẹ không muốn đi chứ?” tôi hỏi Mẹ.

“Mẹ sẽ đến Bảo tàng Rijkmuseum và Công viên Vondelpark,” bà nói. “Với cả mẹ cũng chẳng hiểu sách của ông ấy. Không có ý gì đâu. Nhớ gửi lời cảm

ơn của chúng ta đến ông ấy và chị Lidewij, nhớ chưa?”

“Vâng ạ,” tôi đáp. Tôi ôm Mẹ, bà hôn lên đầu tôi ngay phía trên vành tai.

Dãy nhà sơn màu trắng của Peter Van Houten nằm ngay cuối góc phố đi từ khách sạn, trên phố Voldelstraat, đối diện với công viên. Số nhà 158. Augustus một tay khoác lấy tay tôi, tay kia kéo giá đỡ bình ôxy, rồi chúng tôi đi tới đứng trước cánh cửa sơn màu xanh-đen ba bước. Tim tôi đập thành thịch. Câu trả lời tôi luôn mơ ước kể từ lần đầu tiên đọc trang cuối lờ dờ đó chỉ còn cách một cánh cửa đang đóng nữa thôi.

Tôi có thể nghe thấy tiếng bass âm âm bên trong, đủ to để làm rung cả bậc cửa sổ. Tôi băn khoăn liệu Peter Van Houten có đứa nhỏ nào thích nghe nhạc rap không.

Tôi với lấy chiếc vòng gỗ cửa hình đầu sư tử và ngấp ngừng gõ nó. Tiếng nhạc vẫn không dứt. “Chắc tiếng nhạc làm ông ấy không nghe thấy gì đâu?” Augustus nói. Cậu ấy nắm cái đầu sư tử và gõ mạnh hơn.

Nhạc tắt hẳn, thay vào đó là tiếng lê bước loẹt xoẹt. Một chốt cửa bật ra. Thêm một chốt nữa. Cánh cửa cọt kẹt mở ra. Một người đàn ông bụng phệ với mái tóc lưa thưa, đôi gò má xệ, bộ râu cả tuần chưa cạo bước ra, nheo nheo mắt dưới ánh mặt trời. Ông ta mặc bộ một đồ ngủ đàn ông màu lam nhạt trông như mấy ông già trong mấy bộ phim hồi xưa. Mặt và bụng ông ta rất tròn, trong khi cánh tay lại queo quắt nên ông ta nhìn giống như cục bột với bốn cái que cắm vào. “Ngài Van Houten?” Augustus hỏi, giọng cậu ấy hơi cao một chút.

Cánh cửa đóng sầm lại. Đằng sau nó, tôi nghe thấy một giọng lắp bắp the thé vang lên, “LEEE-DUH-VIGH!” (Trước giờ tôi vẫn gọi tên chị trợ lý của ông ta là lid-uh-widge.)

Chúng tôi có thể nghe thấy mọi thứ qua cánh cửa. “Họ đến rồi đúng không,

chú Peter?” giọng một phụ nữ hỏi.

“Có hai – Lidewij, có đứa trẻ con đang hiện hình trước cửa.”

“Hiện hình?” chị ấy hỏi với chất giọng Hà Lan du dương dễ chịu.

Van Houten nói một tràng. “Linh hồn bóng ma quý dữ kẻ vãng lai người kiếp trước đều *hiện hình*, cô Lidewij. Làm thế nào một người đang theo bậc cao học ngành văn học Mỹ lại thể hiện những kỹ năng ngôn ngữ Anh tệ hại như vậy được?”

“Chú Peter, đây không phải người kiếp trước. Họ là Augustus và Hazel, những người hâm mộ trẻ tuổi mà gần đây chú có trao đổi thư từ.”

“Chúng nó là – gì cơ? Chúng nó – ta tưởng chúng nó đang ở Mỹ cơ mà!”

“Vâng, nhưng chú đã mời họ tới đây, chú nhớ chứ.”

“Cô có biết tại sao ta rời khỏi đất Mỹ không, Lidewij? Để không bao giờ phải chạm trán với người Mỹ nào nữa.”

“Nhưng chú là người Mỹ.”

“Chẳng thể thay đổi được, có vẻ thế. Nhưng với hai đứa Mỹ *kia*, cô phải bảo chúng nó đi ngay, rằng đó là một sai lầm khủng khiếp, rằng lão Van Houten đáng nguyên rủa này chỉ đưa ra một lời mời gặp mặt khách sáo, chẳng phải thật đâu, rằng những lời mời như thế phải được hiểu một cách biểu tượng mà thôi.”

Tôi nghĩ tôi có thể ói ra mất. Tôi quay sang Augustus, cậu ấy vẫn đang chăm chăm nhìn vào cánh cửa, hai vai thông xuống.

“Cháu sẽ không làm thế đâu, chú Peter,” chị Lidewij trả lời. “Chú *phải* gặp

họ. Chú phải làm thế. Chú cần gặp họ. Chú cần biết tác phẩm của chú có ý nghĩa thế nào.”

“Lidewij, có đúng cô cố tình qua mặt ta để sắp xếp chuyện này không?”

Một khoảng im lặng kéo dài, rồi cuối cùng cánh cửa cũng mở ra lần nữa. Ông ta lần lượt hết quay đầu về phía Augustus lại đến chỗ tôi, vẫn nheo nheo mắt. “Ai trong hai đứa là Augustus Waters?” ông ta hỏi. Augustus ngập ngừng giơ cánh tay lên. Van Houten gật đầu và hỏi, “Cậu đã چرا đồ con bé đó chưa?”

Đó là lần đầu tiên và duy nhất tôi bắt gặp một Augustus thực sự không nói nên lời. “Cháu,” cậu bắt đầu, “ừm, cháu, Hazel, ừm. À.”

“Thằng này có vẻ mắc một vài chứng trì độn phát triển nào đó,” Peter Van Houten nói với chị Lidewij.

“Chú *Peter*,” chị ấy trách.

“Chà,” Peter Van Houten nói, chìa bàn tay về phía tôi. “Thế nào chẳng nữa được gặp một sinh vật không chắc có thực về mặt bản thể luận cũng là một vinh dự.” Tôi bắt tay với bàn tay sừng húp của ông ta, sau đó ông ta bắt tay với Augustus. Tôi không chắc về *mặt bản thể luận* nghĩa là gì. Dẫu sao tôi cũng thích nó. Cả Augustus và tôi đều thuộc Câu Lạc Bộ Những Sinh Vật Không Chắc Có Thực: chúng tôi và lũ thú mỏ vịt.

Lẽ dĩ nhiên tôi đã hi vọng Peter Van Houten là một người nhu hòa mẫu mực, nhưng thế giới này không phải là nhà máy ban tặng điều ước. Điều quan trọng là cánh cửa đã mở và tôi đã bước qua bậc cửa để đến với những gì đã xảy ra sau cái kết của *Nỗi đau tột cùng*. Thế là đủ. Chúng tôi theo ông ta và chị Lidewij vào trong, đi qua chiếc bàn ăn tối bằng gỗ sồi khổng lồ nhưng chỉ có hai chiếc ghế, bước vào phòng khách trống trải rợn người. Trông nó như viện bảo tàng, có điều không có tác phẩm nghệ thuật nào được treo trên những khoảng tường trắng toát. Ngoại trừ một chiếc sofa và một chiếc ghế tựa, cả hai đều bằng sắt bọc da màu đen, căn phòng dường như trống rỗng. Sau đó tôi nhận ra còn có hai túi đựng rác rất lớn màu đen, căng phồng và

buộc xoắn lại, chắt sau ghế sofa.

“Rác?” tôi thì thầm với Augustus với giọng nhỏ đến mức tôi nghĩ không ai khác có thể nghe thấy.

“Thư của người hâm mộ,” Van Houten trả lời trong khi ông ngồi xuống cái ghế tựa. “Mười tám năm đáng từng đấy. Không thể mở ra. Rất đáng sợ. Thư của cô cậu là những bức đầu tiên ta trả lời, hãy xem nó đẩy ta đến đâu rồi đây. Ta thành thật cho rằng sự thực của bọn độc giả là hoàn toàn không nuốt nổi.”

Đó là lý do ông ta không bao giờ trả lời thư của tôi: Ông ta không hề đọc chúng. Tôi không biết tại sao ông ta giữ lại tất cả, để chúng một góc trong phòng khách trang trọng trống trải này. Van Houten gác hai chân lên chiếc ghế đệm thấp, vắt hai chiếc dép lên nhau. Ông ta chỉ về chiếc ghế sofa. Augustus và tôi ngồi xuống cạnh nhau, nhưng không *quá* sát.

“Hai em ăn sáng chút gì nhé?” chị Lidewij hỏi.

Tôi đang định nói rằng chúng tôi đã ăn rồi thì Peter chen vào. “Còn quá sớm cho bữa sáng, cô Lidewij.”

“Nhưng hai em ấy đến từ Mỹ, chú Peter, nên đã quá trưa trong người hai em ấy rồi.”

“Thế thì đã quá muộn cho bữa sáng,” ông ta nói. “Tuy thế, khi trong người đã quá trưa rồi thì xem nào, chúng ta nên thưởng thức chút cocktail[87]. Cô có uống rượu Scotch[88] không?” ông ta hỏi tôi.

“Cháu có – ừm, không, cháu không,” tôi nói.

“Augustus Waters?” Van Houten hỏi, hất đầu về phía Gus.

“Ừm, cháu không ạ.”

“Mỗi ta, rồi, cô Lidewij. Scotch và nước, làm ơn.” Peter chuyển sự chú ý của mình sang Gus, “Cậu có biết chúng ta pha Scotch với nước trong nhà này thế nào không?”

“Không, thưa ngài,” Gus nói.

“Chúng ta rót một chút Scotch vào cốc rồi gọi lên trong tâm tưởng ý nghĩ về nước, rồi chúng ta trộn Scotch thật với tư tưởng trừu tượng của nước.”

Chị Lidewij nói, “Có lẽ nên ăn chút gì đó trước, chú Peter.”

Ông ta nhìn về phía chúng tôi và thì thầm từng chữ, “Cô ta nghĩ ta có vấn đề với bia rượu.”

“Còn cháu nghĩ mặt trời đã lên,” chị Lidewij đáp lại. Tuy thế chị vẫn quay sang quầy rượu trong phòng khách, với lấy một chai Scotch và rót đầy nửa cốc. Chị ấy mang nó đến cho ông ta. Peter Van Houten nhấp một ngụm rồi ngồi thẳng người trên chiếc ghế của ông ta, “Một cốc rượu ngon như thế phải xứng với tư thế tốt nhất của người ta,” ông ta nói.

Tôi bỗng thấy nghi ngại về tư thế của mình nên ngồi thẳng lưng lên một chút. Tôi chỉnh lại đám ống dẫn khí của mình. Bố luôn nói với tôi rằng ta có thể đánh giá một người theo cách họ đối xử với những người phục vụ và trợ lý. Bằng thước đo này thì Peter Van Houten chắc hẳn là kẻ thô bỉ thô bỉ nhất thế giới. “Vậy là cậu thích cuốn sách của tôi,” ông ấy nói với Augustus sau một ngụm nữa.

“Dạ,” tôi trả lời thay cho Augustus. “Và vâng, chúng cháu – à, Augustus, cậu ấy đã chọn việc đến gặp ngài là Điều ước của mình để chúng cháu có thể tới đây, và như vậy ngài có thể kể cho chúng cháu những chuyện đã xảy ra sau cái kết của *Nỗi đau tốt cùng*.”

Van Houten không nói gì cả, chỉ uống một hơi dài.

Một phút sau Augustus nói, “Cuốn sách của ngài đã đem chúng cháu đến với nhau.”

“Nhưng cô cậu không đến với nhau,” ông ta nhận xét mà chẳng thèm nhìn tôi.

“Nó đã đưa chúng cháu lại gần nhau,” tôi nói.

Giờ thì ông ấy quay sang tôi. “Cô cố tình mặc giống con bé đúng không?”

“Anna?” tôi hỏi.

Ông ta vẫn nhìn chăm chăm vào tôi.

“Phần nào đó,” tôi nói.

Ông ta lại uống một hơi dài rồi nhắm mắt lại. “Ta không có vấn đề gì với rượu bia cả,” ông ta tuyên bố, giọng to quá mức cần thiết. “Ta có một mối quan hệ kiểu Churchill^[89] với đồ uống có cồn: Ta có thể kể chuyện cười cũng như cai trị nước Anh cũng như làm bất cứ điều gì ta muốn. Ngoại trừ việc không uống rượu.” Ông ta liếc qua chị Lidewij và hất đầu về phía cốc rượu. Chị ấy mang nó lại quầy rượu. “Chỉ lấy *tư tưởng* về nước thôi, cô Lidewij,” ông ta hướng dẫn.

“Vâng, cháu biết,” chị nói, âm điệu gần như giọng Mỹ.

Cốc rượu thứ hai đã tới. Cột sống của Van Houten lại duỗi ra lần nữa với tất cả niềm kính trọng. Ông ta tuột dép ra. Bàn chân ông ta thực sự xấu xí. Ông ta đang phá hỏng hình tượng thiên tài văn học trong tôi. Nhưng ông ta có câu trả lời.

“Dạ, ừm,” tôi nói, “đầu tiên, chúng cháu muốn nói cảm ơn ngài vì bữa tối ngày hôm qua và –”

“Ta đã thanh toán cho bữa tối của chúng nó ngày hôm qua à?” Van Houten hỏi chị Lidewij.

“Vâng, ở Oranje.”

“À, được thôi. Chà, hãy cứ tin khi ta nói cô cậu không cần phải cảm ơn ta mà nên cảm ơn cô Lidewij đây, người đặc biệt xuất chúng trong lĩnh vực tiêu xài tiền bạc của ta.”

“Đó là tấm lòng của chúng ta,” chị Lidewij nói.

“Dù sao thì cháu cũng cảm ơn,” Augustus nói. Tôi có thể nhận ra chút bực bội trong giọng cậu ấy.

“Giờ có ta ở đây,” Peter Van Houten nói sau một lúc. “Câu hỏi của cô cậu là gì?”

“Ừm,” Augustus nói.

“Thằng này có vẻ thông minh hơn lúc viết,” Van Houten nói với chị Lidewij về Augustus. “Có lẽ ung thư đã đổ bộ trong não nó.”

“Chú Peter,” chị Lidewij thốt lên kinh hãi.

Tôi cũng thấy khiếp sợ, nhưng có một điều dễ chịu về những gã ti tiện là hẳn sẽ không đối xử với chúng ta khác biệt với những người khác. “Chúng cháu thực sự có một số câu hỏi,” tôi nói. “Cháu đã nói về chúng trong email. Cháu không biết chú còn nhớ không.”

“Ta không nhớ.”

“Trí nhớ của chú ấy đã giảm sút,” chị Lidewij nói.

“Phải chi trí nhớ của ta được giảm sút,” Van Houten đáp lại.

“Những câu hỏi của chúng cháu,” tôi nhắc lại.

“Cô bé dùng từ chúng cháu[90] cơ đấy,” Peter nói băng quơ. Thêm một ngụm nữa. Tôi không biết rượu Scotch có vị thế nào, nhưng nếu nó có vị gì giống sâm panh thì tôi chẳng thể hiểu sao ông ta có thể uống nhiều, uống nhanh, uống trong buổi sáng sớm đến vậy. “Cô có biết nghịch lý con rùa của Zeno không?” ông ta hỏi tôi.

“Chúng cháu có một vài câu hỏi về những gì đã xảy ra với các nhân vật sau cái kết của cuốn sách, nhất là Anna –”

“Cô đã sai lầm khi cho rằng ta cần phải nghe cô hỏi mới có thể trả lời. Cô có biết triết gia Zeno[91] không?” Tôi khẽ lắc đầu. “Lạy chúa, Zeno là một triết gia trước thời của Socrates được cho rằng đã khám phá ra bốn mươi nghịch lý trong thế giới quan của Parmenides – chắc cô phải biết Parmenides,”[92] ông ta nói, và tôi gật đầu rằng mình biết Parmenides, cho dù tôi không biết. “Ồn Chúa,” ông ta nói. “Zeno đặc biệt có chuyên môn trong việc chỉ ra những điểm sai lệch và đơn giản hóa sự việc của Parmenides, mà việc này không mấy khó khăn bởi Parmenides luôn luôn mắc sai lầm nghiêm trọng ở mọi vấn đề. Giá trị của Parmenides cũng giống y hệt như việc có một người quen luôn chọn nhầm ngựa mỗi và mọi lần cô đưa hân đến trường đua. Nhưng điều quan trọng nhất của Zeno – khoan, hãy cho ta thấy hiểu biết của cô cậu về nhạc hip-hop Thụy Điển thế nào.”

Tôi chẳng biết Peter Van Houten có đang đùa hay không nữa. Một lúc sau Augustus trả lời thay tôi. “Đôi chút,” cậu nói.

“Thôi được, chắc cô cậu cũng biết album *Fläcken* đầy triển vọng của nhóm nhạc Afasi och Filthy.”[93]

“Chúng cháu không,” tôi đáp lời thay cho cả hai.

“Cô Lidewij, hãy bật bản ‘Bomfalleralla’ ngay lập tức.” Chị Lidewij bước đến chỗ máy phát nhạc MP3, xoay xoay cái núm rồi ấn vào một cái nút. Một bản nhạc rap dội lên từ mọi hướng. Nghe cũng giống mọi bản nhạc rap khác,

có điều viết bằng tiếng Thụy Điển.

Sau khi bản nhạc kết thúc, Peter Van Houten nhìn chúng tôi mong đợi, đôi mắt ti hí của ông ta mở to hết mức có thể. “Sao?” ông ta hỏi. “Sao?”

Tôi nói, “Cháu xin lỗi, thưa ngài, nhưng chúng cháu không nói tiếng Thụy Điển.”

“Phải, tất nhiên cô cậu thì không rồi. Ta cũng thế. Đưa quái nào lại đi nói tiếng Thụy Điển? Điều quan trọng không phải những ca từ đang truyền đạt ý nghĩa vớ vẩn nào, mà là ta *cảm thụ* ra sao. Chắc cô cậu cũng biết chỉ có hai loại cảm xúc, yêu thương và sợ hãi, Afasi och Filthy đã chèo lái giữa chúng với những phương tiện mà một người đơn giản là chẳng thể tìm thấy trong thể loại nhạc hip-hop ngoài Thụy Điển. Ta bật nó cho các cô cậu nghe lần nữa nhé?”

“Ông đang đùa?” Gus nói.

“Xin lỗi?”

“Có phải đây là một màn kịch gì không?” Cậu ấy nhìn lên chị Lidewij và hỏi, “Phải không?”

“Chị e là không,” Lidewij trả lời. “Chú ấy không phải lúc nào cũng – hôm nay quá khác thường –”

“Ồ im đi, cô Lidewij. Rudoff Otto^[94] nói rằng nếu các người chưa từng chạm mặt với linh thiêng, nếu chưa từng trải nghiệm một cuộc gặp gỡ không thực với những *bí ẩn siêu nhiên*, thì tác phẩm của ngài không dành cho các người. Và ta nói với các cô cậu đây, hai bạn trẻ ạ, nếu cô cậu không thể nghe được lời đáp ứng cảm của Afasi och Filthy với nỗi sợ hãi, thì tác phẩm của ta đây không dành cho cô cậu đâu.”

Tôi phải nhấn mạnh điều này: Nó hoàn toàn là một bài rap bình thường, trừ

việc được viết bằng tiếng Thụy Điển. “Ừm,” tôi nói. “Thế còn về *Nỗi đau tột cùng*. Mẹ Anna, khi cuốn sách kết thúc, có định –”

Van Houten ngắt lời tôi, gõ vào cốc rượu trong khi bảo chị Lidewij rót đầy nó lần nữa. “Zeno nổi tiếng nhất vì nghịch lý con rùa của ông ta. Hãy tưởng tượng rằng ta đang ở trong cuộc đua với một con rùa. Con rùa được xuất phát trước mười thước. Trong khoảng thời gian ta chạy được mười thước đó, con rùa tiến thêm khoảng một thước. Rồi trong khoảng thời gian ta bắt kịp được khoảng cách đó, con rùa lại tiến thêm được một chút, cứ thế mãi mãi. Ta đi nhanh hơn con rùa nhưng lại không thể nào bắt kịp nó; ta chỉ có thể rút ngắn khoảng cách mà thôi.

“Tất nhiên, ta có thể cứ đi qua con rùa đó mà chẳng cần quan tâm đến những khía cạnh cơ học liên quan, nhưng câu hỏi ta làm điều đó như thế nào lại phức tạp khó ngờ, và không ai giải thích được cho đến khi Cantor^[95] chỉ cho chúng ta rằng có những tập vô hạn này lớn hơn những tập vô hạn khác.”

“Ừm,” tôi nói.

“Ta cho rằng điều đó đã trả lời cho câu hỏi của cô,” ông ta tự tin nói, nhắm một ngụm hào phóng từ chiếc cốc của mình.

“Không hẳn thế,” tôi nói. “Chúng cháu không biết sau cái kết của *Nỗi đau tột cùng* –”

“Ta phủ nhận mọi thứ trong cuốn tiểu thuyết thối tha đó,” Van Houten nói, cắt ngang lời tôi.

“Không,” tôi thốt lên.

“Xin lỗi?”

“Không, điều đó là không thể chấp nhận được,” tôi nói. “Cháu hiểu câu chuyện kết thúc dang dở vì Anna đã chết hay quá yếu để tiếp tục viết, nhưng

ngài nói ngài sẽ kể cho chúng cháu những chuyện đã xảy ra với tất cả mọi người, đó chính là lí do chúng cháu đang ở đây, và chúng cháu, *cháu* cần ngài giải thích.”

Van Houten thờ dài. Sau một ngụm khác, ông ta nói, “Rất tốt. Cô muốn biết câu chuyện của ai?”

“Mẹ của Anna, chú Tulip Hà Lan, Sisyphus chú chuột Hamster, ý cháu là, chỉ – những gì xảy đến với tất cả mọi người.”

Van Houten nhắm mắt lại rồi phồng má thờ dài, sau đó nhìn lên những tấm xà gỗ đan chéo nhau lộ ra dưới mái trần nhà. “Con chuột hamster,” một lúc sau ông nói. “Con chuột hamster được Christine nhận về nuôi” – đó là một trong những người bạn của Anna trước khi bạn ấy mắc bệnh. Cũng có lý. Christine và Anna đã cùng chơi với Sisyphus trong một vài đoạn. “Nó được Christine nhận về nuôi và sống thêm một vài năm sau khi câu chuyện kết thúc và ra đi thanh thản trong giấc ngủ của loài chuột.”

Giờ thì mọi việc cũng đã tiến triển chút ít. “Tuyệt,” tôi nói. “Thật tuyệt. Rồi ạ, thế còn chú Tulip Hà Lan? Chú ấy có phải là kẻ lừa lọc không? Chú ấy với mẹ của Anna có kết hôn không?”

Van Houten vẫn chăm chăm nhìn những tấm xà. Ông ta uống thêm một ngụm. Chiếc cốc lại vơi gần hết lần nữa. “Lidewij, ta không thể làm được. Ta không thể. Ta *không thể*.” Ông ta hướng ánh mắt lơ đãng về phía tôi. “Chẳng có chuyện gì xảy ra với gã Tulip Hà Lan cả. Gã không phải kẻ lừa đảo hay không phải không là kẻ lừa đảo; Gã là *Chúa Trời*. Gã là một biểu tượng ẩn dụ hiển nhiên và rõ ràng của *Chúa*, việc hỏi chuyện gì xảy đến với gã cũng chẳng khác nào việc hỏi chuyện gì đã xảy đến với cặp mắt quái gở của bác sĩ T. J. Eckleburg trong cuốn *Gatsby*[\[96\]](#) cả. Vậy lão ta có kết hôn với bà mẹ của Anna không? Chúng ta đang nói về một cuốn tiểu thuyết, cô bé ạ, không phải những tiểu sử đời tư.”

“Vâng, nhưng chắc hẳn ngài cũng từng nghĩ đến những chuyện đã xảy đến với họ chứ, ý cháu là chính nhân vật, tách biệt với những ý nghĩa ẩn dụ của họ.”

“Họ là những nhân vật hư cấu,” ông ta nói, gõ gõ cái cốc lần nữa. “Chẳng có gì xảy ra với họ hết.”

“Ngài nói ngài sẽ kể cho cháu,” tôi khẳng khái. Tôi tự nhắc mình phải thật cương quyết. Tôi cần giữ đầu óc quẩn trí của ông ta vào những câu hỏi của tôi.

“Có thể thế, nhưng ta đã lạc lối trong giả tưởng rằng cô không thể cứ di chuyển xuyên Đại Tây Dương được. Ta đã cố...an ủi cô, ta cho là thế, chuyện đó không nên thế thì tốt hơn. Nhưng để thành thực mà nói, cái ý nghĩ trẻ con rằng mọi tác giả của một cuốn tiểu thuyết đều thấu hiểu sâu sắc các nhân vật trong câu chuyện của mình...nó thật nực cười. Cuốn tiểu thuyết đó được viết ra từ những phác thảo nguệch ngoạc trong một mẫu giấy, cô bé ạ. Những nhân vật trong câu chuyện không hề tồn tại bên ngoài những phác thảo đó. Chuyện gì xảy ra với họ? Họ đều không còn tồn tại sau khi câu chuyện đã kết thúc.”

“Không,” tôi thốt lên. Tôi bật mình dậy khỏi chiếc ghế. “Không, cháu hiểu chuyện đó. Nhưng thật không thể nào lại không tưởng tượng đến tương lai của họ. Ngài là người tốt nhất có thể tưởng tượng nên cái tương lai đấy. Phải có chuyện gì đã xảy ra với mẹ của Anna. Bà phải kết hôn hoặc không. Bà phải đến Hà Lan cùng chú Tulip hoặc không. Bà phải có thêm những đứa trẻ khác hoặc không. Cháu cần được biết chuyện gì xảy ra với bà ấy.”

Van Houten mím môi lại. “Ta rất tiếc không thể chiều theo ý muốn bốc đồng trẻ con của cô, nhưng ta cũng từ chối thương hại cô theo cái cách cô đây hẳn đã quen.”

“Cháu không cần ngài thương hại,” tôi nói.

“Như mấy đứa ốm yếu khác cả thôi,” ông ta thản nhiên trả lời, “cô nói cô không cần thương hại, nhưng sự tồn tại của cô lại phụ thuộc vào nó.”

“Chú Peter,” chị Lidewij gào lên, ông ta vẫn tiếp tục trong khi ngồi dựa ở

đó, lời lẽ càng lúc càng trôi chảy tuôn ra từ cái miệng say khướt. “Bọn trẻ con ốm yếu hiển nhiên đã bị trói buộc: Định mệnh buộc cô phải sống mãi như một đứa trẻ vào cái ngày cô được chẩn đoán, đứa trẻ tin rằng có một cuộc sống sau khi câu chuyện kết thúc. Và chúng ta, những người trưởng thành, chúng ta thương hại điều đó, thế nên chúng ta chi trả tiền điều trị, chi trả tiền cho máy thở ôxy. Chúng ta cho cô đồ ăn và thức uống dù biết cô sẽ không thể sống đủ lâu để –”

“CHÚ PETER!” chị Lidewij hét lên.

“Cô là một ảnh hưởng phụ,” Van Houten tiếp tục nói, “của quá trình tiến hóa mà cuộc sống cá nhân ít được để tâm tới. Cô là một thí nghiệm thất bại của đột biến.”

“CHÁU NGHỈ VIỆC!” chị Lidewij gào lên. Mắt chị đã ngân ngấn nước. Nhưng tôi không hề tức giận. Ông ta đang tìm cách gây tổn thương nhất để nói ra sự thật, nhưng dĩ nhiên tôi đã biết sự thật từ trước rồi. Tôi đã có hàng năm trời nằm nhìn cái trần nhà từ phòng ngủ đến ICU, và tôi đã tìm ra cách đau đớn nhất để tưởng tượng ra bệnh tật của chính mình cũng lâu lắm rồi. Tôi bước về phía ông ta. “Nghe đây lão già,” tôi nói, “ông không cần nói những điều về cái bệnh không phải tôi không biết. Tôi chỉ cần một và chỉ một điều từ ông thôi trước khi tôi biến khỏi cuộc đời ông mãi mãi: CHUYỆN GÌ ĐÃ XẢY RA VỚI MẸ CỦA ANNA?”

Ông ta mơ hồ ngẩng cái cằm ngấn mỡ về phía tôi và nhún vai. “Ta chẳng thể nói chuyện gì đã xảy ra với bà ta cho cô nghe nhiều hơn chuyện gì đã xảy ra với Người dẫn chuyện của Proust[97] hay chị của Houden Caulfield[98] hay Huckleberry Finn[99] sau khi gã bỏ đi tìm những vùng đất mới cả.”

“NHẢM NHÍ! Thật nhảm nhí! Chỉ cần nói tôi nghe thôi. Bịa chuyện gì cũng được!”

“Không, và ta sẽ rất cảm ơn nếu cô không nói tục trong căn nhà này. Một quý cô sẽ không trở nên như vậy đâu.”

Tôi vẫn không hề tức giận. Tôi chỉ cố gắng tập trung để đạt được thứ tôi đã

được hứa. Trong cơn bộc phát tôi đã vung tay xuống cái bàn tay múp míp đang cầm cốc rượu Scotch đó. Phần rượu còn lại bắn tung tóe qua khuôn mặt to bè, chiếc cốc bật ra khỏi mũi ông ta rồi xoay vòng điệu nghệ trên không trung, đáp xuống vỡ tan tành trên sàn gỗ cứng lâu năm.

“Cô Lidewij,” Van Houten vẫn bình tĩnh nói, “tôi muốn một cốc martini[100], nếu cô không phiền. Chỉ cần một chút vermouth.”

“Cháu nghỉ việc rồi,” một lúc sau chị Lidewij nói.

“Đừng ngó ngán thế.”

Tôi không biết phải làm gì. Tử tế không được. Thô tục không xong. Tôi cần một câu trả lời. Tôi đã đến được đây, đã cướp mất Điều ước của Augustus. Tôi cần được biết.

“Đã bao giờ cô dừng lại và tự hỏi,” ông ta nói, lời lẽ càng lúc càng lú lú, “tại sao cô quá quan tâm đến những câu hỏi ngu ngốc như vậy chưa?”

“ÔNG ĐÃ HỨA!” tôi gào lên, cảm nhận được tiếng than khóc bất lực của Isaac trong cái đêm của những chiếc cốc vỡ. Van Houten không trả lời.

Tôi vẫn đứng trước mặt ông ta, chờ đợi ông ta nói điều gì đó với mình cho tới khi cảm thấy bàn tay Augustus nắm lấy cánh tay của mình. Cậu ấy kéo tôi về phía cánh cửa, tôi bước theo cậu ấy trong khi Van Houten đang lên lớp chị Lidewij về sự vô ơn của giới trẻ ngày nay và cái chết của xã hội mẫu mực, và chị Lidewij, có đôi chút kích động, đã quát lại ông ta với bằng giọng Hà Lan nhanh như tên bắn.

“Cô cậu sẽ phải thứ lỗi cho cựu trợ lý của ta đây,” ông ta nói. “Tiếng Hà Lan nghe chẳng giống một ngôn ngữ hơn là một căn bệnh nơi cổ họng.”

Augustus kéo tôi ra khỏi căn phòng và đi qua cánh cửa bước vào buổi sáng cuối xuân với những cánh hoa du rơi.

Với tôi không có khái niệm nào gọi là chạy trốn, nhưng chúng tôi đều vội vã bước xuống cầu thang, Augustus cầm hộ giá đỡ, rồi chúng tôi bắt đầu đi bộ ngược về phía khách sạn Filosoof trên vỉa hè mấp mô những viên gạch hình chữ nhật lát đan nhau. Lần đầu tiên sau vụ chiếc ghế đu, tôi bắt đầu khóc.

“Này,” cậu ấy gọi, chạm tay vào eo tôi. “Này, mọi chuyện ổn mà,” tôi gạt đầu rồi quệt nước mắt bằng mu bàn tay. “Lão ta thật tệ,” tôi gạt đầu lần nữa. “Tớ sẽ viết cho cậu đoạn kết,” Gus nói. Điều này khiến tôi khóc còn to hơn. “Tớ sẽ,” cậu ấy nói. “Tớ sẽ. Tốt hơn tất cả những thứ nhảm nhí lão nát rượu đó từng viết ra. Đầu óc lão chỉ toàn phô mai Thụy Sĩ. Lão thậm chí còn chẳng nhớ mình đã từng viết cuốn sách nữa. Tớ còn viết được mười lần câu chuyện lão viết. Sẽ đầy máu đổ sẽ có mất mát và cả hi sinh. *Nỗi đau tốt cùng gặp Cái giá của Bình minh*. Cậu sẽ thích nó cho.” Tôi gạt đầu, cố nặn một nụ cười, rồi cậu ấy ôm tôi, hai cánh tay mạnh mẽ kéo tôi vào lồng ngực săn chắc của mình, tôi khóc đầm một khoảng trên chiếc áo polo của cậu ấy nhưng rồi dần trấn tĩnh lại đủ để nói chuyện.

“Tớ đã phung phí Điều ước của cậu vào gã điên đó,” tôi nói vào ngực cậu ấy.

“Không đâu Hazel Grace. Tớ thừa nhận việc cậu đã dùng mất điều ước duy nhất của tớ, nhưng cậu không hề phung phí nó vào lão. Cậu đã dùng nó cho cả hai chúng ta.”

Tôi nghe thấy tiếng giày cao gót chạy theo *lốp cốp* phía đằng sau. Tôi quay người lại. Đó là chị Lidewij, phần đánh mắt của chị chảy xuống đôi gò má trông hơi kinh dị, đang đuổi theo chúng tôi. “Có lẽ chúng ta nên đến thăm Nhà Anne Frank chứ,” chị Lidewij nói.

“Bọn em sẽ không đi đâu với gã quái vật đó nữa đâu,” Augustus nói.

“Ông ấy không được mời,” chị Lidewij đáp.

Augustus vẫn giữ chặt tôi, có vẻ đề phòng, một tay đặt lên bên má tôi. “Tớ không nghĩ –” cậu ấy bắt đầu nói, nhưng tôi cắt ngang.

“Chúng ta nên đi,” tôi vẫn muốn câu trả lời từ Van Houten. Nhưng đó không phải là tất cả những gì tôi muốn. Tôi chỉ còn hai ngày ở Amsterdam với Augustus Waters. Tôi không thể để một lão già đau khổ phá hỏng nó được.

Chị Lidewij lái một chiếc Fiat cà tàng màu xám có động cơ nghe như một bé gái bốn tuổi đang hét lên phấn khích. Chị liên tục rồi rít xin lỗi trong khi chúng tôi vòng vèo qua những dãy phố của Amsterdam. “Chị rất tiếc. Không phải thanh minh đâu. Bệnh ông ấy rất nặng,” chị ấy nói. “Chị đã nghĩ việc gặp các em có thể sẽ giúp được nếu ông ấy nhận ra tác phẩm của mình ảnh hưởng đến những cuộc sống thực như thế nào, nhưng mà...Chị rất xin lỗi. Thật vô cùng vô cùng đáng xấu hổ.” Cả Augustus và tôi đều không nói gì. Tôi ngồi ở ghế sau với cậu ấy. Tôi lén đưa tay vào khoảng trống giữa thành xe và ghế ngồi của cậu ấy, tìm bàn tay cậu mà không thấy. Chị Lidewij nói tiếp, “Chị đã nhận công việc này vì chị tin ông ấy là một thiên tài và lương cũng cao nữa, nhưng ông ấy đã biến thành một con quái vật.”

“Em đoán ông ta rất giàu có nhờ cuốn sách,” một lúc sau tôi nói.

“Ồ, không không, ông ấy thuộc dòng dõi nhà Van Houten,” chị nói. “Vào thế kỷ mười bảy, tổ tiên ông ấy đã khám phá ra cách trộn bột cô cao vào nước. Một số thành viên nhà Van Houten đã di cư đến Mỹ từ lâu, trong đó có Peter, nhưng ông ấy đã quay lại Hà Lan sau khi viết cuốn tiểu thuyết. Ông ấy là nỗi xấu hổ của cả một đại gia tộc.”

Tiếng động cơ rú lên. Chị Lidewij sang số và chúng tôi đi lên chiếc cầu bắc

ngang qua một con kênh. “Đó là do hoàn cảnh,” chị nói. “Hoàn cảnh đã biến ông ấy trở nên vô cùng tàn nhẫn. Ông ấy không phải người xấu xa. Nhưng hôm nay thì, chị đã không nghĩ – khi ông ấy nói những lời thậm tệ như vậy, chị không thể tin nổi. Chị rất xin lỗi. Rất rất xin lỗi.”

Chúng tôi phải đi cách Nhà Anna Frank một dãy nhà, trong khi chị Lidewij đứng xếp hàng mua vé, tôi ngồi tựa lưng vào một thân cây nhỏ, ngắm nhìn tất cả những nhà thuyền đang neo đậu trên con kênh Prinsengracht[101]. Augustus đứng ngay cạnh, lẩn lẩn cái giá đỡ bình ôxy trong những vòng tròn đơn điệu chỉ để nhìn những bánh xe quay. Tôi muốn cậu ấy ngồi xuống cạnh tôi nhưng biết như thế thì rất khó khăn cho cậu ấy và lại càng vất vả hơn khi đứng dậy. “Cậu sao không?” cậu ấy cúi xuống hỏi. Tôi nhún vai và với tay nắm lấy bắp chân cậu ấy. Đó là bắp chân giả nhưng tôi vẫn níu lấy nó. Cậu ấy nhìn xuống tôi.

“Tớ muốn...” tôi nói.

“Tớ biết,” cậu ấy nói. “Tớ biết. Rõ ràng thế giới này không phải một nhà máy ban tặng điều ước.” Tôi khẽ cười.

Chị Lidewij quay lại với những tấm vé, nhưng môi chị mím lại vẻ lo lắng. “Bên trong không có thang máy,” chị ấy nói. “Chị rất rất xin lỗi.”

“Không sao mà chị,” tôi nói.

“Không đâu, có rất nhiều bậc thang,” chị nói. “Toàn bậc rất dốc.”

“Không sao thật mà,” tôi nhắc lại. Augustus định nói gì đó nhưng tôi ngăn lại. “Ồn mà. Tớ làm được.”

Chúng tôi bắt đầu với một phòng chiếu phim về những người Do Thái ở Hà Lan, về cuộc xâm lược của quân Đức Quốc xã và về gia đình Frank. Sau đó chúng tôi đi bộ lên tầng trên đến một căn nhà ở bờ kênh nơi Otto Frank[102]

từng làm việc. Cả tôi và Augustus đều leo cầu thang rất chậm, nhưng tôi vẫn thấy mình đủ sức. Ngay sau đó tôi thấy chiếc tủ sách nổi tiếng đã che dấu cho cả Anne Frank, gia đình em cùng bốn người khác. Chiếc tủ sách để mở một nửa, đằng sau nó là một cầu thang rất dốc, chỉ rộng đủ chỗ cho một người đi. Có rất nhiều khách du lịch xung quanh chúng tôi, tôi cũng không muốn làm chậm cả đoàn lại nhưng chị Lidewij nói, “Xin mọi người hãy kiên nhẫn, làm ơn,” rồi tôi bắt đầu bước lên trước, chị Lidewij đỡ chiếc giá đằng sau, sau cùng là Gus.

Có mười bốn bậc thang. Tôi cứ nghĩ mãi về những người ở đằng sau – chủ yếu là những người lớn nói đủ mọi thứ tiếng khác nhau – rồi cảm thấy xấu hổ sao đấy, cảm giác như có một bóng ma vừa vỗ về vừa ám ảnh, nhưng cuối cùng tôi cũng làm được, rồi tôi ở trong một căn phòng trống trải kỳ lạ, dựa lưng vào tường, bộ não đang nói với hai lá phổi rằng *ổn rồi mà ổn rồi mà bình tĩnh đi ổn rồi mà* còn hai lá phổi lại nói với bộ não rằng *ôi, Chúa ơi, chúng ta chết ở đây mất thôi*. Tôi thậm chí còn chẳng thấy Augustus lên cầu thang cho đến khi cậu ấy bước đến, lau trán của mình bằng mu bàn tay như thể *phều* và nói, “Cậu là nhà vô địch.”

Sau một vài phút dựa vào tường, tôi bước vào thăm phòng kế tiếp, phòng chung của Anne và bác sĩ nha khoa Fritz Pfeffer. Nó rất nhỏ và chẳng có đồ vật nào bên trong. Bạn sẽ không biết có người từng sống ở đây nếu không có những bức ảnh từ tạp chí và báo mà Anne đã dán lên tường vẫn còn ở đó.

Thêm một cầu thang khác dẫn lên căn phòng gia đình van Pels từng sống, cầu thang này còn dốc hơn cái trước và kéo dài mười tám bậc, thực chất như một cái thang. Tôi đứng ở dưới nhìn lên và nghĩ chắc là mình sẽ không làm được đâu, nhưng cũng biết con đường duy nhất để đi qua là trèo lên đó.

“Mình quay lại thôi,” Augustus nói.

“Tớ không sao mà,” tôi đáp khê khàng. Thật ngu ngốc nhưng tôi cứ nghĩ rằng tôi *nợ* em ấy điều đó – nợ Anne Frank – bởi em ấy đã mất còn tôi thì chưa, bởi em ấy đã sống cuộc sống thầm lặng và tách biệt với cuộc sống bên ngoài và làm mọi điều đúng đắn nhưng cuối cùng vẫn chết, vì thế tôi nên bước tiếp lên những bậc thang và ngắm nhìn phần còn lại của thế giới em ấy đã từng sống trước khi bọn Gestapo[103] tới.

Tôi bắt đầu leo lên cầu thang, dò dẫm từng bước như một đứa trẻ, lúc đầu chậm chạp để giữ được nhịp thở, sau đó nhanh hơn vì tôi biết đằng nào tôi cũng không thể thể thở được và tôi muốn leo tới đích trước khi cạn kiệt sức lực. Bóng tối bao phủ toàn bộ tầm nhìn của tôi khi tôi nhấc mình lên, những mười tám bậc, dốc điên người. Cuối cùng tôi cũng trèo lên tới đỉnh cầu thang, hoa hết mắt và buồn nôn, những thớ cơ ở cả chân và tay đều kêu gào đòi ôxy. Tôi ngồi thụp xuống dựa vào một bức tường, hỗn hển thở hắt ra. Có một chiếc hộp bằng kính được bắt vào tường ngay phía trên, tôi ngược lên trần nhà xuyên qua nó và cố để không bị ngất đi.

Chị Lidewij cúi xuống cạnh tôi, “Em lên đến nơi rồi, em làm được rồi,” và tôi gật đầu. Tôi có một cảm giác mơ hồ rằng những vị khách xung quanh đang liếc xuống tôi lo lắng; rằng chị Lidewij đang thì thầm bằng một ngôn ngữ rồi một ngôn ngữ khác lại thêm một ngôn ngữ khác nữa từ những vị khách; rằng Augustus đang đứng trên tôi, đặt tay lên đầu tôi và vuốt ve mái tóc.

Một lúc lâu sau, chị Lidewij và Augustus đỡ tôi đứng dậy, giờ tôi mới thấy thứ được bảo vệ trong cái hộp kính: những dấu bút chì gạch trên một tờ giấy dán tường đo chiều cao của tất cả những đứa trẻ trong khoảng thời gian chúng sống trong gian nhà đó, từng inch^[104] từng inch một cho đến khi chúng không thể cao thêm được nữa.

Từ căn phòng đó, chúng tôi rời khỏi khu vực sinh sống của nhà Frank, nhưng vẫn trong bảo tàng: Một hành lang dài và hẹp trưng bày những tấm ảnh của tám thành viên trong gian nhà phụ và miêu tả họ đã hi sinh ra sao, ở đâu và nơi nào.

“Thành viên duy nhất của cả gia đình sống sót sau cuộc chiến,” chị Lidewij nói với chúng tôi, ý chỉ bố của Anne, ông Otto. Giọng chị khẽ khàng như thể chúng tôi đang ở trong nhà thờ.

“Thực ra ông ấy không sống sót sau cuộc chiến tranh,” Augustus nói. “Ông ấy đã sống sót sau một cuộc diệt chủng.”

“Đúng thế,” chị Lidewij nói. “Chị không biết làm sao người ta có thể tiếp tục sống mà không còn gia đình bên cạnh. Chị thực sự không biết.” Trong khi đọc về bảy thành viên đã chết, tôi nghĩ về việc ông Otto đã không còn là một người cha thêm nữa, bị bỏ lại với cuốn nhật ký thay vì vợ và hai cô con gái. Ở phía cuối dãy hành lang là một cuốn sách khổng lồ, lớn hơn cả một quyển từ điển, chứa đựng tên của 103.000 người đến từ Hà Lan đã chết trong cuộc diệt chủng Holocaust. (Chỉ 5.000 người Hà Lan gốc Do Thái bị trục xuất, theo như một tấm biển trên tường, là còn sống sót. Chỉ 5.000 ông Otto Frank.) Cuốn sách được giở đến trang có tên Anne Frank, nhưng điều tôi khiến tôi chú ý là ngay dưới tên em có những bốn cái tên Aron Franks. *Bốn*. Bốn Aron Franks không có nhà tưởng niệm, không dấu tích lịch sử, không người tưởng nhớ đến. Tôi tự nhủ mình sẽ nhớ và cầu nguyện cho bốn Aron Frank chừng nào tôi còn được sống. (Có thể có một số người cần tin vào một Đức Chúa toàn năng và hiện hữu để cầu nguyện, nhưng tôi thì không.)

Khi chúng tôi đến cuối căn phòng, Gus dừng lại và hỏi, “Cậu ổn chứ?” Tôi gật đầu.

Cậu ấy chỉ về phía bức ảnh của Anne. “Đáng buồn nhất là em ấy đã suýt được sống, cậu biết không? Em ấy đã chết chỉ vài tuần trước ngày giải phóng.”

Chị Lidewij qua chỗ khác xem một đoạn băng ghi hình, tôi nắm lấy tay Augustus trong khi chúng tôi bước vào căn phòng kế tiếp. Đó là một căn phòng hình chữ A với những lá thư Otto Frank đã gửi đi trong những tháng ròng rã kiếm tìm hai cô con gái. Một đoạn băng ghi hình Otto Frank đang phát trên bức tường ở giữa căn phòng. Ông ấy nói bằng tiếng Anh.

“Chẳng biết có tên Đức Quốc xã nào còn sống để tởn sấn lòng và đem lại công lý không?” Augustus hỏi trong khi chúng tôi cúi người qua khung kính đọc những lá thư của ông Otto cùng những thư trả lời rằng không, không ai từng gặp những đứa con của ông sau ngày giải phóng.

“Tớ nghĩ họ đã chết cả rồi. Nhưng không phải chỉ bọn Đức Quốc xã mới có quyền gây ra tội ác.”

“Đúng thế,” cậu đáp. “Đó là việc chúng ta nên làm, Hazel Grace: Chúng ta nên tập hợp thành bộ đôi chiến binh khuyết tật lên tiếng cho cả thế giới này, sửa chữa những điều sai trái, che chở những người yếu thế, bảo vệ những ai gặp hiểm nguy.”

Cho dù đó là ước muốn của cậu ấy chứ không phải của tôi, tôi vẫn hòa theo nó. Cậu ấy cũng thích thú với tôi, xét cho cùng. “Lòng dũng cảm sẽ là vũ khí bí mật của chúng ta,” tôi nói.

“Câu chuyện về những chiến tích của chúng ta sẽ mãi lưu truyền chừng nào con người còn cất được tiếng nói,” cậu ấy nói.

“Kể cả dù sau đó, khi bọn người máy nhắc lại về sự ngớ ngẩn của con người về đức hi sinh và lòng trắc ẩn, chúng vẫn nhớ về chúng ta.”

“Bọn nó sẽ cười bằng kiểu cười của người máy vào sự ngu ngốc dũng cảm của mình,” cậu nói. “Nhưng sâu thẳm trong trái tim người máy bằng sắt của chúng, chúng sẽ mong mỗi được sống và hi sinh như chúng ta: trên sứ mệnh của những anh hùng.”

“Augustus Waters,” tôi nhìn cậu ấy, nghĩ rằng mình không thể hôn ai trong Nhà Anne Frank được, nhưng rồi lại nghĩ chính Anne Frank, nói cho cùng, cũng đã hôn ai đó trong Ngôi nhà của Anne Frank này, có thể em ấy cũng chẳng thích gì hơn việc ngôi nhà của mình được biến thành nơi cho những đứa trẻ bị tổn thương chẳng thể chữa lành đắm chìm vào tình yêu.

“Tôi phải nói rằng,” Otto Frank nói trong đoạn băng hình bằng chất giọng Anh của mình, “tôi đã rất ngạc nhiên trước những suy nghĩ sâu sắc của cháu Anne.”

Rồi chúng tôi trao nụ hôn. Tôi buông chiếc giá đỡ bình ôxy ra và lần tay lên cổ cậu ấy, rồi cậu ấy đỡ lấy eo nâng tôi lên nhún mình đứng trên đầu những ngón chân. Tôi bắt đầu cảm thấy khó thở theo một cách mới mẻ và đầy phấn khích khi đôi môi khép hờ của cậu chạm vào môi tôi. Khoảng không gian quanh chúng tôi như tan biến, trong một khoảnh khắc kỳ lạ tôi thực sự thấy thích cơ thể mình; cái thân xác hao mòn vì ung thư mà tôi phải lê la khắp nơi

nhiều năm qua bỗng nhiên thật xứng đáng với cuộc đấu tranh, xứng đáng với những ống thở ở ngực, với những ống PICC và với sự phản bội cơ thể không ngừng của những khối u.

“Như là một Anne khác hẳn với đứa con gái tôi biết. Con bé thực sự chưa bao giờ bày tỏ những cảm xúc sâu kín thế này,” giọng ông Otto Frank tiếp tục.

Nụ hôn kéo dài mãi mãi trong lúc ông Otto Frank vẫn đang nói phía sau lưng tôi. “Tôi muốn nói là,” ông nói, “cho dù tôi và Anne có mối quan hệ rất tốt, các bậc cha mẹ thường không thực sự thấu hiểu con cái của chính mình.”

Tôi nhận ra đôi mắt mình đang nhắm và mở mắt ra. Augustus đang nhìn tôi đắm đuối, đôi mắt xanh của cậu ấy gần tôi hơn bao giờ hết, và đằng sau cậu, một đám đông đứng thành gần ba vòng tròn xung quanh chúng tôi. Họ đang tức giận, tôi nghĩ thế. Thật kinh khủng. Những đứa trẻ kia, với những hormon của chúng nó, đứng ôm ấp nhau dưới một băng hình đang phát giọng nói vờ ghen của một người đã từng là cha.

Tôi buông Augustus ra, cậu ấy hôn nhẹ vào trán tôi trong khi tôi chăm chăm nhìn đôi Chuck Taylors của mình. Và rồi họ bắt đầu vỗ tay. Tất cả mọi người, tất cả những người lớn đứng đó, đều bắt đầu vỗ tay, một người còn hét lên “Hoan hô!” trong chất giọng Âu. Augustus mỉm cười, cúi đầu chào. Cũng cười, tôi khẽ nhún mình chào, nhận thêm một tràng pháo tay đón mừng khác.

Chúng tôi đi xuống, nhường cho tất cả những người lớn đi trước, và ngay trước khi chúng tôi đến quán cà phê (nơi may mắn làm sao có một thang máy đưa chúng tôi trở lại mặt đất và cửa hàng lưu niệm), chúng tôi đọc được một vài trang từ nhật ký của Anne, cả một quyển ghi lại những câu danh ngôn chưa được xuất bản của cô bé. Quyển danh ngôn vô tình mở đến trang có một câu thơ của Shakespeare. *Nào ai đủ mạnh mẽ để vượt qua cám dỗ?*^[105] cô bé viết.

Chị Lidewij đưa chúng tôi về khách sạn Filosoof. Bên ngoài khách sạn trời

đang lất phất mưa, Augustus và tôi đứng trên những viên gạch ở lối đi đang dần dần thấm ướt.

Augustus: “Cậu nên nghỉ một chút.”

Tôi: “Tớ ổn mà.”

Augustus: “Được rồi.” Ngập ngừng một lúc. “Cậu đang nghĩ gì đấy?”

Tôi: “Cậu.”

Augustus: “Tớ làm sao?”

Tôi: ““Tôi chẳng biết mình thích gì hơn, / Vẻ đẹp của những từ biến tố / Hay vẻ đẹp của những lời ngụ chỉ, / Khi con chim hoét hót / Hoặc mới dứt lời.””[\[106\]](#)

Augustus: “Chúa ơi, cậu thật quyến rũ.”

Tôi: “Mình có thể vào phòng cậu.”

Augustus: “Tớ từng nghe những ý tưởng tệ hơn.”

Chúng tôi cùng chen vào cái thang máy bé tí. Tất cả mọi mặt, kể cả tấm sàn, đều được lát gương. Chúng tôi phải tự kéo cửa để nhốt mình vào trong, rồi cái thứ cũ kỹ đó chậm chậm cọt kẹt kéo lên tầng hai. Tôi rất mệt, người đầy mồ hôi, lo lắng rằng nói chung nhìn tôi rất kinh và đầy mùi nữa, nhưng kể cả thế tôi vẫn cứ hôn cậu ấy trong cái thang máy đó, rồi cậu ấy buông tôi ra, chỉ vào tấm gương và bảo, “Nhìn kìa, vô số Hazel.”

“Có những tập vô hạn này lớn hơn những tập vô hạn khác,” tôi lè nhè, bắt

chước Van Houten.

“Thằng hề khốn nạn,” Augustus nói, mất chừng ấy thời gian và cả một lúc sau nữa thang máy mới đưa chúng tôi lên đến tầng hai. Cuối cùng cái thang máy trông tránh rồi dừng lại, cậu ấy đẩy cái cửa kính ra. Khi cửa mới mở được một nửa, cậu gập người lại đau đớn và buông tay khỏi cái cửa trong một tích tắc.

“Cậu ổn chứ?” Tôi hỏi.

Một lúc sau cậu đáp, “Ừ, ừ, chắc cái cửa nặng quá.” Cậu ấy đẩy lần nữa và lần này nó mở ra. Cậu ấy để tôi ra trước, tất nhiên là thế, nhưng vì tôi chẳng biết đi theo hướng nào xuống hành lang nên tôi cứ đứng đó ngoài cái thang máy, cậu ấy cũng đứng nguyên đó, khuôn mặt nhăn nhó, tôi hỏi lại lần nữa, “Cậu ổn thật không?”

“Hơi đuối thôi, Hazel Grace. Mọi thứ đều ổn.”

Chúng tôi cứ đứng như thế trong hành lang, cậu ấy chẳng chỉ cho tôi đường nào về phòng hay gì cả còn tôi thì chẳng biết nó ở đâu, và trong khi tình thế khó xử này tiếp tục, tôi bị thuyết phục rằng cậu ấy đang tìm cách để không phải làm chuyện đó với tôi, rằng nhẽ ra tôi không nên gợi ý như vậy, rằng chuyện đó chẳng giống một đứa con gái tí nào nên mới có một Augustus đang sợ hãi đứng ở kia nhìn tôi không chớp mắt, cố gắng tìm đường tự mình tẩu thoát một cách tế nhị. Và rồi, sau một lúc lâu, cậu ấy nói, “Nó ở ngay trên đầu gối một chút và nó hơi thôn nhon và chỉ còn da thôi. Có một vết sẹo xấu xí nhưng nó chỉ giống như – “

“Cái gì đấy?” tôi hỏi.

“Chân của tớ,” cậu ấy nói. “Để cậu chuẩn bị sẵn, ý tớ là, nếu nhờ đâu cậu có nhìn thấy nó hay làm sao –”

“À, có gì đâu,” tôi nói, rồi bước hai bước lại gần cậu ấy. Tôi hôn cậu ấy, cuồng nhiệt, ép chặt cậu ấy vào tường, cứ tiếp tục hôn như vậy trong khi cậu

ấy mò mẫm tìm chìa khóa phòng.

Chúng tôi ngã ra giường, sự tự do của tôi bị bó hẹp bởi cái bình ôxy, nhưng dù thế tôi vẫn cố gắng trèo lên người cậu ấy, cởi áo cậu ấy ra rồi nếm vị mồ hôi trên làn da ngay phía dưới xương đòn trong khi thì thầm vào ngực cậu ấy, “Em yêu anh, Augustus Waters,” cơ thể cậu ấy thả lỏng bên dưới tôi khi cậu ấy nghe câu đó. Cậu ấy lần tay xuống định cởi áo tôi ra nhưng nó mắc vào ống dẫn khí. Tôi bật cười.

“Làm sao ngày nào em cũng xoay sở được thế?” anh hỏi trong khi tôi gỡ chiếc áo ra khỏi đồng dây rợ. Ngốc thật, tôi nhận ra cái quần chíp màu hồng của mình chẳng hợp với cái áo ngực màu tím chút nào, như thể bọn con trai sẽ để ý cả những chuyện như thế. Tôi chui người dưới tấm chăn rồi lấy chân tuột quần và tắt mình ra rồi nhìn cái chăn bông phập phồng vì bên dưới Augustus đang lần lượt cởi quần rồi tháo cái chân giả của anh ra.

Chúng tôi nằm ngửa sát bên nhau trên chiếc giường, mọi thứ được che bởi tấm chăn, một lúc sau tôi với qua đặt tay lên bắp đùi anh rồi lần xuống đoạn chân bị cắt, lớp da có những vết sẹo dày. Tôi ôm nó một chốc. Anh giật mình. “Có đau không?” tôi hỏi.

“Không,” anh trả lời.

Anh lặn người qua và hôn tôi. “Anh đáng yêu quá,” tôi nói, bàn tay vẫn để dưới chân anh.

“Anh bắt đầu nghĩ em bị thích thú với những người cụt chân,” anh đáp, vẫn tiếp tục hôn tôi. Tôi bật cười.

“Em bị thích thú với Augustus Waters,” tôi giải thích.

Mọi chuyện đều trái ngược hoàn toàn với những gì tôi đã tưởng tượng: chậm rãi và thông thả và êm lặng, không đặc biệt đau đớn cũng chẳng gây ngứa vô cùng. Có rất nhiều vấn đề liên quan tới bao cao su khiến tôi không có được một cảm nhận rõ ràng. Không ván giường bị gãy. Không la hét gì cả. Thành thực mà nói, nó giống như quãng thời gian lâu nhất chúng tôi dành bên nhau mà không nói chuyện.

Chỉ có đúng một thứ diễn ra như tôi nghĩ: Sau đó, khi tôi đang áp mặt vào ngực Augustus, lắng nghe nhịp đập của trái tim anh, Augustus nói, “Hazel Grace. Theo đúng nghĩa đen là anh không mở nổi mắt ra nữa.”

“Lạm dụng từ theo đúng nghĩa đen quá rồi,” tôi nói.

“Không,” anh nói. “Rất. Mệt.”

Anh quay mặt đi, tai tôi áp vào ngực anh, lắng nghe hai lá phổi của anh nhịp nhàng chìm vào giấc ngủ. Một lúc sau tôi ngồi dậy, mặc quần áo, tìm giấy bút của khách sạn Filosoof, viết cho anh một lá thư tình:

Augustus yêu dấu,



CÓN ZIN



← những anh chàng 17 tuổi một chân

yêu,
Hazel Grace

CHƯƠNG MƯỜI BA

Buổi sáng hôm sau, ngày trọn vẹn cuối cùng của chúng tôi ở Amsterdam, Mẹ và Augustus và tôi đi bộ qua nửa dãy nhà trên đường từ khách sạn đến công viên Vondelpark, nơi chúng tôi tìm thấy một quán cà phê ngay dưới bóng của Viện bảo tàng phim quốc gia Hà Lan. Nhâm nhi tách cà phê sữa[107] – thứ người Hà Lan, như anh phục vụ giải thích, gọi là “cà phê không chuẩn” vì nó có nhiều sữa hơn là cà phê – chúng tôi ngồi trong bóng hoa râm của một cây hạt dẻ khổng lồ và kể lại cho mẹ chi tiết cuộc chạm trán với Peter Van Houten vĩ đại. Chúng tôi khiến câu chuyện trở nên hài hước. Ta có một sự lựa chọn trên thế giới này, tôi tin là thế, về chuyện kể lại những câu chuyện buồn ra sao, và chúng tôi chọn cách hài hước: Augustus, ngồi sụp mình trong chiếc ghế của quán cà phê, đóng vai lão Van Houten nhúu lưỡi, giọng lè nhè chẳng bao giờ chịu nhắc mình khỏi chiếc ghế; còn tôi đứng diễn tả lại mình đang nạt nộ quát tháo, “Đứng dậy mau, lão già xấu òm béo ị!”

“Em bảo ông ấy xấu òm thế à?” Augustus hỏi.

“Cứ cho là thế đi,” tôi bảo anh.

“Ta hông xấu òm. Cô mới xấu òm, cô gái mũi ống ọ.”

“Ông là một kẻ nhát gan!” tôi hét âm ỉ, và Augustus phá hỏng cả vai diễn để bật cười. Tôi ngồi xuống. Chúng tôi kể cho Mẹ nghe về Nhà Anne Frank, ngoại trừ vụ hôn hít.

“Các con có quay lại nhà Van Houten sau đó không?” Mẹ hỏi.

Augustus còn chẳng đợi đến khi tôi kịp đỏ mặt. “Dạ không, chúng cháu chỉ la cà ở một quán cà phê. Hazel còn chọc cháu bằng mấy cái biểu đồ Venn[108] rất buồn cười.” Anh liếc sang nhìn tôi. Chúa ơi, anh đáng yêu quá.

“Nghe thú vị nhỉ,” bà nói. “Nghe này, bác sẽ đi dạo một lát. Cho hai cháu chút thời gian nói chuyện,” bà nói với Gus, giọng có đôi chút nóng vội. “Rồi sau đó chúng ta có thể đi chơi một vòng bằng thuyền trên kênh nhé.”

“Ừm, được ạ?” tôi nói. Mẹ kẹp một tờ năm euro^[109] dưới cái đĩa đựng tách rồi hôn lên trán tôi, thì thầm, “Mẹ yêu yêu yêu con,” có nhiều hơn hai cái yêu so với bình thường.

Gus chỉ bóng những tán cây hòa lẫn rồi tách rời nhau dưới nền bê tông. “Đẹp thật đấy, nhỉ?”

“Ừ,” tôi nói.

“Thật là một hình ảnh ẩn dụ đẹp đẽ,” anh lẩm bẩm.

“Giờ nữa à?” tôi hỏi.

“Hình ảnh âm bản của các thứ bị thổi lẫn vào nhau rồi lại tách rời,” anh nói. Đứng trước tôi, hàng trăm lượt người qua lại, chạy bộ, đạp xe và trượt ván. Amsterdam là thành phố được thiết kế cho các phong trào và hoạt động, một thành phố mà tốt hơn là không nên di chuyển bằng ô tô, và hiển nhiên là tôi thấy mình tách biệt khỏi đó. Nhưng Chúa ơi, nó đẹp vô cùng, những nhánh kênh lạch tạo nên một đường xung quanh những tán cây cổ thụ, một con chim diệc đang đứng ngay đầu mép nước, tìm kiếm bữa sáng cho mình giữa hàng triệu cánh hoa du li ti nổi bồng bênh trên mặt nước.

Nhưng Augustus không hề để ý. Anh vẫn đang bận bịu ngắm những bóng cây rung rinh. Cuối cùng anh cất tiếng, “Anh có thể ngắm nhìn nó cả ngày, nhưng mình nên quay về khách sạn.”

“Chúng mình có đủ thời gian không?” tôi hỏi.

Anh cười buồn bã. “Giá mà thế,” anh nói.

“Sao thế?” Tôi hỏi.

Anh chỉ gật đầu về phía hướng khách sạn.

Chúng tôi bước đi trong im lặng, Augustus đi tôi nửa bước. Tôi quá lo sợ để nghĩ tại sao tôi lại thấy lo sợ thế này.

Có một thứ gọi là Tháp Nhu cầu của Maslow. Đại loại là ông Abraham Maslow^[110] này nổi tiếng vì cái lý thuyết của ông ấy cho rằng có những nhu cầu nhất định cần được đáp ứng trước khi con người có thể có thêm những nhu cầu khác. Nó trông thế này:



THÁP NHU CẦU CỦA MASLOW

Một khi nhu cầu về thức ăn và nước uống được đáp ứng đầy đủ, bạn sẽ tiến đến bậc nhu cầu tiếp theo, nhu cầu an toàn, rồi cứ thế tiếp nữa tiếp nữa, nhưng điều quan trọng là, theo Maslow, chừng nào những nhu cầu thuộc về thể lý còn chưa được thỏa mãn, bạn thậm chí còn không thể *quan tâm* đến nhu cầu được an toàn hay các nhu cầu xã hội chứ chưa nói đến “tự thể hiện bản thân,” bậc mà bạn bắt đầu, kiểu như sáng tạo nghệ thuật và suy nghĩ về các vấn đề

đạo đức và vật lý lượng tử cùng các thứ khác.

Cũng theo Maslow, tôi bị mắc kẹt ở tầng thứ hai của cái tháp, không thể nào cảm thấy an toàn về sức khỏe của bản thân và do đó không thể đạt tới tình yêu và lòng quý trọng hay nghệ thuật cái gì nữa, mà tất nhiên điều đó thật ngớ ngẩn không tả hết: Thôi thúc được sáng tác nghệ thuật hay suy tư về triết học không hề mất đi khi ta đau ốm. Những thôi thúc này chỉ bị biến dạng bởi bệnh tật mà thôi.

Tháp Maslow có vẻ ngụ ý rằng tôi không giống con người như những người khác, và đa số có vẻ đồng tình với ông ta. Nhưng Augustus thì không. Tôi luôn nghĩ anh có thể yêu tôi bởi anh cũng từng mắc bệnh. Nhưng giờ tôi mới nhận ra có thể anh vẫn còn đang.

Chúng tôi vào phòng tôi, Kierkegaard. Tôi ngồi xuống chiếc giường mong đợi anh sẽ ngồi xuống cùng tôi, nhưng anh đã yên vị trong chiếc ghế hoa bụi bặm. Cái ghế đó. Nó bao lâu rồi nhỉ? Năm mươi năm chẳng?

Tôi cảm giác yết hầu mình cứng đờ lại trong khi nhìn anh rút một điều thuốc từ trong túi ra và ngậm lên miệng. Anh ngả người ra thở dài. “Ngay trước hôm em phải vào ICU, anh đã bắt đầu thấy đau ở hông.”

“Ôi không,” tôi thốt lên. Nỗi sợ kéo đến, cuốn chìm lấy tôi.

Anh gật đầu. “Thế nên anh đã đi chụp PET.” Anh ngừng nói, giật điều thuốc trong miệng mình ra và nghiền chặt răng.

Phần lớn cuộc đời tôi được dành cho việc cố gắng không bật khóc trước mặt những người thương yêu tôi, vậy nên tôi hiểu Augustus đang cố gắng làm điều gì. Bạn cắn chặt răng. Bạn ngược nhìn lên. Bạn tự nhủ mình nếu họ thấy bạn khóc, nó sẽ thật đau đớn, và bạn sẽ chẳng là gì cả ngoại trừ Một Nỗi Đau trong cuộc đời của họ, và bạn không thể chỉ trở thành một nỗi đau được, thế nên bạn không khóc, và bạn tự nhủ tất cả những điều này trong khi nhìn lên

cái trần nhà, và rồi bạn nuốt trôi tất cả mọi thứ cho dù cổ họng bạn không hề muốn khép lại rồi bạn ngăm nhìn những người thương yêu mình và mỉm cười.

Anh nhoen nụ cười nửa miệng của mình rồi nói, “Anh bừng sáng như một cây thông Giáng sinh, Hazel Grace. Ánh sáng của lồng ngực của anh, hông trái của anh, lá gan của anh, ở khắp mọi nơi.”

Ở khắp mọi nơi. Cái từ đó đọng lại trong bầu không khí một lúc lâu. Cả hai chúng tôi đều biết nó nghĩa là gì. Tôi ngồi dậy, lết mình cùng cái giá bình ôxy ngang qua chiếc thảm có lẽ còn cũ hơn cả số tuổi Augustus có thể già đi, quỳ xuống trước chân ghế và dịu đầu vào lòng anh, vòng tay ôm lấy eo anh.

Anh xoa xoa mái tóc tôi. “Anh thật sự xin lỗi,” anh nói.

“Anh xin lỗi vì đã không nói cho em biết,” anh giữ giọng bình tĩnh. “Chắc mẹ em cũng biết. Cái cách bác nhìn anh. Chắc là mẹ anh đã kể với bác hay sao đấy. Đáng nhẽ anh nên nói cho em biết. Nó thật ngu ngốc. Thật ích kỷ.”

Tôi biết tại sao anh lại chẳng nói gì cả, hẳn là thế: cũng cùng lý do tôi không muốn anh nhìn thấy tôi cái lần trong ICU. Tôi không muốn nổi điên với anh dù chỉ trong một giây phút, và giờ chỉ khi tôi đang yêu một quả bom tôi mới hiểu được sự ngốc nghếch của việc cố gắng cứu người khác khỏi những mảnh vỡ sắp tan tác của chính mình: Tôi không thể ngừng yêu Augustus Waters. Và tôi cũng không muốn thế.

“Thật bất công,” tôi nói. “Thật chẳng công bằng tí quái nào.”

“Thế giới này,” anh nói, “không phải một nhà máy ban tặng điều ước,” sau đó vỡ òa, chỉ trong một giây lát, tiếng thốn thức của anh bật lên bất lực như một tiếng sấm mà chẳng có ánh sét nào, sự tàn bạo kinh khủng mà những kẻ không chuyên trong môn học về nỗi đau có thể hiểu lầm sang sự yếu đuối. Rồi anh kéo tôi vào lòng, mặt anh cách mặt tôi chỉ vài phân, khăng khăng, “anh sẽ chiến đấu. Anh sẽ chiến đấu vì em. Em đừng lo lắng về anh nhé, Hazel Grace. Anh vẫn ổn. Anh sẽ tìm cách lớn vồn quấy rầy em mãi thôi.”

Tôi bật khóc. Dầu thế anh vẫn rất mạnh mẽ, ôm chặt tôi đến mức tôi có thể thấy những cơ bắp săn chắc của cánh tay anh bao bọc lấy tôi trong khi anh nói, “Anh xin lỗi. Em sẽ ổn thôi. Mọi chuyện sẽ ổn thôi. Anh hứa,” rồi nở nụ cười nửa miệng của mình.

Anh hôn lên trán tôi, tôi cảm thấy bộ ngực căng tràn của anh hơi chùng xuống. “Anh nghĩ nói cho cùng anh đúng là có một *cố tật*.”

Một lúc sau, tôi kéo anh ra giường và chúng tôi nằm bên nhau trong khi anh kể cho tôi nghe họ đã bắt đầu chạy hóa trị để giảm đau, nhưng anh đã mặc kệ nó để đến Amsterdam dù cho bố mẹ anh giận dữ vô cùng. Họ đã cố ngăn anh lại đến tận cái buổi sáng hôm tôi nghe thấy anh gào lên cơ thể của anh thuộc về chính anh. “Mình có thể sắp xếp sau mà,” tôi nói.

“Không đâu, mình không thể,” anh trả lời. “Dù sao nó cũng vô ích thôi. Anh đã bảo em nó sẽ vô ích thôi mà, nhớ không?”

Tôi gật đầu. “Thật nhảm nhí, tất cả mọi chuyện này,” tôi nói.

“Họ sẽ thử mấy biện pháp khác khi anh về. Họ lúc nào cũng đầy ý tưởng mới.”

“Ừ,” tôi đáp, bản thân tôi cũng đã là cái gối găm kim đầy kinh nghiệm rồi.

“Như kiểu anh lừa em tin là em đang yêu một người khỏe mạnh ấy nhỉ,” anh nói.

Tôi nhún vai. “Em cũng làm thế với anh mà.”

“Không, em có làm vậy đâu, chẳng ai có thể tuyệt vời như em cả.” Anh hôn tôi, rồi nhắm mắt lại.

“Có đau không?” tôi hỏi.

“Không. Chỉ là.” Anh ngược lên nhìn trần nhà một lúc lâu rồi mới nói, “anh thích thế giới này. Anh thích uống sâm panh. Anh thích không hút thuốc. Anh thích cái giọng người Hà Lan nói tiếng Hà Lan. Và giờ thì...anh còn không có một trận chiến. Anh còn không có một cuộc chiến.”

“Anh có một cuộc chiến chống ung thư,” tôi nói. “Đó là cuộc chiến của anh, anh sẽ tiếp tục chiến đấu,” tôi bảo với anh. Tôi ghét khi mọi người động viên tôi chuẩn bị tinh thần cho cuộc chiến, nhưng dù sao tôi cũng đã làm thế với anh. “Anh sẽ...anh sẽ...sống tốt nhất cho ngày hôm nay. Cuộc chiến giờ là của anh.” Tôi tự khinh trách mình vì thứ cảm xúc ủy mị này, nhưng tôi còn làm được gì khác đâu?

“Cuộc chiến,” anh nói nhẹ nhàng. “Anh chiến đấu với cái gì? Bệnh ung thư của anh. Thế bệnh ung thư của anh là gì? Bệnh ung thư của anh là chính anh. Những khối u sinh ra từ anh. Chúng là của anh giống hệt như khối óc hay trái tim anh là của anh. Đây là một cuộc nội chiến, Hazel Grace, với bên thắng cuộc đã được định trước.”

“Gus,” tôi không thể nói gì được nữa. Anh thừa thông minh để hiểu những lời anh ủi tôi có thể nghe ra.

“Không sao mà,” anh nói. Thực sự đâu phải thế. Một lúc sau anh nói tiếp, “Nếu em có thể đến bảo tàng Rijkmuseum, anh cũng thực sự muốn đến – nhưng mà mình đang đùa ai chắc, cả em và anh đều chẳng đủ sức đi qua một cái bảo tàng. Dẫu sao anh cũng đã xem qua bộ sưu tập trên mạng trước khi chúng ta đến đây. Nếu em có đến, anh rất hi vọng một ngày em sẽ đến, em sẽ được nhìn thấy rất nhiều bức vẽ những người đã chết. Em sẽ thấy chúa Giê-su trên cây thánh giá, thấy một người bị dao đâm vào cổ, thấy người ta chết trong biển khơi, trong những cuộc chiến tranh và một cuộc diễu hành của những kẻ tử đạo. Nhưng Không. Có. Một. Đứa. Trẻ. Ung. Thư. Nào. Không có ai bị bệnh dịch hay đậu mùa hay sốt vàng da hay bất cứ bệnh gì, vì chẳng có chút vinh quang nào trong bệnh tật cả. Chẳng có chút ý nghĩa gì trong nó. Chẳng có chút vinh dự nào nếu chết vì.”

Abraham Maslow, tôi giới thiệu với ngài Augustus Waters đây, người đặt những thách thức về ý nghĩa sinh tồn lên trên cả những giá trị ăn sung mặc sướng, được yêu thương và cả sức khỏe. Trong khi phần lớn các anh chàng khác tiếp tục cuộc sống hưởng thụ nhạt nhẽo vô nghĩa, Augustus Waters đây đã khám phá bộ sưu tập của bảo tàng Rijkmuseum từ xa.

“Gì đây?” Một lúc sau Augustus hỏi.

“Không có gì,” tôi đáp. “Em chỉ...” tôi không thể nói hết câu, tôi không biết nói thế nào. “Em rất, rất thích anh.”

Anh lại nở nụ cười với nửa khoe miệng, mũi anh chỉ cách tôi một đoạn. “Cảm xúc luôn đan xen. Anh không nghĩ em có thể quên được chuyện đó và đối xử như thể không phải anh đang sắp chết.”

“Em không nghĩ anh đang sắp chết,” tôi nói. “Em nghĩ anh mới chạm chút xíu vào ung thư thôi.”

Anh cười. Điệu cười vô vọng. “Anh đang ở trên chiếc tàu lượn chỉ có mỗi hướng đi lên thôi ấy,” anh nói.

“Và đặc ân và trách nhiệm của em là cùng anh lái nó đi lên,” tôi đáp.

“Có buồn cười lắm không nếu mình thử làm chuyện đó?”

“Không có thử gì hết,” tôi nói. “Chỉ có làm thật thôi.”

CHƯƠNG MƯỜI BỐN

Trên chuyến bay về nhà, ở độ cao sáu ngàn mét trên những đám mây cao ba ngàn mét so với mặt đất, Gus bảo, “Anh từng nghĩ sống trên mây chắc vui lắm.”

“Ừ,” tôi đáp. “Như kiểu sống trong nhà phao, nhưng không phải lúc nào cũng thế.”

“Có lần trong một lớp khoa học ở trường cấp hai, thầy Martinez hỏi cả lớp xem có ai từng tưởng tượng đến việc sống trên mây chưa, tất cả mọi người đều giơ tay. Sau đó thầy Martinez mới nói với bọn anh rằng trên những đám mây gió sẽ thổi với vận tốc một trăm năm mươi dặm một giờ còn nhiệt độ xuống thấp đến ba mươi độ dưới không và chẳng có một chút ôxy nào hết rồi tất cả chúng ta sẽ chết trong vòng một vài giây.”

“Nghe về thầy dễ thương đấy chứ.”

“Ông ấy chuyên đi ám sát những giấc mơ, Hazel Grace, để anh kể em nghe. Em có nghĩ núi lửa rất thú vị không? Thử nói điều đó với mười ngàn thi thể đang gào thét ở Pompeii[111] xem nào? Em vẫn thầm tin có những nguyên tố phép màu trên thế giới này sao? Tất cả đều chỉ là những phân tử vô tri vô giác ngẫu nhiên va đập lẫn nhau. Em có lo lắng xem ai sẽ quan tâm chăm sóc em khi bố mẹ em qua đời không? Em nên nghĩ đi, bởi trước sau gì họ cũng biến thành thức ăn cho giòi bọ cả thôi.”

“Không biết vẫn tốt hơn,” tôi nói.

Một chị tiếp viên đi dọc lối đi với một cái giá đồ uống, khẽ thì thầm, “Đồ uống không ạ? Đồ uống không ạ? Đồ uống không ạ? Đồ uống không ạ?” Gus nhào người qua tôi, giơ cánh tay lên. “Chị làm ơn cho bọn em một chút sâm panh được không?”

“Em đã đủ hai mươi một tuổi chưa?” chị ấy hỏi ngờ vực. Tôi cố tình chỉnh lại cái ống dẫn trong mũi mình một cách lộ liễu. Chị phục vụ mỉm cười, liếc xuống mẹ tôi đang ngủ. “Bà ấy sẽ không phiền chứ?”

“Không đâu,” tôi đáp.

Chị ấy rót sâm panh vào hai chiếc cốc nhựa. Đặc Quyền Ung Thư.

Gus và tôi nâng cốc. “Chúc mừng em,” anh nói.

“Chúc mừng anh,” tôi đáp lại, chạm cốc của mình vào cốc của anh.

Chúng tôi nhấp một ngụm. Mờ hơn những ngôi sao chúng tôi thường thức ở Oranje, nhưng uống vẫn ngon.

“Em biết không,” Gus nói với tôi, “mọi điều Van Houten nói đều đúng.”

“Có lẽ, nhưng ông ấy không cần phải tỏ ra đốn mạt như thế. Em không thể tin được ông ta nghĩ về tương lai cho Sisyphus chú chuột Hamster mà không nghĩ cho mẹ của Anna.”

Augustus nhún vai. Đột nhiên anh có vẻ không chú ý. “Ổn chứ?” tôi hỏi.

Anh khẽ lắc lắc đầu. “Đau quá,” anh nói.

“Ở ngực à?”

Anh gật đầu. Hai bàn tay siết chặt. Một lúc sau anh mới miêu tả cảm giác đó như có một gã béo một chân đi giày cao gót giẫm lên chính giữa ngực anh. Tôi gập khay sau ghế lên, khóa nó lại rồi cúi người xuống lấy thuốc ra khỏi ba lô của anh. Anh uống một viên với rượu sâm panh. “Ổn chứ?” tôi hỏi lại.

Gus vẫn ngồi đó, nắm tay run cầm cập, đợi cho viên thuốc phát huy tác dụng, cái viên thuốc sẽ chẳng giảm bớt được nỗi đau nhiều hơn khoảng cách giữa anh và nó (và cả với tôi.)

“Có lẽ vì một lí do riêng tư nào đó,” Gus khẽ khàng nói. “Như thể ông ấy nổi điên với chúng ta vì một vài lí do khác nữa. Anh nói Van Houten ấy.” Anh liên tục uống đến hết nốt chỗ sâm panh còn lại rồi chìm vào giấc ngủ.

Bố đã đợi sẵn chúng tôi trong khu trả hành lí, đứng giữa hàng đông những tài xế xe limo ăn mặc sang trọng cầm biển in tên những hành khách của họ: JOHNSON, BARRINGTON, CARMICHAEL. Bố cũng có một tấm biển cho riêng mình. GIA ĐÌNH THÂN YÊU CỦA TÔI, trên đó ghi như thế, bên dưới là (VÀ GUS).

Tôi ôm bố, ông lại bắt đầu khóc (dĩ nhiên). Trong lúc lái xe về nhà, Gus và tôi kể cho bố nghe chuyến đi Amsterdam, nhưng đợi đến tận khi tôi đã về đến nhà và ôm ấp Philip trong lúc xem kênh truyền hình Mỹ quen thuộc với bố và ăn bánh pizza Mỹ đặt ngay trên giấy ăn đặt trong lòng tôi mới kể với ông chuyện về Gus.

“Bệnh của Gus lại tái phát,” tôi nói.

“Bố biết,” ông đáp. Ông nhích người về phía tôi và tiếp tục nói, “Mẹ cậu ấy nói cho bố mẹ biết trước chuyến đi. Bố rất tiếc cậu ấy đã không nói cho con biết. Bố...bố xin lỗi, Hazel à.” Tôi không nói gì một lúc lâu. Chương trình chúng tôi đang xem nói về những người tham gia đang tìm kiếm ngôi nhà mong ước mà họ dự định sẽ mua. “Trong lúc mẹ con các con đi bố đã đọc *Nỗi đau tốt cùng*,” bố nói.

Tôi quay đầu lại phía ông. “Thật à, tuyệt. Bố thấy sao?”

“Rất hay. Hơi quá tầm với bố. Bố học ngành sinh hóa, nhớ không, chứ có phải dân văn đâu. Bố cũng ước gì nó có một đoạn kết.”

“Vâng,” tôi nói. “Ai cũng phàn nàn như thế.”

“Với cả nó có đôi chút tuyệt vọng,” ông nói. “Một chút chủ bại.”

“Nếu chủ bại của bố là *sự thành thật* thì con đồng ý.”

“Bố không nghĩ chủ bại đồng nghĩa với sự thành thật đâu,” bố đáp lại. “Bố từ chối chấp nhận nó.”

“Vậy mọi chuyện đều xảy ra đều là có nguyên do cả và chúng ta đều sẽ lên mây chơi đàn hạc và sống trong những tòa lâu đài?”

Bố cười. Ông vòng cánh tay to lớn của mình qua ôm tôi, kéo tôi về phía ông và đặt một nụ hôn lên trán tôi. “Bố không biết mình tin vào cái gì nữa, Hazel. Bố nghĩ là người lớn nghĩa là biết mình tin vào điều gì, nhưng đó không phải là chuyện mà bố làm được.”

“Dạ,” tôi nói. “Không sao mà.”

Ông nhắc lại với tôi rằng ông rất tiếc về chuyện của Gus, sau đó chúng tôi tiếp tục xem TV, chương trình có những người đang chọn mua nhà, bố vẫn đang ôm tôi còn tôi thì bắt đầu gật gù buồn ngủ nhưng lại không muốn lên giường nằm, rồi ông nói, “Con biết bố tin vào điều gì không? Bố nhớ hồi đại học trong một lớp toán, một lớp toán rất tuyệt vời do một bà giáo nhỏ người đứng tuổi đứng lớp. Bà đang giảng về thuật toán biến đổi Fourier nhanh thì đột nhiên dừng lại giữa chừng và nói, ‘Đôi khi có vẻ như vũ trụ muốn được chú ý tới.’”

“Đó là điều bố tin. Bố tin vũ trụ muốn được chú ý tới. Bố nghĩ vũ trụ có hơi thiên về mặt ý thức, nó tán dương trí tuệ phần nào vì vũ trụ thích thú với việc vẽ thanh nhả của nó được trân quý. Và bố là ai cơ, sống giữa dòng đời lịch sử, để nói rằng cái vũ trụ chỉ là – hay theo góc nhìn của bố – chỉ là tạm thời đẩy thôi.”

“Bố quả là thông minh,” một lúc sau tôi nói.

“Con quả là biết nịnh nọt,” ông trả lời.

Chiều ngày hôm sau, tôi lái xe đến nhà Gus và thưởng thức món bánh sandwich với thạch và bơ lạc[112] cùng bố mẹ anh và kể cho họ nghe về chuyến đi Amsterdam trong khi Gus đang chớp mắt trên chiếc ghế sofa ngoài phòng khách, nơi chúng tôi từng ngồi xem *V for Vendetta*. Tôi có thể thấy anh từ trong nhà bếp: Anh nằm ngửa, đầu quay ngược với phía tôi, được đặt sẵn một ống truyền PICC. Họ đang tấn công ung thư bằng một loại cocktail mới: hai loại thuốc hóa trị và một loại thụ thể protein mà họ hi vọng sẽ ngăn chặn được gen đột biến gây ung thư cho Gus. Thằng bé thật may mắn mới có mặt trong danh sách thử nghiệm này, họ nói với tôi như vậy. May mắn, tôi biết thừa tên một trong hai loại thuốc kia. Nghe đến tên nó thôi cũng khiến tôi muốn nôn mửa.

Một lúc sau mẹ Isaac đưa cậu ấy sang thăm.

“Isaac, chào, Hazel Nhóm Tương Trợ đây, không phải cô người yêu cũ độc ác của cậu đâu.” Mẹ cậu ấy dẫn cậu ấy lại gần chỗ tôi, tôi nhắc mình khỏi cái ghế phòng bếp để tới ôm cậu ấy, mất một vài giây để cậu ấy định hình xem tôi ở đâu trước khi ôm lại, rất chặt.

“Amsterdam thế nào?” cậu ấy hỏi.

“Tuyệt vời,” tôi đáp.

“Waters,” cậu ấy gọi. “Mày đâu rồi người anh em?”

“Cậu ấy đang ngủ,” tôi nói, giọng tôi đã nói lên tất cả. Isaac lắc đầu, mọi người chẳng ai nói một câu nào.

“Chết tiệt,” Isaac nói sau một giây. Mẹ cậu ấy dắt cậu ngồi xuống chiếc ghế mà cô đã kéo sẵn ra.

“Tao vẫn hạ được mày trong trò Counterinsurgence đấy thằng dít mù,” Augustus nói mà chẳng quay đầu ra phía chúng tôi. Thuốc men làm giọng anh

chậm lại, nhưng vẫn bằng với tốc độ nói của một người bình thường.

“Tao dám chắc cái đít nào cũng mù,” Isaac đáp lại, hươ tay về phía trước tìm mẹ. Cô nắm lấy cậu ấy, nhắc cậu ấy dậy rồi họ cùng nhau đi về phía chiếc ghế sofa, sau đó Gus và Isaac vụng về ôm nhau. “Mày thấy sao rồi?” Isaac hỏi.

“Mọi thứ đang ngệt. Không tính chuyện đấy thì tao vẫn đang ở trên cái tàu lượn có mỗi hướng đi lên thôi ấy cu,” Gus đáp. Isaac cười. “Mắt sao rồi?”

“Ồ, xuất sắc,” cậu ấy nói. “Mỗi tội nó không còn dính trên đầu tao nữa thôi.”

“Tuyệt, ờ,” Gus nói. “Không có ý chơi trội gì đâu nhưng người tao giờ toàn ung thư.”

“Tao biết rồi,” Isaac nói, cố gắng để mình không bị ảnh hưởng bởi chuyện đó. Cậu ấy mò mẫm tìm tay Gus nhưng rồi cuộc lại sờ phải bắp đùi.

“Tao có gấu rồi nhé,” Gus kêu lên.

Mẹ Isaac mang hai chiếc ghế từ phòng ăn sang, Isaac và tôi ngồi xuống cạnh Gus. Tôi nắm tay Gus, mân mê chỗ hõm giữa ngón cái và ngón trỏ của anh.

Những người lớn kéo nhau xuống dưới tầng hầm để cùng chia sẻ nỗi đau gì đó, để ba đưa tôi lại một mình trong phòng khách. Một lúc sau Augustus quay đầu về phía chúng tôi, vẫn chưa tỉnh hẳn. “Monica sao rồi?” anh hỏi.

“Vẫn chẳng nói gì,” Isaac trả lời. “Không thiệp; chẳng email. Tao có cái máy này để đọc email. Hay phết. Tao có thể chọn giọng nam hay nữ hoặc đôi giọng nói từ các vùng khác nhau.”

“Thế là tao có thể gửi truyện người lớn cho mày rồi sẽ có một lão già người Đức đọc nó cho mày nghe hả?”

“Chuẩn luôn,” Isaac đáp. “Nhưng tao vẫn phải nhờ mẹ chỉnh giúp nên cứ hoãn vụ truyện khiêu dâm người Đức một hai tuần đã đi.”

“Cô ấy vẫn không, ừm, nhắn tin hay hỏi thăm cậu chút nào à?” tôi hỏi. Tôi cảm giác chuyện này như một nỗi bất công không thể lí giải nổi.

“Hoàn toàn ngoài vùng phủ sóng,” Isaac đáp.

“Buồn cười thật đấy,” tôi nói.

“Tớ thôi nghĩ về chuyện đó rồi. Tớ không có thời gian để có bạn gái nữa. Tớ đang bận công việc Học Cách Làm Người Mù.”

Gus quay đầu đi, chăm chú nhìn ra khoảnh sân sau vườn. Anh nhắm mắt lại.

Isaac hỏi thăm xem tôi thế nào, tôi trả lời rằng mọi chuyện đều ổn, rồi cậu ấy kể chuyện mới có một cô bé ở Nhóm Tương Trợ có giọng rất dễ thương và nhờ tôi đến xem cô ấy có thật xinh xắn lắm không. Đột nhiên Gus nói, “Không thể cứ thế đi mà chẳng nói gì với bạn trai cũ sau khi hai mắt nó bị khoét khỏi cái đầu chết dẫm như vậy.”

“Chỉ một trong —” Isaac mở miệng định nói.

“Hazel Grace, em có mang bốn đô la đấy không?”

“Ừm,” tôi nói. “Có?”

“Xuất sắc. Em sẽ thấy cái chân anh ở dưới bàn uống cà phê,” anh nói. Gus

nhắc mình dậy và nhích người ra rìa ghế. Tôi đưa anh cái chân giả; anh chậm chạp gắn nó vào.

Tôi đỡ anh đứng dậy và đưa tay cho Isaac, dẫn cậu ấy qua những đồ đạc bồng bềnh vương vãi, lần đầu tiên trong nhiều năm tôi nhận ra mình là người khỏe mạnh nhất trong căn phòng này.

Tôi lái xe. Augustus lái ghế trước. Isaac ngồi đằng sau. Chúng tôi dừng lại ở một cửa hàng tạp hóa, nơi theo chỉ dẫn của Augustus tôi đã mua một tá trứng trong khi anh và Isaac ngồi đợi trong xe. Sau đó Isaac chỉ đường cho chúng tôi đến nhà Monica theo trí nhớ của cậu ấy, một ngôi nhà hai tầng ẩm đạm phát chán gần JCC[113]. Chiếc Pontiac Firebird thập niên 1990 màu xanh mạ của Monica đậu ngay lối vào, lớp căng phồng.

“Đến rồi à?” Isaac hỏi lúc cậu ấy cảm thấy tôi như đang chuẩn bị dừng xe.

“Ồ nó đây rồi,” Augustus nói. “Mày biết trông nó thế nào không Isaac? Nó trông như tất cả những sự hi vọng mà ta đã ngu ngốc hi vọng vào.”

“Cô ấy ở nhà không?”

Gus chậm chạp ngoái đầu lại nhìn Isaac. “Ai quan tâm nó ở đâu? Chuyện này không phải vì nó. Chuyện này vì *chính mày*.” Gus ôm hộp trứng vào lòng, mở cửa và nhấc chân ra khỏi xe bước xuống lòng đường. Anh mở cửa cho Isaac, tôi nhìn họ trong gương, Gus đỡ Isaac ra khỏi xe, hai người dựa vai vào nhau, giống như hai bàn tay đang chấp lại cầu nguyện nhưng hai lòng bàn tay không chạm vào nhau.

Tôi hạ cửa sổ xuống và ngồi trong xe nhìn ra, chuyện đi phá hoại làm tôi lo lắng. Họ tiến mấy bước lại gần chiếc xe, Gus mở hộp trứng ra lấy một quả đưa cho Isaac. Isaac ném nó, cách cái xe những mười hai mét.

“Sang trái một chút,” Gus nói.

“Tao vừa ném lệch sang trái một chút hay tao phải nhắm sang trái một chút?”

“Nhắm sang trái.” Isaac xoay đôi vai cậu ấy. “Trái nữa,” Gus nói. “Rồi. Được lắm. Ném mạnh vào.” Gus đưa cho cậu ấy một quả khác, Isaac ném, quả trứng bay vòng qua chiếc xe vỡ nhoe nhoét trên mái nhà hơi nghiêng. “Trúng phóc!” Gus nói.

“Thật à?” Isaac phần khích hỏi.

“Trượt rồi, mày ném cao hơn nóc xe khoảng sáu mét. Xem nào, ném mạnh vào, nhưng thấp thôi. Ném qua phải một chút so với quả lần trước.” Isaac với sang và tự lần được một quả trứng trong cái hộp Gus đang bê. Cậu ấy ném nó, trúng cái đèn chiếu hậu. “Trúng rồi!” Gus hét lên. “Trúng rồi. ĐÈN CHIẾU HẬU!”

Isaac với một quả nữa, trượt qua phải, một quả khác, lại thấp quá, rồi một quả nữa, trúng kính chắn gió đằng sau. Sau đó cậu ném trúng ba quả liên tiếp vào cốp xe. “Hazel Grace,” Gus gọi với lại cho tôi. “Chụp ảnh lại đi để Isaac còn thấy cảnh này khi người ta phát minh ra mắt rô-bốt.” Tôi nhào người ra ngồi dựa trên cái cửa xe đã hạ kính xuống, chống khuỷu tay lên nóc xe và chụp một bức ảnh bằng điện thoại của tôi: Augustus, một điều thuốc chưa cháy trên miệng, điệu cười nửa miệng đáng yêu, giơ hộp trứng màu hồng sắp hết trên đầu. Tay kia của anh choàng qua vai Isaac, cặp kính râm của cậu ấy quay không trúng cái máy ảnh. Đằng sau họ, lòng trứng chảy xuống dưới kính chắn gió và thanh chắn xe của chiếc Firebird xanh. Và đằng sau nữa, một cánh cửa đang mở ra.

“Gì thế này,” một phụ nữ khoảng trung niên thốt lên ngay sau khi tôi chụp được bức hình, “lạy Chúa tôi –” và rồi im bật.

“Thưa bà,” Augustus nói, gật đầu về phía bà ấy, “chiếc xe của con gái bà vừa được ăn trứng một cách thích đáng bởi một kẻ mù. Xin bà vui lòng đóng cửa lại và trở vào trong nếu không chúng tôi sẽ buộc lòng phải gọi cảnh sát.” Sau một lúc do dự, mẹ Monica đóng chiếc cửa lại và biến mất. Isaac liên tục ném nốt ba quả trứng còn lại trong tích tắc rồi Gus dẫn cậu trở lại xe. “Thấy

chưa, Isaac, nếu mà lấy đi – sắp đến lễ đường – cảm giác hợp lẽ từ họ, nếu mà đổi ngược lại tình thế khiến họ cảm thấy họ đang phạm một tội ác bởi việc đứng nhìn – mấy bước nữa thôi – xe của họ ăn trứng, họ sẽ thấy bối rối và sợ hãi và lo lắng và họ chỉ đơn giản là quay lại cái – mà sẽ thấy cái tay nắm cửa ngay đằng trước – cuộc sống lặng lẽ tuyệt vọng của họ.” Gus vội vàng vòng qua mũi xe và chui vào ghế trước. Cửa xe đóng lại, tôi rõ máy, phóng đi được vài chục mét mới nhận ra tôi đang lao thẳng vào một con đường cụt. Tôi quay xe lại chỗ cuối đường và phi ngược qua nhà Monica.

Tôi không bao giờ chụp bức hình nào của anh nữa.

CHƯƠNG MƯỜI LĂM

Mấy ngày sau tại nhà Gus, bố mẹ anh và bố mẹ tôi và Gus và tôi ngồi chen chúc quanh cái bàn ăn, thưởng thức món ốt nhồi trên tấm khăn trải bàn mà, theo lời bố của Gus, lần cuối cùng người ta thấy nó được sử dụng là trong thế kỷ trước.

Bố tôi: “Emily, món risotto này...”

Mẹ tôi: “Thật là ngon.”

Mẹ Gus: “Ồ cảm ơn anh chị. Tôi rất sẵn lòng chỉ cho anh chị công thức nấu ăn.”

Gus, vừa nuốt một miếng: “Nhưng mà con thấy mùi vị chính không giống Oranje.”

Tôi: “Nhận xét tốt, Gus. Món này, dù ngon, nhưng ăn không giống Oranje.”

Mẹ tôi: “Hazel.”

Gus: “Nó giống vị...”

Tôi: “Thức ăn.”

Gus: “Đúng, chính xác. Giống vị thức ăn, được chuẩn bị rất chu đáo. Nhưng vị không giống, làm thế nào để diễn đạt một cách tế nhị nhỉ...?”

Tôi: “Vị không giống như Tự thân Đức Chúa đem nấu thiên đường thành

một sê-ri năm món rồi đem ra phục vụ chúng ta kèm theo những quả cầu rục rờ được lên men, sủi bọt lấp lánh trong khi xung quanh chiếc bàn ăn tối đặt cạnh con kênh hồ hững rơi đầy những cánh hoa.”

Gus: “Nói hay lắm.”

Bố Gus: “Bọn trẻ của chúng ta thật kỳ quặc.”

Bố tôi: “Nói hay lắm.”

Một tuần sau bữa tối của chúng tôi, Gus phải vào Phòng Cấp cứu vì cơn đau ngực, vì họ giữ anh lại qua đêm nên sáng hôm sau tôi lái xe đến viện Memorial thăm anh trên tầng bốn. Tôi chưa từng quay lại viện Memorial kể từ lần đến thăm Isaac. Ở đây chẳng hề có những bức tường sơn màu rục rờ hay khung tranh vẽ hình những chú chó lái ô tô như người ta có thể thấy nhiều phát ngán ở viện Nhi, nhưng sự tẻ nhạt cực kỳ ở đây lại khiến tôi cảm thấy luyến tiếc những thứ hạnh phúc nhảm nhí kiểu trẻ con ở viện Nhi. Viện Memorial quá đổi *chuyên môn*. Nó là một công trình lưu giữ. Một nơi người ta chờ được thực hiện nghĩa vụ của mình.

Khi cửa thang máy mở ra ở tầng bốn, tôi gặp mẹ Gus đang đi đi lại lại trong phòng chờ nghe điện thoại. Bà vội cúp máy, ôm chầm lấy tôi và đỡ hộ chiếc giá.

“Cháu ổn mà,” tôi nói. “Gus sao rồi ạ?”

“Thằng bé vừa trải qua một đêm khó khăn, Hazel à,” bà nói. “Tim thằng bé đang phải làm việc quá sức. Nó cần giảm bớt hoạt động. Từ giờ trở đi nó sẽ phải ngồi xe lăn. Họ đang thử một loại vại thuốc mới giúp giảm bớt cơn đau. Hai chị nó vừa đến đây.”

“Dạ,” tôi nói. “Cháu có thể vào thăm anh ấy được không?”

Bà choàng tay qua vai tôi và siết chặt chúng. Cảm giác thật kỳ cục. “Bác và mọi người rất yêu cháu, cháu biết mà Hazel, nhưng lúc này bác nghĩ mình chỉ muốn mọi người trong gia đình thôi. Gus cũng đồng ý như thế. Được không cháu?”

“Được ạ,” tôi đáp.

“Bác sẽ bảo nó cháu đến thăm.”

“Vâng ạ,” tôi nói. “Cháu nghĩ cháu sẽ ngồi đây đọc báo một lúc.”

Bà đi dọc xuống hành lang, trở lại phòng anh năm. Tôi hiểu, nhưng vẫn rất nhớ anh, liên tục nghĩ mình sẽ để lỡ mất cơ hội được gặp anh, được nói lời tạm biệt. Phòng chờ được trang trí bằng toàn thảm nâu và cả ghế cũng được bọc màu nâu. Tôi ngồi một mình trên chiếc ghế đôi một lúc, giá bình ôxy kẹp dưới hai chân. Tôi đang đi đôi Chuck Taylors và mặc chiếc áo *Ceci n'est pas une pipe*, đúng cái bộ hai tuần trước tôi đã mặc vào Buổi Chiều Muộn của Biểu Đồ Venn, và anh đã không thể thấy nó. Tôi bắt đầu vượt qua những tấm ảnh trong điện thoại của mình, một cuốn sách phim quay ngược thời gian mấy tháng gần đây, bắt đầu với anh và Isaac ở bên ngoài ngôi nhà của Monica và kết thúc bằng bức ảnh đầu tiên tôi chụp anh trên đường tới chỗ *Funky Bones*. Cảm giác như là một khoảng thời gian vô tận, như là chúng tôi có những phút giây dấu ngăn ngùi nhưng vẫn là vĩnh viễn vô tận. Có những khoảng vô tận này lớn hơn những khoảng vô tận khác.

Hai tuần sau đó, tôi đẩy Gus qua công viên nghệ thuật tới chỗ *Funky Bones* với một chai sâm panh còn nguyên vô cùng đắt tiền và bình ôxy của tôi đặt trong lòng anh. Chai sâm panh được tặng bởi một trong những bác sĩ của Gus – Gus là kiểu người dễ dụ các bác sĩ đem cho lũ trẻ chai rượu tốt nhất của họ. Chúng tôi ngồi, Gus trên xe của anh còn tôi trên đám cỏ ẩm ướt, gần với

Funky Bones đủ để có thể nhìn trọn vẹn nó. Tôi chỉ vào những đứa trẻ đang tranh nhau nhảy từ lồng ngực lên xương vai, Gus đáp khẽ chỉ vừa đủ cho tôi nghe được trong tiếng la hét ầm ĩ, “Lần trước anh đã tưởng tượng mình là đứa trẻ. Lần này đến lượt bộ xương.”

Chúng tôi uống bằng những chiếc cốc giấy in hình Gấu Winnie-the-Pooh.

CHƯƠNG MƯỜI SÁU

Một ngày điển hình với Gus giai đoạn cuối:

Tôi qua nhà anh vào khoảng giữa trưa, sau khi anh đã ăn và nôn ra hết bữa sáng. Anh gặp tôi ở cửa ra vào trên chiếc xe lăn, không còn là anh chàng cơ bắp điển trai nhìn tôi chăm chặp ở Nhóm Tương Trợ, nhưng vẫn giữ điệu cười nửa miệng, vẫn tiếp tục hút điếu thuốc chưa cháy, vẫn đôi mắt xanh sáng và vẫn còn sống.

Chúng tôi ăn trưa với bố mẹ anh trên bàn trong phòng bếp. Bánh sandwich với thạch và bơ lạc cùng món măng tây nấu từ tối hôm trước. Gus không ăn. Tôi hỏi anh thấy trong người thế nào.

“Tuyệt lắm,” anh nói. “Còn em?”

“Tốt. Tôi qua anh làm gì?”

“Anh ngủ khá nhiều. Anh muốn viết cho em đoạn tiếp của cuốn sách, Hazel Grace, nhưng lúc nào anh cũng thấy mệt như cả người.”

“Anh có thể nói cho em nghe được mà,” tôi bảo.

“Xem nào, đứng dưới góc độ phân tích tiền Van Houten của anh về chú Tulip Hà Lan. Không phải kẻ lừa đảo, nhưng không giàu như ông ta vẫn thể hiện.”

“Mẹ của Anna thì sao?”

“Vẫn chưa thống nhất được ý tưởng. Kiên nhẫn nào, Đồ Nhanh Nhẩu.”

Augustus mỉm cười. Bố mẹ anh chỉ im lặng, ngắm nhìn anh, không bao giờ liếc qua chỗ khác, như thể họ vẫn muốn thưởng thức Buổi Diễn Của Gus Waters chừng nào nó còn tiếp tục. “Thỉnh thoảng anh nằm mơ mình đang viết một cuốn hồi ký. Một cuốn hồi ký như một thứ để lưu giữ anh trong trái tim và ký ức của những người hâm mộ.”

“Tại sao anh còn cần những người hâm mộ trong khi anh đã có em?” tôi hỏi.

“Hazel Grace, nếu em duyên dáng và hấp dẫn như anh thì chiếm được cảm tình của những người em gặp gỡ cực kỳ dễ. Nhưng khiến những người xa lạ phải yêu em...ngay bây giờ, thế mới cao tay chứ.”

Tôi tròn tròn mắt.

Sau bữa ăn trưa, chúng tôi ra ngoài sân sau. Anh vẫn đủ khỏe để tự mình đẩy chiếc xe lăn, tự kéo xe đứng trên hàng bánh nhỏ để nhấc hai bánh trước qua những bậc mấp mô ở lối ra vào. Vẫn rất thể thao, bất chấp tất cả những chuyện này, với khả năng cân bằng và phản ứng nhanh nhạy mà ngay cả những loại thuốc mê liều cao cũng không thể lấn át.

Bố mẹ anh ngồi lại trong nhà, nhưng khi tôi liếc vào trong phòng bếp, họ vẫn đang quan sát chúng tôi.

Chúng tôi ngồi đó trong khoảng im lặng gần một phút rồi Gus nói, “Đôi khi anh ước chúng ta có một bộ ghế đu.”

“Cái bộ ở nhà em á?”

“Ừ. Sự luyến tiếc của anh mạnh mẽ đến mức anh có thể nhớ một chiếc ghế đu mà mong anh chưa bao giờ chạm tới.”

“Sự luyện tiếc là một ảnh hưởng phụ của bệnh ung thư,” tôi bảo anh.

“Không, luyện tiếc là một ảnh hưởng phụ của việc đang chết,” anh đáp lại. Phía bên trên, gió đang thổi những cành cây làm bóng của chúng rung rinh trên làn da của chúng tôi. Gus siết chặt bàn tay tôi. “Cuộc sống này thật đẹp, Hazel Grace.”

Chúng tôi trở vào trong khi đến giờ anh phải uống thuốc, nó được truyền cùng với một loại chất lỏng dinh dưỡng qua ống thông dạ dày[114], một thứ bằng chất dẻo biến mất vào trong bụng anh. Một thoáng anh im lặng, mơ màng. Mẹ muốn anh chớp mắt một chút, nhưng anh lắc đầu từ chối mỗi lần bà định nói, thế nên chúng tôi để anh ngồi gật gù trong chiếc xe lăn một lúc.

Bố mẹ anh ngồi xem một đoạn băng cũ ghi hình Gus và hai cô chị, họ khoảng bằng tuổi tôi bây giờ còn Gus lúc ấy mới lên năm. Họ đang chơi bóng rổ trên lối vào ở một ngôi nhà khác, và dù Gus vẫn còn rất bé, anh đã có thể rê bóng chuẩn như thể anh sinh ra để làm việc đó, chạy vòng tròn quanh các chị trong khi họ cười rộ lên. Đó là lần đầu tiên tôi nhìn anh chơi bóng. “Anh ấy giỏi thật đấy,” tôi nói.

“Cháu phải xem nó hồi cấp ba,” bố anh nói. “Chơi cho đội bóng ngay từ năm nhất.”

Gus lầm bầm, “Con xuống tầng hầm được chứ?”

Bố mẹ anh lăn chiếc xe xuống cầu thang trong khi Gus vẫn ngồi bên trong, xóc diên cuồng như nếu thực sự nguy hiểm vẫn còn là nguy hiểm thì nó thật nguy hiểm, sau đó họ để chúng tôi lại bên nhau một mình. Anh trèo lên giường rồi chúng tôi cùng nằm dưới tấm chăn, anh nằm ngửa còn tôi nằm nghiêng sang anh, dựa đầu vào bờ vai xương xẩu, hơi ấm từ người anh xuyên qua lớp vải áo thấm vào làn da tôi, hai chân tôi quấn vào cái chân thật của anh, bàn tay tôi áp vào má anh.

Tôi nằm sát anh, mũi chạm mũi, sát đến mức tôi chỉ có thể nhìn thấy đôi mắt anh, tôi không thể nghĩ đang bị bệnh được. Chúng tôi hôn nhau một lúc trước khi hai đứa nằm nghe album nhạc cùng tên của nhóm The Hectic Glow, rồi cuối cùng chìm vào giấc ngủ trong một mớ dây rợ và cơ thể vướng víu như thế.

Chúng tôi thức dậy sau đó và dựng một chiến hào bằng những chiếc gối để có thể thoải mái ngồi dựa vào thành giường chơi trò Counterinsurgency 2: Cái giá của Bình Minh. Tôi chơi dở tệ, dĩ nhiên, nhưng cái dở tệ ấy của tôi lại giúp ích cho anh: Nó khiến anh được dễ dàng chết một cách đẹp đẽ hơn, nhảy ra chặn viên đạn của một tay bắn tỉa và hi sinh bản thân để cứu tôi, hoặc giết một tên lính gác đang chuẩn bị bắn tôi. Anh rất thích thú việc cứu mạng tôi. Anh hét âm lên, “Hôm nay các người sẽ *không thể* giết hại bạn gái của ta, hỡi lũ Khủng Bố Quốc Tế Không Quốc Tịch!”

Tự nhiên tôi nghĩ đến việc giả vờ bị ngạt thở gì đấy để anh phải cấp cứu tôi kiểu Heimlich^[115]. Có thể sau đó anh sẽ vượt qua được nỗi sợ rằng anh đã sống rồi ra đi mà không vì một lẽ cao cả nào. Nhưng rồi tôi chợt tưởng tượng cảnh anh không thể Heimlich được, rồi tôi phải thú nhận đó chỉ là một trò đùa, rồi tiếp đến màn giận dỗi lẫn nhau.

Rất rất khó để giữ được những suy nghĩ đúng đắn khi ánh bình minh vẫn chói lòa trong đôi mắt đang dần mất đi, tôi nghĩ trong khi chúng tôi săn đuổi những kẻ xấu xa trong một thành phố đổ nát vốn cũng chẳng có thực.

Cuối cùng, bố anh đi xuống và kéo anh lên trên phòng, và trong lối vào, ngay dưới một Lòr động viên nói rằng Tình Bạn Là Mãi Mãi, tôi quỳ xuống hôn tạm biệt anh. Tôi trở về nhà và ăn tối cùng bố mẹ, để lại Gus ăn (và nôn) bữa tối của chính anh.

Xem TV một lúc rồi tôi đi ngủ.

Tôi thức dậy.

Khoảng giữa trưa, tôi lại sang nhà anh.

CHƯƠNG MƯỜI BẢY

Một buổi sáng, một tháng sau khi trở về từ Amsterdam, tôi lái xe qua nhà anh. Bố mẹ anh bảo tôi rằng anh vẫn đang ngủ dưới nhà, thế nên tôi gõ ầm ầm vào cái cửa tầng hầm trước khi vào trong, rồi gọi, “Gus?”

Tôi thấy anh đang lẩm bẩm một thứ ngôn ngữ nào đó anh tự sáng tạo ra. Anh tè khắp giường. Thật là kinh khủng. Tôi thậm chí còn không dám nhìn. Tôi gọi bố mẹ anh và họ chạy xuống, tôi đi lên nhà trong khi họ lau dọn cho anh.

Khi tôi quay trở xuống, anh đang lơ mơ tỉnh khỏi đồng thuốc mê đón chào một ngày đau đớn khác. Tôi sắp xếp lại đám gối để chúng tôi có thể ngồi chơi Counterinsurgency trên tấm nệm trần, nhưng anh quá mệt và chẳng tập trung được đến mức anh chơi tệ y hết tôi, chúng tôi chẳng thể chơi quá năm phút mà cả hai đứa đều không bị chết. Cũng chẳng có cái chết anh hùng nào cả, toàn là do bất cẩn.

Tôi không nói gì với anh. Tôi chỉ muốn anh quên rằng tôi đang có mặt ở đó và hi vọng anh sẽ chẳng nhớ gì việc tôi đã bắt gặp cảnh chàng trai mình yêu đang ngộ nguậy trong cái bể nước tiểu rộng lớn của chính mình. Tôi cứ hi vọng rằng anh sẽ nhìn sang tôi và thốt lên, “Ồ Hazel Grace. Sao em lại ở đây?”

Thật không may là anh lại nhớ. “Cứ mỗi phút trôi qua anh lại càng nhận thức sâu sắc hơn ý nghĩa của từ *mất thể diện*,” cuối cùng anh cất tiếng.

“Em cũng tè ra giường, Gus, tin em đi. Chẳng có gì to tát cả.”

“Em từng,” anh nói, hít một hơi thật sâu, “gọi anh là Augustus.”

“Em biết không,” anh nói sau một lúc, “nghe trẻ con, nhưng anh luôn nghĩ cáo phó của mình sẽ được in lên tất cả các báo, anh có một câu chuyện đáng để viết nên. Anh luôn ngờ rằng anh là người rất đặc biệt.”

“Anh đúng như thế,” tôi đáp.

“Em biết anh muốn nói gì mà,” anh nói.

Tôi không biết ý anh là gì. Tôi chỉ không đồng ý. “Em chẳng quan tâm chuyện tờ *New York Times* có viết cáo phó cho em không. Em chỉ cần anh viết,” tôi nói. “Anh nói anh không đặc biệt chỉ vì thế giới này chẳng hề biết đến anh, điều đó làm em bị tổn thương. *Em* biết về anh.”

“Anh không nghĩ anh sẽ cố gắng được đến ngày viết cáo phó cho em,” anh nói, thay vì lời xin lỗi.

Tôi quá thất vọng với anh. “Em chỉ muốn em là đủ cho anh, nhưng em không bao giờ có thể. Chuyện này chẳng bao giờ là đủ cho anh. Nhưng đây là tất cả những thứ anh có được. Anh có em, và gia đình anh, và cả thế giới này. Đây là cuộc sống của anh. Em xin lỗi nếu nó chẳng ra gì. Nhưng anh không phải người đầu tiên đặt chân lên sao Hỏa, anh cũng không trở thành một ngôi sao bóng rổ của tuyển quốc gia, anh cũng không đi săn lùng bọn phát xít Đức gì hết. Hãy nhìn lại mình đi, Gus.” Anh không đáp lại. “Em không có ý –” tôi vừa định nói.

“Ồ, ý em là vậy mà,” anh ngắt lời tôi. Tôi định xin lỗi nhưng anh nói, “Đừng. Anh xin lỗi. Em nói đúng. Chơi tiếp đi.”

Chúng tôi lại chơi tiếp.

CHƯƠNG MƯỜI TÁM

Tôi thức dậy bởi tiếng điện thoại réo lên một bài của The Hectic Glow. Bài hát yêu thích của Gus. Điều đó có nghĩa là anh đang gọi – hoặc ai đó đang gọi bằng điện thoại của anh. Tôi liếc nhìn đồng hồ báo thức: 2:35 sáng. *Anh đã đi rồi*, tôi nghĩ, mọi thứ trong tôi vỡ tan thành từng mảnh.

Tôi mãi mới cất lên được lời “*Xin chào?*”

Tôi chờ đợi âm thanh từ tiếng nói thua cuộc của một người làm cha mẹ.

“Hazel Grace,” Augustus nói yếu ớt.

“Ôi tạ ơn Chúa, là anh. Chào anh. Chào anh, em yêu anh.”

“Hazel Grace, anh đang ở trạm xăng. Không ổn rồi. Em phải đến giúp anh.”

“Sao cơ? Anh ở đâu cơ?”

“Trạm xăng Speedway ngã tư phố 86 và đường Ditch. Anh đã làm gì đó cái ống thông dạ dày và giờ anh không biết làm sao nữa và –”

“Em gọi chín-một-một ngay đây,” tôi nói.

“Đừng đừng đừng đừng đừng, họ sẽ đưa anh vào viện mất. Hazel, nghe anh nói này. Đừng có gọi chín-một-một hay bố mẹ anh nếu không anh sẽ không bao giờ tha thứ rằng em không ôi làm ơn đến đây làm ơn đến đây sửa cho anh cái ống chết tiệt này. Anh chỉ, Chúa ơi, chuyện này là thứ ngu ngốc nhất. Anh không muốn bố mẹ biết anh đã trốn ra ngoài. Xin em. Anh có mang thuốc theo; anh không thể dứt nó vào được. Xin em đấy.” Anh đang khóc. Tôi chưa

bao giờ nghe tiếng anh thối thức thế này ngoại trừ cái lần ở bên ngoài nhà anh trước chuyến đi Amsterdam.

“Được rồi,” tôi nói. “Em đi ngay đây.”

Tôi gỡ máy thở BiPAP ra và gắn mình với bình ôxy, đặt nó vào trong giá, xỏ đôi giày thể thao cho hợp với cái quần ngủ vải bông màu hồng và chiếc áo bóng rổ Butler, vốn là của Gus. Tôi chộp lấy chùm chìa khóa trong ngăn kéo dưới bếp chỗ Mẹ cất chúng rồi viết một mẫu giấy nhờ họ có thức dậy trong lúc tôi đang đi.

Đến thăm Gus. Việc quan trọng. Con xin lỗi.

Yêu, H

Đi được một vài dặm trên đường tới trạm xăng, tôi mới đủ tỉnh táo để nghĩ xem tại sao Gus lại ra khỏi nhà lúc nửa đêm thế này. Có thể anh bị ảo giác, cũng có thể những tưởng tượng khổ sở đã kiểm soát tâm trí anh.

Tôi tăng tốc qua những chiếc đèn vàng nhấp nháy trên Đường Ditch, lái rất nhanh một phần để sớm đến chỗ anh một phần hi vọng cảnh sát sẽ chặn tôi lại cho tôi một cơ hội để khoe với người khác rằng anh người yêu sắp chết của tôi đang mắc kẹt bên ngoài trạm xăng với một cái ống thông dạ dày trực trực. Nhưng chẳng có anh cảnh sát nào xuất hiện để đưa ra quyết định thay tôi.

Chỉ có hai chiếc xe ở bãi đỗ. Tôi đậu xuống cạnh xe anh. Tôi mở cửa xe. Đèn trong xe bật sáng. Augustus ngồi trong ghế lái, ngáp trong bãi nôn của chính anh, hai tay anh ấn chặt bụng chỗ ống thông dạ dày đi vào. “Chào em,” anh thều thào.

“Ôi Chúa ơi, Augustus, em phải đưa anh đến bệnh viện thôi.”

“Làm ơn xem nó thế nào đã.” Tôi bị buồn nôn bởi cái mùi nhưng vẫn cúi xuống xem xét vùng bụng trên rốn của anh nơi người ta phẫu thuật đặt chiếc ống. Chỗ da bụng anh ấm và đỏ ửng lên.

“Gus, em nghĩ nó bị nhiễm trùng rồi, em không làm gì được đâu. Sao anh lại ra đây? Sao anh không ở nhà?” Anh lại nôn, thậm chí còn không đủ sức quay miêng ra khỏi người. “Ôi, anh yêu,” tôi thốt lên.

“Anh muốn mua một gói thuốc lá,” anh thều thào. “Anh làm mất gói của anh. Hoặc người ta lấy nó đi rồi. Anh không biết nữa. Bố mẹ bảo họ sẽ mua cho anh một gói khác, nhưng anh muốn...tự mình mua nó. Tự mình làm một việc nhỏ nhất đó.”

Anh chăm chăm nhìn vào đấng trước. Tôi lặng lẽ rút điện thoại ra và liếc xuống gọi 911.

“Em xin lỗi,” tôi nói với anh. *Chín-một-một. Trường hợp khẩn cấp của bạn là gì?* “Xin chào, cháu đang ở trạm xăng Speedway ngã tư phố Tám mươi sáu và đường Ditch, cháu cần một xe cứu thương. Tình yêu vĩ đại của đời cháu đang gặp sự cố với một cái ống thông dạ dày.”

Anh ngược lên nhìn tôi. Thật khủng khiếp. Tôi còn không dám nhìn anh nữa. Chàng Augustus Waters với điệu cười nửa miêng và liều thuốc chưa cháy đã biến mất, thay vào đó là một sinh vật tuyệt vọng bề bàng ngồi bên dưới tôi kia.

“Thế là hết. Đến mỗi việc không hút thuốc anh còn không thể làm được nữa rồi.”

“Gus, em yêu anh.”

“Còn đâu cơ hội để anh làm Peter Van Houten của ai đó chứ?” Anh yếu ớt đập tay lên vô lăng, còi xe hú ầm ầm trong khi anh khóc. Anh ngả người ra sau, nhìn lên trên. “Anh ghét bản thân anh ghét bản thân anh ghét chuyện này anh ghét chuyện này anh ghê tởm bản thân anh ghét nó anh ghét nó anh ghét nó cứ để anh chết quách luôn đi.”

Theo thông lệ của những câu chuyện kiểu này, Augustus Waters sẽ giữ vẻ hài hước của mình cho đến tận cùng, không lúc nào nguôi đi lòng dũng cảm, và ý chí của anh sẽ vút cao như cánh chim đại bàng bất khuất hiên ngang cho đến khi thế giới này không thể chứa đựng tâm hồn lạc quan của anh thêm nữa.

Nhưng đây mới là sự thực, một cậu bé đáng thương không muốn bị thương hại, gào hét và la khóc, bị tổn thương bởi một chiếc ống thông niệu trùng dù giữ anh không chết nhưng cũng lại dở sống.

Tôi lau cằm cho anh rồi ôm lấy khuôn mặt anh bằng cả hai tay và quỳ xuống ngay cạnh anh để tôi có thể nhìn vào mắt anh, đôi mắt vẫn còn tỉnh táo. “Em rất tiếc. Em ước gì nó cũng giống như trong bộ phim có những người Ba Tư và Sparta.”

“Anh cũng thế,” anh nói.

“Nhưng không phải thế,” tôi nói.

“Anh biết,” anh nói.

“Không có kẻ xấu nào cả.”

“Ừ.”

“Cả ung thư cũng hẳn là kẻ xấu: Ung thư cũng muốn được sống.”

“Ừ.”

“Anh sẽ ổn thôi,” tôi bảo anh. Tôi nghe tiếng còi cứu thương.

“Okay,” anh nói. Anh đang mất dần ý thức.

“Gus, anh phải hứa anh không được làm thế này lần nữa. Em sẽ mua thuốc lá cho anh, được chứ?” Anh nhìn tôi. Đôi mắt anh trũng sâu. “Anh phải hứa.”

Anh khẽ gật đầu rồi đôi mắt nhắm lại, đầu ngoẹo sang một bên.

“Gus,” tôi gọi. “Ở lại với em đi.”

“Đọc cho anh nghe gì đi,” anh nói trong khi cái xe cứu thương chết dẫm hú ầm vụt qua chỗ chúng tôi. Trong lúc chờ đợi họ quay lại tìm chúng tôi, tôi đọc bài thơ duy nhất tôi có thể nghĩ được, “Chiếc Cút-kít Đỏ” của William Carlos Williams^[116].

phụ thuộc rất nhiều

vào

chiếc cút-kít

đỏ

lênh láng nước

mưa

cạnh đàn gà

trắng.

Williams là bác sĩ. Với tôi nó như một bài thơ của bác sĩ. Bài thơ đã hết, nhưng chiếc cầu thương vẫn cứ lái xa dần nên tôi tiếp tục viết tiếp bài thơ.

Và phụ thuộc rất nhiều, tôi nói với Augustus, vào bầu trời xanh bị xé toạc bởi những cành cây phía trên. Phụ thuộc rất nhiều vào chiếc ông thông trong suốt trào ngược từ dạ dày của anh chàng môi tím. Phụ thuộc rất nhiều vào kẻ quan sát này của vũ trụ.

Nửa tỉnh nửa mê, anh liếc nhìn tôi và lẩm bẩm, “Thế mà em nói em không biết làm thơ.”

CHƯƠNG MƯỜI CHÍN

Anh xuất viện trở về nhà mấy ngày sau đó, cuối cùng cũng cướp đi mọi khát vọng của anh mãi mãi. Cần nhiều thuốc hơn mới giúp anh tránh được cơn đau. Anh chuyển lên nhà nằm vĩnh viễn, trên một chiếc giường viện đặt cạnh cửa sổ phòng khách.

Đó là chuỗi ngày của những bộ đồ ngủ và râu ria xồm xoàm, của thều thào và nhờ vả và anh cứ không ngừng cảm ơn mọi người vì tất cả những gì họ đã làm giúp anh. Một buổi chiều, anh chỉ băng quơ về phía một giỏ đựng quần áo đặt ở góc phòng và hỏi tôi, “Cái gì kia?”

“Giỏ quần áo?”

“Không, cạnh nó cơ.”

“Em chẳng thấy có gì cạnh nó cả.”

“Đó là mảnh tự tôn cuối cùng của anh. Nó rất nhỏ.”

Ngày hôm sau, tôi tự mình vào nhà. Mọi người không muốn tôi bấm chuông nữa vì sợ sẽ đánh thức anh dậy. Các chị anh đang ở đó cùng với hai ông chồng ngân hàng của mình và ba cậu con trai, chúng đều chạy ùa đến chỗ tôi đồng thanh hỏi *chị là ai chị là ai chị là ai*, chạy vòng quanh lối vào như thể sức chứa của phổi là một loại tài nguyên tái tạo. Tôi đã gặp các chị của

anh, nhưng chưa từng gặp những đứa trẻ hay cha của chúng.

“Chị là Hazel,” tôi nói.

“Cậu Gus có một cô *bạn gái*,” một đứa nói.

“Chị biết cậu Gus có một cô bạn gái,” tôi nói.

“Chị í có tí,” một đứa khác nói.

“Thật thế à?”

“Sao chị lại có cái đó?” đứa đầu tiên chỉ vào cái giá bình oxy của tôi.

“Nó giúp chị thở được,” tôi đáp. “Cậu Gus dậy chưa?”

“Chưa, cậu vẫn đang ngủ.”

“Cậu đang chết,” một đứa khác nói.

“Cậu đang chết,” đứa thứ ba khẳng định, giọng đột nhiên nghiêm trọng. Một lúc im lặng, tôi đang nghĩ xem mình nên nói thế nào, nhưng rồi một đứa đá đứa kia và chúng lại bắt đầu cuộc đua, ngã chồng lên nhau thành một đồng lăn vào trong bếp.

Tôi vào phòng khách chào bố mẹ Gus và gặp hai ông anh rể của anh, Chris và Dave.

Thực sự tôi không biết nhiều về hai người chị cùng cha khác mẹ của anh, nhưng họ vẫn ôm chầm lấy tôi. Chị Julie đang ngồi bên thành giường, nói chuyện với Gus vẫn đang ngủ bằng cái giọng giống hết kiểu một người có thể nựng nịu một đứa trẻ mới sinh rằng bé thật đáng yêu, “Ôi Gussy Gussy,

Gussy bé bỏng của chúng ta.” Gussy của chúng ta? Họ đã có được anh sao?

“Anh sao rồi, Augustus?” tôi nói, cố gắng cư xử kiểu mẫu đúng mực.

“Gussy xinh xắn của chúng ta,” chị Martha nói, nghiêng người về phía anh. Tôi bắt đầu bắn khoăn không biết anh đang ngủ thật hay chỉ vừa mới ấn ngón tay nặng nề của mình lên cái máy bơm thuốc để tránh Cuộc Tấn Công từ Hai Bà Chị Tốt Bụng.

Một lúc sau anh thức dậy và câu đầu tiên anh nói là “Hazel,” tôi phải thừa nhận điều đó khiến tôi rất hạnh phúc, như thể tôi cũng đã trở thành một phần trong gia đình anh. “Ra ngoài,” anh khe khẽ nói. “Mình đi được không?”

Chúng tôi cùng đi, mẹ anh đẩy xe, các chị và các anh rể và bố và các cháu và tôi xếp hàng theo sau. Hôm đó là một ngày hè đầy mây, lặng gió và nóng bức. Anh mặc áo phông dài tay màu xanh hải quân với quần nỉ thể thao. Không hiểu sao lúc nào anh cũng thấy lạnh. Anh muốn uống nước, vì thế bố anh quay vào trong lấy một chút cho anh.

Chị Martha cố gắng bắt chuyện với Gus, quỳ xuống cạnh anh và nói, “Mắt em lúc nào cũng đẹp như thế.” Anh khẽ gật đầu.

Một ông anh rể đặt tay lên vai Gus và hỏi, “Thấy không khí trong lành thế nào?” Gus nhún vai.

“Con có cần thuốc không?” mẹ anh hỏi, ngồi xuống cùng vòng tròn mọi người đang quỳ xung quanh anh. Tôi dịch người lại một bước, ngắm nhìn lũ trẻ chạy xuyên qua bụi hoa tới một thảm cỏ nhỏ trong sân sau nhà Gus. Chúng lập tức bắt đầu một trò chơi quăng quật nhau xuống đất.

“Các con!” Chị Julie lơ đãng quát.

“Chị chỉ mong rằng,” chị Julie nói, quay lại với Gus, “lớn lên chúng sẽ trở thành những chàng trai thông minh, biết suy nghĩ như em.”

Tôi cưỡng lại thôi thúc ọe ra thành tiếng. “Anh ấy không thông minh thế đâu,” tôi bảo chị Julie.

“Cô ấy đúng đấy. Đa số những người thực sự xinh đẹp đều ngốc nghếch cả, thế nên em vượt quá mức mong đợi rồi.”

“Ừ, căn bản tại vẻ nóng bỏng của anh thôi,” tôi nói.

“Nó có thể khiến người ta mờ mắt luôn,” anh đáp.

“Nó làm mù luôn cả cậu bạn Isaac của chúng ta rồi đấy,” tôi nói.

“Một tấn thảm kịch khủng khiếp. Nhưng anh có thể làm gì được với vẻ đẹp chết người của mình đây?”

“Anh không thể.”

“Đấy là gánh nặng của anh, cái khuôn mặt đẹp dễ này.”

“Còn chưa kể đến thân hình cậu đấy.”

“Thật đấy, đừng để em phải kể đến thân hình nóng bỏng của mình. Anh sẽ không muốn thấy em nuy đâu, Dave. Mới nhìn cời đồ ra thôi đã khiến Hazel Grace hết cả thở rồi,” anh nói, hất đầu về phía cái bình ôxy.

“Được rồi, thôi nào,” bố Gus nói, rồi đột nhiên ông vòng tay qua ôm tôi, đặt một nụ hôn lên thái dương tôi và thì thầm, “Bác cầu nguyện Chúa vì cháu mỗi ngày, con gái à.”

Dù sao đi nữa, đó cũng là ngày tươi đẹp cuối cùng tôi có với Gus cho đến tận Ngày Tươi Đẹp Cuối Cùng.

CHƯƠNG HAI MƯỜI

Một trong những thông lệ ít nhảm nhí nhất của những câu chuyện về trẻ em ung thư là thông lệ về Ngày Tươi Đẹp Cuối Cùng, lúc nạn nhân của ung thư bất ngờ có được vài tiếng đồng hồ khi mà như thể sự suy tàn không thể cưỡng được bỗng nhiên chững lại, khi mà cơn đau trong phút chốc trở nên dễ chịu hơn. Vấn đề ở chỗ, dĩ nhiên, chẳng có cách nào biết được ngày tươi đẹp cuối cùng của bạn có phải Ngày Tươi Đẹp Cuối Cùng hay không. Lúc đó mọi thứ cũng chỉ như một ngày tươi đẹp khác.

Tôi ở nhà một ngày không đến thăm Augustus bởi cảm thấy trong người không được khỏe cho lắm: không có gì đặc biệt, chỉ hơi mệt một chút. Đó là một ngày ảm đạm, khi Augustus gọi cho tôi lúc hơn năm giờ chiều, tôi đã được nối với máy thở BiPAP được kéo ra phòng khách để tôi có thể xem TV cùng Bố Mẹ.

“Chào, Augustus,” tôi nói.

Anh trả lời với cái giọng đã khiến tôi xao xuyến. “Chào buổi tối, Hazel Grace. Em có nghĩ em sẽ tìm được đường đến chỗ Trái Tim Đích Thực Của Chúa tầm tám giờ tối không?”

“Ừm, được ạ?”

“Tuyệt vời. Còn nữa, nếu không phiền, làm ơn chuẩn bị một bài điệu văn.”

“Ừm,” tôi đáp.

“Anh yêu em,” anh nói.

“Em cũng yêu anh,” tôi trả lời. Sau đó anh cúp máy.

“Ừm,” tôi mở lời. “Con phải đến chỗ Nhóm Tương Trợ lúc tám giờ tối nay. Gặp mặt khẩn cấp.”

Mẹ tôi tắt tiếng TV. “Mọi chuyện vẫn ổn đấy chứ?”

Tôi nhìn mẹ một thoáng, đôi lông mày nhăn lên. “Con nghĩ đây là một câu hỏi tu từ.”

“Nhưng sao lại có –”

“Bởi vì Gus cần con có chuyện gì đó. Không sao mà. Con tự lái được.” Tôi nghịch nghịch cái máy thở BiPAP để chờ Mẹ giúp tháo nó ra nhưng bà không làm thế. “Hazel,” bà nói, “bố con và mẹ đều có cảm giác dạo này chẳng thấy con đâu cả.”

“Đặc biệt với người đi làm cả tuần như bố,” Bố nói.

“Anh ấy cần con,” tôi nói, rồi cuộc đành tự mình tháo cái máy thở BiPAP ra.

“Bố mẹ cũng cần con nữa, con yêu,” bố tôi nói. Ông nắm lấy cổ tay tôi, cứ như tôi là đứa trẻ lên hai sắp phi ra đường không bằng, rồi giữ chặt nó lại.

“Thế Bố cứ thử mắc một căn bệnh giai đoạn cuối nào xem, con sẽ thường xuyên ở nhà.”

“Hazel,” mẹ tôi nhắc.

“Mẹ là người luôn không muốn con suốt ngày ru rú ở nhà cơ mà,” tôi nói với bà. Bố vẫn ôm chặt cánh tay tôi. “Giờ mẹ lại muốn để mặc anh ấy một mình rồi chết còn con bẹp dí nơi này để mẹ chăm sóc con như trước ấy hả. Con không cần đâu Mẹ. Con không cần mẹ như trước nữa đâu. Mẹ *mới* là người cần tận hưởng cuộc sống này.”

“Hazel!” Bố quát, siết tay tôi chặt hơn. “Xin lỗi mẹ con mau.”

Tôi giăng tay lại nhưng ông không chịu buông ra, tôi không thể đeo ống khí vào bằng một tay được. Thật khó chịu. Tôi chỉ muốn làm một cuộc Nổi loạn Trẻ con như hồi xưa, giậm thành thành ra khỏi phòng rồi đóng sầm cánh cửa chui vào phòng ngủ của mình bật nhạc của The Hectic Glow âm ỉ rồi hùng hục viết một bức diếu văn. Nhưng tôi không làm thế được vì đến thở còn chẳng nổi nữa. “Cái ống thở,” tôi rên rỉ. “Con cần nó.”

Bố lập tức buông tôi ra và vội vàng gắn tôi với cái bình ôxy. Tôi có thể thấy cảm giác tội lỗi trong mắt ông, nhưng ông vẫn chưa nguôi giận. “Hazel, xin lỗi mẹ con đi.”

“Được rồi, con xin lỗi, nhưng làm ơn cứ để con đi đi.”

Cả hai đều không nói gì cả. Mẹ vẫn ngồi đó khoanh tay, chẳng buồn nhìn tôi. Một lúc sau, tôi đứng dậy và đi về phòng viết cho Augustus.

Cả Bố và Mẹ đều thử gõ cửa phòng một hai lần gì đấy, nhưng tôi chỉ nói tôi đang làm mấy việc quan trọng. Tôi mất rất lâu để định hình những gì tôi muốn nói, ngay cả thế tôi vẫn chưa hài lòng lắm. Trước khi viết gần xong tôi nhìn đồng hồ đã là 7:40, có nghĩa là dù tôi *có không* thay đổi gì thì mình vẫn bị muộn, thế nên cuối cùng tôi mặc luôn cái quần ngủ bằng vải bông xanh nhạt, dép xỏ ngón và chiếc áo Butler của Gus.

Tôi đi ra khỏi phòng và định đi ngang qua bố mẹ, nhưng bố cất tiếng, “Con không thể ra khỏi nhà mà không xin phép.”

“Ôi Chúa ơi, Bố. Anh ấy muốn con viết cho anh một bức *diếu văn*, được chứ? Con sẽ ở nhà mỗi. Buổi. Tối. Bắt đầu từ giờ, được chứ?” Cuối cùng nó cũng khiến bố mẹ tôi im lặng.

Mất cả quãng thời gian trên đường tôi mới bình tĩnh lại về chuyện bố mẹ tôi. Tôi vòng xe ra sau nhà thờ và đỗ sau xe của Augustus trên lối đi hình bán nguyệt. Cửa sau của nhà thờ được chèn bởi một hòn đá to bằng năm tay. Bước vào trong, tôi định đi cầu thang bộ nhưng rồi quyết định đợi cái thang máy ọp ẹp cổ lỗ.

Khi cửa thang máy mở ra, tôi bước vào căn phòng của Nhóm Tương Trợ, những cái ghế vẫn được xếp thành vòng tròn như cũ. Nhưng giờ tôi chỉ thấy mỗi Gus ngồi trên chiếc xe lăn, gầy xơ xác. Anh ngồi quay mặt về phía tôi ở giữa vòng tròn. Chắc anh đang ngồi đợi cánh cửa thang máy mở ra.

“Hazel Grace,” anh nói, “trông em xinh quá.”

“Em biết mà?”

Tôi nghe tiếng sột soạt ở góc phòng. Isaac đứng sau một cái bục gỗ nhỏ, tay vịn lấy nó. “Cậu muốn ngồi không?” tôi hỏi cậu ấy.

“Không, tớ đang chuẩn bị đọc bài điếu. Cậu đến muộn.”

“Cậu...tớ...gì cơ?”

Gus ra hiệu cho tôi ngồi xuống. Tôi kéo một chiếc ghế ra giữa vòng tròn cùng anh trong khi anh quay cái ghế của mình về phía Isaac. “Anh muốn được có mặt ở lễ tang của mình,” Gus nói. “À này, em sẽ phát biểu đôi lời ở lễ tang của anh chứ?”

“Ừm, tất nhiên, vâng,” tôi nói, để đầu mình tựa vào vai anh. Tôi vòng tay sau lưng anh ôm cả anh lẫn cái ghế. Anh nhắm mắt lại. Tôi bỏ tay ra.

“Tuyệt vời,” anh nói. “Anh hi vọng anh sẽ đến dự được như một con ma, nhưng để chắc chắn, anh nghĩ – ừm, anh không nên khiến em phải khó xử như thế, nhưng chiều nay anh đã nghĩ anh có thể sắp xếp trước một buổi lễ tang trừu tượng, và anh nhận ra trong khi đầu óc anh còn minh mẫn, không lúc nào

thích hợp như bây giờ.”

“Nhưng làm sao anh vào được đây?” tôi hỏi anh.

“Em có tin họ để cửa mở suốt đêm không?” Gus hỏi lại.

“Ừm, không,” tôi đáp.

“Mà em cũng không nên tin.” Gus cười. “Dù sao anh cũng biết như thế có hơi tự sướng.”

“Này, mày đang đạo bài điều văn của tao đấy,” Isaac nói. “Đoạn đầu tiên nói về mày là thằng đều giả chuyên tự sướng thế nào.”

Tôi bật cười.

“Rồi, rồi,” Gus nói. “Cứ từ từ.”

Isaac hăng giọng. “Augustus Waters là một thằng đều giả chuyên tự sướng. Nhưng chúng ta tha thứ cho hắn. Chúng ta tha thứ không phải bởi hắn có một tấm lòng tốt đẹp vô cùng hết như trái tim dở hơi của hắn, không phải bởi hắn biết cách ngâm một điệu thuốc khéo hơn bất kỳ kẻ không hút thuốc nào trong lịch sử, cũng không phải bởi hắn chỉ có mười tám năm trời trong khi hắn xứng đáng nhận được lâu hơn.

“Mười bảy,” Gus chỉnh lại.

“Tao đang giả sử mày sống được thêm ít nữa, thằng phá đám.

“Tôi đang kể đến đoạn,” Isaac nói tiếp, “Augustus Waters lăm mồm đến mức hắn sẵn sàng ngắt lời bạn ngay trong lễ tang của chính hắn. Hắn còn luôn tỏ ra nguy hiểm: Lạy Chúa Lòng Lạnh, thằng bé chẳng lúc nào đi tiểu mà không suy ngẫm những ý nghĩa ẩn dụ về chất thải của loài người. Và hắn

cũng ảo tưởng: Tôi không tin mình đã gặp được kẻ nào có ngoại hình hấp dẫn hơn thế mà tự nhận thức sâu sắc được vẻ đẹp của mình hơn hẳn.

“Nhưng tôi phải nói điều này: Khi các nhà khoa học tương lai xuất hiện ở nhà tôi với một đôi mắt rô-bốt và bảo tôi thử đeo vào, tôi sẽ yêu cầu họ xéo ngay, bởi vì tôi không muốn nhìn thấy một thế giới mà không có hẳn ở đó.”

Tôi bắt đầu rơm rớm nước mắt.

“Và đó, sau khi đã giả vờ nâng cao quan điểm, tôi sẽ đeo cặp mắt rô-bốt của mình vào, bởi vì tôi nghĩ, biết đâu mình có thể nhìn xuyên qua áo bọn con gái và những thứ khác với đôi mắt rô-bốt đó. Augustus, thằng bạn của tôi, chúc lên đường may mắn.”

Augustus gục đầu xuống một lúc, đôi môi anh mím chặt, rồi giơ ngón tay cái khen Isaac. Sau khi bình tĩnh trở lại, anh nói thêm vào, “Tao sẽ phải cắt cái đoạn nhìn xuyên áo bọn con gái.”

Isaac vẫn đang vịn vào cái bọc. Cậu ấy bắt đầu khóc. Cậu ấy gục trán xuống thành bọc, đôi vai cậu ấy rung lên bần bật, rồi cuối cùng cậu ấy nói, “Con mẹ nó, Augustus, cứ sửa cái điều văn của mày đi.”

“Đừng chửi thề trong Trái Tim Đích Thực Của Chúa,” Gus nói.

“Con mẹ nó,” Isaac chửi lần nữa. Cậu ấy ngẩng đầu lên nuốt nước mắt. “Hazel, cho tớ mượn tay được không?”

Tôi quên mất cậu ấy không thể tự mình quay trở lại vòng tròn. Tôi đứng dậy, đặt bàn tay cậu ấy lên cánh tay tôi, chậm chậm dẫn cậu ấy đến chỗ cái ghế cạnh Gus tôi vừa ngồi. Sau đó tôi bước lên bọc và mở mẫu giấy tôi đã in bài điều văn của mình.

“Tôi là Hazel. Augustus Waters là tình yêu vĩ đại đẹp đẽ và bất hạnh như những ngôi sao bước ngang qua nhau của đời tôi. Giữa chúng tôi là câu

chuyện tình hùng tráng, và tôi không thể nào viết thêm một câu về nó mà không chìm mình trong những giọt nước mắt. Gus đã biết. Gus luôn biết. Tôi sẽ không kể câu chuyện tình của chúng tôi, bởi lẽ – như mọi câu chuyện tình đích thực khác – nó sẽ ra đi cùng với chúng tôi, như nó phải thế. Tôi đã hi vọng anh sẽ có thể viết lời điệu văn cho tôi, bởi vì tôi không muốn ai khác ngoài...” Tôi bắt đầu khóc. “Được rồi, làm sao để không khóc. Làm sao tôi – được rồi. Được rồi.”

Tôi hít vài hơi thật sâu rồi tiếp tục với trang giấy. “Tôi không thể nói về câu chuyện tình của chúng tôi, vậy nên tôi sẽ nói về toán. Tôi không phải một nhà toán học, nhưng tôi biết điều này: Có vô hạn những con số nằm giữa 0 và 1. Có 0,1 và 0,12 và 0,112 và một tập vô hạn những con số khác. Tất nhiên, có một dãy vô hạn các số *lớn hơn* trong khoảng giữa 0 và 2, hay khoảng giữa 0 và một triệu. Có những dãy vô hạn này lớn hơn những dãy vô hạn khác. Một nhà văn chúng tôi từng mếu mợ đã dạy cho chúng tôi điều đó. Có những ngày, có rất nhiều ngày tôi cảm thấy uất ức với dãy vô hạn của mình. Tôi muốn có nhiều con số hơn tôi có thể có, và ơn Chúa, tôi muốn dành cho Augustus Waters nhiều con số hơn anh đã có. Nhưng Gus, tình yêu của em, em không biết nói sao để anh hiểu em cảm thấy biết ơn thế nào vì dãy vô hạn bé nhỏ của chúng ta. Em sẽ không đời nào đánh đổi nó. Anh đã cho em những phút giây vĩnh viễn trong chuỗi ngày ngắn ngủi này, và em vô vàn biết ơn anh.”

CHƯƠNG HAI MƯƠI MỐT

Augustus Waters mất tám ngày sau lễ tang trù bị của anh, ở viện Memorial, trong ICU, khi căn bệnh ung thư, thứ được sinh ra từ anh, cuối cùng cũng khiến trái tim anh, thứ cũng được sinh ra từ anh, ngừng đập.

Anh ở đó với mẹ anh và bố anh và các chị của anh. Mẹ anh gọi cho tôi lúc ba rưỡi sáng. Tôi đã biết, tất nhiên, rằng anh sẽ ra đi. Tôi đã nói chuyện với bố anh trước khi đi ngủ, và ông nói với tôi, “Có thể là đêm nay,” dù thế khi tôi với lấy cái điện thoại trên chiếc bàn cạnh giường và nhìn thấy *Mẹ Gus* trên số gọi đến, mọi thứ trong tôi đều vỡ vụn. Bà chỉ khóc nức nở ở đầu dây bên kia, rồi bà nói với tôi rằng bà rất tiếc, tôi đáp lại rằng tôi cũng rất tiếc, rồi bà nói với tôi anh đã hôn mê một vài tiếng trước khi anh ra đi.

Bố mẹ tôi chạy vào ngay sau đó, nhìn tôi chờ đợi, tôi chỉ gật đầu rồi cả hai ôm lấy nhau, cảm nhận, tôi chắc thế, nỗi kinh hoàng cùng lúc ập đến với họ.

Tôi gọi cho Isaac, cậu ấy chửi rủa cuộc sống và vũ trụ và cả Đức Chúa và hỏi những chiếc cúp chết tiệt ở đâu khi ta cần đập chúng, rồi sau đó tôi nhận ra chẳng còn ai để báo tin nữa, đó là điều buồn nhất. Người duy nhất tôi thực sự muốn nói chuyện về cái chết của Augustus Waters là Augustus Waters.

Bố mẹ tôi ngồi lại trong phòng cho đến tận khi trời sáng rồi cuối cùng Bố cất tiếng, “Con có muốn được ở lại một mình không?” xong tôi gật đầu và Mẹ nói, “Bố mẹ sẽ ở ngay ngoài thôi,” còn tôi nghĩ, *con biết mà*.

Không thể chịu đựng được. Tất cả mọi chuyện. Mỗi giây trôi qua càng tệ hơn so với lúc trước. Tôi cứ nghĩ đến chuyện gọi cho anh, tự hỏi chuyện gì sẽ xảy ra nếu có ai nhắc máy. Những tuần sau cuối chúng tôi đã dành ít thời gian hơn để ôn lại kỷ niệm cũ, nhưng chuyện đó không phải không có ý nghĩa gì

cả: Niềm vui của việc nhớ nhung những kỷ niệm đã bị tước mất khỏi tôi, vì giờ đây cũng chẳng còn ai để cùng tôi nhắc lại. Cảm giác mất đi người cùng chia sẻ ký ức với mình cũng giống cảm giác mất đi chính ký ức đó, như thể những thứ chúng tôi đã làm trở nên xa vời và vô nghĩa hơn chỉ sau vài giờ trước đó.

Khi vào Phòng Cấp cứu, một trong những việc đầu tiên người ta yêu cầu bạn làm là đánh giá nỗi đau đớn của mình theo thang từ một đến mười, từ đó họ sẽ quyết định sử dụng loại thuốc gì và sớm muộn ra sao. Tôi đã được hỏi câu này hàng trăm lần trong mấy năm qua, và tôi nhớ có một lần lâu lắm rồi tôi không thở được và cảm giác như lồng ngực bị thiêu đốt, những ngọn lửa liếm trong lồng ngực tìm đường thoát ra ngoài cơ thể tôi, bố mẹ đưa tôi vào Phòng Cấp cứu. Một chị y tá hỏi tôi về cơn đau, tôi thậm chí còn không thể nói được, thế nên tôi giơ chín ngón tay lên.

Sau khi họ cho tôi uống thứ gì đó, chị y tá đi vào vuốt ve bàn tay tôi trong khi chị ấy đo huyết áp và bảo, “Em biết sao chị biết em là một chiến binh không? Em gọi mười là chín.”

Điều đó không hẳn đúng lắm. Tôi gọi nó là chín bởi vì tôi muốn giữ lại số mười. Và giờ nó đây, số mười to đùng tệ hại, đội đi đội lại trong khi tôi nằm chết lặng một mình trên giường chăm chăm nhìn cái trần nhà, những làn sóng quăng quật tôi vào mỏm đá rồi kéo tôi ra biển để lại tiếp tục ném tôi vào bề mặt lởm chởm của vách đá, để mặc tôi dập dềnh nổi trên mặt nước, chẳng thể nào chìm sâu.

Cuối cùng tôi cũng gọi vào số anh. Điện thoại anh báo chuông năm lần rồi chuyển đến hộp thư thoại. “Bạn đang được chuyển đến hộp thư thoại của Augustus Waters,” giọng anh cất lên, cái giọng trầm đục đã khiến lòng tôi đổ gục. “Xin để lại lời nhắn.” Tiếng bíp ngân lên. Tiếng lặng câm trên đường dây

thật đáng sợ. Tôi chỉ muốn được quay lại cái khoảng không gian thứ ba mờ ảo bí mật mà chúng tôi từng đến mỗi lần nói chuyện. Tôi chờ đợi cảm giác ấy, nhưng nó đã không đến: tiếng lặng câm trên đường dây chẳng chút nào dễ chịu, cuối cùng tôi gác máy.

Tôi với lấy cái laptop từ trong gầm giường ra rồi bật nó lên vào xem trang cá nhân đã tràn ngập những lời chia buồn của anh. Lời mới nhất thế này:

Tôi yêu cậu, người anh em. Hẹn gặp lại ở một thế giới khác.

...Viết bởi một người tôi chưa từng nghe tên. Thực ra, hầu như tất cả các bài viết cứ xuất hiện dồn dập đến nỗi tôi không kịp đọc đều được viết bởi những người tôi chưa từng gặp cũng như anh chưa từng nhắc tới, những người đang ca tụng bao đức tính tốt đẹp của anh khi giờ anh đã chết, dù tôi biết sự thật là họ đã không gặp anh nhiều tháng nay và cũng chẳng có ý định đến thăm anh. Tôi tự hỏi liệu trang của tôi có như thế này không nếu tôi chết, hay nếu tôi rời khỏi trường học và tiếp tục sống đủ lâu để thoát khỏi những hoài niệm mệnh mang.

Tôi tiếp tục đọc.

Tôi nhớ cậu, anh bạn.

Tôi yêu cậu, Augustus. Chúa ban phúc và phù hộ cho cậu.

Cậu sẽ sống mãi trong lòng chúng tôi, chàng trai vĩ đại.

(Câu này đặc biệt khiến tôi tủi thân, vì nó bao hàm cả sự bất tử của những người đang sống: Cậu sẽ sống mãi trong ký ức của tôi, bởi tôi sẽ sống mãi! GIỜ TA LÀ CHÚA TỂ CỦA NGƯỜI, KẺ ĐÃ CHẾT! TA NẪM GIỮ NGƯỜI! Nghĩ rằng mình sẽ không chết cũng chỉ là một ảnh hưởng phụ khác của việc đang chết mà thôi.)

Cậu luôn là người bạn tốt tôi rất tiếc tôi đã không đến thăm cậu nhiều hơn sau khi cậu nghỉ học, anh bạn. Tôi dám cá bây giờ cậu đang chơi bóng rổ trên thiên đường.

Tôi tưởng tượng xem phân tích của Augustus Waters về câu nói đó sẽ thế nào: Nếu ta đang chơi bóng rổ trên thiên đường, hẳn sẽ có một địa điểm có thực nào đó ở một thiên đường nào đó có chứa những quả bóng rổ có thực. Câu hỏi đặt ra là ai đã tạo nên những quả bóng rổ đó? Có phải có những linh hồn kém may mắn hơn trên thiên đường làm việc trong một nhà máy bóng rổ thiên đường cho ta chơi không? Hay một vị Đức Chúa toàn năng đã tạo nên chúng từ khoảng không vũ trụ? Có phải thiên đường này nằm trong một vũ trụ vô hình mà ở đó các định luật vật lý không áp dụng được, và nếu như vậy thật thì thế quái nào ta lại đi chơi bóng rổ thay vì bay lượn hay đọc sách hay ngắm nhìn những con người xinh đẹp hay những thứ khác mà ta thật sự yêu thích? Nó gần như thể cách người ta nghĩ về cái chết của bạn nói về bản thân họ nhiều hơn nói về cả con người bạn từng thế nào và cái gì bạn giờ ra sao.

Tầm trưa bố mẹ anh gọi cho tôi để thông báo tang lễ sẽ được cử hành trong năm ngày nữa, vào thứ Bảy. Tôi hình dung ra cảnh một nhà thờ với hàng người vẫn nghĩ anh thích bóng rổ, và tôi muốn ới, nhưng tôi biết tôi phải đến dự, tôi còn phải phát biểu các thứ. Sau khi gác máy, tôi lại tiếp tục đọc

trang cá nhân của anh:

Vừa nghe tin Gus Waters đã mất sau một cuộc chiến dài đằng đẳng với căn bệnh ung thư. Yên nghỉ nhé, anh bạn.

Tôi biết những người đó cũng thực sự thấy buồn, và tôi không thật giận họ. Tôi giận dữ với vũ trụ. Ngay cả thế, chuyện này vẫn khiến tôi phát điên: Ta có tất cả những người bạn kiểu này chỉ khi nào ta không còn cần đến bạn bè nữa. Tôi trả lời lại bài viết trên:

Chúng ta sống trong một vũ trụ dành cho sự sáng tạo cũng như sự xóa bỏ nhận thức. Augustus Waters không ra đi sau một cuộc chiến dài đằng đẳng với căn bệnh ung thư. Anh ra đi sau một cuộc chiến dài đằng đẳng với ý thức của con người, một nạn nhân – như bạn rồi cũng sẽ thế – của nhu cầu được tạo nên và phá hủy tất cả những gì có thể của vũ trụ.

Tôi đăng nó và đợi ai đó trả lời, liên tục tải đi tải lại. Chẳng có gì cả. Dòng bình luận của tôi mất hút trong cơn bão của những bài viết mới. Mọi người đều rất nhớ anh. Mọi người đều cầu nguyện cho gia đình anh. Tôi bỗng nhớ lá thư của Van Houten: Viết lách chẳng hồi sinh. Nó chỉ chôn vùi.

Một lúc sau, tôi ra phòng khách ngồi cùng bố mẹ và xem TV. Tôi chẳng biết nó là chương trình gì, rồi mẹ chợt hỏi, “Hazel, bố mẹ có thể làm gì giúp con đây?”

Và tôi chỉ lắc đầu. Tôi lại bắt đầu khóc.

“Bố mẹ có thể làm gì nào?” Mẹ hỏi lần nữa.

Tôi nhún vai.

Nhưng mẹ tôi vẫn tiếp tục hỏi, cứ như có chuyện gì bà có thể giúp, cho đến tận khi tôi nằm vắt lên chiếc ghế sofa dụi đầu vào lòng mẹ còn bố đến ôm chân tôi rất chặt rồi tôi vòng hai tay ra ôm quanh bụng mẹ và họ cứ ôm tôi như vậy hàng giờ liền trong lúc cơn thủy triều tiếp tục trào dâng.

CHƯƠNG HAI MƯƠI HAI

Khi cả nhà mới đến, tôi ngồi ở cuối phòng thăm viếng, một căn phòng nhỏ với vách tường bằng đá nằm ngay cạnh thánh đường trong nhà thờ Trái Tim Đích Thực Của Chúa. Trong phòng được sắp khoảng tám mươi chỗ ngồi, và dù hai phần ba ghế đã kín chỗ, cảm giác một phần ba chỗ còn lại vẫn trống trải hơn.

Trong một lúc tôi chỉ ngồi nhìn mọi người đi tới chiếc quan tài được đặt trên một giá đỡ phủ bằng vải tím. Tất cả bọn họ những người tôi chưa từng gặp trước đây đều khụy xuống bên cạnh anh hoặc đứng bên cạnh ngắm nhìn anh một lúc, có người khóc, có người nhả nhủ điều gì đó, và rồi tất cả bọn họ đều đặt tay lên chiếc quan tài thay vì đặt tay lên người anh, vì chẳng ai muốn chạm vào người đã chết.

Bố mẹ Gus đứng cạnh chiếc quan tài, ôm lấy tất cả mọi người khi họ đi ngang qua, nhưng khi thấy tôi, họ mỉm cười và lật đặt bước qua. Tôi đứng dậy ôm bố anh trước rồi đến mẹ anh, bà ôm tôi rất chặt như Gus vẫn thường ôm, siết chặt hai bả vai tôi. Cả hai trông già hẳn đi – hốc mắt trũng sâu, làn da nhăn nheo trên khuôn mặt đã quá mệt mỏi. Họ hẳn cũng đã với tới đích của cuộc đua chạy vượt rào nước rút.

“Thằng bé yêu con rất nhiều,” mẹ Gus nói. “Thực sự yêu con. Nó không phải – không phải tình yêu thời thơ ấu hay gì đâu,” bà thêm vào, cứ như tôi chẳng biết điều ấy.

“Anh ấy cũng rất yêu hai bác,” tôi khẽ nói. Điều này thật khó để giải thích, nhưng nói chuyện với họ cảm giác không khác gì tự mình đâm và bị đâm ngược trở lại. “Cháu rất tiếc,” tôi nói. Rồi sau đó bố mẹ anh nói chuyện với bố mẹ tôi – cuộc trò chuyện chỉ toàn những cái gật đầu và mím chặt môi. Tôi nhìn lên chiếc quan tài và nhận ra không có ai ở đó, nên tôi quyết định bước lên. Tôi kéo ống ôxy ra khỏi mũi và vòng chiếc ống qua đầu, đưa nó cho Bố. Tôi muốn chỉ có tôi và chỉ có anh. Tôi xách cái cặp nhỏ của mình rồi bước lên

qua lối đi tạm thời giữa những hàng ghế.

Quãng đường trông thật dài, tôi tự nhủ với hai lá phổi của mình hãy im miệng lại, rằng chúng thật mạnh mẽ, rằng chúng có thể vượt qua. Tôi có thể thấy anh trong khi tôi bước lại gần: Mái tóc của anh được chải gọn gàng sang trái theo một cách mà anh có thấy chắc phải rất rất kinh hoàng và khuôn mặt anh đã được plastic hóa[117]. Nhưng anh vẫn là Gus. Gus lỏng không đẹp đẽ của tôi.

Tôi muốn mặc bộ váy đen tôi mua dịp bữa tiệc sinh nhật thứ mười lăm, bộ váy tang của tôi, nhưng nó không còn vừa nữa, thế nên tôi mặc một chiếc váy trơn màu đen, dài chấm gối. Augustus mặc bộ vét với ve áo nhỏ mà anh đã mặc tới Oranjee.

Trong khi tôi quỳ xuống, tôi nhận ra họ đã vuốt đôi mắt anh khép lại – dĩ nhiên họ phải làm thế – thế là tôi không bao giờ được nhìn vào đôi mắt xanh của anh nữa. “Em vẫn yêu anh, với thì hiện tại,” tôi thì thầm, rồi đặt bàn tay lên giữa ngực anh vỗ về, “Mọi chuyện ổn rồi, Gus. Ổn rồi. Mọi chuyện. Mọi chuyện ổn rồi, anh nghe em nói không?” tôi đã – và đang – chẳng có một chút tự tin nào rằng anh có thể nghe tôi nói. Tôi cúi xuống và hôn lên má anh. “Okay,” tôi nói. “Okay.”

Bỗng nhiên tôi ý thức được rằng tất cả mọi người đang dõi theo chúng tôi, lần cuối cùng có nhiều người thấy chúng tôi hôn nhau như thế là ở Nhà Anne Frank. Nhưng nói cho đúng, chẳng còn hai đứa chúng tôi để họ nhìn nữa. Chỉ một mình tôi.

Tôi mở cái cặp ra, thò tay vào, lấy ra một hộp Camel Lights cứng. Với một động tác rất nhanh hi vọng không ai đằng sau để ý thấy, tôi khê nhét hộp thuốc vào khoảng trống giữa người anh và dải nhung màu bạc lót bên trong quan tài. “Anh cứ việc đốt chúng,” tôi thì thầm với anh, “em không nói gì đâu.”

Trong khi tôi nói chuyện với anh, Bố và Mẹ đã di chuyển lên hàng ghế thứ

hai mang theo cái bình ôxy, thế nên tôi không cần phải đi quãng đường xa xôi trở lại. Bố đưa một tờ khăn giấy khi tôi ngồi xuống. Tôi xì mũi, vòng ống dẫn khí qua vành tai rồi đặt đầu phun trở lại chỗ của nó.

Tôi đã nghĩ chúng tôi sẽ vào trong thánh đường dành cho một lễ tang thực sự, nhưng tất cả đều diễn ra trong căn phòng bé nhỏ này – Bàn Tay Đích Thực Của Chúa, tôi đoán, một phần của thập tự giá nơi ngài bị đóng đinh. Một vị mục sư bước lên đứng sau cổ quan tài, như thể nó là một bục thuyết giảng hay gì đó, nói một lúc về Augustus đã có một cuộc chiến anh dũng thế nào và đức tính anh hùng của anh khi đối mặt với căn bệnh là nguồn động viên với mọi người ra sao, và tôi bắt đầu cảm thấy phát cáu khi ông mục sư nói, “Trên thiên đàng, Augustus Waters cuối cùng sẽ được chữa lành và toàn vẹn,” cứ như thể anh chẳng toàn vẹn vì thiếu mất một chân thôi được, tôi kiểu không thể ngăn được tiếng thở dài ngao ngán. Bố nắm lấy tôi ngay phía trên đầu gối và nhìn tôi với vẻ không hài lòng, nhưng từ hàng ghế phía sau, ai đó đang cầu nguyện với giọng hầu như không thể nghe thấy ngay gần tai tôi, “Một đồng cút ngựa, nhỉ, bé con?”

Tôi xoay người lại.

Peter Van Houten mặc một bộ vét trắng bằng vải lanh, được may vừa vặn với thân hình phụng phịu của ông ta, sơ-mi xanh lơ và cà vạt xanh lá. Ông ta ăn mặc như cho một cuộc xâm lược thuộc địa Panama chứ không phải cho một tang lễ. Ông mục sư bắt đầu, “Chúng ta hãy cùng cầu nguyện,” nhưng trong khi những người khác cúi đầu, tôi chỉ có thể há hốc mồm nhìn Peter Van Houten. Một lúc sau ông ta thì thầm, “Chúng ta cứ giả vờ cầu nguyện,” rồi cúi đầu.

Tôi cố gắng quên ông ta và cầu nguyện cho Gus. Tôi tập trung nghe ông mục sư nói và không ngoái lại nhìn.

Ông mục sư gọi Isaac lên, cậu ấy nghiêm túc hơn hẳn so với buổi lễ tang trù bị. “Augustus Waters là Thị trưởng của Thành phố Ung thư Huyền bí, và không ai có thể thay thế cậu,” Isaac bắt đầu. “Những người khác sẽ kể cho chúng ta những câu chuyện vui về Gus, bởi vì cậu rất hài hước, nhưng tôi sẽ kể một câu chuyện nghiêm túc: Một ngày sau khi mắt tôi bị tháo ra, Gus có mặt ở bệnh viện. Tôi bị mù và đau khổ và chẳng muốn làm gì cả rồi Gus chạy

xộc vào phòng và hét lên, ‘Tao có tin tốt lành đây!’ Và tôi thì ‘Tao chẳng muốn nghe tin tốt lành nào bây giờ cả,’ rồi Gus nói, ‘Đây là tin tốt lành mà mày sẽ muốn nghe,’ rồi tôi hỏi cậu ấy, ‘Được thôi, tin gì đấy?’ và cậu ấy nói, ‘Tao sắp được sống một cuộc sống rất dài và tốt đẹp với đây những khoảnh khắc tuyệt vời và kinh khủng mà mày còn không thể tưởng tượng được nữa!’”

Isaac không thể nói tiếp, hoặc có thể đó là tất cả những gì cậu ấy viết.

Sau khi một bạn học cấp ba kể vài câu chuyện về tài năng bóng rổ đáng nể của Gus và rất nhiều phẩm chất của một thành viên trong đội bóng như anh, ông mục sư nói, “Bây giờ chúng ta sẽ nghe một vài lời tâm sự từ người bạn đặc biệt của Augustus, Hazel. *Người bạn đặc biệt?* Có một vài tiếng khúc khích từ phía những người đến viếng, nên tôi nghĩ là sẽ không sao nếu mở đầu bằng cách đính chính với ông mục sư, “Cháu là bạn gái anh ấy.” Câu đó làm rõ lên một tràng cười. Sau đó tôi bắt đầu đọc bài điệu văn tôi đã viết.

“Có một câu rất hay trong nhà Gus, câu mà cả anh và tôi đều thấy được an ủi: *Nếu không có nỗi đau, chúng ta đâu biết được niềm vui.*”

Tôi bắt đầu phun ra mấy Lời động viên nhằm nhí trong khi bố mẹ của Gus, tay trong tay, ôm chặt nhau và gật đầu sau từng câu chữ. Những lễ tang, tôi đã quyết định rồi, là dành cho những người đang sống.

Sau khi chị Jolie của anh phát biểu, buổi lễ kết thúc với một lời cầu nguyện cho Gus được quay quần bên Chúa, tôi nhớ lại những gì anh đã nói với tôi ở Oranjee, rằng anh không tin vào lâu đài nguy nga cùng những cây đàn hạc, nhưng có tin vào Thứ gì đó với chữ *T* viết hoa, thế nên tôi cố gắng tưởng tượng anh ở một Thế giới nào đó với chữ *T* viết hoa như chúng tôi cầu nguyện, nhưng ngay cả thế tôi vẫn khó mà tin anh và tôi có thể được bên nhau lần nữa. Tôi đã biết quá nhiều người đã mất. Tôi biết giờ thời gian trôi qua với tôi sẽ khác thời gian trôi qua với anh – rằng tôi, cũng như mọi người khác trong căn phòng này – vẫn tiếp tục góp nhặt yêu thương và mất mát trong khi

anh thì không. Với riêng tôi, đó là thảm kịch cuối cùng và thực sự không thể chịu đựng được: Như tất cả số người đã chết không thể đếm nổi khác, anh đã bị giáng bậc từ người bị ám ảnh sang kẻ đi ám ảnh một lần và mãi mãi.

Sau đó một ông anh rể của Gus mang lên một chiếc cát-sét xách tay và bật một bài hát Gus đã chọn trước – một bài hát buồn và êm dịu của nhóm The Hectic Glow tên là “Người Tình Mới.” Thật ra tôi chỉ muốn được về nhà. Tôi chẳng biết bất kỳ ai trong số họ, và tôi cảm thấy đôi mắt ti hí của Peter Van Houten chòng chọc nhìn vào bờ vai trần của tôi, nhưng sau khi bài hát kết thúc, mọi người đều bước đến chỗ tôi bày tỏ rằng bài phát biểu của tôi thật xúc động, và buổi lễ thật ấm cúng, mà đó là lời dối trá: Đây là một lễ tang. Nó giống như mọi lễ tang khác.

Những người hộ tang của anh – anh chị em họ, bố anh, một ông chú, những người bạn tôi chưa từng gặp – bước tới và đón anh, rồi họ bắt đầu đi về phía chiếc xe tang.

Khi Bố Mẹ và tôi đã vào trong xe, tôi bảo, “Con không muốn đi. Con mệt lắm.”

“Hazel,” Mẹ nói.

“Mẹ à, ở đây không có chỗ ngồi đâu và mọi thứ sẽ rất lâu còn con thì kiệt sức.”

“Hazel, con phải đi vì hai bác nhà Waters chứ,” Mẹ bảo.

“Chỉ...” tôi nói. Tự dưng tôi thấy mình thật bé nhỏ trên băng ghế sau. Tôi cũng muốn mình còn bé. Tôi muốn bé lại như hồi sáu tuổi gì đó. “Được ạ,” tôi nói.

Tôi nhìn chăm chăm ra cửa sổ một lúc. Tôi thực sự không muốn đi. Tôi không muốn nhìn cảnh người ta hạ anh xuống mặt đất trong chỗ mà anh đã chọn cùng bố anh từ trước, và tôi không muốn nhìn bố mẹ anh khụy xuống trên đám cỏ ẩm sương và rên rỉ trong cơn đau, và tôi không muốn nhìn thấy

cái bụng rượu của Peter Van Houten căng phồng sau chiếc áo vét bằng vải lanh, và tôi không muốn òa khóc trước mặt một tá người, và tôi không muốn rắc một nắm bụi đất trên nấm mồ của anh, và tôi không muốn bố mẹ phải đứng đó dưới bầu trời xanh trong với những ánh nắng chiều nghiêng nghiêng[118], nghĩ về ngày này của họ, của đứa con gái cứng và phần mộ của tôi và quan tài của tôi và nấm đất của tôi.

Nhưng tôi đã làm tất cả những điều này. Tôi đã làm tất cả và còn tệ hơn, bởi vì Bố Mẹ nghĩ chúng tôi nên làm thế.

Sau khi lễ tang kết thúc, Peter Van Houten bước tới đặt bàn tay ú nần lên vai tôi và nói, “Ta đi nhờ một đoạn được chứ? Xe ta thuê đỗ tận dưới chân đồi.” Tôi nhún vai, ông ta tự mở cửa sau ngay khi bố tôi vừa mở khóa chiếc xe.

Ngồi trong xe, ông ta chồm người qua khoảng trống giữa hai ghế trước và nói, “Peter Van Houten: Tiểu thuyết gia Danh dự và Kẻ gây thất vọng Bán chuyên nghiệp.”

Bố mẹ tôi tự giới thiệu. Ông ta bắt tay hai người. Tôi khá ngạc nhiên vì việc Peter Van Houten đã bay nửa vòng trái đất để đến dự lễ tang. “Làm thế nào ông lại –” tôi định nói nhưng ông ta đã cắt ngang.

“Ta đã dùng cái mạng Internet quỷ quái của các cháu để theo dõi bảng tin cáo phó ở Indianapolis.” Ông ta lặn vào trong túi áo vét lanh của mình và lấy ra một be rượu whiskey.

“Và ông chỉ cần mua một cái vé và –”

Ông ta lại cắt ngang tôi lần nữa trong khi vặn cái nắp ra. “Mười lăm ngàn cho vé hạng nhất, nhưng ta đủ năng lực tài chính để theo đuổi mấy trò bốc đồng như thế. Đồ uống trên chuyến bay được miễn phí. Nếu uống nhiều một chút thì cũng gần như hòa vốn.”

Van Houten nốc một ngụm rồi nhích người lên mời bố tôi, ông đáp, “Ừm không, xin cảm ơn.” Rồi Van Houten lắc cái be về phía tôi. Tôi đón lấy nó.

“Hazel,” mẹ tôi nhắc, nhưng tôi vẫn mở nắp ra và nhấp một ngụm. Nó khiến dạ dày tôi cảm giác như hai lá phổi. Tôi trả cái be lại cho Van Houten, ông ta uống một ngụm dài rồi nói, “Vậy thì. *Omnis cellula e cellula.*”

“Hả?”

“Cậu bạn Waters của cháu và ta có trao đổi đôi chút, trong lá thư cuối cùng —”

“Khoan đã, giờ ông lại đọc thư của người hâm mộ à?”

“Không, cậu bé gửi thẳng nó đến nhà ta, không qua nhà xuất bản. Và khó mà nói rằng cậu bé là một người hâm mộ ta được. Cậu ta khinh bỉ ta. Nhưng dù sao cậu bé cũng đình ninh rằng cách hành xử khó chịu của ta sẽ được tha thứ nếu như ta đến dự lễ tang và nói cho cháu biết chuyện gì đã xảy đến với mẹ Anna. Thế nên ta đến và đây là câu trả lời của cháu: *Omnis cellula e cellula.*”

“Gì cơ?” tôi hỏi lại.

“*Omnis cellula e cellula,*” ông ta nhắc lại lần nữa. “Mọi tế bào đều bắt nguồn từ những tế bào. Mỗi tế bào đều sinh ra từ một tế bào trước đó, cái cũng được sinh ra từ một tế bào trước nữa. Sự sống sản sinh từ sự sống. Sự sống sản sinh sự sống sản sinh sự sống sản sinh sự sống sản sinh sự sống.”

Chúng tôi đã đi tới chân đồi. “Được rồi, ừ,” tôi nói. Tôi chẳng có tâm trạng

đâu mà nghĩ cho chuyện này. Peter Van Houten không được lợi dụng tang lễ của Gus. Tôi không được cho phép ông ta làm thế. “Cảm ơn,” tôi nói. “Xem nào, tôi nghĩ chúng ta đã xuống đến chân đồi.”

“Cháu không muốn một lời giải thích?” ông ta hỏi.

“Không,” tôi đáp. “Tôi ổn. Tôi nghĩ ông chỉ là một gã nát rượu đáng thương nói năng những điều văn hoa bóng bẩy để được chú ý như đứa cựa non mới mười một tuổi đầu và tôi thấy vô cùng thương hại cho ông. Nhưng ừ, không, ông chẳng còn là kẻ đã viết *Nỗi đau tột cùng* chút nào nữa, vậy nên ông đừng viết ra một đoạn kết nào cả cho dù ông có muốn thế. Dầu sao cũng cảm ơn. Chúc ông cuộc sống tuyệt vời.”

“Nhưng –”

“Cảm ơn vì chỗ rượu,” tôi nói. “Giờ thì ra khỏi xe đi.” Trông ông ta thật tội nghiệp. Bỏ dừng xe lại và chúng tôi vẫn nổ máy chờ ở đó, dưới phần mộ của Gus khoảng một phút cho đến khi Van Houten mở cửa xe, cuối cùng im lặng, bỏ đi.

Trong khi chúng tôi rời đi, tôi ngoái lại nhìn ông ta qua cửa kính sau xe đang uống một ngụm và nâng chai về phía chúng tôi, như thể nâng cốc chúc mừng. Đôi mắt ông ta trông thật buồn. Thực lòng tôi thấy tội cho ông ta sao đó.

Cuối cùng chúng tôi cũng về đến nhà lúc khoảng sáu giờ, và tôi hoàn toàn kiệt sức. Tôi chỉ muốn đi ngủ, nhưng Mẹ bắt tôi phải ăn chút pasta phô mai, ít ra bà cũng cho phép tôi ngồi ăn trên giường. Tôi ngủ với máy thở BiPAP một vài tiếng đồng hồ. Tỉnh dậy quả là một nỗi kinh hoàng, bởi trong một lúc chưa định hình được tôi đã cảm thấy như mọi chuyện đều ổn, rồi nó lại nghiền nát tôi một lần nữa. Mẹ gỡ máy thở BiPAP cho tôi, tôi tự mình nối bình oxy rồi loạng quạng vào phòng tắm đánh răng.

Ngắm mình qua gương trong lúc đánh răng, tôi vẫn vợ nghĩ có hai loại người lớn: Có những người như Peter Van Houten, những sinh linh khốn khổ lòng sục khắp thế giới kiếm tìm ai đó để làm tổn thương. Và có những người như bố mẹ tôi, những người đi lại vật vờ như những bóng ma, làm mọi thứ họ phải làm để tiếp tục cất bước.

Chẳng viễn cảnh nào khiến tôi thực sự mong muốn. Tôi nhận ra tôi đã được thấy mọi thứ trịnh nguyên và tốt đẹp của thế giới này, và tôi bắt đầu ngờ ngợ rằng giá như cái chết có đường chen ngang, tình yêu mà Augustus và tôi từng sẻ chia cũng chẳng kéo dài được mãi. *Bình minh rồi cũng hóa ngày, có một nhà thơ đã viết. Sắc vàng nào chẳng đổi thay.*[\[119\]](#)

Có ai đó gõ lên cửa nhà tắm.

“Có người rồi ạ,” tôi nói.

“Hazel à,” bố tôi gọi. “Bố vào được không?” Tôi không trả lời, nhưng một lúc sau tôi mở khóa cửa. Tôi ngồi xuống nắp bồn cầu đã được gập xuống. Sao hít thở thôi cũng phải mệt nhọc như thế? Bố quỳ xuống cạnh tôi. Ông ôm đầu tôi và kéo nó dựa vào ngực ông, rồi ông nói, “Bố rất buồn khi Gus mất.” Tôi bị ngạt thở bởi chiếc áo phông của ông, nhưng cảm giác được ôm thật chặt, chìm đắm trong mùi hương dễ chịu của bố thật dễ chịu. Như thế ông đang cáu giận gì đấy, nhưng tôi thích thế, vì chính tôi cũng đang giận dữ. “Toàn là nhảm nhí,” ông nói. “Toàn bộ chuyện này. Tám mươi phần trăm cơ hội sống và thẳng bé nằm trong hai mươi phần trăm còn lại? Nhảm nhí. Thằng bé mới thông minh làm sao. Thật nhảm nhí. Bố căm ghét mọi chuyện này. Nhưng chắc hẳn yêu cậu ấy là một đặc ân dành cho con, đúng không?”

Tôi dụi đầu vào áo ông.

“Để con biết bố nghĩ về con thế nào,” ông nói.

Bố của tôi. Ông luôn biết phải nói gì.

CHƯƠNG HAI MƯỜI BA

Một vài ngày sau đó, tôi thức dậy vào khoảng giữa trưa rồi lái xe sang nhà Isaac. Cậu ấy tự mình ra mở cửa. “Mẹ đưa Graham đi xem phim rồi,” cậu ấy nói.

“Chúng ta nên vào làm gì đó,” tôi nói.

“Gì đó nghĩa là ngồi trên sofa chơi điện tử dành cho người mù được không?”

“Ừ, chính là gì đó tớ đã nghĩ trong đầu.”

Thế rồi chúng tôi ngồi đó trong mấy tiếng đồng hồ cùng nhau nói chuyện với cái màn hình, mò mẫm trong một cái hang rồi rầm vô hình không một tia ánh sáng. Phần hay ho nhất của trò chơi là cố gắng dẫn cái máy tính vào cuộc trò chuyện hài hước của chúng tôi:

Tôi: “Chạm vào vách hang.”

Máy tính: “Bạn chạm vào vách hang. Nó rất ẩm ướt.”

Isaac: “Liếm vào vách hang.”

Máy tính: “Tôi không hiểu. Xin nhắc lại.”

Tôi: “Ấy với vách hang ẩm ướt.”

Máy tính: “Bạn thử nhảy lên. Bạn bị cộc đầu.”

Isaac: “Không phải *nhảy*. ẤY.”

Máy tính: “Tôi không hiểu.”

Isaac: “Anh bạn, tôi đã cô đơn trong bóng tối của cái hang này hàng tuần rồi và tôi cần được giải thoát. ẤY CÁI VÁCH HANG.”

Máy tính: “Bạn thử nhả—”

Tôi: “Hãy mộng vào vách hang.”

Máy tính: “Tôi không—”

Isaac: “Hãy đâm đuổi với vách hang.”

Máy tính: “Tôi không—”

Tôi: “*THÔI ĐƯỢC*. Men theo lối bên trái.”

Máy tính: “Bạn men theo lối bên trái. Lối đi hẹp dần.”

Tôi: “Bò xuống.”

Máy tính: “Bạn bò được khoảng gần một trăm mét. Lối đi hẹp dần.”

Tôi: “Trườn xuống.”

Máy tính: “Bạn trườn đi khoảng ba mươi mét. Có một dòng nước chảy xuống người bạn. Bạn gặp một đồng đá nhỏ chặn ngang lối đi.”

Tôi: “Giờ thì tôi ấy được chứ?”

Máy tính: “Bạn không thể nhảy lên mà không đứng dậy.”

Isaac: “Tôi không thích phải sống trong một thế giới không có Augustus Waters.”

Máy tính: “Tôi không hiểu –”

Isaac: “Tôi cũng thế. Tạm dừng.”

Cậu ấy thả cái điều khiển xuống cái ghế chỗ giữa chúng tôi và hỏi, “Cậu có biết là nó có đau hay sao không?”

“Cậu ấy chắc đã rất khó nhọc mới thở được, tớ đoán thế,” tôi nói. “Cậu ấy cuối cùng cũng hôn mê, nhưng nó nghe như, ừm, nó chẳng tốt đẹp gì cả. Chết đi lúc nào cũng tệ.”

“Ừ,” Isaac đáp. Rồi một lúc lâu sau, “Không thể cứ như thế được.”

“Lúc nào cũng vậy mà,” tôi nói.

“Cậu như đang giận à,” cậu ấy hỏi.

“Ừ,” tôi đáp. Chúng tôi cứ ngồi yên lặng rất lâu, như vậy thật tốt, rồi tôi bắt đầu nhớ lại mọi thứ từ ban đầu khi Gus nói về nỗi sợ hãi bị lãng quên ở Trái Tim Đích Thực Của Chúa, rồi tôi bảo anh rằng anh đang sợ một nỗi sợ chung và không thể tránh được, và rồi thật ra, vấn đề không phải ở chính nỗi đau đớn hay sự lãng quên mà ở sự vô nghĩa đến tiêu cực của những chuyện này, chủ nghĩa hư vô hoàn toàn phi nhân tính về sự khổ đau. Tôi nghĩ về lời của bố nói với tôi rằng vũ trụ này muốn được chú ý. Nhưng cái chúng ta muốn lại là được vũ trụ chú ý đến, được vũ trụ quan tâm đến mọi thứ xảy đến với chúng

ta – không phải để ý đến cuộc sống nhân sinh nói chung mà là mỗi người trong số chúng ta, từng người riêng lẻ.

“Gus thực sự yêu cậu, cậu biết chứ,” cậu ấy nói.

“Tớ biết.”

“Nó chẳng bao giờ chịu ngậm mồm cả.”

“Tớ biết,” tôi nói.

“Thật bực mình.”

“Tớ không thấy bực mình,” tôi nói.

“Nó đã bao giờ đưa cậu mấy thứ nó viết chưa?”

“Thứ gì cơ?”

“Phần tiếp theo của cuốn sách cậu thích gì đó.”

Tôi quay sang Isaac. “Gì cơ?”

“Nó bảo nó đang làm gì đó cho cậu nhưng nó không giỏi văn đến thế.”

“Cậu ấy nói thế khi nào?”

“Tớ không nhớ. Chắc là sau khi đi Amsterdam về mấy hôm.”

“Hôm nào?” tôi hỏi dồn. Chẳng nhẽ anh đã không có cơ hội để hoàn thành nó? Hay anh viết xong rồi và để nó trong máy tính hay đâu đó?

“Ừm,” Isaac thở dài. “Ừm, tớ không nhớ. Bọn tớ nói chuyện đó có một lần ở đây. Nó đã ở đây, xong rồi – ừ, bọn tớ nghịch cái máy đọc email rồi tớ nhận được thư từ bà tớ. Tớ có thể kiểm tra lại trên máy nếu cậu –”

“Ừ, ừ, nó ở đâu?”

Anh đã nói chuyện về nó một tháng trước đây. Một tháng. Không phải một tháng tốt lành gì, thật thà mà nói, nhưng vẫn là – một tháng. Từng đấy ít nhất cũng đủ thời gian cho anh viết gì đó. Vẫn có thứ gì đó của anh, hoặc ít nhất bởi anh, đang lưu lạc đâu đó quanh đây. Tôi cần nó.

“Tớ đến nhà cậu ấy bây giờ,” tôi bảo Isaac.

Tôi vội chạy ra cái xe minivan lôi cái giá bình ôxy ra bỏ lên ghế trước. Tôi khởi động máy. Tiếng nhạc hip-hop chồm lên từ dàn âm thanh, và trong khi tôi với tay để chuyển sang kênh radio khác, có ai đó bắt đầu hát rap. Bằng tiếng Thụy Điển.

Tôi xoay người lại và hét ầm lên khi thấy Peter Van Houten đang ngồi trên ghế đằng sau.

“Ta xin lỗi vì đã làm cháu giật mình,” Peter Van Houten nói át cả tiếng nhạc rap. Ông ta vẫn mặc bộ vét hôm lễ tang, gần cả tuần nay rồi. Người ông ta đầy mùi như thể mồ hôi cũng toàn là rượu. “Cháu cứ giữ cái đĩa CD,” ông ta nói. “Snook, một trong những nhóm nổi tiếng người Thụy–”

“Á á á á RA KHỎI XE CỦA TÔI.” Tôi tắt dàn âm thanh.

“Đây là xe của mẹ cháu, theo như ta hiểu,” ông ta nói. “Thêm nữa, nó cũng không khóa.”

“Ôi Chúa ơi! Ra khỏi xe mau nếu không tôi sẽ gọi chín-một-một. Ông già, ông có vấn đề sao vậy?”

“Nếu có thì chỉ một,” ông ta trầm ngâm. “Ta đến đây chỉ đơn giản để xin lỗi cháu. Cháu đã đúng khi nói ta chỉ là một kẻ nhỏ mọn đáng thương, nghiện ngập trong rượu. Ta chỉ có một người quen từng dành thời gian ở bên ta bởi ta trả lương để cô bé làm vậy – tệ hại hơn, từ khi cô bé nghỉ việc, ta chỉ còn là một linh hồn cô quạnh không thể tìm được một người ở bên dù có là dùng tiền mua chuộc. Tất cả đều đúng, Hazel. Tất cả những điều này và còn hơn thế nữa.”

“Được rồi,” tôi đáp. Bài phát biểu nghe sẽ cảm động hơn nếu lời lẽ ông ta không líu nhíu cả lại như thế.

“Cháu khiến ta nhớ đến Anna.”

“Tôi khiến rất nhiều người nhớ về rất nhiều người,” tôi nói. “Tôi thực sự phải đi.”

“Thế thì lái đi,” ông ta nói.

“Ra ngoài.”

“Không. Cháu khiến ta nhớ đến Anna,” ông ta lặp lại. Sau một giây, tôi cài số lùi và lùi ra ngoài. Tôi không thể bắt ông ta ra ngoài được, và tôi cũng chẳng cần. Tôi sẽ lái xe đến nhà Gus, và bố mẹ Gus sẽ có thể tống ông ta ra.

“Cháu dĩ nhiên có biết,” Van Houten nói, “Antonietta Meo.”

“Ờ, không,” tôi đáp. Tôi bật dàn âm thanh lên, tiếng nhạc hip-hop Thụy Điển lại réo, nhưng tiếng Van Houten hét át cả nó.

“Cô bé có lẽ là người trẻ tuổi nhất chưa tử vì đạo được phong chân phúc bởi Giáo hội Công giáo. Cô bé mắc cùng một căn bệnh ung thư với cậu

Waters, u xương ác tính. Họ đã tháo bỏ chân bên phải của cô bé. Đau đớn đến tột cùng. Trong khi Antonietta Meo nằm hấp hối ở độ tuổi mới già nửa sáu, cô bé nói với cha của mình, ‘Cơn đau cũng giống như sợi vải: Càng dai chắc bao nhiêu, càng quý giá bấy nhiêu.’ Phải thế không Hazel?”

Tôi không nhìn trực tiếp ông ta mà nhìn qua bóng tấm gương phản chiếu. “Không,” tôi hét lên để át tiếng nhạc. “Thật vớ vẩn.”

“Chẳng phải cháu cũng mong muốn nó là thật à!” ông ta gào lại. Tôi tắt tiếng nhạc. “Ta xin lỗi đã làm hỏng chuyến đi của các cháu. Các cháu còn quá trẻ. Các cháu –” Ông ta gục xuống. Như thể ông ta có quyền khóc thương cho Gus vậy. Van Houten cũng chỉ là một trong số vô tận những người khóc thương mà chẳng biết gì về anh, một lời chia buồn muộn màng khác trên trang cá nhân của anh.

“Ông chẳng làm hỏng gì chuyến đi của chúng tôi, lão già tự phụ ạ. Chúng tôi vẫn có một chuyến đi tuyệt vời.”

“Ta đang cố,” ông ta nói. “Ta đang cố. Ta thề.” Đến lúc này tôi mới chợt nhận ra Peter Van Houten cũng đã mất đi một người trong gia đình. Tôi bắt đầu để ý đến sự chân thực ông đã viết về những đứa trẻ ung thư; việc ông không thể nói chuyện với tôi ở Amsterdam ngoại trừ hỏi có phải tôi cố tình mặc quần áo giống như bạn ấy; những thứ nhảm nhí của ông ta với tôi và Augustus; những câu hỏi đau lòng của ông ta về mối liên quan giữa điểm tới hạn của cơn đau và giá trị của nó. Ông ta vẫn ngồi đó uống rượu, một lão già đã say xỉn trong nhiều năm. Tôi nghĩ về một thống kê mà tôi ước tôi chưa từng biết đến: Một nửa các cuộc hôn nhân đổ vỡ trong vòng một năm sau cái chết của đứa trẻ. Tôi ngoái lại nhìn Van Houten. Tôi đang lái xe xuống College, tôi đỗ lại sau một làn xe đang đậu rồi hỏi, “Ông có một đứa con đã qua đời?”

“Con gái của ta,” ông nói. “Con bé mới tám tuổi. Chịu đau rất giỏi. Sẽ không bao giờ được phong chân phúc.”

“Em ấy cũng mắc bệnh bạch cầu?” tôi hỏi. Ông gật đầu. “Như Anna,” tôi nói.

“Rất giống cô bé ấy, ừ.”

“Ông đã kết hôn chứ?”

“Không. Ừ, không phải khi con bé mất. Ta đã không thể chịu đựng được rất lâu trước khi chúng ta mất con bé. Buồn đau không làm thay đổi con người ta, Hazel à. Nó bộc lộ con người ta.”

“Ông sống cùng em ấy chứ?”

“Không, ban đầu thì không, mặc dù thời gian cuối chúng ta có đưa con bé đến New York, nơi ta lúc đó đang sống, cho một loạt những cơn tra tấn thí nghiệm mà chỉ gia tăng sự đau khổ cho chuỗi ngày còn lại của con bé mà không tăng thêm số ngày nào cả.”

Một lúc sau tôi nói, “Thế là ông đã cho cô bé một cuộc sống thứ hai để cô bé có thể trở thành một cô gái tuổi mới lớn.”

“Ta nghĩ đó sẽ là một nhận xét hợp lý,” ông ta nói, rồi mau chóng thêm vào, “ta chắc cháu cũng biết đến thí nghiệm tưởng tượng của Philippa Foot^[120] về nghịch lý xe điện?”

“Và rồi tôi xuất hiện ở nhà ông và ăn mặc như cô gái ông hi vọng em ấy sẽ lớn lên và ông, như thế, tất cả mọi thứ tái hiện lại với ông bởi điều đó.”

“Có một cái xe điện bị mất lái đang chạy trên đường ray,” ông ta nói.

“Tôi không quan tâm mấy cái thí nghiệm tưởng tượng ngu ngốc đấy của ông,” tôi đáp.

“Thực ra nó là của Philippa Foot.”

“Ừ, của bà ấy cũng vậy,” tôi nói.

“Con bé không hiểu tại sao mọi chuyện lại xảy đến như thế,” ông ta nói. “Ta buộc lòng phải nói với con bé rằng nó sẽ chết. Các nhân viên công tác xã hội của con bé bảo ta phải nói với nó. Ta phải nói với con bé rằng có thể nó sẽ chết, thế nên ta đã bảo con bé rằng nó đang đi đến thiên đường. Con bé hỏi ta có ở đấy không, rồi ta đáp rằng ta sẽ không ở đó, vẫn chưa. Nhưng cuối cùng, con bé nhắc mãi nên ta đã hứa rằng có, tất nhiên rồi, rất sớm thôi. Và ta nói với con bé rằng trong lúc ấy chúng ta sẽ có một gia đình vĩ đại chăm sóc cho nó. Rồi con bé hỏi ta bao giờ ta sẽ lên trên đó, ta bảo sẽ sớm thôi. Hai mươi hai năm trước.”

“Tôi rất tiếc.”

“Ta cũng vậy.”

Một lúc sau tôi hỏi, “Chuyện gì đã xảy ra với mẹ bạn ấy?”

Ông ta mỉm cười. “Cháu vẫn mong đợi một đoạn kết, cô bé tinh quái ạ.”

Tôi mỉm cười lại. “Ông nên về nhà,” tôi bảo ông ta. “Đừng uống nữa. Viết một cuốn tiểu thuyết khác. Làm những điều ông giỏi. Không nhiều người đủ may mắn để có được một năng khiếu nào đó.”

Ông ta nhìn tôi qua tấm gương một lúc lâu. “Được rồi,” ông ta nói. “Ừ. Cháu nói đúng. Cháu nói đúng.” Nhưng dù nói thế, ông ta vẫn lôi cái be rượu whiskey đã gần hết của mình ra. Ông ta uống, vặn nắp lại, rồi mở cửa xe. “Tạm biệt, Hazel.”

“Đừng nghĩ ngợi nữa, Van Houten.”

Ông ta ngồi xuống lề đường đằng sau chiếc xe. Tôi nhìn theo bóng ông ta nhỏ dần trong chiếc gương chiếu hậu, ông ta lôi chiếc be ra và trong một giây tôi đã tưởng ông ta sẽ bỏ nó lại bên vệ đường. Thế rồi ông ta lại nốc một hơi dài.

Đó là một buổi chiều nóng nực ở Indianapolis, bầu không khí đặc quánh và yên ắng như thể chúng tôi đang ở trong một đám mây. Đây là kiểu không khí tệ hại nhất với tôi, và tôi tự nhủ mình nó chỉ là không khí thôi mà trong quãng đường cuộc bộ từ lối vào đến cửa nhà anh tưởng như dài vô tận. Tôi bấm chuông, mẹ Gus ra mở cửa.

“Ôi, Hazel,” bà nói, ôm bọc lấy tôi, òa khóc.

Bà nấu cho tôi một chút món lasagna[121] cà tím– tôi đoán rất nhiều người đã mang đến đồ ăn gì đấy – để ăn cùng bà và bố Gus. “Cháu khỏe chứ?”

“Cháu nhớ anh ấy.”

“Ừ.”

Tôi thực sự không biết phải nói gì. Tôi chỉ muốn xuống nhà và tìm bất cứ thứ gì anh đã viết cho tôi. Thêm vào đó bầu không khí im lặng trong căn phòng làm tôi bức bối. Tôi muốn hai người nói chuyện với nhau, an ủi hoặc nắm tay nhau gì đấy. Nhưng họ chỉ ngồi đó ăn một chút rất ít lasagna, thậm chí còn chẳng nhìn nhau. “Thiên đường cũng cần một thiên thần chứ,” bố anh mở lời sau một lúc lâu.

“Cháu biết,” tôi đáp. Rồi các chị của anh và đám trẻ con nhốn nháo xuất hiện và ùa vào bếp. Tôi đứng dậy ôm cả hai chị anh rồi ngắm nhìn những đứa trẻ chạy quanh nhà bếp với lượng dư tiếng ồn và chuyển động cực kỳ cần thiết của chúng, những phân tử phấn khích va lẫn nhau hò hét, “Em phải làm[122] không anh phải làm không em làm rồi xong em bắt được anh em không bắt được anh em bắt trượt rồi nhưng em đang bắt được anh mà không thằng ngu đang nghỉ giải lao DANIEL KHÔNG ĐƯỢC GỌI EM CON LÀ ĐỒ NGU Mẹ nếu con không được nói thế thì làm sao mẹ nói được đồ ngu đồ ngu,” rồi đồng thanh, *đồ ngu đồ ngu đồ ngu đồ ngu*, giơ trên bàn bố mẹ Gus đã nắm tay nhau, khiến tôi cảm thấy thoải mái hơn nhiều.

“Isaac bảo cháu Gus đã viết gì đó, gì đó cho cháu,” tôi nói. Lũ trẻ vẫn đang hò hét cái bài hát thằng-ngu của mình.

“Chúng ta có thể xem máy tính của thằng bé,” mẹ anh đáp.

“Anh ấy không dùng nhiều lắm trong mấy tuần cuối,” tôi nói.

“Phải rồi. Bác còn không biết mọi người đã mang nó lên nhà chưa. Nó vẫn ở dưới tầng hầm đúng không, anh Mark?”

“Anh cũng không biết.”

“Dạ,” tôi nói, “cháu có thể...” tôi ngoảnh đầu về phía cửa tầng hầm.

“Chúng ta vẫn chưa dọn gì,” bố anh nói. “Nhưng tất nhiên rồi, được mà, Hazel. Dĩ nhiên cháu có thể.”

Tôi xuống dưới nhà, đi qua chiếc giường bừa bộn của anh, qua mấy chiếc ghế lười dưới cái TV. Máy tính của anh vẫn bật. Tôi nhấn cái chuột để nó sáng lên rồi tìm kiếm những tập tin được chỉnh sửa gần đây nhất của anh. Chẳng có gì trong tháng cuối cùng. Thứ gần đây nhất là một bài viết phản hồi cho tác phẩm *Mắt biếc* của Toni Morrison.^[123]

Có lẽ anh đã viết thứ gì đó bằng tay. Tôi bước qua giá sách của anh, tìm một quyển sổ ghi chép hay sổ tay. Chẳng có gì cả. Tôi lật qua bản *Nỗi đau tột cùng* của anh. Anh chẳng để lại một dấu tích nào trong đó.

Tôi bước đến chỗ chiếc bàn cạnh giường anh tiếp theo. *Mayhem bắt tử*, phần thứ chín sau cuốn *Cái giá của Bình minh*, nằm trên mặt bàn cạnh cái đèn đọc sách, mép trang 138 gấp xuống. Anh chẳng bao giờ làm thế cho đến tận cuối sách. “Bật mí: Mayhem vẫn sống,” tôi đọc to lên cho anh nghe, nhờ mà anh có thể nghe được.

Rồi tôi bò lên chiếc giường bừa bộn của anh, cuộn mình trong chăn của anh như một cái kén tằm, bao bọc mình bởi mùi hương của anh. Tôi gỡ cái ống thở ra để có thể ngủi rõ hơn, hít anh vào và thở anh ra, mùi hương phai dần cả

khi tôi vẫn nằm yên ở đó, ngực tôi nóng bừng lên đến tận khi tôi không thể ý thức được những cơn đau.

Một lúc sau tôi ngồi dậy vẫn ở trên giường rồi cầm lại cái ống của mình và hít thở một lúc trước khi đi lên nhà. Tôi chỉ lắc đầu để đáp lại ánh mắt mong đợi của bố mẹ anh. Lũ trẻ chạy ngang qua tôi. Một chị của Gus – tôi không biết ai với ai – nói, “Mẹ có muốn con dẫn lũ trẻ ra công viên hay đi chơi đâu không?”

“Không, không, chúng nó đang chơi vui mà.”

“Có chỗ nào anh ấy có thể để lại một cuốn sổ tay không ạ? Chẳng hạn như giường viện hay đâu đó?” Chiếc giường đã được chuyển đi, bệnh viện đã lấy về.

“Hazel à,” bố anh nói, “cháu đã ở đây mỗi ngày với các bác. Cháu – thằng bé không ở một mình nhiều đâu, cháu yêu. Thằng bé không có thời gian để viết được gì đấy. Bác biết cháu muốn...bác cũng muốn như thế. Nhưng lời nhắn thằng bé để lại cho chúng ta đến từ trên đó, Hazel à.” Ông chỉ tay lên trần nhà, như thể Gus đang lơ lửng ngay trên ngói nhà. Có thể anh ở đấy thật. Tôi không biết nữa. Cho dù tôi không cảm nhận được sự hiện diện của anh.

“Dạ,” tôi đáp. Tôi hứa sẽ trở lại thăm họ trong mấy ngày tới.

Tôi không bao giờ gặp lại mùi hương của anh lần nữa.

CHƯƠNG HAI MƯƠI TƯ

Ba ngày sau, ngày thứ mười một SG,[124] bố Gus gọi cho tôi vào buổi sáng. Tôi vẫn đang được gắn với máy thở BiPAP nên đã không trả lời, nhưng tôi vẫn nghe tin nhắn của ông ngay khi tiếng bíp vang lên qua điện thoại. “Hazel, chào cháu, bác là bố Gus đây. Bác tìm thấy một, ừ, một cuốn sổ Moleskine[125] bìa đen trong giá để tạp chí gần chiếc giường bệnh của thằng bé, bác nghĩ là nó đủ gần để Gus với tới được. Thật không may là không có ghi chép gì trong đó. Tất cả các trang giấy đều để trắng. Nhưng trang đầu – bác nghĩ là ba hay bốn gì đấy – mấy trang đầu đã bị xé khỏi cuốn sổ. Bác đã tìm khắp nhà nhưng không thấy đâu cả. Thế nên bác không biết có kết luận được gì không. Nhưng cũng có thể Isaac nói đến mấy trang này đúng không nào? Dù sao bác cũng hi vọng cháu luôn khỏe. Gia đình bác cầu nguyện cho cháu mỗi ngày, Hazel à. Thế nhé, tạm biệt cháu.”

Ba hay bốn trang giấy bị xé khỏi một cuốn sổ Maleskin không còn ở trong nhà Augustus Waters. Anh có thể để nó ở đâu nhỉ? Dán vào chỗ *Funky Bones* à? Không, anh còn không đủ khỏe để đi đến đấy.

Trái Tim Đích Thực Của Chúa. Có thể anh đã để nó lại cho tôi vào Ngày Tươi đẹp Cuối cùng của anh.

Thế là ngày hôm sau tôi ra khỏi nhà sớm hơn hai mươi phút để đến chỗ Nhóm Tương Trợ. Tôi lái xe qua nhà Isaac, đón cậu ấy rồi chúng tôi cùng đi tới Trái Tim Đích Thực Của Chúa trong chiếc minivan, để cửa sổ hạ xuống, nghe album mới ra của nhóm The Hectic Glow mà Gus chẳng bao giờ có thể nghe được.

Chúng tôi đi lên thang máy. Tôi dẫn Isaac đến chỗ một chiếc ghế trong Vòng tròn Niềm tin rồi từ từ lòng sục quanh Trái tim Đích thực. Tôi kiểm tra khắp mọi nơi: dưới những chiếc ghế, xung quanh cái bục nơi tôi đứng đọc bài điệu văn, bên dưới bàn bày thức ăn, trên cái bảng thông cáo ghim đầy những bức vẽ về tình yêu với Chúa của lũ trẻ lớp Chủ nhật. Không có gì hết. Đây là nơi duy nhất chúng tôi ở bên nhau trong những ngày cuối cùng ngoại trừ nhà anh, và nó cũng chẳng ở đây nốt hay có khi tôi đã bỏ lỡ chỗ nào đó. Có thể anh đã để nó lại cho tôi trong bệnh viện, nhưng nếu thế thì nó hầu như chắc

chấn đã bị ném đi sau khi anh mất.

Tôi thực sự thấy khó thở khi ngồi xuống một chiếc ghế cạnh Isaac, và tôi dành toàn bộ câu chuyện mất bí của anh Patrick để nhủ với hai lá phổi rằng chúng ổn, rằng chúng thở được, rằng có đủ ôxy. Chúng đã bị tràn dịch một tuần trước khi Gus mất – tôi đã nhìn thấy chất dịch ung thư màu hổ phách được hút ra qua chiếc ống – và giờ cảm giác nó lại ngập đầy lần nữa. Tôi tập trung vào việc tự động viên mình thở đến nỗi không nhận ra anh Patrick đang gọi tên tôi đầu tiên.

Tôi giật mình lấy lại tập trung. “Dạ?” tôi hỏi.

“Em khỏe không?”

“Em ổn cả, anh Patrick. Em hơi khó thở một chút.”

“Em có muốn chia sẻ điều gì về Augustus với chúng ta không?”

“Em ước gì em được chết luôn đi, Patrick. Anh có bao giờ ước mình được chết luôn không?”

“Có,” Patrick đáp, anh không ngập ngừng như thường lệ. “Có chứ, dĩ nhiên. Sao ta lại không chứ?”

Tôi nghĩ về điều đó. Câu trả lời có sẵn từ rất lâu rồi của tôi là tôi muốn ở lại vì bố mẹ, bởi lẽ họ sẽ đau đến đứt từng khúc ruột và sẽ trở nên đơn độc sau khi tôi chết, điều đó vẫn đúng, nhưng không còn chính xác nữa. “Em không biết.”

“Hi vọng rằng sức khỏe của em sẽ khá hơn chẳng?”

“Không,” tôi trả lời. “Không, không phải thế. Em thực sự không biết. Isaac?” tôi hỏi. Tôi đã quá mệt vì nói chuyện rồi.

Isaac bắt đầu nói về tình yêu đích thực. Tôi không thể nói cho mọi người biết tôi nghĩ gì vì nó có vẻ quá ủy mị đối với tôi, nhưng tôi lại nghĩ về việc vũ trụ muốn được chú ý tới, và tôi đã để ý đến nó hết mức có thể ra sao. Tôi cảm giác tôi mắc nợ vũ trụ này mà chỉ sự lưu tâm của tôi mới đền đáp được, và tôi cũng nợ tất cả những ai sẽ không còn được làm một con người nữa và những ai vẫn chưa được trở thành một con người. Những gì bố đã nói với tôi, căn bản là vậy.

Tôi ngồi yên lặng trong suốt phần còn lại của Nhóm Tương Trợ, và Patrick dành một lời cầu nguyện đặc biệt cho tôi, và tên của Gus đã được thêm vào cuối danh sách dài đằng đẳng những người đã mất – mười bốn người trong số họ cho một người trong số chúng tôi – và chúng tôi lại hứa sẽ sống tốt nhất cho ngày hôm nay, rồi cuối cùng tôi dẫn Isaac ra chỗ chiếc xe.

Khi tôi trở về nhà, Bố Mẹ đang ngồi trên bàn ăn với mỗi người một chiếc laptop, và đúng lúc tôi bước qua cửa, Mẹ gập máy lại. “Có gì trong máy tính thế ạ?”

“Mấy công thức món ăn chống ôxy hóa thôi. Sẵn sàng với BiPAP và *America’s Next Top Model* chưa nào?” bà hỏi.

“Con sẽ đi năm một lúc.”

“Con không sao chứ?”

“Vâng, chỉ hơi mệt thôi.”

“Con phải ăn đã trước khi con –”

“Mẹ à, con chẳng thấy đói tí nào cả.” Tôi bước một bước về phía cửa phòng nhưng mẹ ngăn tôi lại.

“Hazel, con phải ăn. Chỉ một ch –”

“Không. Con đi ngủ.”

“Không,” Mẹ nói. “Con không được.” Tôi liếc sang bố tôi, ông nhún vai.

“Đây là cuộc sống của con,” tôi nói.

“Con không được bỏ đói mình đến chết chỉ bởi Augustus đã qua đời. Con phải ăn tối.”

Không hiểu sao tôi thực sự phát cáu. “Con không thể ăn, Mẹ à. Con không thể. Được chứ?”

Tôi cố đi ngang qua nhưng bà giữ chặt hai vai tôi lại và nói, “Hazel, con phải ăn. Con cần phải giữ sức khỏe.”

“KHÔNG!” tôi hét lên. “Con sẽ không ăn tối, và con không thể giữ gìn sức khỏe vì con có sức khỏe chút nào đâu. Con đang chết đấy Mẹ. Con sẽ chết và bỏ bố mẹ ở đây một mình và mẹ sẽ không còn con để mà quanh quẩn đâu và mẹ sẽ không còn là một người mẹ chút nào nữa, và con xin lỗi, con chẳng thay đổi được gì đâu, được chứ?!”

Tôi lập tức hối hận khi nói xong.

“Con đã nghe thấy.”

“Sao cơ?”

“Con đã nghe thấy mẹ nói thế với bố con đúng không?” Đôi mắt bà ràn rụa nước. “Đúng không?” Tôi gật đầu. “Ôi, Chúa ơi, Hazel. Mẹ xin lỗi. Mẹ sai rồi, con yêu. Không phải thế đâu. Mẹ đã nói thế trong một phút tuyệt vọng. Không phải mẹ tin như thế đâu.” Bà ngồi xuống, rồi tôi ngồi xuống cạnh bà.

Tôi bắt đầu nghĩ tôi nên chọc chọc vài miếng pasta cho bà vui lòng thay vì nổi cáu.

“Mẹ tin cái gì, nếu thế?” tôi hỏi.

“Chỉ cần một trong hai chúng ta còn sống, mẹ vẫn sẽ là mẹ của con,” bà nói. “Ngay cả nếu con chết, mẹ –”

“Khi chứ,” tôi nói.

Bà gật đầu. “Ngay cả khi con chết, mẹ vẫn sẽ là mẹ của con, Hazel à. Mẹ sẽ không thôi việc làm mẹ của con đâu. Con có thôi yêu Gus không?” Tôi lắc đầu. “Đấy, thế mẹ ngừng yêu con làm sao nổi.”

“Được rồi mà,” tôi nói. Bố tôi lại đang khóc.

“Con muốn hai người cũng có một cuộc sống,” tôi nói. “Con lo bố mẹ sẽ không có một cuộc sống thật sự, lo bố mẹ chỉ suốt ngày ngồi đây mà không có con để chăm sóc, nhìn mãi những bức tường và chẳng muốn làm gì cả.”

Một phút sau Mẹ nói, “Mẹ đang tham gia mấy khóa học. Trực tuyến, liên kết với IU[\[126\]](#). Để nhận bằng thạc sĩ ngành công tác xã hội. Thực ra không phải mẹ đang xem mấy công thức món ăn chống ôxy hóa đâu; mẹ đang viết một bài luận.”

“Thật à?”

“Mẹ không muốn con nghĩ mẹ đang tưởng tượng đến một cuộc sống không có con đâu. Nhưng nếu mẹ nhận được bằng MSW[\[127\]](#), mẹ sẽ có thể tư vấn cho những gia đình trong cơn khủng hoảng hay dẫn dắt hội nhóm những người có người thân đang phải đối chọi với các căn bệnh hay –”

“Từ đã, mẹ sẽ trở thành một anh Patrick đúng không?”

“Ừm, cũng không hẳn thế. Có rất nhiều loại hình công tác xã hội mà.”

Bố nói, “Bố mẹ đã rất lo rằng con sẽ cảm thấy bị bỏ rơi. Con cần biết bố mẹ sẽ *mãi mãi* ở đây vì con, Hazel. Mẹ con sẽ không đi đâu cả.”

“Không, chuyện này rất tốt. Thật tuyệt vời!” tôi mỉm cười thực sự. “Mẹ sắp trở thành một anh Patrick. Mẹ sẽ là một anh Patrick vĩ đại. Mẹ sẽ còn tuyệt hơn nhiều anh Patrick nữa.”

“Cảm ơn con, Hazel. Điều đó rất có ý nghĩa với mẹ.”

Tôi gật đầu. Tôi đang khóc. Tôi không thể diễn tả được tôi đã vui mừng đến thế nào, những giọt nước mắt hạnh phúc thực sự cho lần đầu tiên có lẽ kéo dài mãi mãi, tưởng tượng mẹ mình là một anh Patrick. Nó làm tôi nghĩ đến mẹ của Anna. Bà cũng là một nhân viên công tác xã hội tuyệt vời.

Một lúc sau chúng tôi bật TV lên và xem *ANTM*. Nhưng tôi tạm dừng lại sau năm giây vì có rất nhiều câu hỏi dành cho Mẹ. “Thế bao lâu nữa mẹ sẽ tốt nghiệp?”

“Nếu mẹ dành một tuần đến Bloomington vào mùa hè này, mẹ có thể hoàn thành vào tháng Mười hai.”

“Chính xác thì mẹ đã giấu con chuyện này bao lâu rồi?”

“Một năm.”

“Mẹ.”

“Mẹ không muốn khiến con bị tổn thương, Hazel.”

Thật đáng kinh ngạc. “Thế mỗi lần mẹ chờ con ở MCC hay Nhóm Tương Trợ hay ở đâu cũng là mẹ –”

“Đúng thế, làm bài hoặc đọc sách.”

“Thật tuyệt. Nếu con mà chết, con muốn cho mẹ biết rằng con sẽ thả dài với mẹ từ trên thiên đường mỗi khi mẹ đề nghị ai đó chia sẻ cảm xúc của họ.”

Bố tôi bật cười. “Bố cũng ở đây với con luôn, cục cưng à,” ông cam đoan với tôi.

Cuối cùng, chúng tôi xem *ANTM*. Bố rất cố gắng để không bị chết vì chán, cứ liên tục nhầm lẫn cô này với cô khác, “Chúng ta thích cô này phải không?”

“Không, không. Chúng ta *ném đá* Anastasia. Chúng ta thích *Antonia*, cái cô nàng tóc vàng kia cơ,” Mẹ giải thích.

“Tất cả đều cao và kinh dị chẳng khác gì nhau,” Bố đáp lại. “Thứ lỗi cho anh vì chẳng biết ai với ai hết.” Bố quàng tay qua tôi nắm lấy bàn tay Mẹ.

“Bố mẹ nghĩ bố mẹ sẽ vẫn ở bên nhau nếu con chết chứ?” tôi hỏi.

“Hazel, gì cơ? Con yêu.” Bà mò mẫm chiếc điều khiển TV và dừng nó lại lần nữa. “Có chuyện gì thế?”

“Chỉ là, bố mẹ có nghĩ thế không?”

“Có, tất nhiên rồi. Dĩ nhiên là thế,” Bố trả lời. “Sao con lại lo lắng cả chuyện này nữa?”

“Con chỉ không muốn phá hỏng cuộc sống của bố mẹ gì đấy thôi.”

Mẹ cúi người qua và dụi mặt vào mớ tóc bù xù của tôi rồi hôn lên đỉnh đầu. Tôi nói với Bố, “Con không muốn bố trở thành một gã nghiện rượu thất nghiệp đáng thương nào đấy.”

Mẹ tôi mỉm cười. “Bố con không phải Peter Van Houten, Hazel à. Con là người rõ hơn ai hết việc người ta có thể chung sống với nỗi đau mà.”

“Vâng ạ, được rồi,” tôi đáp. Mẹ ôm tôi và tôi cứ để kệ thế dấu rằng tôi không thực sự thích bị ôm. “Được rồi, mẹ có thể bật TV lên mà,” tôi nói. Anastasia bị loại. Cô ta nổi điên lên kìa. Thật thích thú.

Tôi ăn một vài miếng cho bữa tối – pasta cánh bướm trộn sốt pesto^[128] – và cố gắng giữ cho chúng trôi xuống.

CHƯƠNG HAI MƯƠI LĂM

Sáng hôm sau tôi hết hoảng tỉnh dậy vì mơ thấy mình trơ trọi giữa một hồ nước khổng lồ mà chẳng có bóng dáng một chiếc thuyền nào. Tôi bật dậy, kéo căng cái ống máy thở BiPAP, rồi cảm nhận được cánh tay Mẹ đang vỗ về.

“Chào con, ổn chứ?”

Tim tôi đập loạn lên nhưng tôi vẫn gật đầu. Mẹ nói, “Kaitlyn đang chờ con trên điện thoại đấy.” Tôi chỉ vào cái máy thở BiPAP. Bà giúp tôi gỡ nó ra và nối tôi với Philip rồi cuối cùng tôi đỡ lấy điện thoại của mình từ Mẹ và nói, “Chào cậu, Kaitlyn.”

“Tớ chỉ gọi để hỏi thăm một chút,” cô ấy nói. “Xem cậu có khỏe không.”

“Ừ, cảm ơn,” tôi đáp. “Tớ vẫn khỏe re.”

“Cậu vừa trải qua điều xui xẻo nhất. Thật *quá sức chịu đựng*.”

“Chắc thế,” tôi nói. Tôi không còn nghĩ nhiều về số mệnh của mình thêm nữa dù là hướng này hay hướng khác. Thật lòng tôi không thực sự muốn nói bất cứ chuyện gì với Kaitlyn cả, nhưng cô ấy cứ tiếp tục dây dưa câu chuyện.

“Thế nó như thế nào?” cô ấy hỏi.

“Có người yêu qua đời à? Ừm, rất tệ.”

“Không,” cô ấy nói. “Chuyện tình yêu cơ.”

“À,” tôi đáp. “Ừm, nó...rất vui được ở cạnh một người thú vị. Hai đứa tớ

rất khác nhau, và chúng tớ cãi vã về rất nhiều chuyện, nhưng cậu ấy lúc nào cũng thú vị, cậu biết mà?”

“Chúa ơi, tớ không biết. Bọn con trai tớ gặp đứa nào cũng nhạt nhẽo lắm.”

“Cậu ấy không hoàn hảo gì đâu. Cậu ấy không phải kiểu Bạch mã Hoàng tử trong truyện cổ tích. Cũng đôi lần cậu ấy cố tỏ ra như thế, nhưng tớ thích nhất lúc cậu ấy là chính con người của cậu ấy.”

“Thế cậu có sổ ảnh lưu niệm hay thư tình cậu ấy viết không?”

“Tớ giữ được mấy bức ảnh, nhưng cậu ấy không bao giờ thực sự viết cho tớ một lá thư nào. Ngoại trừ, ừ có một vài trang từ cuốn sổ tay của cậu ấy vẫn chưa tìm được trong đó có thể có thứ gì đó dành cho tớ, nhưng tớ đoán cậu ấy vứt đi rồi hoặc là người ta đã làm mất chúng.”

“Có thể cậu ấy gửi qua mail thì sao?” cô ấy nói.

“Không, thế thì tớ phải nhận được rồi.”

“Thế nhờ những thứ đó không phải viết cho cậu,” cô ấy nói. “Nhờ đâu...tớ không có ý làm cậu buồn hay gì đâu, nhưng nhờ cậu ấy đã viết chúng cho một người khác và gửi mail cho họ –”

“VAN HOUTEN!” Tôi hét lên.

“Cậu không sao chứ? Vừa ho đấy à?”

“Kaitlyn, tớ yêu cậu. Cậu thật thiên tài. Tớ phải đi đây.”

Tôi gác máy, lăn qua giường, với tay xuống lấy cái laptop, bật máy lên, gửi mail cho lidewij.vliegenthart.

Chị Lidewij,

Em tin Augustus Waters đã gửi một vài mẫu giấy xé từ một cuốn sổ tay cho Peter Van Houten ít lâu trước khi cậu ấy (Augustus) mất. Chuyện có ai đó đọc được những trang này rất quan trọng với em. Em muốn đọc chúng, nhưng cũng có thể chúng không phải dành cho em. Bằng giá nào đi nữa, chúng phải được đọc. Chúng phải được đọc. Chị có thể giúp em được không?

Bạn của chị,

Hazel Grace Lancaster

Chị ấy trả lời chiều muộn ngày hôm đó.

Hazel yêu quý,

Chị không biết Augustus đã mất. Chị rất buồn khi nghe tin này. Cậu bé là một chàng trai trẻ rất lôi cuốn. Chị rất rất tiếc, và rất buồn.

Chị chưa nói chuyện với Peter Van Houten kể từ khi chị nghỉ việc vào cái ngày chúng ta gặp nhau. Ở đây đã rất muộn rồi, nhưng việc đầu tiên trong buổi sáng mai là chị sẽ đến nhà ông ta tìm lá thư và bắt ông ta đọc. Buổi sáng là thời gian tốt nhất của ông ta, thông thường là thế.

Bạn của em,

Lidewij Vliegenthart

t.b. Chị sẽ mang theo bạn trai để đề phòng trường hợp bọn chị phải dùng vũ lực với Peter.

Tôi băn khoăn không biết tại sao anh lại viết thư cho Van Houten trong những ngày cuối thay vì tôi, nói với Van Houten rằng ông ta sẽ được tha thứ nếu như ông ta viết cho tôi đoạn kết. Có thể những trang sổ tay chỉ là nhắc lại những yêu cầu của anh với Van Houten. Cũng có thể chứ, Gus đã dùng những tháng ngày cuối cùng của anh làm đòn bẩy biến giấc mơ của tôi thành sự thực: Đoạn kết chỉ là một điều nhỏ nhặt không đáng để hi sinh, nhưng là điều lớn lao nhất anh có thể tự mình làm được.

Tôi liên tục kiểm tra hòm thư điện tử của mình đêm hôm đó, ngủ một vài tiếng rồi lại bắt đầu tiếp tục lúc khoảng năm giờ sáng. Nhưng không có thư nào chuyển đến. Tôi thử xem TV để khiến mình bớt nghĩ ngợi, nhưng tâm trí tôi cứ cuốn về Amsterdam, tưởng tượng cảnh chị Lidewij Vliegenthart và anh bạn trai của chị đạp xe quanh thành phố trong một nhiệm vụ điên rồ là tìm lá thư cuối cùng của một cậu bé đã chết. Nảy lên nảy xuống đằng sau xe chị Lidewij Vliegenthart trên phố lát nền bằng gạch mới vui làm sao, mái tóc đỏ xoăn xoăn của chị lò xo trên mặt, mùi của những con kênh và mùi khói thuốc, những người đang ngồi bên ngoài các quán cà phê uống bia, phát âm những chữ cái *r* và *g* của họ theo cách mà tôi sẽ không bao giờ học được.

Tôi đã bỏ lỡ tương lai. Rõ ràng tôi đã biết trước cả khi bệnh anh tái phát rằng tôi sẽ không bao giờ có thể lớn lên cùng Augustus Waters. Nhưng nghĩ về chị Lidewij và bạn trai của chị, tôi cảm thấy như mình bị tước đoạt cái gì đó. Có thể tôi sẽ không bao giờ được nhìn đại dương từ độ cao chín ngàn mét

phía trên, rất cao đến nỗi không thể phân biệt được đâu là ngọn sóng đâu là những con tàu, khi đó đại dương chẳng khác gì một khối đá vĩ đại trải rộng vô tận. Tôi có thể tưởng tượng ra. Tôi có thể nhớ lại. Nhưng tôi không thể thấy nó lần nữa, và tôi nhận ra tham vọng cuồng loạn của con người sẽ không bao giờ được thỏa mãn chỉ với những giấc mơ trở thành hiện thực, bởi lẽ người ta luôn nghĩ mọi thứ có thể còn tốt hơn nữa và cứ thế.

Điều đó thậm chí còn có thể đúng ngay cả khi bạn sống đến chín mươi tuổi – mặc dù tôi chắc chắn có ghen tị với những người được tự mình kiểm chứng. Nghĩ lại thì tôi cũng đã sống quãng thời gian gấp đôi so với con gái Peter Van Houten. Những thứ định mệnh đã không ban phát cho ông ta để cô con gái ra đi ở tuổi mười sáu.

Đột nhiên Mẹ đến đứng chặn giữa cái TV và tôi, hai tay chấp sau lưng. “Hazel,” bà nói. Giọng bà nghiêm trọng đến mức tôi đã nghĩ có chuyện gì không hay rồi.

“Vâng?”

“Con có biết hôm nay là ngày gì không?”

“Không phải sinh nhật con đúng không?”

Bà cười. “Chưa đâu. Mới mười bốn tháng Bảy thôi, Hazel.”

“Hay sinh nhật của mẹ?”

“Không phải...”

“Hay sinh nhật của Harry Houdini?”[\[129\]](#)

“Không phải...”

“Con phát mệt vì phải đoán nhiều quá rồi.”

“HÔM NAY LÀ NGÀY PHÁ NGỤC BASTILLE!”[\[130\]](#) Bà kéo hai tay từ sau lưng ra, khoe hai lá cờ Pháp bằng nhựa nhỏ xíu và vẫy chúng loạn lên.

“Nghe cứ giả tạo thế nào. Như kiểu Ngày Nâng Cao Nhận Thức Về Bệnh Tả.”

“Mẹ cam đoan với con, Hazel, không có gì là giả tạo về Ngày Phá Ngục Bastille hết. Con có biết vào ngày này cách đây hai trăm hai mươi ba năm, nhân dân Pháp đã tấn công ngục Bastille để tự trang bị vũ khí đấu tranh vì tự do không?”

“Wow,” tôi thốt lên. “Chúng ta nên ăn mừng ngày lễ quan trọng này.”

“Đúng thế mẹ vừa mới lên kế hoạch một buổi picnic với bố con ở công viên Holliday.”

Bà chưa bao giờ thôi cố gắng, mẹ của tôi. Tôi nhún mình khỏi cái ghế sofa và đứng dậy. Chúng tôi cùng nhau chuẩn bị nguyên liệu làm bánh sandwich và tìm được một cái giỏ mây dã ngoại đầy bụi trong tủ đựng đồ ngoài hành lang.

Hôm đó là một ngày trời đẹp, một ngày mùa hè thực sự ở Indianapolis cuối cùng cũng đến, ấm áp và ẩm ướt – cái kiểu thời tiết nhắc nhở chúng ta sau một mùa đông dài rằng thế giới này không phải được tạo nên cho con người, mà chính con người được tạo nên cho thế giới. Bố vẫn đang đợi chúng tôi, mặc một bộ vét màu da rám nắng, đứng trong một ô đậu xe lăn dành cho người tật nguyền và gõ gõ vào máy tính cầm tay của mình. Ông vẫy tay khi chúng tôi đỗ xe lại rồi đến ôm tôi. “Trời đẹp quá,” ông nói. “Nếu chúng ta ở California thì ngày nào cũng thế này cả.”

“Phải đấy, nhưng rồi anh sẽ lại không thích nó cho mà xem,” mẹ tôi nói. Bà đã sai, nhưng tôi cũng không muốn chữa lại.

Cuối cùng chúng tôi trải tấm thảm xuống dưới cạnh Tàn tích^[131], một khối chữ nhật kỳ dị của các phế tích thành La Mã rơi tõm giữa một cánh đồng ở Indianapolis. Nhưng thực ra chúng không hẳn là tàn tích: Chúng giống như những tác phẩm điêu khắc tái dựng lại những phế tích được xây những tám mươi năm về trước, nhưng Tàn tích giả này chẳng được ngó ngàng gì đến nên ngẫu nhiên lại trở thành tàn tích thật. Van Houten chắc sẽ thích nơi này. Gus cũng vậy.

Chúng tôi ngồi trong bóng râm của Tàn tích và ăn một bữa trưa nhẹ. “Con có cần kem chống nắng không?” Mẹ hỏi.

“Con được rồi,” tôi đáp.

Ở đây có thể nghe được tiếng gió xôn xao qua tán lá, những ngọn gió mang theo tiếng hò hét của những đứa trẻ trên sân chơi ở tít đằng xa, những đứa trẻ con đang tìm cách để sống, để làm chủ cái thế giới vốn sinh ra không phải để dành cho chúng bằng cách làm chủ một sân chơi. Bố thấy tôi đang ngăm nhìn lũ trẻ liền hỏi, “Con cũng muốn được chạy nhảy như thế đúng không?”

“Thỉnh thoảng thôi ạ.” Nhưng đó không phải điều tôi đang nghĩ đến. Tôi chỉ đang cố để ý đến mọi thứ: ánh sáng trên Tàn tích đổ nát, một đứa bé chập chững bước đi khám phá cây cột ở góc sân chơi, người mẹ không biết mệt của tôi đang quét mù tạc ngào ngào trên chiếc bánh sandwich gà tây, bố tôi gõ gõ lên cái máy tính cầm tay trong túi quần và cố gắng không lơ đãng ra xem, một anh chàng đang ném một chiếc đĩa bay Frisbee, con chó của anh ta chạy theo bên dưới bắt lấy và mang nó về.

Tôi là ai mà dám nói những điều này sẽ không kéo dài mãi mãi. Peter Van Houten là ai mà dám khẳng định cái phỏng đoán như thật rằng thành quả lao động của chúng ta chỉ là tạm thời? Tất cả những gì tôi biết về thiên đường cùng tất cả những gì tôi biết về cái chết đều hiển hiện trong công viên này: một vũ trụ thanh nhã trong những biến đổi không ngừng, chứa đầy những phế tích đổ nát và những đứa trẻ hò la.

Bố đang vẫy vẫy bàn tay trước mặt tôi. “ Tỉnh lại đi Hazel. Con có nghe không?”

“Xin lỗi, dạ, vâng?”

“Mẹ con nghĩ chúng ta nên đến thăm Gus một lúc?”

“À. Vâng ạ,” tôi trả lời.

Thế là sau bữa ăn trưa, chúng tôi lái xuống Nghĩa trang Crown Hill, nơi an nghỉ cuối cùng và vĩnh viễn của ba vị phó tổng thống, một vị tổng thống[\[132\]](#), và Augustus Waters. Chúng tôi lái xe lên trên đồi rồi đỗ lại. Phía sau chúng tôi xe cộ vẫn chạy ầm ầm trên Đường Ba mươi tám. Ngôi mộ của anh rất dễ nhận ra: Nó là cái mới nhất. Đất vẫn đắp thành một ụ phía trên quan tài của anh. Chưa có bia đá.

Tôi không có cảm giác như anh đang ở đây hay thế nào cả, nhưng tôi vẫn lấy một lá cờ Pháp nhỏ xíu ngộ nghĩnh của Mẹ cắm xuống mặt đất dưới chân nấm mộ của anh. Có thể những người vô tình đi qua sẽ nghĩ anh là một thành viên của Đội quân Lê dương Pháp hay một chàng lính đánh thuê anh hùng nào đó.

Chị Lidewij cuối cùng cũng trả lời lại lúc hơn sáu giờ chiều trong khi tôi ngồi trên ghế sofa vừa xem TV vừa xem mấy video trên laptop. Tôi lập tức nhận ra có bốn tệp đính kèm trong thư và tôi muốn mở chúng ra trước, nhưng tôi cố cưỡng mình lại và đọc bức thư.

Hazel yêu quý,

Peter đang say xỉn khi bọn chị đến lúc sáng nay, nhưng như thế lại khiến công việc của bọn chị dễ dàng hơn. Anh Bas (người yêu của chị) đánh lạc hướng ông ta trong khi chị lục tung cái túi Peter đựng thư của người hâm mộ, nhưng rồi chị nhớ ra Augustus biết địa chỉ của Peter. Có một chồng to tướng trên bàn ăn, nơi chẳng mấy chốc chị tìm được bức thư. Chị mở nó ra và thấy địa chỉ gửi tới Peter, thế nên chị đã bắt ông ta đọc nó.

Ông ta từ chối.

Lúc đấy chị rất bức, Hazel à, nhưng chị đã không hét vào mặt ông ta. Thay vì thế chị đã nói với ông ta rằng vì đứa con gái đã mất, ông ta cần đọc lá thư này từ một cậu bé cũng đã mất, rồi chị đưa lá thư cho ông ta, ông ta đã đọc toàn bộ và nói – chị trích nguyên văn thế này – “Gửi nó cho cô bé và nhắn rằng ta không có gì để thêm vào.”

Chị chưa đọc lá thư, dù rằng một vài dòng đã lọt vào mắt chị trong khi chụp lại mấy trang giấy đính kèm ở đây. Chị cũng sẽ gửi nó theo đường bưu điện đến nhà cho em; địa chỉ nhà em vẫn như cũ chứ?

Cầu Chúa ban phúc và phù hộ cho em, Hazel.

Bạn của em,

Lidewij Vliegthart

Tôi mở bốn tệp đính kèm ra. Chữ viết của anh rất lộn xộn, xiên xẹo khắp trang giấy, chữ bé chữ to với nhiều màu mực lẫn lộn. Anh đã viết nó trong nhiều ngày trong những trạng thái ý thức khác nhau.

Van Houten,

Tôi là một người tốt nhưng là một nhà văn tồi. Ông là một kẻ tồi nhưng lại là một nhà văn tốt. Chúng ta sẽ thành một đội ăn ý. Tôi không muốn cầu xin từ ông bất cứ ân huệ nào, nhưng nếu ông có thời gian – mà theo như tôi thấy, ông có rất nhiều – tôi không biết ông có thể viết một bài điều trần cho Hazel được không. Tôi đã có dàn ý và mọi thứ, nhưng liệu ông có thể sắp xếp chúng thành một đoạn hoàn chỉnh gì cũng được? Hoặc thậm chí chỉ cần chỉ cho tôi biết chỗ nào tôi cần viết khác đi.

Đây là câu chuyện về Hazel: Hầu hết mọi người đều ám ảnh với việc để lại một dấu ấn trên cõi đời. Để lại một di sản. Cái chết vẫn tiếp tục sống. Tất cả chúng ta đều muốn được nhớ đến. Và tôi cũng vậy. Đó là điều khiến tôi khó chịu nhất, trở thành một nạn nhân vô danh trong cuộc chiến chống lại bệnh tật diễn ra từ rất lâu và chẳng vẻ vang gì.

Tôi muốn để lại một dấu ấn.

Nhưng Van Houten: Dấu ấn con người để lại luôn là những vết sẹo. Anh mở một cửa hàng nhỏ gốm ghiếc hay giật dây một cuộc đảo chính hay cố gắng trở thành một ngôi sao nhạc rock và anh nghĩ, “Giờ đây mọi người ta sẽ nhớ đến mình,” nhưng (a) họ không nhớ đến anh, và (b) tất cả những gì anh để lại phía sau chỉ là nhiều hơn những vết sẹo. Cuộc đảo chính của anh biến thành một nền độc tài. Cửa hàng của anh biến thành một phế tích.

(Thôi được, có thể tôi không phải một nhà văn tồi đến thế. Nhưng tôi không thể gộp nhặt những ý tưởng của mình lại với nhau, Van Houten. Suy nghĩ của tôi là những vì sao mà tôi không thể gom lại từng chòm.)

Chúng ta như một bầy chó tè đầy lên những cột nước cứu hỏa. Chúng ta đầu độc mạch nước ngầm với những chất độc trong nước thải của chúng ta, đánh đấu mọi thứ CỦA MÌNH trong một nỗ lực nực cười sống sót khỏi những cái chết. Tôi không thể ngừng tè lên những cột nước cứu hỏa. Tôi biết điều đó thật ngu ngốc và vô dụng – vô dụng một cách đau thương trong tình trạng của tôi – nhưng tôi cũng chỉ là một con thú như bất kỳ ai khác.

Hazel lại khác. Cô ấy đi rất nhẹ, ông già ạ. Cô ấy bước những bước rất nhẹ trên mặt đất này. Hazel biết được sự thật: Chúng ta có thể gây tổn hại cho cái vũ trụ này cũng như là chúng ta có thể giúp đỡ nó, và có thể chúng ta chỉ làm được một trong hai.

Người ta sẽ nói thật đáng buồn rằng cô ấy đã để lại một vết sẹo bé hơn, rằng sẽ ít người nhớ đến cô ấy hơn, rằng cô ấy đã rất được yêu thương nhưng không bởi nhiều người. Nhưng chuyện đó không có gì đáng buồn đâu, Van Houten. Đó là vinh quang. Đó là anh hùng. Không phải thế mới là chủ nghĩa anh hùng đích thực sao? Như những bác sĩ vẫn nói: Điều trước tiên, đừng gây hại gì.

Dù sao những anh hùng đích thực không phải là những người làm mọi thứ; những anh hùng đích thực là những người NHẬN THỨC được mọi thứ, chú tâm tới chúng. Người sáng chế ra vắc-xin đậu mùa thực ra chẳng sáng chế ra

thứ gì cả. Ông ta chỉ nhận ra được rằng những người bị bệnh đậu mùa ở súc vật sẽ không mắc bệnh đậu mùa ở người.

Sau khi có kết quả chụp PET, tôi đã lên vào ICU ngắm nhìn cô ấy trong lúc cô ấy đang hôn mê. Tôi đi đằng sau một cô y tá có thể ra vào rồi ngồi cạnh Hazel khoảng mười phút trước khi bị tóm. Tôi thực sự đã nghĩ cô ấy sẽ ra đi trước khi tôi có thể nói với cô ấy rằng tôi cũng sắp ra đi như thế. Điều đó thật tàn nhẫn: màn diễn thuyết máy móc không ngừng về sự chăm sóc đặc biệt. Chất dịch ung thư đen sẫm được rút ra khỏi lồng ngực cô ấy. Đôi mắt khép lại. Ống dẫn luồn vào. Nhưng bàn tay cô ấy vẫn là bàn tay của cô ấy, vẫn ấm áp với những móng tay được sơn màu xanh đậm gần như đen, rồi tôi nắm tay cô ấy và tưởng tượng đến một thế giới không có chúng tôi và trong một giây tôi đã tốt đến mức hi vọng cô ấy sẽ ra đi, như thế cô ấy sẽ không bao giờ phải biết tôi cũng sắp ra đi như vậy. Nhưng rồi tôi lại muốn có thêm thời gian để chúng tôi có thể yêu nhau. Tôi đã có được điều ước của mình, tôi tin thế. Tôi đã để lại vết sẹo của mình.

Một anh y tá đi vào và bảo tôi phải ra ngoài, khách thăm không được phép vào trong, rồi tôi hỏi cô ấy vẫn ổn chứ và cậu ta nói, “Cô ấy vẫn đang tràn dịch.” Một sa mạc phước lành, một đại dương đáng rửa.

Còn gì nữa? Cô ấy thật đẹp. Ông sẽ không bao giờ mệt mỏi vì ngắm nhìn cô ấy. Ông sẽ không bao giờ lo lắng chuyện cô ấy có thông minh hơn ông: Ông biết cô ấy là vậy. Cô ấy hài hước mà chưa từng ác ý. Tôi yêu cô ấy. Tôi thật may mắn được yêu cô ấy, Van Houten. Ta không được lựa chọn mình có bị làm tổn thương hay không trong cái thế giới này, nhưng ta có quyền lựa chọn xem ai sẽ làm điều đó. Tôi thích sự lựa chọn của mình. Tôi hi vọng cô ấy cũng thích lựa chọn của cô ấy.

Em đồng ý, Augustus.

Em đồng ý.

LỜI CẢM ƠN

Tác giả xin chân thành bày tỏ và cảm ơn:

Căn bệnh và các biện pháp chữa trị trong cuốn tiểu thuyết này là hư cấu. Ví dụ, không có loại thuốc nào là Phalanxifor. Tôi tưởng tượng ra nó, bởi lẽ tôi muốn nó tồn tại. Bất cứ ai muốn tìm hiểu về lịch sử thực tế của ung thư nên đọc cuốn *The Emperor of All Maladies* của tác giả Siddhartha Mukherjee. Tôi cũng xin cảm ơn cuốn *The Biology of Cancer* của tác giả Robert A. Weinberg, cũng như Josh Sundquist, Marshall Urist, và Jonneke Hollanders, những người đã chia sẻ thời gian và những kiến thức chuyên môn về y khoa mà tôi đã vui vẻ bỏ qua khi chúng phù hợp với những ý tưởng bất chợt của mình.

Esther Earl, cuộc sống của em là món quà dành cho tôi và nhiều người khác. Tôi cũng rất biết ơn gia đình Earl – Lori, Wayne, Abby, Angie, Grant, và Abe – vì lòng quảng đại và tình bạn của họ. Được truyền cảm hứng từ Esther, gia đình Earl đã sáng lập một tổ chức phi lợi nhuận, This Star Won't Go Out (Ngôi Sao Không Tắt), để tưởng nhớ em. Bạn có thể tìm hiểu thêm tại tswgo.org.

Quỹ Văn học Hà Lan, tổ chức đã tạo điều kiện cho tôi viết trong hai tháng ở Hà Lan. Tôi đặc biệt biết ơn Fleur van Koppen, Jean Cristophe Boele van Hensbroek, Janetta de With, Carlijn van Ravenstein, Margje Scheepsma, và Hội Nerdfighter Hà Lan.

Biên tập viên và đại diện xuất bản của tôi, Julie Strauss-Gabel, người đã

gắn bó cùng câu chuyện này với đủ bước ngoặt lắt léo trong nhiều năm, cũng như đội ngũ phi thường ở nhà xuất bản Penguin. Đặc biệt xin gửi lời cảm ơn tới Rosanne Lauer, Deborah Kaplan, Liza Kaplan, Steve Meltzer, Nova Ren Suma, và Irene Vandervoort.

Ilene Cooper, cố vấn cũng như bà tiên đỡ đầu của tôi.

Đại diện của tôi, Jodi Reamer, vì những lời khuyên thần thánh đã cứu tôi khỏi những thảm họa không kể xiết.

Hội Nerdfighter, vì luôn luôn tuyệt vời.

Catitude, vì không muốn gì hơn ngoài khiến thế giới bớt nhàm chán.

Em trai tôi, Hank, người bạn tốt nhất và cộng tác viên thân nhất.

Vợ tôi, Sara, không chỉ là tình yêu vĩ đại của đời tôi mà còn là độc giả đầu tiên và đáng tin cậy nhất. Con trai, Henry. Cùng bố mẹ tôi, Mike and Sydney Green, và bố mẹ vợ, Connie and Marshall Urist.

Bạn tôi, Chris và Marina Waters, những người đã cứu giúp câu chuyện trong những thời điểm quan trọng, cũng như Joellen Hosler, Shannon James, Vi Hart, Karen Kavett thiên tài biểu đồ Venn, Valerie Barr, Rosianna Halse Rojas, và John Darnielle.



[1] This book is a work of fiction. Names, characters, places, and incidents are either the product of the author's imagination or are used fictitiously, and any resemblance to actual persons, living or dead, business establishments, events, or locales is entirely coincidental.

[2] Thề căn cước, tương đương chứng minh nhân dân ở Việt Nam.

[3] Đơn vị đo khối lượng của Hoa Kỳ, 1 pound = 0,45359237 kg.

[4] Tên thương mại của một loại cốc giấy dùng một lần.

[5] Nguyên văn: *pageboy haircut*.

[6] *serenity prayer* Một lời cầu nguyện được viết bởi Reinhold Niebuhr (1892–1971), nhà thần học người Mỹ. *God, grant me the serenity to accept the things I cannot change, the courage to change the things I can, and the wisdom to know the difference.*

[7] Cleopatra VII, Nữ hoàng Ai Cập, thành viên cuối cùng của triều đại Ptolemy, triều đại của người Hy Lạp cuối cùng ở Ai Cập.

[8] Một kiểu tóc nữ, ngắn.

[9] Nguyên văn: *PDA*. Public Display of Affection.

[10] Nguyên văn: *harmatia*.

[11] Nguyên văn: *radical neck dissection*.

[12] Peripherally inserted central catheter. Một phương pháp đặt đường truyền vào tĩnh mạch trung tâm từ tĩnh mạch ngoại biên.

[13] Intensive care unit. Phòng chăm sóc đặc biệt.

[14] General Educational Development. Tương đương tốt nghiệp phổ thông trong hệ thống giáo dục Việt Nam.

[15] Món ăn xuất xứ từ Mexico, làm bằng bánh tráng ngô cuốn nhân thịt, phô mai, đậu, khoai tây, rau quả, hải sản, dùng đơn lẻ hoặc kết hợp, ăn với nước sốt tương ớt.

[16] Một nhân vật trong chương trình truyền hình *Saturday Night Live* của kênh NBC, cô thường xuyên mang đến những tin xấu và cảm xúc tiêu cực cho mọi người.

[17] Christopher Columbus (1451–1506), nhà thám hiểm người Italia, người đã tìm ra châu Mỹ.

[18] Frederick Douglass (1817–1895), nhà văn Mỹ gốc Phi. Nổi tiếng với cuốn *Narrative of the Life of Frederick Douglass, An American Slave* (Tự thuật về cuộc đời Frederick Douglass, một nô lệ Mỹ) xuất bản năm 1845.

[19] Nguyên văn: *queen size*. Cỡ giường 60 in × 80 in (152 cm × 203 cm).

[20] Sylvia Plath (1932–1963), nữ nhà thơ, nhà văn người Mỹ.

[21] *White River*, một con sông hai nhánh chảy qua tiểu bang Indiana, Hoa Kỳ.

[22] Đơn vị đo độ dài, 1 foot bằng 0,3048 mét.

[23] *Đoàn quân Hòa bình*, một chương trình tình nguyện của Chính phủ Hoa Kỳ.

[24] Positron emission tomography. Chụp cắt lớp phát xạ positron.

[25] Trong thần thoại Hy Lạp, các vị thần đã bắt Sisyphus, vua của Ephyra phải chịu hình phạt mãi

mãi lẫn một tảng đá lên tới đỉnh một ngọn núi, để rồi tảng đá lại bị sức nặng của chính nó kéo xuống đất.

[26] Emily Dickinson (1830–1886), nhà thơ nữ người Mỹ.

[27] Bài thơ có tên *There's a certain Slant of light*. Trong đó câu “*An imperial affliction*” đã được dùng để đặt tên cho cuốn sách *An Imperial Affliction* (*Nỗi đau tội cùng*) của Van Houten.

[28] “*Say your life broke down. The last good kiss / you had was years ago.*” Trích trong bài thơ *Degrees of Gray in Philipsburg* của Richard Hugo (1923–1982), nhà thơ người Mỹ.

[29] Nguyên văn: “*no evidence of cancer.*”

[30] Monica.

[31] Sicky Vicky, nói nhịu. Một nhân vật hài trong chương trình *Sonny with a Chance*.

[32] Genie: thần đèn, vị thần ban tặng điều ước.

[33] Epcot, công viên giải trí thứ hai trong bốn công viên giải trí được xây dựng trong Walt Disney World ở Bay Lake, Florida.

[34] Làng Broad Ripple, một trong sáu khu bảo tồn văn hóa của Indianapolis (thành phố thủ phủ của tiểu bang Indiana), nằm cách trung tâm thành phố Indianapolis 11km về phía Bắc.

[35] Indiana Pacers, đội bóng rổ chuyên nghiệp có trụ sở tại Indianapolis, Indiana. Thành viên của Hiệp hội Bóng rổ Quốc gia (National Basketball Association, gọi tắt là NBA.)

[36] Rik Smits (1966–), vận động viên bóng rổ chuyên nghiệp người Hà Lan, thành viên cũ của đội Indiana Pacers.

[37] Nguyên văn: *Grandview*.

[38] *Funky Bones* (Bộ xương Tân thời) là một tác phẩm nghệ thuật công cộng tạo nên bởi Atelier Van Lieshout, một nhóm nghệ sĩ người Hà Lan đứng đầu là Joep van Lieshout, nằm tại khu “100 Acres: The Virginia B. Fairbanks Art and Nature Park” đằng sau Bảo tàng Nghệ thuật Indianapolis (Indianapolis Museum of Art) tại thành phố Indianapolis, tiểu bang Indiana, Hoa Kỳ.

[39] National Colour, màu biểu tượng quốc gia, thường được xem là một trong những biểu tượng quốc gia (cũng như quốc huy, quốc hoa...) tránh nhầm với màu quốc kỳ (dù có thể trùng). Màu biểu tượng của Hà Lan là màu cam, trong khi quốc kỳ Hà Lan có ba màu đỏ, trắng, và xanh da trời.

[40] William III (1650 – 1702) là Hoàng thân xứ Orange, Thống đốc các tỉnh lớn của Cộng hòa Hà Lan từ năm 1672, được tôn làm vua Anh, Scotland, và Ireland kể từ năm 1689.

[41] Chú chó Goofy, cô chuột Minnie cùng chú chuột Micky là ba nhân vật hoạt hình nổi tiếng của hãng Walt Disney.

[42] Nguyên văn: *soliloquy*. Augustus đã dùng sai từ này khi ý cậu là *monologue* (dụng ý của tác giả).

[43] *Waiting for Godot*, vở kịch nổi tiếng của nhà văn, nhà viết kịch người Ireland đã đạt giải Nobel văn chương Samuel Beckett (1906–1989). Tác phẩm viết về hai nhân vật Estragon và Vladimir thất nghiệp tìm mọi cách giết thì giờ trong khi chờ đợi một người được gọi là Godot, nhưng cuối cùng đợi không được; Godot có thể tồn tại, cũng có thể không tồn tại, kịch kết thúc, Godot cũng không đến. Toàn bộ tác phẩm ngoài việc đợi chờ, không có một điều gì khác phát sinh, tại sao lại đợi Godot, Godot là ai, tại sao Godot không đến, tất cả những điều này đều không quan trọng. Tác phẩm dùng cốt truyện không kịch như vậy là để nói lên một điều, nhân loại ngoài việc đợi chờ vô vọng hoặc ngồi đó chờ chết thì không còn con đường nào khác; con người đã không thể biết được về vận mệnh của mình, không thể suy tư về tất cả những thứ quanh mình, cho nên, ngoài việc đợi chờ đây tiêu cực, ngoài những việc vô nghĩa như vậy, còn biết làm gì đây? Tác phẩm không có nội dung cụ thể, đợi chờ mù quáng và vô vọng chính là nội dung, ý nghĩa của nó là sự vô nghĩa của đợi chờ. (Giáo trình Lí luận văn học, Lưu An Hải,

Tôn Văn Hiến chủ biên, NXB ĐHSP Hoa Trung, Vũ Hán 2002, Đỗ Văn Hiếu dịch.)

[44] Nguyên văn: *differentiated thyroid carcinoma*.

[45] Advil, một tên thương mại của Ibuprofen, một loại thuốc giảm đau, chống viêm không steroid.

[46] Tên một loại bánh cookie mỏng, nhân chocolate hương bạc hà của tổ chức Nữ Hướng đạo Mỹ (Girl Scouts of the USA), được bán để gây quỹ hoạt động.

[47] Nguyên văn: *postmonition*. Có linh cảm về chuyện gì đã xảy ra. Khác với *monition* là linh cảm về những chuyện chưa xảy ra.

[48] Người khổng lồ xanh, một nhân vật siêu anh hùng rất hung dữ và mất kiểm soát mỗi lúc biến hình thành khổng lồ do bị nhiễm phóng xạ trong bộ truyện tranh của hãng Marvel Comics.

[49] Nguyên văn: *the Word*. Câu mở đầu Phúc Âm Giô-an (Gospel of John): *In the beginning was the Word, and the Word was with God, and the Word was God*.

[50] Bilevel positive airway pressure. Máy thở áp lực dương Bilevel.

[51] Tên thương mại của một loại nhựa Polystyrene.

[52] Intravenous therapy. Ống truyền tĩnh mạch.

[53] *Julius Caesar* (I, ii, 140-141) – Cassius: “The fault, dear Brutus, is not in our stars, / But in ourselves...”

Tên cuốn sách, *The Fault in Our Stars*, được đặt theo lời kịch này.

[54] William Shakespeare.

[55] Sonnet, một thể thơ 14 câu bắt nguồn từ Ý. Shakespeare đã viết 154 bài thơ sonnet, được in trong tập *Shakespeare's sonnets*.

[56] Bản dịch thơ của nhà văn, nhà thơ, dịch giả Thái Bá Tân, đăng tải tại (tháng 7 năm 2014):

http://thaibatan.com/index.php?option=com_content&task=view&id=200&Itemid=32&limit=1&limitstart=3

[57] Nguyên văn: What a slut time is. She screws everybody.

Câu thơ thứ 4 trong bài *Sonnet thứ 55* của Shakespeare: *Than unswept stone besmear'd with sluttish time*.

Screw cũng có nghĩa là làm tình.

[58] Bài sonnet thứ 1 đến bài thứ 126 của Shakespeare được viết cho một người đàn ông trẻ chưa rõ danh tính được gọi là “Fair Youth.” Có hai luồng quan điểm rộng rãi, một cho rằng người đàn ông đó là Henry Wriothesley, 3rd Earl of Southampton và một cho rằng đó là William Herbert, 3rd Earl of Pembroke.

[59] Đặt theo câu thơ đầu tiên trong bài *Sonnet thứ 55* của Shakespeare. Tạm dịch: Chẳng lãng tằm dát vàng hay cầm thạch.

[60] Archibald MacLeish (1892–1982), nhà văn, nhà thơ người Mỹ.

[61] Toys R Us, một công ty đồ chơi và thiết bị trẻ em có trụ sở đặt tại Wayne, New Jersey.

[62] Nguyên văn: *Pedophile*.

[63] Nguyên văn: *slowly, and then all at once*. Trong cuốn *The Sun Also Rises* của Ernest Hemingway có đoạn:

“How did you go bankrupt?” Bill asked.

“Two ways,” Mike said. “Gradually and then suddenly.”

Đây là một chi tiết so sánh thú vị.

[64] Tiếng Hà Lan: Triết gia.

[65] Nhà tưởng niệm Anne Frank, một cô bé người Đức gốc Do Thái, tác giả cuốn nhật ký nổi tiếng *Nhật ký Anne Frank*.

[66] Nguyên văn: *Everything's coming up Waters*. Gus theo câu nói của nhân vật có tên Milhouse Mussolini Van Houten trong *The Simpsons*, một chương trình hoạt hình hài kịch nổi tiếng của Hoa Kỳ, 'Everything's coming up Milhouse!'

[67] Bằng 3,6576 mét. Diện tích căn phòng khoảng 13,4 mét vuông.

[68] Một sản phẩm của McDonald's.

[69] Transportation Security Administration. Cục An ninh Vận tải, một cơ quan của Bộ An ninh Nội địa Hoa Kỳ (United States Department of Homeland Security.)

[70] Khoảng 88.72 mililit.

[71] Nguyên văn: *stepping across the Rubicon*. "Crossing the Rubicon" (một đi không trở lại, phóng lao phải theo lao) là một thành ngữ xuất phát từ việc Julius Caesar dẫn quân qua sông Rubicon để bắt đầu cuộc nội chiến của ông năm 49 TCN. Khi qua con sông này ông đã nói "Alea iacta est" (Số phận đã được an bài.) Hoàng đế đầu tiên của Đế quốc La Mã, Augustus, là con nuôi của Julius Caesar.

[72] Một loại phô mai nổi tiếng và phổ biến nhất ở Anh, bắt nguồn từ làng Cheddar ở Somerset, vùng Tây Nam nước Anh.

[73] Một loại bánh truyền thống của Mexico, vỏ bánh tráng làm từ bột ngô hoặc bột mỳ, cuộn hoặc gói bên ngoài nhân gồm thịt bò, thịt lợn, thịt gà, hải sản, rau quả, phô mai...

[74] Một thành bang Hy Lạp nổi tiếng trên bán đảo Peloponnesus, một trong hai cường quốc hùng mạnh nhất trên lục địa Hy Lạp, cùng với Nhà nước dân chủ Athena, tồn tại từ khoảng thế kỷ X đến thế kỷ II TCN.

[75] Allen Ginsberg (1926–1997), nhà thơ người Mỹ. Tiếng Tru (*Howl*) là một trong những tác phẩm nổi bật nhất của ông.

[76] Bài thơ này có tên *The love song of J. Alfred Prufrock* của tác giả T. S. Eliot (1888–1965), nhà thơ, nhà viết kịch, nhà phê bình văn học Anh gốc Hoa Kỳ đoạt giải Nobel văn học năm 1948. *The Love Song of J. Alfred Prufrock* được coi là một kiệt tác của phong trào thơ hiện đại.

[77] Người Anh-điêng.

[78] Søren Kierkegaard (1813–1855), triết gia người Đan Mạch, ông tổ của Chủ nghĩa hiện sinh (Existentialism).

[79] Martin Heidegger (1889–1976), triết gia theo trường phái Chủ nghĩa hiện sinh người Đức.

[80] Nguyên văn: *peephole*. Một "con mắt" gắn trên cửa để người ở trong nhà có thể quan sát được bên ngoài.

[81] Risotto, một món cơm Ý nấu với nước dùng chứa nhiều kem. Nước dùng có thể làm từ thịt, cá hoặc rau củ.

[82] Sorbet, một loại "kem" có thành phần là nước hoa quả hay hoa quả xay đông đá, có thể thêm rượu.

[83] Một món pasta (một loại mỳ Ý) mềm, dày, làm từ bột mỳ, khoai tây, trứng, phô mai...

[84] Hai (hoặc hơn) người chơi luân phiên sử dụng một khẩu súng lục ổ đạn quay, trong ổ đạn có duy nhất một viên, tự bắn vào đầu mình. Người nào còn sống tất nhiên sẽ chiến thắng, trò chơi kết thúc.

[85] Walt Whitman (1819–1892), nhà thơ, nhà báo, nhà nhân văn người Mỹ, tác giả của tập thơ *Leaves of Grass* (Lá cỏ).

[86] René Magritte (1898–1967), họa sĩ trường phái Siêu thực người Bỉ.

[87] Cocktail, một loại đồ uống có chứa rượu nói chung.

[88] Rượu Scotch là một loại Whisky (lên men mạch nha hoặc lúa mạch) được sản xuất ở Scotland. Thông thường trước khi uống phải pha rượu Scotch với nước để giảm độ cồn.

[89] Winston Churchill (1874–1965), cố thủ tướng Anh. Ông là người đã đẩy mạnh mối quan hệ đặc biệt (Special Relationship) giữa Anh và Hoa Kỳ.

[90] Nguyên văn: *the royal we*. Cách dùng đại từ nhân xưng số nhiều để đại diện cho cá nhân, thường là người có địa vị chức vụ cao như Nữ hoàng, Giáo hoàng...

[91] Zeno xứ Elea (496/490–430/429TCN), nhà toán học, nhà triết học người Hy Lạp.

[92] Parmenides, triết gia Hy Lạp sống khoảng thế kỷ V trước công nguyên.

[93] *Afasi och Filthy* (Afasi và Filthy), nhóm nhạc hip-hop đến từ Uppsala, Thụy Điển, gồm hai thành viên: rapper Herbert Munkhammar và producer Magnus Lidehäll.

[94] Rudolf Otto (1869–1937), nhà thần học người Đức.

[95] Georg Cantor (1845–1918), nhà toán học người Đức, cha đẻ của lý thuyết tập hợp.

[96] *The Great Gatsby*, tác phẩm nổi tiếng của nhà văn Mỹ F. Scott Fitzgerald (1896–1940).

[97] *In Search of Lost Time* (*Đi tìm thời gian đã mất*), tác phẩm nổi tiếng của nhà văn Pháp Marcel Proust (1871–1922).

[98] *The Catcher in the Rye* (*Bắt trẻ đồng xanh*), tiểu thuyết đầu tay của nhà văn Mỹ J. D. Salinger (1919–2010).

[99] *Adventures of Huckleberry Finn* (*Những cuộc phiêu lưu của Huckleberry Finn*), tác phẩm của nhà văn Mỹ Mark Twain (1835–1910)

[100] Martini, một loại cocktail pha chế từ rượu gin và rượu vermouth.

[101] Một trong ba kênh đào chính của Amsterdam, được đặt theo tên của Willem de Zwijger, công tước xứ Orange.

[102] Cha Anne Frank.

[103] Lực lượng cảnh sát mật thuộc tổ chức vũ trang SS của Đảng Đức Quốc xã.

[104] Đơn vị đo độ dài, 1 inch bằng 2,54 cm.

[105] ‘*For who so firm that cannot be seduced?*’ Shakespeare, *The Tragedy of Julius Caesar*, Act, 1 Scene 2, Page 13.

[106] Một đoạn trích trong bài thơ *Thirteen Ways of Looking at a Blackbird* của tác giả người Mỹ Wallace Stevens (1879–1955).

[107] Nguyên văn: *latte*. Thành phần gồm espresso và sữa nóng, thường được uống trong bữa sáng.

[108] Biểu đồ đặt theo tên John Venn, nhà logic học người Anh, dùng những hình tròn để biểu thị mối quan hệ giữa các đối tượng.

[109] Đơn vị tiền tệ của EU, một euro bằng khoảng 30 ngàn đồng Việt Nam.

[110] Abraham (Harold) Maslow (1908–1970), nhà tâm lý học người Mỹ. Ông được thế giới biết đến qua mô hình nổi tiếng Tháp nhu cầu và được coi là cha đẻ của tâm lý học nhân văn.

[111] Tàn tích một thành bang La Mã bị chôn vùi sau vụ phun trào của núi lửa Vesuvius năm 79

SCN, gần Napoli Italia hiện nay. Di sản thế giới UNESCO.

[112] Peanut butter and jelly sandwich, một loại sandwich rất phổ biến ở Bắc Mỹ.

[113] Jewish Community Center. Trung tâm Cộng đồng Do Thái.

[114] Nguyên văn: G-tube. Gastrostomy Tube.

[115] Một phương pháp cấp cứu người bị ngạt bởi dị vật đặt tên theo bác sĩ phẫu thuật người Mỹ Henry Heimlich, người thực hiện cấp cứu ô-m-nạn nhân từ phía sau, hai tay nắm lại dưới xương ức, ép chặt để đẩy dị vật ra ngoài.

[116] William Carlos Williams (1883–1963), nhà thơ nổi tiếng người Mỹ. *The Red Wheelbarrow* (*Chiếc cút-kít đỏ*) là một trong những tác phẩm nổi bật của ông, đơn giản, không vần điệu, nhìn sự vật theo cách chúng vốn có.

[117] Nguyên văn: *plasticised*. Một kỹ thuật ướp xác phát triển bởi bác sĩ Gunther von Hagens, bằng cách loại bỏ nước và mô mỡ rồi thay bằng một loại polymer để định hình.

[118] Nguyên văn: *certain slant of afternoon light*. Hazel gợi lại bài thơ *There's a certain Slant of light* của Emily Dickinson mà Van Houten đã dùng để đặt tên cho cuốn sách *An Imperial Affliction*.

[119] Bài *Nothing Gold Can Stay* của nhà thơ người Mỹ Robert Frost (1874–1963).

[120] Philippa Foot (1920–2010), triết gia người Anh.

[121] Lasagna, một loại mì ống phẳng, rất rộng (đôi khi có các cạnh lượn sóng), thường được phục vụ dưới dạng xếp lớp chồng lên nhau xen kẽ với phô mai, nước sốt cùng các thành phần khác như thịt hoặc rau quả.

[122] Một trò chơi đuổi bắt của trẻ em có tên là *Tag*.

[123] Toni Morrison (1931–), nhà văn nữ Mỹ đoạt giải Pulitzer cho tác phẩm hư cấu năm 1988 và giải Nobel Văn học năm 1993. *The Bluest Eye* (*Mắt biếc*, 1970) là một trong những tiểu thuyết thành công của bà.

[124] Sau Gus. Nguyên văn: AG. After Gus. So sánh với AD (After Domino), sau công nguyên.

[125] Một hãng số nổi tiếng của Ý.

[126] Indiana University. Đại học Indiana.

[127] Master of Social Work. Thạc sĩ Công tác Xã hội.

[128] Pesto là một loại sốt không nấu, thường được trộn với mì Ý.

[129] Harry Houdini (1874 – 1926), ảo thuật gia nổi tiếng người Mỹ gốc Hungary.

[130] Sự kiện diễn ra vào ngày 14 tháng 7 năm 1789, có vai trò rất lớn trong việc thúc đẩy phong trào Cách mạng Pháp.

[131] Nguyên văn: *the Ruins*. Một tác phẩm nghệ thuật trong công viên Holliday.

[132] Nghĩa trang phi chính phủ lớn thứ ba tại Hoa Kỳ, nơi an nghỉ của tổng thống thứ 23 Benjamin Harrison và ba vị phó tổng thống: Charles W. Fairbanks, Thomas A. Hendricks, và Thomas R. Marshall.